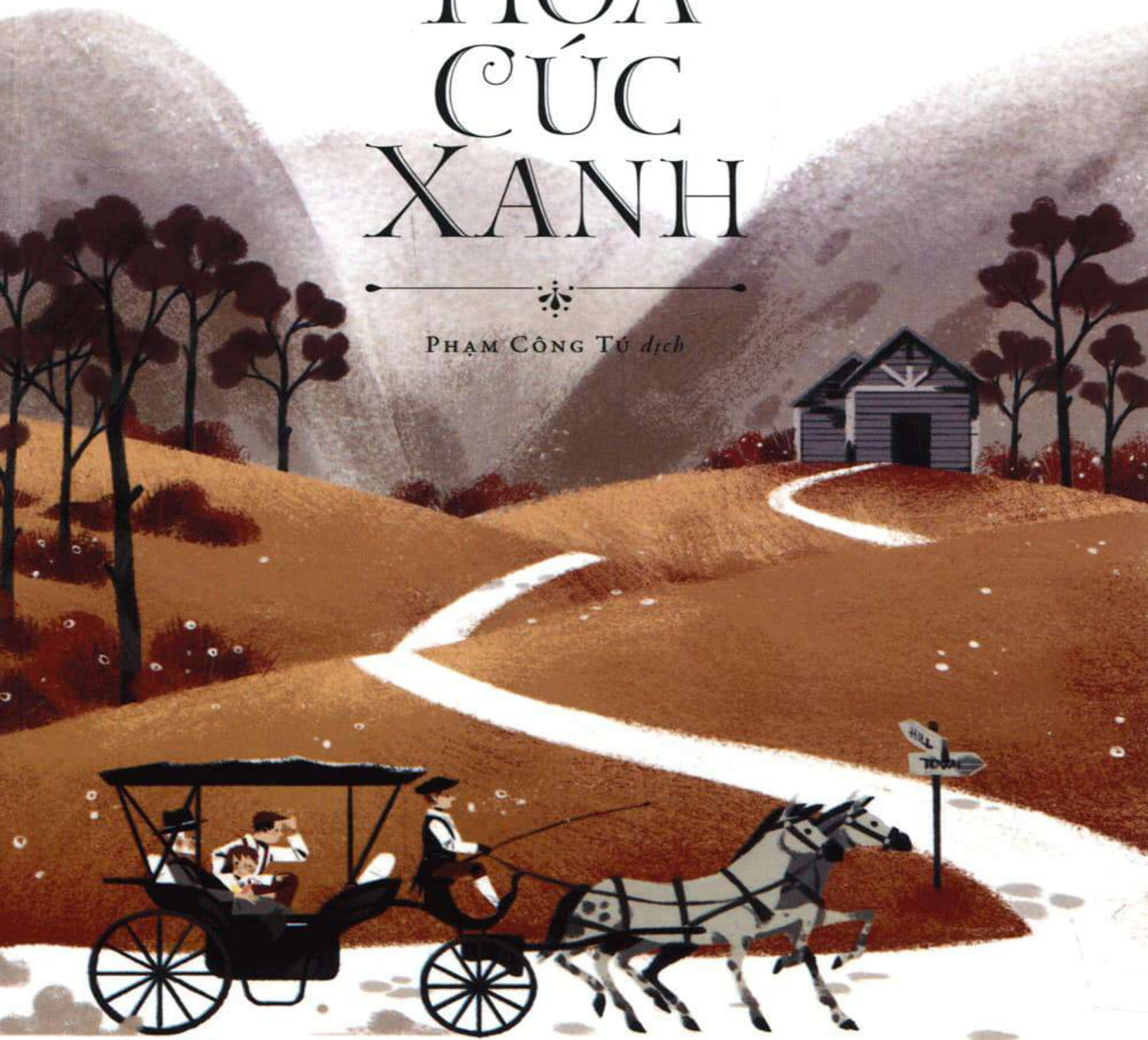


K A R E L Č A P E K

HOA
CÚC
XANH

PHẠM CÔNG TỬ dịch



KAREL ČAPEK

HOA CÚC XANH

(Tập truyện)

PHẠM CÔNG TÚ dịch

Nhà Xuất Bản
Hội Nhà Văn - 2016

Povidky z jedne a z druhe kapsy
Karel Čapek

Dịch từ bản tiếng Czech: *Povidky z jedne a z druhe kapsy*
của **Nhà xuất bản Rozmluvy** in năm 2015.

Công ty Văn hóa và Truyền thông **Nhã Nam**.

Hoa Cúc Xanh

KAREL ČAPEK sinh năm 1890 tại Malé Svatonovice, một làng thuộc Đông Bắc Czech, trong gia đình có cha là bác sĩ, mẹ là nhà sư phạm văn học dân gian. Ông có nhiều năm du học ở Paris và Berlin. Năm 1915, ông tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Charles Praha với bằng Doctor Triết học. Ông là biên tập viên và cùng anh trai mình - nhà văn Jozef Čapek (1887-1945) là những cây bút chủ công của các tờ *Národní List* (1917-1921), *Nebojsa* (1918-1920), *Lidové noviny* (1921). Từ năm 1921 đến 1923, nhà văn trở thành tác giả kịch bản, kiêm đạo diễn của nhà hát Vinohradské divadlo. Từ năm 1925-1933 là Chủ tịch Hội Văn bút của Tiệp Khắc. Ông trở thành người đồng chí hướng và bạn tâm giao với T. Masarych - vị tổng thống đầu tiên của Cộng hòa Tiệp Khắc. Có nhiều năm, các bài viết của ông trên báo mang sức nặng uy quyền của người phát ngôn chính thống từ Dinh Tổng thống. Vì những thành tựu trong sáng tác nghệ thuật và hoạt động văn hóa, vì những nỗ lực níu kéo không thành khối đoàn kết hai dân tộc Czech và Slovakia, Karel Čapek trở thành biểu tượng văn hóa của Nền Cộng hòa Tiệp Khắc thứ nhất (1918 - 1938). Ông mất vì bệnh phổi, ngày 25 tháng 12 năm 1938.

K. Čapek để lại một di sản văn học, báo chí và nhiếp ảnh đồ sộ. Sáng tác của ông nhanh chóng được Âu hóa, tới mức được đề cử giải Nobel văn học tám lần liên tục (1932 - 1938).

Bìa Gập Sau

“Karel Čapek phá vỡ mọi ước lệ về khoảng cách giữa người kể chuyện và người nghe, giữa những chuyện thâm nghiêm và đùa cợt, giữa lẽ phải và điều ngang trái, giữa chân lý và nghịch lý... Ông đưa bản chất của đời sống, vốn là muôn hình muôn vẻ - bị các quy ước sách vở, sự tha hóa quyền lực, thói kiêu ngạo trí tuệ làm cho lạnh lùng, tẻ nhạt và sai lệch - về với đúng khuôn mặt vốn có của nó: nhộn nhạo và nghiêm cẩn, đầy thói tật, sự bất toàn nhưng vì thế mà hấp dẫn và cuốn hút đam mê khám phá trong từng khoảnh khắc. Không ai có thể làm tốt hơn Karel Čapek khi nhẹ nhàng bóc lớp sơn giả trang, phơi ra sự khiếm khuyết đầy hài hước của các loại thiết chế quyền lực cũng như những giáo điều đạo đức và liên tục bắt nó phải đối diện với chính nó.”

- Nhà văn **TẠ DUY ANH**

Bìa Sau

“*Hoa cúc xanh* là tập truyện ngắn phản ánh khá sinh động đời sống xã hội bình dân Czech mấy thập niên đầu thế kỷ 20. Được xếp vào thể loại trinh thám - hình sự, hay loại truyện vụ án, nhưng thật ra các truyện trong *Hoa cúc xanh* đã có sự cách tân, phá cách, phá cả về nội dung và hình thức thi pháp. Trinh thám hay vụ án ở đây chỉ là một sự vay mượn hình thức thể loại. Thế giới nhân vật trong truyện là thế giới của những con người đời thường, con người nhỏ bé, hiện ra quen thuộc trong văn học Nga và văn học Đông - Trung Âu cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20. Truyện các vụ án của Karel Čapek là một đặc sản tinh thần Czech. Phần lớn các chuyện ông kể đều có giọng điệu khôi hài, trào tiếu, nhưng đầy nhân văn và cũng thấm đượm chất thơ.

Nhà văn Karel Čapek đang đàn khi văn học châu Âu đang rơi vào khủng hoảng, một sự khủng hoảng biểu hiện trước hết là trong trạng thái ‘chồng lẩn, mập mờ’ giữa văn học đại chúng và văn học tinh hoa. Độc giả khó lòng phân biệt và chọn lựa một trong hai dòng văn học giải trí và văn chương đích thực. Čapek xuất hiện như một sự đáp ứng kịp thời nhu cầu thẩm mỹ của thời đại. Các tác phẩm của ông thực sự là những tiếng nói nghệ thuật mới, mở thêm một con đường phát triển cho văn học châu Âu.”

- PGS.TS PHẠM THÀNH HƯNG

LỜI GIỚI THIỆU

Hoa cúc xanh là tuyển tập gồm 40 truyện ngắn rút từ *Túi truyện thứ nhất, túi truyện thứ nhì* (Povídky z jedné kapsy, Povídky z druhé kapsy), là bộ sưu tập chân dung, tính cách con người mà nhà văn từng gặp gỡ và gần gũi trong nghề làm báo.

Về phương diện đề tài, truyện vụ án ở đây thực chất là những câu chuyện đời thường dung dị. Các vụ án được mô tả trong truyện không phải là những vụ án lớn tới mức rung chuyển dư luận mà nhiều khi chỉ là những đổ vỡ, mất mát bi kịch mà xã hội không thể bỏ qua về phương diện pháp lý, hoặc bắt buộc phải có sự can thiệp của cảnh sát, thanh tra. Dù có bị tử hình, câu chuyện của nhân vật tội phạm vẫn diễn ra như câu chuyện của đời thường, gắn liền với những vui buồn thường nhật của thế giới nhân sinh.

Về nhân vật, nhân vật của Karel Čapek ở đây không có nhân vật thám tử nổi danh, tài ba mà chỉ là những thám tử nghiệp dư, có bóng dáng dân gian hoặc những cảnh sát điều tra ở các phòng cảnh sát quận huyện, giàu kinh nghiệm. Thế giới nhân vật trong truyện là thế giới của những con người đời thường, con người nhỏ bé, hiện ra quen thuộc trong văn học Nga và văn học Đông - Trung Âu cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20. Bằng cái nhìn nhân ái nhưng rất hiện thực về đời sống nhân dân, Čapek đã phủ lên toàn bộ các vụ án mình kể trong tập truyện này một tư tưởng cơ bản: tòa án cao nhất, nghiêm khắc nhất là tòa án lương tâm; phiên tòa tối cao là *phiên tòa cuối cùng* - phiên tòa của Chúa - nơi Chúa với tư cách của người làm chứng, vì biết hết mọi chuyện của mỗi người ở mọi chỗ mọi nơi, từ bé đến lớn, đến khi phạm tội. Trong phiên tòa của ngày tận thế ấy, thẩm phán chỉ

biết tội lỗi, còn Chúa biết cả cuộc đời người, vì vậy chỉ thẩm phán xử được, còn Chúa, hoàn toàn bất lực. Với Chúa, *không thể xử án được con người...*

Có ý kiến cho rằng, thông qua các câu chuyện về các phiên tòa, Karel Čapek, cây bút nhân văn chủ nghĩa muốn khẳng định một chủ nghĩa tương đối (relativismus) trong lĩnh vực tư pháp. Theo ông, chân lý không bao giờ bộc lộ đầy đủ và biểu hiện một cách rõ ràng, chính xác. Tất cả đều phụ thuộc vào góc nhìn của người săn tìm.

Nhà văn Karel Čapek đang dần khi văn học châu Âu đang rơi vào khủng hoảng, một sự khủng hoảng biểu hiện trước hết là trong trạng thái “chồng lẩn, mập mờ” giữa văn học đại chúng và văn học tinh hoa. Độc giả khó lòng phân biệt và chọn lựa một trong hai dòng văn học giải trí và văn chương đích thực. Čapek xuất hiện như một sự đáp ứng kịp thời nhu cầu thẩm mỹ của thời đại. Kịch bản và văn chương triết học, gắn với các chủ đề khoa học viễn tưởng, văn minh công nghệ của ông thực sự là những tiếng nói nghệ thuật mới, mở thêm một con đường phát triển cho văn học châu Âu. Vì vậy, ngay lúc sinh thời cho đến lúc qua đời, các tác phẩm của ông đã được dịch ra hàng chục thứ tiếng trên thế giới. Trong dòng chảy của văn hóa Czech và văn hóa châu Âu, Karel Čapek vẫn như một cây đại thụ lặng lẽ tỏa bóng vào sáng tác của những nhà văn hiện đại và hậu hiện đại hôm nay.

Bản dịch tập truyện này là thành quả dịch thuật kết tinh nhiệt tình lao động, kinh nghiệm ngôn ngữ và nhất là niềm say mê văn học của kỹ sư Phạm Công Tú. Với bản dịch này, ta đã có thêm một nhịp cầu nối đôi bờ văn hóa Tiệp Khắc-Việt Nam.

PGS-TS PHẠM THÀNH HƯNG

VỤ ÁN CỦA DR. MEJZLÍK*

Ở các nước Trung Âu thì Dr. hay dr. là viết tắt học vị doctor, tương đương thạc sĩ (thí dụ JUDr. = luật sư, MUDr. = bác sĩ, PhDr. = thạc sĩ triết học...).

“Ông Dastych ạ, ông nghe nhé,” người cảnh sát hình sự Dr. Mejzlík vẻ mặt dăm chiêu nói với ông già làm nghề ảo thuật, “tôi đến nhờ ông tư vấn cho. Tôi vừa có một vụ như thế này mà tôi không biết phải làm thế nào nữa.”

“Thì anh kể xem nào,” ông Dastych nói. “Vụ này liên quan đến ai vậy?”

“Liên quan đến tôi,” Dr. Mejzlík thở dài. “Càng nghĩ về vụ này, tôi càng thấy khó hiểu. Ông nghe nhé, tôi đến phát điên vì vụ này mất.”

“Ai làm gì anh thế?” ông Dastych nhẹ nhàng hỏi.

“Có ai đâu,” Dr. Mejzlík buột miệng. “Tệ nhất là cái này. Tôi đã làm một việc mà tôi không hiểu nổi.”

“Chắc vụ này cũng không đến nỗi nào đâu,” ông già Dastych an ủi người cảnh sát. “Nào, anh thanh niên ơi, anh đã làm gì vậy?”

“Tôi đã tóm được một tên trộm,” Dr. Mejzlík buồn bã.

“Chỉ có thể thôi à?”

“Chỉ có thể thôi.”

“Và tên trộm này bị anh bắt nhầm,” ông Dastych đỡ lời.

“Không, đúng hẵn, hẵn đã thú nhận. Ông biết không? Hẵn đã trộm két tiền của Hội Từ thiện Do Thái. Tên hẵn là Rozanowski hay Rosenbaum,

đến từ Lvov*,” Dr. Mejzlík lẩm bầm. “Chúng tôi còn tìm thấy mấy cái kìm và đủ thứ khác nữa.”

Thành phố miền Tây Ukraina.

“Ái chà, thế anh muốn biết gì nào?” ông Dastych dò hỏi.

“Tôi muốn biết tôi đã tóm được tên này như thế nào,” người cảnh sát nói. “Khoan đã, để tôi kể tuần tự cho ông nghe nhé. Cách đây một tháng, hôm ấy là mùng ba tháng Ba, tôi có phiên trực đến nửa đêm. Tôi không biết ông có nhớ không, lần ấy mưa liên ba ngày. Tôi ra quán cà phê một lát và sau đó định về nhà ở Vinohrady*. Nhưng thay vì về nhà tôi đã đi về hướng ngược lại, về phía phố Dlážděná*. Ông ạ, ông biết tại sao tôi lại đi về phía ấy không?”

Tên phố ở Praha.

“Có lẽ chỉ ngẫu nhiên thôi,” ông Dastych nói.

“Ông nghe này, trong thời tiết như thế thì chẳng mặt nào ngẫu nhiên thò ra ngoài phố nhé. Tôi muốn biết, lúc ấy tôi định làm cái quái gì nhỉ. Ông nghĩ sao, có thể là linh cảm chẳng? Ông có biết gì về thần giao cách cảm không?”

“À,” ông Dastych nói. “Chuyện này có thể lắm.”

“Ông thấy đấy,” Dr. Mejzlík nói, giọng lo lắng. “Bắt đầu nhé. Nhưng cũng có thể là một ý nghĩ vô thức nhắc tôi đến nó xem, ở *Ba cô trinh nữ* có gì không.”

“Cái nhà trọ xó xỉnh ấy ở phố Dlážděná chứ gì,” ông Dastych nhớ ra.

“Chính thế, dân trộm cắp từ Pest* hay Halic* thường ngủ trọ ở đấy khi đến Praha kiếm việc. Khu này chúng tôi vẫn thường để mắt đến. Ông nghĩ thế nào? Việc tôi đến nó chỗ ấy có phải là do thói quen của cảnh sát chẳng?”

Tên một khu phố ở Budapest, Hungaria.

Một địa danh ở Slovakia.

“Có thể như vậy,” ông Dastych nhận xét. “Người ta hay làm những việc như thế theo thói quen, nhất là khi có ý thức trách nhiệm. Điều này không có gì đặc biệt.”

“Vậy là tôi đi đến phố Dlážděná,” Dr. Mejzlík tiếp tục kể, “ngoài những việc khác, tôi xem danh sách khách ngủ trọ ở *Ba cô trinh nữ* rồi đi tiếp. Đến cuối phố Dlážděná tôi dừng bước và quay lại; ông biết tại sao tôi lại quay lại chứ?”

“Thói quen,” ông Dastych cắt nghĩa. “Thói quen kiểm tra.”

“Có thể như thế,” cảnh sát viên đồng ý. “Nhưng lúc đó tôi không trong ca trực và lại đang muốn về nhà. Có thể là linh cảm không?”

“Thường hay có những chuyện như thế,” ông Dastych công nhận. “Nhưng linh cảm như vậy cũng không có gì lạ. Ai cũng biết là con người ta có những khả năng đặc biệt mà...”

“Trời ơi,” Dr. Mejzlík kêu lên, “thế cái này là thói quen hay khả năng đặc biệt nào? Đây chính là điều tôi muốn biết đây! Nhưng khoan đã: khi tôi đang bước thì có một người đi ngược lại. Này, tại sao trên đời lại không thể có người đi trên phố Dlážděná vào một giờ đêm nhỉ? Có gì đáng ngờ cơ chứ? Tôi cũng không nghĩ đến việc đó; nhưng tôi dừng lại ngay dưới cột đèn và châm một điếu thuốc egyptka. Ông biết không, chúng tôi thường làm thế, khi muốn quan sát kỹ ai đó trong đêm. Ông nghĩ sao? Chuyện ngẫu nhiên, thói quen hay... hay cảnh báo gì đó của vô thức?”

“Tôi không biết,” ông Dastych nói.

“Tôi cũng không biết,” Dr. Mejzlík kêu lên. “Trời ạ! Thế là tôi châm điếu thuốc dưới cột đèn còn người kia thì đi vòng quanh tôi. Ông ạ, tôi cũng chẳng nhìn mặt hắn ta mà tôi nhìn xuống đất. Khi hắn đi qua tôi bỗng thấy có cái gì không ổn. Quý quái ạ, tôi tự nhủ, ở đây có cái gì đó không bình thường - nhưng là cái gì nhỉ? Chả là tôi không để ý đến con người

quan trọng kia. Và tôi đứng trong mưa dưới cột đèn và nghĩ ngợi; và bỗng nhiên tôi nhớ ra: đôi giày. Gã đàn ông ấy có cái gì là lạ trên đôi giày. Và tôi bỗng nhiên nói to: *bụi*.”

“Bụi hả?” ông Dastych hỏi.

“Ừ, bụi. Lúc ấy tôi nhớ ra là cái gã ấy có bụi ở giữa mũi giày và đế giày.”

“Tại sao gã lại không được phép có bụi trên giày chứ?”

“Ông phải hiểu chứ,” Dr. Mejzlík kêu lên. “Này ông ơi, đúng phút giây đó tôi đã nhìn thấy cái kết chống cháy bị cắt ra và bụi rơi xuống sàn. Ông biết không, bụi giữa các lớp thép ấy. Và tôi đã nhìn thấy đôi giày giảm lên thứ bụi ấy.”

“Thế thì cái này là linh cảm,” ông Dastych quả quyết. “Linh cảm tuyệt vời nhưng ngẫu nhiên.”

“Vô lý,” Dr. Mejzlík nói. “Ông ạ, nếu không mưa thì tôi đã không để ý thấy bụi ấy đâu. Nhưng mà trời mưa nên thông thường không ai có bụi trên giày cả, ông hiểu chứ?”

“Đây là một kết luận đầy kinh nghiệm,” ông Dastych nói giọng tự tin. “Đây là kết luận tuyệt vời dựa trên kinh nghiệm. Sau đó thế nào?”

“Vâng, và tôi đi theo gã đó: biết ngay mà, gã chui vào *Ba cô trinh nữ*. Sau đó tôi gọi hai cảnh sát mật đến, chúng tôi đã bố ráp và tóm được Rosenbaum dính bụi, cả mấy cái kim và mười hai nghìn từ kết sắt của Hội Từ thiện Do Thái. Chẳng có gì đặc biệt cả. Ông biết đấy, báo chí thì viết rằng lần này cảnh sát của chúng ta đã cho thấy là họ luôn sẵn sàng... Vớ vẩn chưa! Thưa ông, nếu tôi không đi về phố Dlážděná và không nhìn vào đôi giày của tên khốn ấy... Rõ ràng là,” Dr. Mejzlík than thở đầy ngao ngán, “một việc ngẫu nhiên. Chỉ có thế thôi.”

“Cái này có quan trọng gì đâu,” ông Dastych nhận xét. “Anh thanh niên ơi, đây là một thành tích đáng chúc mừng.”

“Chúc mừng ư!” Dr. Mejzlík kêu lên. “Thưa ông, tôi phải được chúc mừng về cái gì cơ chứ? Chúc mừng cái nhạy bén trong nghề điều tra của tôi ư? Hay chúc mừng thói quen nghề nghiệp của cảnh sát? Hay chúc mừng cái may mắn ngẫu nhiên, hay linh cảm của thần giao cách cảm? Ông xem này, đây là vụ đầu tiên kha khá của tôi, nhưng lẽ ra tôi phải điều tra theo một phương pháp nào chứ? Giả dụ nếu mai họ giao cho tôi một vụ giết người thì ông Dastych ơi, tôi sẽ phải làm gì? Chạy ra phố dùng đôi mắt sáng của mình mà nhòm chân mọi người à? Hay tôi phải chờ linh cảm hay tiếng nói từ nội tâm dẫn tôi đến chỗ tên giết người? Ông thấy chưa, cái vụ này như thế đấy. Cả ngành cảnh sát bây giờ khen ngợi tôi, nào là: ‘*Cái cậu Mejzlík có cái mũi thính*’, nào là ‘*Nay mai thế nào cái cậu trẻ đeo kính ấy cũng làm ra trò*,’ hoặc ‘*Đây là thám tử bẩm sinh nhé...*’ Rõ ràng là tình trạng tuyệt vọng,” Dr. Mejzlík kêu lên. “Người ta phải có *phương pháp* gì chứ? Trước cái vụ đầu tiên của mình tôi vẫn tin vào tất cả các phương pháp khoa học; ông biết chứ, tin vào quan sát, tin vào kinh nghiệm, tin vào điều tra có hệ thống và các phương pháp như vậy. Vậy mà khi phân tích lại vụ của mình, ông nghe này, tôi thấy,” Dr. Mejzlík buột miệng nhẹ nhõm, “tôi nghĩ, rằng tất cả chỉ là may rủi ngẫu nhiên.”

“Xem ra thì thế đấy,” ông Dastych nói một cách thông thái. “Nhưng trong đó cũng có sự khéo quan sát và cả tư duy logic nữa.”

“Và thói quen nghề nghiệp,” anh cảnh sát trẻ than thở giọng đầy chán nản.

“Và trực giác, cộng thêm một chút linh cảm, và bản năng.”

“Úi chà, ông thấy thế cơ à,” Dr. Mejzlík than thở. “Ông Dastych ơi, tôi biết làm gì bây giờ?”

“Ông Dr. Mejzlík, ông có điện thoại,” người bồi bàn gọi. “Nha cảnh sát gọi ông đấy.”

“Thế là bắt đầu rồi đấy,” Dr. Mejlík kêu lên tuyệt vọng; và khi anh trở lại từ máy điện thoại bàn, mặt anh xanh tái đi và căng thẳng. “Cho trả tiền nào, anh bồi ơi!” anh cúi kính kêu lên. “Thế đấy: họ vừa tìm thấy một người ngoại quốc bị giết trong khách sạn. *Trời đánh thế cơ chứ...*” Và anh bước đi. Rõ ràng người đàn ông trẻ và năng nổ ấy đang hết hoảng.

HOA CÚC XANH

“Tôi kể cho anh nghe nhé,” ông già Fulinus nói, “về câu chuyện Klára ra đời như thế nào. Thời bấy giờ tôi triển khai công viên của Công tước Lichtenberský ở Lubenec; anh ạ, ngài Công tước, ông ấy là người hiểu biết; tất cả các thứ cây ông ấy cho gửi đến đều xuất xứ từ Veitsche bên nước Anh, và chỉ riêng củ giống mà ông ấy đặt mua tận bên Hà Lan đã lên đến mười bảy nghìn củ; nhưng đây là chuyện phụ. Có một lần vào Chủ nhật, đang đi trên đường phố ở Lubenec thì tôi gặp con bé Klára; anh biết không, nó là đứa dở người, một con bé câm điếc và điên điên, đi đâu nó cũng nhảy nhót vui vẻ. Và anh có biết tại sao những đứa dở người lúc nào cũng vui vẻ như thế không? Tôi cố ý tránh xa để tránh nó tặng cho tôi một nụ hôn, nhưng khi tôi bỗng thấy trên tay nó là một bó hoa đủ các loại, đa số là hoa mùi đại và hoa đồng nội, thì tôi như bị điện giật. Anh ạ, trong bó hoa của con bé hôm đó ấy có một bông hoa cúc cảnh, hoa *màu xanh*! Anh ạ, màu xanh! Bông hoa xanh gần như hoa Phlox Laphami; pha một chút màu đá đen và viền xung quanh có chút màu hồng mỏng tang như lụa, bên trong có màu như thạch anh, giống như hoa chuông xanh, và đẹp một cách hoàn mỹ. Nhưng như vậy vẫn chưa là gì anh ạ, cái màu ấy lúc bấy giờ và cho đến bây giờ vẫn luôn là một màu xanh chưa được biết đến của hoa cúc bốn mùa Ấn Độ! Cách đây mấy năm tôi có đến miền Veitsche cổ kính, ở đó quý ông James khoe với tôi rằng trong vườn của ông ấy năm trước có nở một bông cúc, được nhập từ Trung Quốc, màu xanh nhạt, nhưng sang đông thì nó tàn. Thế mà ở đây cái con bé dở người ấy cầm trong tay những bông hoa cúc xanh, xanh như mơ ấy. Tuyệt thật!

“Thế rồi con bé Klára ấy cười nói bi bô và đưa cho tôi bó hoa của nó. Tôi cho nó một koruna rồi tôi chỉ vào những bông cúc xanh và hỏi: Klára ơi, cháu hái hoa này ở đâu thế? Klára thì tỏ ra thích chí, vui vẻ nói nói, cười cười. Tôi không thể biết được gì hơn từ con bé. Tôi cố tình nói to, ra dấu, nhưng đều vô hiệu. Bằng đủ mọi cách nó chỉ muốn ôm tôi. Tôi vội chạy đến chỗ ngài Công tước với bó cúc xanh quý giá: Thưa ngài, bông hoa này mọc gần ở đây, ta đi tìm đi. Ông già lập tức chuẩn bị xe ngựa và định mang con bé Klára đi theo. Nhưng Klára đã biến mất và không sao tìm ra nó. Chúng tôi đứng bên xe và chửi đổng cả tiếng đồng hồ - ngài Công tước trước đây đã từng là kỵ sĩ mà. Nhưng chúng tôi chưa kịp oải thì Klára đã chạy đến, thở không ra hơi và ấn vào tay tôi cả một bó hoa cúc xanh vừa hái. Ngài Công tước cho nó một trăm koruna, nhưng con bé Klára thất vọng và òa khóc. Tội nghiệp, nó chưa bao giờ thấy đồng một trăm koruna. Tôi phải cho nó một koruna, để nó hết túi. Thế là nó nhảy múa la hét, nhưng chúng tôi đã cho nó ngồi lên mui xe ngựa để nó chỉ ra chỗ có hoa cúc xanh. Nào Klára, cháu dẫn đường nhé!

“Trên mui xe Klára ò lên vui sướng, anh không tưởng tượng ra ngài Công tước khó chịu như thế nào khi phải ngồi cạnh nó. Thêm vào đấy con ngựa mỗi lúc lại cuồng lên vì những tiếng kêu và la hét của con bé, thật là một chuyến đi quái dị. Khi chúng tôi đã đi được khoảng một giờ rưỡi tôi nói: Ngài Công tước ạ, ta phải đi được khoảng mười bốn cây số rồi.

“ ‘Không sao,’ Công tước ậm ừ, ‘cứ đi cả trăm cây số cũng chả sao.’

“ ‘Tốt thôi ạ,’ tôi nói, ‘nhưng con bé quay trở lại với bó hoa chỉ sau một giờ đồng hồ. Chỗ đó không thể xa Lubenec quá ba kilômét.’

“ ‘Klára ơi,’ ngài Công tước quát lên và chỉ vào những bông hoa cúc xanh, ‘hoa này mọc ở đâu? Cháu tìm thấy nó ở chỗ nào?’ Klára thì cứ nhí nha nhí nhố và chỉ về phía trước. Có lẽ nó sung sướng vì được đi xe. Anh ạ, tôi sợ ngài Công tước sẽ giết nó mất; trời ạ, ông ấy cũng biết nổi khùng lên đấy! Mấy con ngựa thì đã mệt nhoài, mồm sùi đầy bọt, Klára thì vẫn vui vẻ bi bô, Công tước thì bực bội như thể bị xúc phạm ghê gớm, người đánh xe

thì cảm thấy ê chề mặc dù chưa đến mức phát khóc lên còn tôi thì vạch ra kế hoạch làm thế nào tìm được hoa cúc xanh. ‘Thưa ngài,’ tôi nói với Công tước, ‘thế này thì không ổn rồi. Chúng ta phải đi tìm hoa mà không cần đến con bé Klára. Chúng ta sẽ lấy compa vẽ trên bản đồ một hình tròn với bán kính ba kilômét, chia ra từng khu và chúng ta sẽ tìm từng nhà một.’

“ ‘Này anh ạ,’ Công tước nói, ‘trong vòng ba kilômét tính từ Lubenec chẳng có công viên nào đâu!’

“ ‘Đúng vậy,’ tôi nói. ‘Trong công viên thì ngài không tìm thấy gì đâu, trừ hoa ageratum hay hoa kana. Ngài xem đây này, dưới cọng nó còn dính đất; không phải đất mùn mà là đất sét vàng và dính dính nữa, chắc được bón bằng phân người cũng nên. Ta phải tìm ở chỗ có nhiều chim bồ câu; trên lá còn đầy phân chim. Có thể cây hoa mọc bên hàng rào làm bằng gỗ thô, vì ở cọng lá còn dính cả vỏ cây thông. Vậy cứ theo cách này nhé.’

“ ‘Cách gì?’ Công tước hỏi.

“ ‘Thưa, cách này,’ tôi nói, ‘ta sẽ phải tìm ở tất cả mọi nhà, trong vòng ba kilômét; ta sẽ chia thành bốn nhóm: Công tước, tôi, người làm vườn và cậu giúp việc Vencl của tôi, được chứ ạ?’

“Tốt! Sáng hôm sau việc đầu tiên là Klára lại mang đến một bó hoa cúc xanh. Sau đó tôi điều tra khắp khu vực của mình, ở quán nào tôi cũng uống bia nóng, ăn pho mát mốc và hỏi mọi người về hoa cúc xanh. Anh biết không, tôi bị ỉa chảy khủng khiếp vì ăn pho mát mốc; người thì nóng bừng. Thường thì cuối tháng Chín thời tiết đôi khi nóng như thế. Tôi chui vào từng ngôi nhà, chấp nhận bị chủ nhà kêu la chửi bới đủ kiểu vì họ nghĩ tôi bị điên, hoặc tôi là thám tử hay người của chính quyền địa phương. Riêng chỉ có một việc mà chiều nào cũng thấy rõ: trong khu vực của tôi không có cây hoa cúc xanh nào cả. Riêng con bé Klára thì cứ chiều chiều lại mang đến một bó cúc xanh vừa mới hái.

“Anh biết đấy, vị Công tước là một vị chức sắc lớn. Ông ta đã cho gọi các cảnh sát trong khu vực, đưa cho mỗi người một bông hoa cúc xanh và hứa cho họ đủ thứ nếu họ tìm thấy hoa. Cảnh sát thì anh biết rồi, họ có học, họ đọc báo... và họ biết rõ từng hòn đá ở đây cũng như biết cách thu lượm thông tin. Nhưng anh biết không, sáu tay cảnh sát, đám dân phòng, các trưởng thôn, lũ học sinh cùng các giáo viên từ các trường và cả một đám mọi Tsigan đã lùng sục từng mảnh đất trong khu vực ba kilômét, họ bẻ tất cả những gì có hoa và mang đến lâu đài. Trời đất ơi, nhiều lắm, nhưng cúc xanh thì anh biết đấy, chả có bông nào. Chúng tôi theo dõi con bé Klára cả ngày, nhưng tối tối nó lại chạy đi đâu mất và khoảng nửa đêm nó lại ôm đến một bó hoa cúc xanh. Chúng tôi phải giam nó trong nhà để nó khỏi bẻ hết hoa, nhưng rồi cũng bất lực. Chân thành mà nói, chúng tôi như bị ma ám; anh tưởng tượng ra chứ, chỉ có mỗi mảnh đất con con như lòng bàn tay...

“Anh nghe này, con người ta có quyền chửi tục chứ, nhất là khi hoàn cảnh cực tệ hoặc gặp phải những thất bại. Việc này tôi biết, nhưng khi ngài Công tước bực mình chửi tôi rằng tôi là kẻ dở người y như con bé Klára thì tôi cãi lại. Tôi không cho phép lão già điên khùng ấy chửi bới tôi, và tôi bỏ đi ra ga tàu, không quay lại Lubenec nữa. Lúc tôi lên tàu, tàu chuyển bánh thì tôi bật khóc, vì không tìm thấy hoa cúc xanh, cái này đồng nghĩa với việc tôi sẽ phải chia tay với hoa mãi mãi. Nhưng anh biết không, chính vào lúc tôi òa khóc và nhìn ra ngoài cửa sổ, tôi bỗng thấy bên đường tàu có cái gì đó màu xanh. Anh Čapek ơi, một sức mạnh mạnh hơn tôi, huých tôi bật ra khỏi ghế và kéo phanh khẩn cấp lúc nào mà tôi không biết, con tàu rùng mình rồi đứng lại và tôi lăn đùng xuống ghế đối diện - hậu quả là tôi bị gãy ngón tay này này. Và khi người soát vé chạy đến, tôi lắp bắp rằng tôi quên cái gì đó ở Lubenec... Tôi phải trả một khoản tiền phạt. Anh ạ, tôi tự rủa mình thậm tệ và bước tập tễnh trên đường tàu theo hướng ngược lại về phía cái màu xanh ấy. Đồ ngu ạ, tôi tự trách mình, có thể đó chỉ là hoa cúc tây mùa thu hay cái hoa dại gì đó, còn may thì phải trả phạt cả đồng tiền! Tôi đã đi khoảng năm trăm mét; đúng lúc nghĩ rằng cái màu xanh ấy phải ở gần

đây thôi, rất có thể tôi đã không thấy nó hoặc tôi chỉ tưởng tượng ra nó như thế thôi; thì tôi thấy bên đường tàu có một nhà ga xép, từ trong vườn qua hàng rào làm bằng cọc gỗ thô lộ ra một màu xanh. Đó là hai khóm hoa cúc xanh.

“Anh ạ, ngay cả trẻ ranh cũng biết, mấy lão coi nhà ga này thường trồng gì trong vườn của họ. Ngoài cải bắp xoắn, dưa hấu thì họ trồng hoa hướng dương, vài bông hồng đỏ, hoa cẩm quỳ, sen cạn và mấy bông thược dược. Ở đây cái lão coi ga xép này còn chả có được như thế, mà trồng toàn khoai tây, đậu, một cây cơm cháy và trong góc vườn là hai khóm cúc xanh.

“ ‘Này ông,’ tôi nói với lão già đứng sau hàng rào, ‘ông kiếm đâu ra hai khóm hoa này thế?’

“ ‘Cái hoa xanh ấy à?’ người coi ga hỏi lại. ‘À, nó còn sót lại sau khi ông Čermák chết, ông ấy là người coi ga này trước tôi. Mà ở đây cấm đi qua đường tàu, anh ạ. Anh xem cái biển cấm kia kìa: *Cấm đi lên đường tàu*. Anh tìm gì ở đây hả?’

“ ‘Ông ạ,’ tôi nói, ‘thế đi theo đường nào thì đến đây được?’

“ ‘Chỉ có cách đi dọc đường tàu,’ người coi ga nói. ‘Nhưng ở đây không ai được phép. Anh tìm cái gì hả? Cút ngay, đồ ngốc, nhưng cấm đi lên đường tàu!’

“ ‘Thế thì đi lối nào?’ tôi nói, ‘tôi phải cút lối nào bây giờ?’

“ ‘Việc ấy tôi không quan tâm,’ người coi ga hét lên, ‘nhưng cấm đi lên đường tàu! Nhớ chưa?’

“Tôi ngồi bệt xuống vệ đường và nói: ‘Ông nghe này, ông lão ơi, bán cho tôi mấy khóm hoa xanh đi!’

“ ‘Không bán,’ lão coi ga quát. ‘Và cút ngay! Không được ngồi ở đây!’

“ ‘Sao lại không?’ tôi hỏi lại. ‘Chẳng có biển cấm nào cả. Ở đây cấm đi, nhưng tôi có đi đâu?’

“Lão coi ga chững lại, tự kiểm chế để chỉ chửi tôi từ trong vườn. Có lẽ lão sống độc thân; lão ngừng chửi và lẩm bầm một mình. Sau nửa giờ lão đi ra để ngó đường tàu.

“ ‘Này,’ lão dừng lại bên tôi, ‘không cút đi cho rảnh hả?’

“ ‘Tôi không đi,’ tôi nói, ‘người ta cấm đi trên đường tàu mà ở đây thì chẳng có lối nào khác.’

“Lão dừng lại nghĩ ngợi. ‘Này,’ lão nói, ‘lát nữa tôi đi ra đằng kia thì anh cút ngay theo đường tàu nhé. Coi như tôi không nhìn thấy.’

“Tôi cảm ơn lão, và lúc lão đi qua đường tàu thì tôi chui ngay vào vườn nhà lão, dùng ngay cái xẻng của lão đào hai khóm cúc xanh lên. Tôi ăn trộm anh ạ. Tôi là người trung thực, cả đời tôi chỉ đi ăn trộm có bảy lần, và bao giờ cũng là trộm hoa.

Sau một giờ tôi đã ngồi trong toa tàu và mang theo về những khóm cúc xanh tôi vừa lấy trộm. Khi tàu đi ngang qua ngôi nhà của người coi ga, lão coi ga đang cầm cờ đứng ở đó, mặt nhăn như bị. Tôi lấy mũ vẫy chào lão, nhưng tôi nghĩ rằng lão không nhận ra tôi.

“Anh thấy không, trên bảng có hàng chữ: *Cấm đi*. Bất cứ ai kể cả tôi và anh, cảnh sát, trẻ em và cả đám mọi Tsigan cũng không thể nghĩ ra là có thể tìm hoa ở đây. Cái biển cấm ấy có sức mạnh ghê gớm. Có thể bên ngôi nhà người coi ga có hoa ngọc trâm xanh, trên cây có tầm gửi vàng, nhưng sẽ không ai tìm ra, bởi vì đi lên đường tàu sẽ bị phạt. Chấm hết. Chỉ có con bé điên điên Klára đến đó được, vì nó bị dở người và không biết đọc.

“Vì thế tôi đặt tên hoa cúc xanh của mình là Klára. Tôi đã đánh bạn với nó mười lăm năm nay. Nhưng cũng có thể tôi đã làm cho nó yếu đi vì bón bằng đất tốt và chăm tưới, vì cái lão coi ga dở người ấy không hề tưới nó, đất sét thì cứng như chì. Thế mà mùa xuân nào nó cũng mọc lên, mùa hè thì nó bị nấm còn mùa thu thì nó lụi. Anh xem này, tôi là người duy nhất trên thế giới này có hoa cúc xanh, nhưng tôi không thể mang nó đi triển lãm được. Không đời nào. Cúc Bregagne, cúc Anastazie, những hoa này

hơi tím, còn riêng Klára, anh ạ, khi nào Klára của tôi nở hoa thì cả thế giới sẽ nói về nó.”

MỤ THẦY BÓI

Bất cứ người nào hiểu biết khi xem câu chuyện này đều biết là chuyện này không thể xảy ra ở nước ta*, ở Pháp hay Đức, vì ở những nước ấy các thẩm phán có trách nhiệm xử án và phạt những người có tội theo các quy định của luật pháp chứ không xử theo *sự sáng suốt* hay *lương tâm* của mình. Trong vụ này một ông thẩm phán đã ra quyết định không theo các điều luật mà theo *sự sáng suốt* của con người, vậy thì rõ ràng chuyện này không thể xảy ra ở nơi nào khác trừ nước Anh; chuyện xảy ra tại London, chính xác hơn là Kensington; hay đúng hơn là ở Brompton hoặc Bayswater, tóm lại là ở đâu đó. Thẩm phán là ngài Kelley và người phụ nữ bị xử ấy hẳn có tên là Mayers, bà Edith Mayers.

Tức Cộng hòa Tiệp Khắc cũ.

Anh biết đấy, cái bà đáng kính ấy làm cho ông cảnh sát trưởng Mac Leary phải lưu tâm. Một buổi tối ông ta nói với vợ. “Em yêu ạ, anh không thể bỏ qua cái vụ Mayers ấy. Anh muốn biết vụ ta sống bằng gì. Em xem đây, bây giờ là tháng Hai mà vụ ta đặt mua măng tây. Thêm vào đó anh phát hiện là hằng ngày vụ phải có từ mười hai đến hai mươi người đến thăm, toàn là những người bán hàng tạp hóa cho đến các hầu tước phu nhân. Em yêu ạ, em có nói rằng vụ ta chuyên bói bài. Được thôi, nhưng có thể đó chỉ là trò che đậy cho những cái khác thôi, thí dụ cho vay nặng lãi hay làm gián điệp. Em để ý nhé, anh muốn biết cho rõ.”

“Được anh Bob ạ,” phu nhân Mac Leary nói, “anh cứ để em lo.”

Và chuyện đã xảy ra. Hôm sau, phu nhân Mac Leary tất nhiên là không đeo nhẫn cưới, ăn mặc trẻ trung như một cô gái trẻ, tóc uốn xoăn

theo kiểu các cô gái trẻ đã đến tuổi hết khờ dại, mặt đầy lo lắng, đến bấm chuông cửa nhà bà Mayers ở Bayswater hay Marylebone. Cô phải đợi một lát mới được bà Mayers tiếp.

“Mời cô ngồi xuống đây nào, cô bé thân mến,” quý bà nói sau khi nhìn kỹ người khách nhút nhát. “Cô muốn gì nào?”

“Cháu” phu nhân Mac Leary ngập ngừng, “cháu muốn... ngày mai là sinh nhật hai mươi tuổi của cháu... Cháu rất muốn biết về tương lai của mình.”

“Nhưng, cô... e hèm... ờ, tên cô là gì nhỉ?” bà Mayers nói, tay cầm một xấp bài và đảo bài rất nhanh.

“Cháu là Jones ạ,” phu nhân Mac Leary hớn hển nói.

“Cô Jones quý mến ạ,” bà Mayers nói tiếp, “có lẽ cô nhầm; là người có tuổi rồi nên tôi không bói toán bằng quân bài đâu, trừ phi là chỗ bạn bè. Cô rút quân bài bằng tay trái và chia ra năm tếp nhé. Thế. Nhiều khi vui vui tôi cũng bói bài, nhưng ngoài ra thì... Này,” bà Mayers nói và ngửa xấp bài đầu tiên. “Quân bài này có quả chuông*nhé, có nghĩa là tiền. Và quân bồi tim, quân bài này tuyệt đẹp.”

Bộ bài kiểu cũ, 4 nước bài có dạng là tim, chuông, lá và quả sồi (lần lượt tương ứng với cơ, rô, pích, nhép trong bộ bài thông dụng hiện nay).

“Ấy,” phu nhân Mac Leary thốt lên. “Còn gì nữa ạ?”

“Quân bồi chuông,” bà Mayers nói, tay ngửa xấp bài thứ hai. “Mười lá, có nghĩa là lên đường. Nhưng,” bà ta reo lên, “chúng ta có quân sồi này. Quân sồi luôn có nghĩa là sự cản trở, nhưng quân đầm tim lại nằm ở cuối.”

“Thế có nghĩa là gì?” phu nhân Mac Leary hỏi, mắt tròn xoe, như chưa bao giờ ngạc nhiên đến thế.

“Lại quả chuông,” bà Mayers nghiền ngẫm trước xấp bài thứ ba. “Cô bé ạ, cô sẽ có nhiều tiền; nhưng tôi không biết cô sẽ đi xa hay người thân của cô sẽ đi xa.”

“Cháu sẽ đi Southampton thăm dì cháu,” phu nhân Mac Leary nói.

“Sẽ đi xa hơn đấy,” bà Mayers nói và ngửa xấp bài thứ tư. “Có ai đó sẽ ngăn cản, một người đàn ông lớn tuổi...”

“Có khi là bố cháu” phu nhân Mac Leary kêu lên.

“Thế đấy,” bà Mayers thốt lên khi mở xấp bài thứ năm. “Cô Jones thân mến ạ, đây đúng là ván bài đẹp nhất tôi từng thấy. Sau một năm cô sẽ cưới chồng nhé; một người đàn ông rất giàu có và trẻ trung, triệu phú hay thương gia gì đó, anh ấy đi lại nhiều; nhưng trước khi cưới nhau cô sẽ còn phải vượt qua nhiều khó khăn, một người đàn ông lớn tuổi sẽ cản trở, nhưng cô sẽ phải kiên trì. Bao giờ cưới xong cô sẽ phải chuyển nhà đi rất xa nơi này, hình như bên kia đại dương ấy. Tôi sẽ được nhận một đồng guinea cho mỗi lần đi truyền đạo sang xứ sở của những người da đen tội nghiệp*.”

Cách nói bóng gió về việc làm dịch vụ bói toán.

“Cháu cảm ơn bà,” phu nhân Mac Leary nói và lấy từ trong túi ra một bảng và một shilling. “Cháu cảm ơn nhiều! Thừa bà, bà Mayers, cháu phải trả bao nhiêu để thoát khỏi những cản trở ấy?”

“Quân bài không thể hối lộ được,” người phụ nữ lớn tuổi đáp một cách trang nghiêm. “Bố cô làm nghề gì vậy?”

“Cảnh sát ạ,” người thiếu phụ khéo léo nói dối. “Bà biết đấy, làm ở phòng bí mật.”

“Vậy à,” bà ta nói và rút ra ba quân bài. “Cái này xấu, rất xấu. Cô hãy nói với ông ấy rằng có mối nguy hiểm lớn đang đe dọa ông ấy. Ông ấy nên đến gặp tôi để biết nhiều hơn. Nhiều người từ Scotland Yard cũng đến thăm tôi, để tôi bói bài cho họ và họ nói với tôi tất cả những điều làm họ lo lắng. Vậy cô bảo ông ấy đến nhé. Cô vừa nói ông ấy làm ở phòng bí mật à? Ông Jones? Cô hãy bảo ông ấy là tôi sẽ đợi ông ấy. Tạm biệt nhé, cô Jones. Nào, mời người tiếp theo!”

“Anh không thích,” ông Mac Leary vừa nói vừa gãi đầu đăm chiêu, “anh không thích, Katie ạ. Cái mụ này quan tâm quá mức đến người bố quá cố của em. Thêm vào đó mụ ấy không phải tên là Mayers, mà là Maierhofer và là người đến từ Lubek. Cái con mụ người Đức quái gở,” ông Mac Leary gầm lên. “Mình sẽ đưa mụ ta đến trước vành móng ngựa bằng cách nào đây? Anh đảm bảo với tỷ lệ một ăn năm rằng mụ này moi tin từ những người không liên quan đến mụ ấy chút nào. Em biết không, anh sẽ tố giác mụ lên cấp trên.”

Ông Mac Leary đã tố giác việc này lên cấp trên và lạ thay cấp trên cũng không coi nhẹ việc này. Và cái bà Mayers đáng kính ấy nhận được giấy gọi lên gặp thẩm phán Kelly.

“Nào, bà Mayers,” thẩm phán nói, “việc bà bói bài là thế nào đây?”

“Lạy Chúa, thưa ngài,” bà ta trả lời, “người ta cũng phải sống bằng nghề gì chứ? Ở tuổi này tôi không thể đi nhảy ở hộp đêm được.”

“Hừ,” ông Kelly nói. “Nhưng đã có cáo buộc bà bói bài bậy bạ. Bà Mayers thân mến ạ, nó giống như thay vào kẹo sôcôla thì bà cho trẻ con ăn kẹo đất. Với giá một guinea người ta có quyền được bói tử tế hơn chứ. Này, làm sao bà có thể bói toán, khi bà không biết bói hả?”

“Nhiều người không phàn nàn gì cả” quý bà lớn tuổi biện hộ. “Ông xem này, tôi tiên tri những điều họ thích. Thật sung sướng, ông ạ, họ chỉ tốn vài shilling. Đôi khi tôi đoán đúng đấy. Có một bà nói với tôi: ‘Bà Mayers này, cho đến nay chưa ai bói bài cho tôi và tư vấn hay như bà nhé.’ Bà này đang sống ở St. John’s Wood và đang ly dị với chồng đấy.”

“Khoan đã,” thẩm phán ngắt lời bà ta. “Ở đây chúng tôi đang có nhân chứng chống lại bà. Nào cô Mac Leary, cô hãy kể cho chúng tôi những gì đã xảy ra.”

“Thưa vâng, bà Mayers bói bài cho tôi,” phu nhân Mac Leary nhanh chóng đưa ra bằng chứng, “rằng trong vòng một năm tôi sẽ cưới chồng; rằng có một anh trẻ tuổi rất giàu có sẽ cưới tôi và chúng tôi sẽ chuyển nhà sang bên kia đại dương...”

“Tại sao lại sang bên kia đại dương?” thẩm phán hỏi.

“Thưa, vì trong xấp bài có quân mười lá; nó có nghĩa là chuyển đi xa,” bà Mayers nói.

“Vớ vẩn,” ông thẩm phán quát. “Mười lá có nghĩa là hy vọng. Chuyển đi xa là quân bồi quả sồi chứ; khi nó đi với bảy chuông thì có nghĩa là đi rất xa, nhưng sẽ lỗi to. Bà Mayers, bà không lừa tôi được đâu. Bà đã bói cho nhân chứng này, rằng sau một năm cô ấy sẽ lấy chồng trẻ và giàu có, nhưng cô Mac Leary đã có chồng ba năm rồi và chồng cô ấy là cảnh sát trưởng Mac Leary giỏi giang. Bà Mayers, bà sẽ giải thích cái trò vô nghĩa của bà thế nào đây?”

“Trời ơi,” bà Mayers nói giọng bình thản, “điều này vẫn hay xảy ra mà. Cái cô trẻ này đến gặp tôi, ăn mặc thì hở hang, nhưng găng tay trái thì rách, rõ ràng là không có tiền, lại còn muốn chơi trội. Cô ấy nói rằng cô ấy hai mươi tuổi, trong khi đó cô ấy đã hai mươi năm...”

“Hai mươi bốn,” phu nhân Mac Leary buột miệng.

“Không quan trọng, cô ấy nói rằng cô ấy muốn lấy chồng, nghĩa là cô ấy nhận là chưa có gia đình. Vì thế tôi bói cô ấy sẽ lấy chồng, lại chồng giàu có nữa; tôi nghĩ như vậy là hợp lý nhất.”

“Thế còn sự cản trở, cái ông lớn tuổi và chuyển đi sang bên kia bờ đại dương?” cô Mac Leary hỏi.

“Thế thì phải trả nhiều hơn thế,” bà Mayers nói. “Với giá một guinea mà người ta phải bói cả đồng thứ.”

“Đủ rồi,” thẩm phán nói. “Bà Mayers ạ, chẳng có giá trị gì cả, bói bài thế này là lừa đảo. Người bói phải hiểu quân bài chứ. Có nhiều lý thuyết

khác nhau nhưng không bao giờ, xin bà nhớ cho, không bao giờ mười lăm lại có nghĩa là chuyển đi xa. Bà phải trả tiền phạt năm mươi bảng, tương tự những người bán thực phẩm đều hoặc hàng giả. Người ta còn nghi bà, bà Mayers ạ, ngoài việc này bà còn làm gián điệp, nhưng tôi nghĩ là bà không thú nhận tội này.”

“Có trời chứng giám,” bà Mayers thốt lên, nhưng ông Kelly đã ngắt lời bà ta. “Này này, thôi nhé; vì bà là người ngoại quốc, lại không có nghề nghiệp, các cơ quan chức năng sẽ sử dụng quyền của mình và trục xuất bà ra khỏi đất nước. Vĩnh biệt nhé, bà Mayers, cảm ơn cô Mac Leary. Tôi phải nói với cô rằng bói bài bậy là việc thất đức. Bà Mayers, bà nhớ đấy nhé.”

“Tôi biết sao bây giờ,” bà Mayers thở dài. “Lại đúng lúc nghề của tôi bắt đầu đi lên...”

Sau đấy một năm thẩm phán Kelly gặp lại cảnh sát trưởng Mac Leary. “Chúc ông một ngày đẹp,” thẩm phán chào nhã nhặn. “Mà này, phu nhân Mac Leary sao rồi?”

Ông Mac Leary nhìn lên chua chát. “Sự thể là... ông biết không ông Kelly,” ông ta ngập ngừng kể, “cái cô Mac Leary... chúng tôi đã ly dị rồi.”

“Đừng đùa chứ,” ông thẩm phán ngạc nhiên, “cái cô trẻ trung và xinh đẹp ấy!”

“Thì nó mới thế,” ông Mac Leary điên lên, “một thằng lêu lổng bỗng nhiên lao đánh uỳnh vào cô ấy... nghe nói triệu phú hay thương gia từ Melbourne... Tôi ngăn lại, nhưng...” Ông Mac Leary phẩy tay. “Tuần trước chúng nó đưa nhau đi Australia rồi.”

NHÀ THÔNG THÁI

“Ông biết không, ông công tố viên,” ông Janowitz giảng giải, “tôi không dễ bị ai lòe đâu nhé, tôi không phải là người Do Thái vô bổ đâu nhé, chứ không à? Thế nhưng những cái mà anh ta làm, nó phải ở trên tầm hiểu biết của tôi. Cái này không chỉ là tướng pháp nhé, tôi cũng chẳng biết nữa. Ông thử xem: ông đưa cho anh ta một tờ giấy ai đó viết vào trong phong bì không dán; anh ta cũng chẳng nhìn, chỉ thò mấy ngón tay vào phong bì, sờ vào chữ; trong lúc đó anh ta chụm mồm như bị đau ấy. Sau một lát anh ta kể về tính tình của người viết, nhưng ông phải thấy trực tiếp cơ. Cái anh này đoán chính xác lắm. Tôi cho một bức thư của lão già Weinberger vào phong bì; anh ta nhận ra hết, cả cái việc là lão này bị bệnh tiểu đường, rồi thế nào cũng sạt nghiệp. Ông nói sao nào?”

“Có gì đâu,” ông công tố viên nói. “Có thể tay ấy biết lão già Weinberger.”

“Nhưng anh ta không nhìn thấy chữ,” ông Janowitz bực mình. “Anh ta nói rằng mỗi chữ đều có dòng chảy riêng và nghe nói cái này có thể nghiên cứu chính xác được. Anh ta bảo đó là hiện tượng hoàn toàn mang tính vật lý, giống như cái đài radio. Ông công tố viên ạ, cái này không phải lừa đảo đâu; cái anh hoàng tử Karadagh chẳng lấy gì của ai cả, nghe nói anh ta là hậu duệ của một dòng họ rất lâu đời ở Baku, có một tay người Nga bảo tôi thế. Nhưng tôi chẳng nói dài làm gì, ông hãy đến mà xem, tối nay anh ta có mặt ở nhà tôi mà. Ông phải đến đấy nhé.”

“Ông nghe này, ông Janowitz ơi,” ông công tố viên nói, “những chuyện kiểu này hay đấy, nhưng tôi chỉ tin bọn ngoại quốc năm mươi phần

trăm thôi, nhất là khi tôi chả biết hẳn sống bằng nghề gì. Người Nga thì tôi còn ít tin hơn nữa, và cái bọn *fakir** tôi tin ít nhất; lại còn hoang tử nữa thì tôi chả tin tí nào. Ông bảo hẳn học cái này ở đâu? Ái chà, ở Ba Tư à? Ông để cho tôi yên đi, ông Janowitz ạ, cả cái miền Trung Đông ấy chỉ toàn là chuyện lừa đảo.”

Cách người Czech gọi các thầy tu đạo Hồi và các thầy tu Ấn Độ.

“Nhưng ông công tố viên ạ,” ông Janowitz tự vệ, “cái cậu thanh niên ấy kể rất khoa học; không có ảo thuật gì hết; không có tí huyền bí nào đâu; để tôi nói nhé, hoàn toàn là phương pháp khoa học.”

“Thế thì càng lừa đảo,” ông công tố viên nói. “Ông Janowitz ạ, tôi thấy lạ cho ông; cả đời ông hoàn toàn không cần các phương pháp khoa học còn bây giờ ông lại đem nó ra để lôi kéo tôi. Ông xem đây này, nếu ở đó có gì lạ thì người ta cũng biết tởng từ lâu rồi, đúng không?”

“Ừ,” ông Janowitz bắt đầu hơi mất bình tĩnh, “nhưng tôi tận mắt nhìn thấy anh ta đoán được hết về lão Weinberger! Cái này thật siêu. Ông công tố viên ạ, ông cứ đến xem đi. Nếu là trò lừa đảo thì ông thấy ngay vì ông là chuyên gia, chứ gì nữa; ông công tố viên ạ, ai mà lừa ông được.”

“Tôi nghĩ khó đấy,” ông công tố viên khiêm tốn nói. “VẬY TỐI TÔI SẼ ĐẾN, ông Janowitz nhé, nhưng chỉ để xem ngón tay của cái ‘hiện tượng’ của ông thôi. Chán thật, dân mình cả tin thế. Nhưng ông không được nói với hẳn ta tôi là ai; khoan nào, tôi sẽ cho hẳn đọc chữ viết trong phong bì, cái này sẽ đặc biệt. Ông dám cược không? Tôi sẽ chứng minh là hẳn lừa đảo.”

Chắc hẳn các vị biết rằng ông công tố viên (nói đúng hơn là ông công tố viên trưởng, Dr. Klapka) đã từng đứng trong phiên tòa xử Hugo Muller về tội giết người. Cái ông Hugo Muller, chủ nhà máy và là triệu phú bị buộc tội là đã mua bảo hiểm với số tiền lớn cho em trai mình là Ota rồi sau đó dìm chết anh này ở hồ Doksansky, ngoài ra người ta còn nghi ông ta đã thủ tiêu người tình của mình, nhưng tất nhiên là chuyện này không chứng

minh được. Tóm lại là một vụ án to; vụ này ông công tố viên đặc biệt quan tâm; ông đã làm các hồ sơ với sự cần mẫn và sáng tạo. Việc này đưa ông trở thành công tố viên đáng sợ nhất trong xã hội. Vụ án không rõ ràng, ông công tố viên có thể phải trả giá không biết bao nhiêu để có một chứng cứ trực tiếp, nhưng mọi việc chùng chình không nhích nên ông phải tin vào sự thông minh của mình để thuyết phục đoàn bồi thẩm ra quyết định treo cổ Hugo Muller, vì đó là danh dự của các công tố viên của nhà nước.

Tối hôm đó ông Janowitz hơi bực bội. “Đây là hoàng tử Karadagh,” ông nói nhỏ, “và dr. Klapka, nào chúng ta có thể bắt đầu.”

Ông công tố viên nhìn gã người lạ với ánh mắt đầy dò hỏi; con người này trẻ và mảnh mai, mắt đeo kính, có khuôn mặt giống như nhà tu hành Tây Tạng và đôi tay mềm mại như tay của kẻ trộm. Kẻ mạo nhận đây, ông đoán rất nhanh.

“Anh Karadagh ạ,” ông Janowitz nói, “ở đây có nước khoáng đấy. Nào anh bật đèn lên, tôi tắt đèn trần để anh không bị mất tập trung. Được. Nào quý vị, im lặng nào. Ông, e hèm, dr. Klapka đã mang đến một bức thư viết tay; đề nghị anh Karadagh, xin mời...”

Ông công tố viên ho nhẹ, ông ngồi xuống để nhìn nhà thông thái thật rõ. “Bức thư ấy đây,” ông nói và rút từ túi ngực cái phong bì đã dán kín. “Xin mời.”

“Cảm ơn,” nhà thông thái nói nhỏ, cầm lấy phong bì, nhắm mắt lại và lộn ngược phong bì trên các ngón tay. Bỗng nhiên anh ta run lên và lắc đầu. “Đặc biệt thật,” anh ta lẩm bẩm và uống một hớp nước. Sau đó anh ta thò ngón tay vào phong bì rồi giật bản mình; người ta có cảm giác là khuôn mặt hơi vàng của anh ta xám đi.

Trong phòng im ắng đến mức người ta nghe rõ cả hơi thở khò khè của ông Janowitz, ông này bị khó thở.

Đôi môi mỏng của hoàng tử Karadagh run run và cong lên, cứ như các ngón tay anh ta đụng phải thanh sắt nóng bỏng; trán anh ta vã mồ hôi. “Tôi

không chịu được nữa,” anh ta rút lên, rút tay ra khỏi phong bì, lấy mùi soa lau tay, đôi tay anh ta di chuyển dọc mép bàn y như là anh ta đang mài dao; sau đó như bị kích thích, anh ta uống vội một hộp nước và các ngón tay anh ta cầm lấy cái phong bì.

“Người viết bức thư này,” anh bắt đầu nói giọng khô khan, “người viết thư này... đây là sức mạnh ghê gớm, lớn tới mức (anh ta tìm lời)... cái sức mạnh ấy đang rình mò. Kiểu rình mò này rất khủng khiếp,” anh ta quát lên và bỏ phong bì lên bàn. “Tôi không muốn con người này là kẻ thù của mình.”

“Tại sao vậy?” ông công tố viên không nhịn được nữa. “Người này đã mắc phải điều gì?”

“Ông đừng có hỏi tôi,” nhà thông thái nói. “Mỗi câu hỏi là một chỉ thị. Tôi chỉ biết rằng, con người này có thể làm bất cứ việc gì - những việc lớn và khủng khiếp. Ở đây là cả một ước vọng... đạt được kết quả... đạt được tiền. Người này không dừng lại ngay cả phải đạp lên xác người thân. Không đâu, đây không phải là kẻ tội phạm bình thường; con hồ không phải là tội phạm; con hồ là chúa tể. Người này không làm những việc nhơ bẩn, nhưng hẳn nghĩ rằng hẳn ta là chủ cuộc đời của mọi người. Khi hẳn ta đi săn, hẳn ta chỉ thấy mọi người là con mồi. Sau đó hẳn ta giết họ.”

“Năm ngoài cái tốt và cái xấu,” ông công tố viên hét lên đồng cảm.

“Đấy chỉ là lời nói thôi,” hoàng tử Karadagh nói. “Không ai năm ngoài tốt và xấu cả. Người này có quan niệm đạo đức rõ ràng; hẳn không nợ nần gì ai, không ăn trộm, không lừa dối; nếu có giết thì cũng như người ta chiếu tướng để thắng ván cờ. Đây là trò chơi của người này, nhưng chơi chính xác.” Nhà thông thái nhăn trán căng thẳng. “Tôi không biết đây là cái gì, tôi nhìn thấy hồ nước và trên đó là con thuyền.”

“Sau đó là gì nữa?” ông công tố viên buột miệng, gần như nghẹt thở.

“Sau đó chẳng nhìn thấy gì nữa; tất cả đều lơ mờ. Nó lơ mờ lạ lùng, ngược lại với kỳ vọng ác độc và vô cảm để bắt con mồi của mình. Nhưng ở

đây không có sự rung cảm, chỉ có lý trí. Chỉ có tính toán lý trí trong mỗi chi tiết nhỏ. Nó giống như khi người ta giải một bài toán hay bài kỹ thuật. Không, người này không khi nào trách mình. Người này tự tin và nguy hiểm trước chính mình; người này không phải lo sợ trước lương tâm của mình. Tôi có cảm giác như đang nhìn xuống từ phía trên; con người này kiêu căng và tự phụ; rất vui sướng khi mọi người sợ mình.” Nhà thông thái uống thêm một ngụm nước. “Nhưng người này là một diễn viên hài. Trong thâm tâm hẳn là kẻ háms lợi, kẻ đưa ra cuộc chơi. Hẳn có thể làm cả thế giới chững hững bằng những hành động của mình. Đủ rồi. Tôi mệt. Tôi không thích hẳn ta.”

“Này ông Janowitz ạ,” ông công tố viên nói đầy xúc cảm, “chuyện này thực sự đáng kinh ngạc, cái tay thông thái ấy. Cái hẳn ta nói đúng như tranh truyền thần. Một con người mạnh mẽ, vô cảm, chỉ thấy trong mọi người các con mồi của mình; một cầu thủ hoàn mỹ trong cuộc chơi của mình; bộ óc của hẳn luôn luôn chuẩn bị các hoạt động trí tuệ và không bao giờ trách mình điều gì; quân tử mà lại là diễn viên hài. Ông Janowitz ạ, cái tay Karadagh đã nói đúng một trăm phần trăm.”

“Đấy, ông thấy chưa,” ông Janowitz tăng bốc thêm. “Tôi chả bảo ông thế ư? Còn bức thư là của tên Schliefen từ Liberec, đúng không?”

“Không phải đâu,” ông công tố viên reo lên. “Ông Janowitz ạ, đấy là thư của một kẻ giết người.”

“Nhưng, nhưng,” ông Janowitz ngạc nhiên, “tôi cứ nghĩ là thư của tay Schliefen, chủ nhà máy dệt; ông biết đấy, hẳn là tên lừa đảo ghê gớm, cái tên Schliefen ấy.”

“Không đâu, đấy là thư của Hugo Muller, kẻ giết em mình. Ông không để ý thấy tay thông thái nói về chiếc thuyền trên hồ à? Từ trên thuyền Hugo Muller đã ném xác em mình xuống nước.”

“Nhưng, nhưng,” ông Janowitz kinh ngạc. “Ông thấy đấy, anh ta là tài năng tuyệt vời phải không nào, thưa ông công tố viên.”

“Rõ rồi,” ông công tố ủy viên kết luận. “Mà anh ta thấy được toàn bộ tính tình của Muller và các lý do cho hành động của y. Cái này rõ ràng, ông Janowitz ạ, là hiện tượng. Tôi không thể thấy được tên Hugo Muller rõ ràng chuẩn xác như thế. Mà tay thông thái này đoán được bằng cách sờ chữ - ông Janowitz ạ, ở đây có cái gì đó; rõ ràng là chữ viết của con người có cái dòng chảy đặc biệt, hoặc một cái gì đó.”

“Thì tôi chả nói với ông là gì,” ông Janowitz đắc thắng. “Nếu có thể, ông công tố viên ạ, tôi chưa bao giờ nhìn thấy chữ của kẻ giết người.”

“Tất nhiên rồi,” ông công tố viên rút từ trong túi ngực cái phong bì. “Đây là một bức thư thú vị,” ông ta nói thêm và rút bức thư ra khỏi phong bì. Nhưng bỗng nhiên ông ta tái mặt. “Ông biết không, ông Janowitz,” ông ta nói với giọng là lạ, thiếu tự tin, “bức thư này thuộc về Hồ sơ của nhà nước; có nghĩa là tôi... không được phép cho ông xem. Tôi xin lỗi.”

Lát sau ông công tố viên chạy về nhà, ông không nhận ra là trời đang mưa. Trời ơi, mình ngu như con lừa, ông tự nhủ cay đắng, mình ngu thật, làm sao lại có chuyện này? Mình đúng là đồ dở người! Rõ ràng trong lúc vội mình đã mở hồ sơ của Hugo Muller và thay vào bức thư của hãn mình đã rút nhầm bản viết tay của mình có những ghi chép về việc luận tội rồi cho nó vào phong bì. Mình thật ngu ngốc! Đó là chữ viết của mình! Kinh người! Tên lừa đảo kia, ta sẽ rình để tóm cổ nhà người!

Nhưng cuối cùng thì ông công tố viên cũng bình tĩnh lại, mọi thứ đều không tệ, những điều mà hãn ta nói ấy. Sức mạnh nhé, ý chí nhé; mình không làm những việc bẩn thỉu nhé, mình có những quan niệm về đạo đức nhé - đáng khen ấy chứ. Mình không trách mình? Nhờ trời, mình có lý do hãn hoi: mình luôn luôn làm nhiệm vụ của mình mà. Và nói về trí tuệ ư, đúng đấy. Hãn chỉ nhầm khi nói mình là diễn viên hài thôi. Cái này rõ ràng là hãn dối trá.

Bỗng nhiên ông chững lại. Rõ ràng mà, bởi vì những cái mà tay thông thái ấy nói bao giờ cũng đúng cho bất cứ ai! Đây là những cái chung chung. Ai mà chả là diễn viên hài đồng thời hám lợi cơ chứ. Đó là cái mẹo chung, nói làm sao mà ai cũng cảm thấy đúng là mình. Thế đấy, ông công tố viên kết luận. Ông mở ô ra và bước đi về nhà với những bước đi đều đều và năng nổ.

“Trời ạ!” ông chánh án than vãn trong khi cởi áo choàng ra, “bảy giờ rồi cơ à; vụ này lại kéo dài! Ông công tố viên kết luận những hai giờ đồng hồ, nhưng ông đồng nghiệp ạ, ông ấy đã thắng; với chứng cứ yếu như thế mà đưa bị cáo lên giá treo cổ thì phải nói là thành công. Ủ, bên đoàn bồi thẩm thì chả bao giờ biết. Nhưng ông ấy nói rất khôn,” ông chánh án vừa nói vừa rửa tay. “Quan trọng nhất là ông ấy đã chỉ rõ cái bản chất của tay Hugo Muller, một bức hình rõ ràng; ông biết đấy, cái bản chất khủng khiếp, vô nhân đạo của kẻ giết người ấy - làm cho người ta phải phát kinh. Ông nhớ nhé, ông đồng nghiệp ạ, ông ấy nói: Đây không phải là tên tội phạm bình thường; hắn không đủ sức làm những việc bẩn thỉu, không lừa dối và cũng không trộm cắp; nhưng nếu giết người thì hắn bình tĩnh, y như người ta chiếu tướng hết ván cờ. Hắn không giết người vì hắn thích giết người mà từ những tính toán trí tuệ, như giải một bài toán hay nhiệm vụ kỹ thuật. Ông ấy nói rất hay ông đồng nghiệp ạ. Và tiếp theo: khi hắn đi sẵn, hắn nhìn mọi người thân đều như con mèo. Ông biết đấy, với con hổ đó, có lẽ nó hơi diễn hài một chút, nhưng các thành viên đoàn bồi thẩm thì thích thú.”

“Hay là cái này,” ông thành viên đoàn bồi thẩm nói, “ông ấy nói: Tên giết người này không bao giờ tự trách mình; hắn tự tin, nguy hiểm trước chính mình, hắn không phải sợ lương tâm của mình.”

“Hay là cái nhìn tâm lý,” ông chánh án vừa nói tiếp vừa lau tay, “rằng hắn là diễn viên hài kiêm kẻ gây rối, nếu hắn muốn làm cho thế giới chững hững bằng các hành động của mình.”

“Ông Klapka ấy à,” ông thành viên đoàn bồi thẩm công nhận. “Ông này phải nói là tay đối chất nguy hiểm.”

“Hugo Muller phạm tội với mười hai phiếu thuận,” ông chánh án ngạc nhiên, “ai có thể nói trước như vậy được! Thế đấy, Klapka đã tóm được hắn. Đối với ông ấy nó như chơi cờ hay đi săn ấy. Ông ấy tham gia vụ án nào cũng vậy, ông ấy bập vào, ông đồng nghiệp ạ, tôi không muốn ông ấy là kẻ thù của mình.”

“Ông ấy,” ông thành viên đoàn bồi thẩm nói, “thích thú khi người ta sợ ông ấy.”

“Ông ấy có một chút tự mãn, ông ta thế đấy,” ông chánh án dăm chiêu nói. “Nhưng ông ấy có quyết tâm kinh khủng... để đạt được thành tích. Một sức mạnh lớn, ông đồng nghiệp ạ, nhưng...” Ông chánh án không tìm ra câu nói phù hợp. “Thôi nào, ta đi ăn tối đi.”

BÍ MẬT CỦA CHỮ

“Anh Rubner ạ,” trưởng ban biên tập nói, “anh sẽ đến xem nhà bút tướng pháp Jensen nhé, tối nay ông ta có chương trình họp báo đấy; nghe nói cái ông Jensen ấy thật sự là hiện tượng thời đại đấy. Sau đó anh sẽ viết bài mười lăm dòng nhé!”

“Được thôi,” Rubner ậm ừ với giọng miễn cưỡng nghề nghiệp.

“Nhưng anh chú ý đấy, để khỏi dính vào mảnh khóe,” trưởng ban biên tập nhắc nhở. “Anh nhớ kiểm tra kỹ, nếu có thể thì phải trực tiếp. Vì thế tôi mới cử anh, một người giàu kinh nghiệm...”

“... bởi thế, thưa quý vị, đây là những nguyên tắc khoa học chính, chính xác hơn bút tướng pháp tâm lý,” nhà bút tướng pháp Jensen chốt lại bài phát biểu khoa học của mình tối hôm đó cho các đại diện báo chí. “Các vị thấy đấy, toàn bộ hệ thống được xây dựng xác đáng trên các định luật thông qua thí nghiệm; những ứng dụng của các phương pháp khoa học này thì vô cùng phức tạp, nên tôi không thể thể hiện một cách chi tiết trong buổi giới thiệu đơn lẻ này. Tôi xin tóm tắt bằng việc phân tích thực tế hai ba dòng mẫu viết tay mà không giải thích về toàn bộ lý thuyết đối với các bước làm của mình; với việc này rất tiếc chúng ta không đủ thời gian. Nào, mời vị nào đó cho xin một mẫu chữ viết tay.”

Rubner, người đã chờ đợi việc này, lập tức đưa cho ông Jensen một tờ giấy có chữ viết tay. Jensen đeo kính phù thủy của mình vào và đọc dòng chữ.

“Ái à, chữ của phụ nữ,” ông ta nhăn mặt. “Chữ của nam giới thường rõ ràng hơn và thú vị hơn, nhưng cuối cùng thì...” ông ta ậm ừ gì đó, chăm chú nhìn qua đôi kính vào tờ giấy. “Hừm, hừm,” ông ta nói và thỉnh thoảng lắc đầu nguầy nguậy; phút giây ấy im phăng phắc.

“Đây có phải... từ người rất gần gũi anh không?” nhà bút tướng pháp hỏi.

“Không, không đâu.” Rubner phản đối.

“Thế thì tốt,” Jensen vĩ đại nói. “Anh nghe này, à đàn bà này đối trá! Đây là cảm giác đầu tiên từ chữ viết: dối, dối từ thói quen, dối từ cách sống hằng ngày. Tóm lại đây là người trình độ thấp, với người này thì người có học không có gì để trao đổi. Cô ta thật dâm dăng, chữ viết y như là có hình thật. Và hỗn độn kinh khủng, chắc xung quanh cô ta phải luộm thuộm... chặc! Đây là những nét chính mà tôi nói ngay với các quý vị; cái đầu tiên mà ta nhận ra từ một con người là thói quen, đúng hơn là tính cách mà họ tự thể hiện cơ học ra ngoài. Việc phân tích tâm lý bắt đầu tính từ các đặc điểm mà người ấy giấu giếm hoặc trốn tránh, bởi vì người ấy sẽ tự mạo hiểm đối với thế giới xung quanh. Thí dụ,” ông ta nói và đặt ngón tay lên đầu mũi, “con người này sẽ không bao giờ thú nhận với ai là cô ta nghĩ gì. Con người này chỉ hình thức thôi, nhưng hình thức ở hai nghĩa; bề ngoài thì có vẻ cô ta có nhiều mối quan tâm hạ đẳng, nhưng bằng cách đó cô ta giấu kín cái mình nghĩ; và cái tôi cô ta giấu lại là cái cực đời thường: tôi xin nói là các tội lỗi nho nhỏ được kiểm soát bằng sự lười biếng của tâm hồn. Thí dụ, các vị hãy xem đây, chữ này thì rõ ràng đây nhục dục đến khó chịu - nó cũng là dấu hiệu của sự hoang phí - mà trong khi đó nó hưng phấn kiểu tục tũ; cái con người này rất thích sự nhàn hạ thay vào việc đi tìm tình cảm phiêu lưu; tất nhiên khi có điều kiện... Nhưng việc này không phải cái chúng ta quan tâm. Một con người thích nhàn hạ, trong khi đó lại có vẻ già dặn; khi làm gì thì cũng nói nửa ngày về việc ấy đến lúc chán mới thôi - cô ta quan tâm đến bản thân quá đáng; ta thấy ngay là cô ta không thích ai; và để cho mình được nhàn hạ cô ta bám chặt lấy ai đó, thể hiện là yêu anh ta

và quan tâm anh ta đủ mức. Đây là một loại phụ nữ làm đàn ông hay mềm lòng; trở thành kẻ mềm lòng do sự chán nản từ cuộc sống đông dài vô tận, từ cái thể xác nhọc nhãng. Quý vị thấy không, cách viết các từ đầu tiên và nhất là các câu viết; viết qua quýt và mềm yếu gần như cầu thả. Con người này rất thích ra lệnh; và thực sự hay ra lệnh nhưng không có sức, rõ ràng là sự quan trọng hóa giả mạo và nói nhiều; đôi khi hành hạ người ta với vũ khí hèn hạ nhất, hành hạ bằng nước mắt. Thật đặc biệt: sau mỗi việc đó ta nhìn thấy rõ ràng sự xuống cấp của yếu đuối; có gì đó níu giữ con người này, cô ta sợ cái gì đó - có thể vì nếu để khỏi lộ ra ngoài sẽ ảnh hưởng đến sự nhàn hạ về vật chất của cô ta; nó phải là cái gì đó xấu xa, được che đậy, hờn, tôi không biết; có thể là cái gì đó trong quá khứ. Có thể sau cái phản hồi này cô ta đã lại tìm thấy sức lực của mình, hay đúng hơn là thói quen để viết nốt từ ấy một cách bình thường - tất nhiên là với nét hất dài tự mãn không tưởng tượng được; trong cô ấy sự tự tin lại bắt đầu tăng lên. Quý vị thấy trong phần phân tích có cảm giác đầu tiên về sự đối trá. Ở đó quý vị thấy, thưa quý vị, việc phân tích chi tiết cũng chứng minh cái cảm giác đầy linh cảm tổng thể ban đầu; sự trùng hợp cuối cùng này tôi gọi là việc xác minh có phương pháp. Tôi đã nói về sự hạ đẳng, nhưng cái hạ đẳng này không phải là do sự thô thiển mà là do sự không phù hợp; chữ này đã được viết lại cho đẹp hơn, nhưng lại chi tiết đến mức nhỏ nhen. Con người này khi thấy bất ổn thì lại để ý sự chính xác: viết các dấu chấm trên chữ i, nhưng lại quên để ý những cái lớn hơn, rõ ràng là vô kỷ luật, vô đạo đức, rõ ràng là biếng nhác. Khó chịu nhất là các dấu phẩy; chữ thì nghiêng bình thường về bên phải mà dấu phẩy thì ngược lại. Nó tạo ra cảm giác lạ lùng như đâm dao vào lưng. Ở đây có cái gì xảo quyệt, mưu mô. Tôi có thể nói một cách hình tượng là con người này có thể đâm dao vào lưng người; nhưng người này không làm việc ấy vì thích nhàn hạ - và không đủ trí tưởng tượng. Tôi nghĩ rằng như vậy là đủ. Có ai có chữ viết tay khác không, thú vị hơn không?”

Tối hôm ấy Rubner về nhà như một đám mây đen.

“Muộn thế, anh đã về rồi à?” phu nhân Rubner nói. “Anh ăn tối ở đâu chưa?”

Rubner buồn bã nhìn. “Cô lại bắt đầu rồi,” anh quát lên một cách đáng sợ.

Phu nhân Rubner mở to mắt ngạc nhiên. “Này anh, em lại bắt đầu cái gì cơ? Em chỉ hỏi anh có ăn tối không?”

“Thế à,” Rubner nói giọng khó chịu. “Về việc khác cô không biết gì hay sao mà chỉ ông ổng lên về ăn với uống. Những cái này là những mối quan tâm hạ đẳng của cô. Thật hạ đẳng, những cái đông dài lê thê, vật chất và chán nản...” Rubner than thở, phẩy tay. “Tôi biết, cái này biến đàn ông thành bọn yếu mềm.”

Phu nhân Rubner bỏ đồ khâu xuống và quan sát chồng thật kỹ. “Anh Franc,” chị nói đầy lo lắng, “có gì không ổn với anh à?”

“Ái à,” Rubner buột miệng... “Cô lại bắt đầu quan tâm tôi nhỉ? Cô không biết là cô đang gạ gẫm à! Trời ạ, đôi khi con người ta nhìn thấy rõ sự giả dối; sẽ nhận biết việc ai đó bám lấy mình chỉ vì sự nhàn hạ của người đó... và từ sự say đắm nhục dục. Khiếp,” Rubner quát lên, “người ta phát kinh hãi.”

Phu nhân Rubner lắc đầu và muốn nói điều gì; nhưng chị đã mím môi lại và khâu nhanh hơn. Trong nhà tĩnh lặng.

“Khiếp chưa kia,” Rubner rít lên sau khi nhìn quanh. “Luộm thuộm và lôm côm. Thấy chưa, trong cái hỗn độn, trông thì như sạch sẽ, chuẩn mực; nhưng trong cái lớn hơn thì... Cái đám áo quần lôi ra đây làm gì?”

“Em đang sửa áo cho anh mà,” phu nhân Rubner trả lời, giọng nghèn nghẹn trong cổ họng.

“Vâng, cô sửa áo,” Rubner cười khẩy, “thấy chưa, cô sửa áo cho tôi! Trước sau rồi cả thế giới sẽ biết việc này, đúng không? Cả nửa ngày chỉ nói

mỗi chuyện sửa áo! Chuyện vớ vẩn mà làm ra quan trọng. Cô nghĩ gì đây? Vì việc này mà cô ra lệnh? Trời ơi, giờ thì thôi đi nhé!”

“Franc ơi,” chị kêu lên sừng sốt, “em đã làm gì anh nào?”

“Ai mà biết được.” Rubner cắt ngang. “Tôi đâu biết cô làm những gì; tôi nào biết cô nghĩ gì, cô làm những trò gì sau lưng tôi; tôi chả biết gì về cô, chả biết gì, vì cô giấu tôi; cái gì mắc kẹt trong người cô thế. Tôi cũng chẳng biết chút gì về quá khứ của cô nữa.”

“Trời!” chị kêu lên, “thế này thì hết rồi! Anh còn nói gì nữa không đấy...” Chị cố hết sức kiềm chế. “Anh ạ,” chị nói trong sợ hãi, “anh có chuyện gì vậy?”

“Ái chà,” Rubner tuyên bố đắc thắng, “nó đây rồi. Cô lại sợ cái gì đấy. Hay là lại lộ ra cái gì làm ảnh hưởng đến quyền lợi của cô nào? Hử? Ai chả biết, trong cái sự nhàn hạ của mình cô sẽ tìm thấy lý do cho sự phiêu lưu, nhỉ?”

Phu nhân Rubner ngồi như trời trồng. “Anh à,” chị vừa nói vừa nuốt nước mắt, “anh có gì ghét bỏ em... cái gì, trời ơi, anh cứ nói ra đi nào!”

“Chả có gì cả,” Rubner phán với sự châm biếm ghê gớm, “nhưng không, tôi chẳng có gì ghét bỏ cô cả! Cũng có là gì đâu nếu người ta vô kỷ luật, thiếu đạo đức, luộm thuộm, tục tũn, lừa nhác, phung phí và dâm dăng! Và lại còn hạ đẳng nữa...”

Chị Rubner khóc nức nở và đứng dậy, vứt đồ khâu vá xuống đất. “Anh thôi đi!” Còn chồng chị quát chị với sự khinh bỉ: “Cái này là trò hành hạ nhau hèn hạ nhất, hành hạ nhau bằng nước mắt!”

Chị Rubner không nghe thấy gì nữa, chị nghẹn ngào và ngã lăn xuống giường, khóc nức nở.

Rubner ngoái đầu vào trong nhà cười bi hài. “Lại còn đâm dao vào lưng người nữa,” anh quát lên, “cái này cô cũng đủ sức làm; nhưng tiếc cho cô, cô quá biếng nhác.”

Tối hôm đó Rubner chui vào quán bia anh thường đến. “Tôi đang đọc báo của ông đấy,” ông Plechta chào anh, nhìn anh qua đôi kính, “người ta đang ca ngợi nhà bút tướng pháp vĩ đại, cái ông Jensen ấy, ông biên tập viên ạ, có đúng thế không?”

“Đúng và nhiều cái đúng,” Rubner trả lời. “Này, ông Jančík, ông làm cho tôi món thịt xốt nào, nhưng đừng quá cứng đấy nhé. Các ông nghe này, ông ta là hiện tượng đấy, cái ông Jensen. Tôi vừa gặp ông ấy hôm qua. Ông ta phân tích chữ viết hoàn toàn khoa học đấy.”

“Nhưng đấy là trò lừa đảo,” ông Plechta nói. “Ông ạ, tôi tin khối thứ, nhưng không tin khoa học. Ông thấy như cái món vitamin ấy; ngày trước chưa có vitamin người ta biết mình phải ăn gì; bây giờ thì ông chả biết trong cái món thịt xốt ấy có những cái chất gì cho cuộc sống. Tôm lợm,” ông Plechta kêu lên, giọng chán ngấy.

“Cái này khác,” Rubner tuyên bố. “Tôi có thể kể cho ông, ông Plechta ạ, rất nhiều, môn đo tâm lý, môn tự động học, những nét chính, nét phụ và đại loại thế. Tôi nói cho ông biết, ông này đọc chữ như đọc sách vậy. Và ông ta nói đúng về con người đó như ông nhìn thấy trước mặt ấy; ông ấy nói rõ con người ấy thế nào, quá khứ ra sao, nghĩ gì, giấu giếm cái gì, vâng, tất cả! Tôi đã chứng kiến mà, ông ạ!”

“Thôi đi ông,” ông Plechta kêu lên vẻ không tin tưởng.

“Giờ tôi kể ông nghe về một trường hợp” Rubner bắt đầu. “Có một ông - tôi sẽ không nói tên ông ta, nhưng tôi rất quen - đã đưa cho ông Jensen mảnh giấy do vợ ông ta viết tay. Ông Jensen xem mảnh giấy và nói ngay: mục này dối trá có hạng nhé, luộm thuộm, dâm dăng, vờ vịt, hoang phí, nói nhiều, ở nhà toàn ra lệnh, quá khứ rất tệ và đủ sức giết chồng! Ông tưởng tượng xem, cái ông ấy mặt xám ngoét như chết, vì tất cả đều đúng trăm phần trăm. Ông thử nghĩ xem, ông ta sống với mục ấy hai mươi năm yên lành mà chẳng biết gì! Sau hai mươi năm chung sống vợ chồng mà

không hiểu vợ mình lấy một phần mười cái mà ông Jensen nhìn thấy bằng cái nhìn đầu tiên! Thật là giỏi, đúng không? Ông Plechta ạ, ông cũng phải tin!”

“Tôi thấy lạ đời,” ông Plechta góp ý, “cái đồ ngu ấy, cái gã đàn ông ấy hai mươi năm mà không nhìn thấy gì.”

“Ông ạ,” Rubner nói vội, “cái mục vợ ấy nó khéo giả đồ, còn ông chồng thì cứ hạnh phúc với nó - người đàn ông hạnh phúc thì không có mắt đâu. Mà ông biết chứ, ông chồng ấy làm gì có phương pháp khoa học. Ông thấy nhé, có cái ông nhìn bằng mắt thì thấy màu trắng, nhưng theo khoa học thì có nhiều màu. Kinh nghiệm, ông ạ, chả có nghĩa gì đâu; con người bây giờ phải dựa vào các phương pháp khoa học. Ông đừng có ngạc nhiên nhé, cái ông chồng ấy không hề có linh cảm chút nào về việc ở nhà lại có con mục vợ quái vật ấy, bởi vì không dùng phương pháp khoa học để nghiên cứu mục ấy, thế đấy.”

“Thế bây giờ hẳn sẽ ly dị chứ?” ông chủ quán Jančik xen vào.

“Tôi đâu biết,” ông Rubner nói, “tôi không quan tâm những chuyện ngờ ngẩn ấy. Tôi chỉ quan tâm việc đọc chữ để biết con người ta như thế nào, cái mà người ta không thể biết nếu làm khác đi. Ông xem nhé, ông quen một người bao nhiêu năm cứ như người ấy là hiền lành tử tế, thế mà bỗng nhiên, bùm một phát, từ chữ viết của hắn ông phát hiện đây là kẻ trộm hay kẻ cướp. Trời ơi, con người không thể tin người dễ dàng như thế được; phải có phân tích khoa học mới biết trong con người ấy là gì!”

“Nhưng, nhưng mà,” ông Plechta ngạc nhiên và bút rút, “thế thì người ta sẽ sợ khi viết gì đó cho bất cứ ai.”

“Đúng,” ông Rubner nói. “Ông thử tưởng tượng, cái phương pháp bút tướng pháp khoa học sẽ có ý nghĩa như thế nào đối với ngành hình sự. Ông ạ, người ta có thể bắt ai đó trước khi hắn ăn trộm; chữ của hắn ta sẽ tiết lộ rằng hắn có bản chất trộm cướp; và tóm ngay hắn để đưa vào Pankrác*! Cái này có tương lai khủng khiếp lắm. Tôi phải nói với ông đây là một môn

khoa học rõ ràng, cái này không thể nghi ngờ một chút nào.” Ông Rubner bỗng nhìn đồng hồ.

Nhà tù ở Praha.

“Ồ, đã mười giờ rồi; tôi phải về đây.” “Sao hôm nay sao ông về sớm thế?” ông Plechta căn nhắc.

“Ông biết mà,” ông Rubner nói nhẹ nhàng, “vợ tôi nó sẽ dấm dãi, rằng tôi lại để nó ở nhà một mình.”

BẰNG CHỨNG RÕ RÀNG

“Toník* ạ,” ông Mates - thẩm phán điều tra - nói với người bạn thân nhất của mình, “cái này là kinh nghiệm; mình không tin bất cứ sự bào chữa nào, bất cứ bằng chứng vô tội hay lời kể lể nào hết; mình không tin bị can cũng như các nhân chứng. Con người hay nói dối, ngay cả khi không muốn; thí dụ nhân chứng này thề rằng anh ta không thù ghét gì bị can, trong khi đó không biết là trong thâm tâm, anh ta căm ghét bị can, vì cái ghen ghét hay căm ghét đã bị nén xuống. Tất cả những điều bị can khai đều được phịa ra và chế biến đi; tất cả những điều mà nhân chứng khai có thể bị điều khiển bởi ý định có ý thức hoặc vô thức nhằm giúp bị can hoặc hại bị can. Trời ạ, mình biết: con người là quỷ dối trá.

Cách gọi thân mật tên Antonin.

“Mình tin vào cái gì nào? Mình tin vào sự ngẫu nhiên Toník ạ; các tổ chức, các phong trào tự nguyện, hay mình nói khác đi là các phong trào phi chính phủ hay những hành động, những phát ngôn... đôi khi sai lệch đi. Tất cả có thể làm giả, đóng kịch, hay vì mục đích nào đó, còn riêng sự ngẫu nhiên thì không thể, ta có thể nhận biết ngay. Mình cho cậu phương pháp này nhé; mình ngồi để cho mọi người kể những gì họ nghĩ ra còn mình thì chuẩn bị; mình làm như mình tin họ, đôi khi còn giúp họ để họ dễ kể lể hơn và xem chừng họ có nói ra lời nào mà họ không định nói. Cậu biết chứ, để làm được như vậy mình phải là nhà tâm lý học. Có những thẩm phán điều tra dùng chiến thuật làm cho bị can nhầm lẫn; vì vậy luôn nói chen vào và làm cho bị can bị lẫn đến mức cuối cùng thú nhận ngay cả những tội như giết Nữ hoàng Elizabeth. Mình muốn rõ ràng, rành mạch, nhưng từ từ. Mình kiên nhẫn chờ đợi, để trong hệ thống lừa dối và giả mạo ấy, cái mà

giới chuyên môn gọi là lời khai, bỗng nhiên lóe lên một chút sự thật. Cậu biết chứ, sự thật trong sáng trong cái thung lũng đầy nước mắt chỉ xuất hiện từ việc thiếu kiểm soát: chỉ khi con người lỡ mồm hay nhầm lẫn.

“Toník ạ, mình chẳng có bí mật gì với cậu cả; chúng mình là bạn từ bé - cậu biết đấy, cậu bị đánh trong khi mình mới là người làm vỡ cửa sổ. Mình không nói với ai đâu, nhưng mình thấy xấu hổ vì cái này mình phải nói thật. Cái này thật tuyệt vọng, người ta cần phải thổ lộ với ai đó. Mình nói với cậu, cái phương pháp của mình đã được kiểm nghiệm trong... trong đời riêng của mình; trong cuộc sống vợ chồng của mình. Bây giờ cậu nói đi, mình xin cậu, mình đã ngu si hay thô bỉ; mình thật xứng đáng với cái đó.

“Cậu ạ, mình... ừ, mình đã nghi ngờ vợ mình - Martička* của mình; đúng, mình đã ghen như thằng điên. Mình cứ nghĩ là cô ấy có cái gì với thằng... mà mình gọi nó là Artur; mình nghĩ cậu không biết nó. Đây, mình không phải là tên da đen nhé; nếu mình biết rõ ràng là cô ấy yêu hẳn, mình sẽ nói: Martička ạ, chúng mình chia tay nhé. Nhưng tệ nhất là mình không biết rõ ràng; Toník ạ, cậu không biết cái này đau khổ như thế nào đâu? Trời ạ, cái năm đó thật là đen đui! Cậu biết không, những cái ngu xuẩn mà người chồng hay ghen thường làm: theo dõi, phục kích, nghe bọn giúp việc khai, bày trò... Nhưng cậu hãy xem, mình là thẩm phán điều tra cậu ạ, cuộc sống gia đình mình hồi năm ngoái chỉ là các cuộc hỏi cung chéo từ sáng cho đến lúc... lên giường.

Cách gọi thân mật tên Marta.

“Bị can, ý mình là Martička, có tính chịu đựng tuyệt vời; ngay cả khi cô ấy khóc, ngay cả khi cô ấy bị xúc phạm nhưng vẫn im lặng, ngay cả khi cô ấy khai cả ngày đã ở đâu, làm gì thì mình vẫn tin là cô ấy sẽ nói lỡ hay tiết lộ gì đó. Cậu biết đấy, cô ấy luôn luôn dối mình, mình muốn nói là cô ấy nói dối thường xuyên, nhưng đó là thói quen của phụ nữ, phụ nữ thường không nói rõ ràng rằng cô ấy đã đi cầu nguyện hai tiếng đồng hồ, mà lại nói là đến bác sĩ nha khoa, hay ra nghĩa địa thăm mộ mẹ. Mình hành hạ cô ấy

càng nhiều, Toník ạ, mình tệ như con chó điên vậy, mình càng làm khổ cô ấy thì mình càng biết ít hơn. Mỗi lời của cô ấy, mỗi câu của cô ấy mình xoay cả chục lần rồi mỗ xê, nhưng mình không tìm ra bất cứ cái gì ngoài những cái nửa thật nửa giả cố tình vốn quen thuộc trong quan hệ bình thường người với người, nhất là quan hệ vợ chồng. Cậu biết đấy. Mình biết, mình cảm thấy thế nào, nhưng khi mình xét lại, những cái mà Martička đã chịu đựng, cậu ạ, mình xứng đáng ăn cái tát của chính mình.

“Năm vừa rồi Martička đi nghỉ ở Františkovy Lázně* - cậu biết đấy, bệnh của phụ nữ mà, nói đơn giản là có vẻ không ổn. Biết chứ, mình đã cho người theo dõi - một tay đáng ghét mà mình thuê. Suốt ngày hăn chỉ lân la các quán bia... Điều đặc biệt là chỉ cần một việc gì đó của mình không ổn, cả cuộc sống sẽ xáo trộn. Suốt đời mình mình sẽ không trong sạch dù chỉ có một chỗ gợn nhỏ ở đâu đó. Martička đã viết thư cho mình... không mạch lạc và thiếu tự tin... cứ như không biết viết cái gì. Cậu hiểu không, mình lọc trong thư, tìm giữa những dòng chữ... Có lần mình nhận được thư của cô ấy, đề địa chỉ người nhận là František Mates, thẩm phán điều tra hình sự v.v. và khi mình mở thư ra thì mình nhìn thấy dòng chữ: Artur thân mến!

Thành phố nghỉ mát và điều trị bệnh bằng tắm nước suối khoáng nổi tiếng ở miền Tây Czech.

“Cậu biết không, tay mình rụng rời. Cuối cùng thì mình đã tóm được. Điều này xảy ra khi người ta viết nhiều thư rồi đưa nhầm vào phong bì khác. Martička ơi, cái sự ngẫu nhiên này ngốc nghếch nhỉ? Mình bắt đầu thương hại cô ấy về việc cái thư này rơi vào tay mình.

“Toník ạ, cậu có lẽ sẽ nghĩ là động thái đầu tiên với bức thư dành cho... thằng Artur, mình sẽ không đọc mà gửi lại cho Martička. Mình sẽ làm như vậy nhưng cái tính ghen là thứ tình cảm bản thiêu và bí ối; cậu ạ, mình đã đọc bức thư ấy và mình cho cậu xem vì mình luôn luôn mang nó bên mình. Cậu xem này, trong thư viết gì:

“Anh Artur thân mến,

“Anh đừng giận nhé, vì lâu rồi tôi không trả lời anh. Tôi đang có nhiều lo lắng vì Franc, anh hiểu đấy, anh ấy không viết thư cho tôi. Tôi biết là anh ấy bận nhiều việc, nhưng khi người ta lâu không nhận tin chông thì nó giống như thân thể không có hồn, nhưng chắc là anh, Artur ạ, anh cũng không hiểu điều này. Tháng sau Franc sẽ đến đây, có thể anh nên đến chơi nhé. Anh ấy viết cho tôi là anh ấy đang điều tra một vụ rất thú vị, nhưng không biết rõ vụ gì, còn tôi thì nghĩ rằng đấy là vụ Hugon Muller giết người; vụ mà tôi rất quan tâm. Tôi lấy làm tiếc rằng Franc lạnh nhạt một chút với anh, nhưng có lẽ do anh ấy bận; giá mà được như ngày trước, chúng ta sẽ đi thăm mọi người hoặc đi du lịch bằng xe ô tô. Anh bao giờ cũng tốt bụng với chúng tôi, dù mọi chuyện không được như mong muốn; nhưng Franc giờ cứ căng thẳng và lạ lùng. Mà sao anh chẳng viết gì cho tôi về cô bạn gái của anh nhỉ, cô ấy sao rồi? Franc bảo tôi rằng ở Praha nóng lắm, anh ấy chỉ muốn đến đâu nghỉ mát, nhưng anh ấy phải ngồi trong văn phòng đến tận đêm khuya. Bao giờ anh đi biển nghỉ hè? Hy vọng là anh sẽ mang cô bạn gái đi theo. Anh không biết phụ nữ chúng tôi mong nhớ như thế nào đâu. Thân chào anh nhé, anh Artur.

“Bạn của anh,

“Marta Matesová

“Thế đấy Toník ạ, cậu nghĩ sao? Mình biết rằng bức thư này không dí dỏm; viết hơi non về mặt phong cách và thiếu thú vị; nhưng nó tỏa sáng vào Martička, vào quan hệ của cô ấy với cái tay Artur tội nghiệp! Mình chưa bao giờ tin cô ấy, khi cô ấy nói với mình điều gì, nhưng mình có trong tay một bức thư không cố ý, không có trong mong đợi của cô ấy... Cậu thấy không, sự thật không sai, sự thật không thể nghi ngờ chỉ xuất hiện khi người ta nhầm lẫn. Và mình đã khóc trong vui sướng - mà nhục nhã, rằng mình đã ghen ngu xuẩn đến thế.

“Sau đó thì mình làm gì? Mình gói cái vụ giết người của Hugon Muller lại, cất vào ngăn kéo và hôm sau mình đến Františkovy Lázně. Khi

Martička thấy mình, cô ấy đỏ bừng má và nấc lên như em bé, trông cô ấy như vừa làm gì đó rất xấu xa. Còn mình thì không thể.

“ ‘Franci, anh nhận được thư của em chứ?’

“ ‘Thư nào nhỉ?’ mình ngạc nhiên hỏi. ‘Em viết thư ít quá.’

“Martička nhìn mình lạ lùng và thờ dãi, như thể cô ấy thấy nhẹ nhõm. ‘Chắc là em quên gửi thư cho anh rồi,’ cô ấy nói và tìm trong ngăn kéo một lá thư hơi bị nhàu. Thư bắt đầu bằng dòng chữ Franc thân yêu! Mình phải bật cười trong đầu. Có lẽ Artur đã gửi trả lại cho cô ấy bức thư không thuộc về anh ta.

“Rồi chẳng ai nói gì cả; cậu biết đấy, mình bắt đầu kể cho cô ấy về tội ác của Hugon Muller, cái vụ mà cô ấy quan tâm. Đến bây giờ cô ấy vẫn tin là mình không nhận được bức thư ấy.

“Vâng, tất cả chỉ có như vậy; từ đó chúng mình yên ổn. Cậu nói đi, mình không ngu xuẩn vì cái bệnh ghen bấn thiu chứ? Cậu biết chứ, giờ thì mình muốn bù đắp cho cô ấy; qua bức thư ấy mình nhìn rõ cô ấy đã quan tâm mình đến mức nào. Giờ thì qua rồi; người ta thường xấu hổ vì người ta đã ngu xuẩn hơn là vì người ta đã gây ra tội lỗi. Cậu đã có một thí dụ kinh điển về việc sự ngẫu nhiên rõ ràng và không cố ý có sức mạnh như thế nào, đúng không?”

Trong khoảng thời gian ấy một thanh niên trẻ mà ở đây gọi là Artur nói với phu nhân Martička: “Thế nào em, nó giúp được gì không?”

“Cái gì cơ anh yêu?”

“Cái thư mà em gửi nhầm ấy.”

“Giúp chứ,” phu nhân Martička nói và dăm chiêu. “Anh biết đấy, em thấy xấu hổ là anh ấy, anh Franc cực kỳ tin em. Anh ấy rất tốt với em từ buổi ấy... Và bức thư ấy anh ấy mang trong tim.” Phu nhân Martička run

lên, “Việc này thật khủng khiếp, anh nhỉ... em đã lừa dối anh ấy, anh nghĩ sao?”

Nhưng Artur không nghĩ gì; ít nhất anh ta khẳng định là không nghĩ gì hết.

HỒ SƠ 139/VII, PHÒNG C BỊ LẤY TRỘM

Vào ba giờ sáng điện thoại của Bộ Tham mưu đơn vị vang lên. “Đại tá Hampl, Bộ Tổng tham mưu đây. Hãy cử ngay lập tức hai cảnh sát quân sự đến nhà tôi; đề nghị nhắc cho trung tá Vrzal, tất nhiên là ở phòng Quân báo; *này anh kia việc này không liên quan gì đến anh nhé*, phải đến tôi ngay. Vâng, bây giờ là đêm. Vâng, bảo anh ấy dùng ô tô. Nhanh lên nhé, trời ạ!” Và nói thế là thôi.

Sau một giờ trung tá Vrzal đến nơi; chỗ ông ta đến ở đâu đó trong khu biệt thự. Đón ông ta là một người lớn tuổi, mặt đầy lo lắng, mặc thường phục, tức là mặc áo sơ mi và quần tét. “Trung tá ơi, mình bị một vụ trời đánh. Cậu ngồi xuống đây đi. Cái vụ này khốn nạn, quái gở, ngu xuẩn và lộn xộn. Tởm và nguy hiểm. Cậu biết không, tối hôm kia Tổng Tham mưu trưởng đưa cho mình bộ hồ sơ và nói: Hampl này, xử lý cái này ở nhà nhé; càng ít người biết càng tốt, đến văn phòng nhớ đừng có hở ra. Thế nhé, đi đi, cho nghỉ phép và nhớ ngồi ở nhà, nhưng cẩn thận đấy! Ừ, tốt.”

“Hồ sơ ấy thế nào?” trung tá Vrzal hỏi.

Đại tá Hampl lưỡng lự một phút. “Ừ,” ông nói. “Nói để cậu biết, nó từ phòng C.”

“À ra thế,” trung tá Vrzal nói và bắt đầu đăm chiêu. “Tiếp đi.”

“Cậu xem này,” đại tá đau đớn nói. “Hôm qua mình xử lý nó suốt một ngày; nhưng ban đêm thì biết làm gì với nó cơ chứ; nhà không có két sắt; ai mà biết tài liệu ở nhà mình thì *amen*. Cậu ạ, đêm đầu tiên mình giấu nó dưới đệm giường; suốt đêm mình trần trọc như lợn rừng ấy.”

“Cái đó thì tôi tin,” trung tá Vrzal nói.

“Biết làm sao cơ chứ,” đại tá than thở, “vợ mình nó còn béo hơn mình. Ừ, đêm thứ hai nó khuyên mình: Anh ạ, mình cho nó vào hộp tôn dùng để đựng mì ống ấy, rồi cất vào kho thực phẩm một đêm. Em sẽ khóa kho, chìa khóa mang theo người, vợ mình nói. Vợ chồng mình có cô giúp việc, cô này béo khủng khiếp, hay ăn vụng. Vợ mình bảo, sẽ không có ai tìm gì ở đây đâu anh ạ. Tốt thôi, mình nói và thấy ý kiến này cũng hay.”

“Kho thực phẩm nhà anh có cửa sổ kép hay đơn?” trung tá Vrzal ngắt lời.

“Trời ạ,” đại tá gầm lên, “mình không nghĩ ra, cửa sổ đơn. Mình cứ nhớ cái vụ ở Sázava và các vụ ngu xuẩn khác mà quên nhìn cái cửa sổ! Trời ơi, cái vụ chó chết đáng nguyên rủa này!”

“Tiếp đi,” trung tá nhắc.

“Ừ, sau đó thế nào à. Hai giờ đêm vợ mình nghe thấy cô giúp việc thét lên bên dưới nhà. Vợ mình xuống hỏi có gì không thì thấy cô Mára la hét: Trong kho có trộm. Vợ mình chạy đi lấy chìa khóa và gọi mình. Mình cầm súng ngăn chạy xuống tầng kho thì cái việc khốn kiếp ấy đã xảy ra, cửa sổ vào kho bị bật ra, hộp tôn với hồ sơ đã bị lấy mất. Tên trộm cũng mất tăm. Tất cả là thế.” đại tá thở dài.

Trung tá Vrzal gõ ngón tay xuống bàn. “Đại tá ạ, có ai biết anh mang tài liệu về nhà không?”

Đại tá bất hạnh huơ tay lên. “Mình không biết. Cậu ạ, bọn tình báo thì nó moi móc tất cả mọi chỗ.” Ông bỗng nhớ ra chức vụ của trung tá Vrzal và do dự. “Đúng là bọn họ thông minh lắm,” ông nói chữa yếu ớt. “Nhưng mình không nói với ai, danh dự đấy. Nhưng,” ông nói, “không ai có thể biết rằng mình cho tài liệu vào hộp tôn đựng mì ống.”

“Thế anh cất đồ vào hộp tôn ở chỗ nào?” trung tá hỏi thêm.

“Ở chỗ này này, bên cái bàn này.”

“Thế cái hộp tôn đặt ở chỗ nào?”

“Khoan nào,” đại tá nhớ lại. “Mình ngồi ở chỗ này và cái hộp tôn ở ngay trước mặt mình.”

Trung tá dựa vào bàn và trầm ngâm nhìn cửa sổ. Trong ánh ban mai còn đẫm sương ông nhìn thấy ngôi nhà đỏ thẫm. “Ai ở nhà này?” ông hỏi giọng sâu thẳm.

Đại tá dấm vào bàn, “Trời ạ, thế mà mình không nhớ ra! Khoan đã, một tay Do Thái ở nhà ấy, giám đốc nhà băng hay gì đấy. Tởm, giờ thì mình nhìn ra rồi! Vrzal ạ, mình nghĩ rằng chúng ta đang đi đúng hướng.”

“Tôi muốn ngó xem cái kho,” trung tá nói.

“Nào, cậu xuống đây. Lối này,” đại tá năng nổ dẫn đường. “Nó ở đây này. Trên ngăn cao nhất mình để cái hộp tôn. Mary,” đại tá quát, “cô không có nhiệm vụ gì ở đây nhé! Cô lên tầng thượng hay xuống tầng ngầm đi!”

Trung tá xỏ tay vào găng và rướn lên cửa sổ. Cửa sổ hơi cao. “Nó bầy cửa sổ, bằng cái đục,” ông nói và ngắm nghía cửa sổ. Khung cửa sổ làm bằng gỗ mềm. “Đại tá ạ, trẻ con cũng phá được cửa sổ này.”

“Trời ạ,” đại tá kêu lên. “Cái lũ chết tiệt, ai lại làm cửa sổ tệ thế này cơ chứ!”

Bên ngoài song có hai người lính đứng đợi.

“Cảnh sát quân sự hả?” trung tá Vrzal hỏi. “Thế thì tốt. Tôi sẽ xem từ phía ngoài. Đại tá ạ, tôi phải tư vấn cho anh, cho đến lúc có lệnh anh không được ra khỏi nhà.”

“Mình hiểu,” đại tá đồng ý. “Nhưng tại sao vậy?”

“Để anh luôn luôn có mặt, nếu... Hai anh lính tất nhiên sẽ ở lại đây.”

Đại tá thở hắt ra và nói, giọng như nghẹn lại: “Tôi hiểu. Anh có uống cà phê không? Vợ tôi vừa pha.”

“Bây giờ không được” trung tá nói giọng khô khan. “Đừng nói với ai về tập hồ sơ bị trộm nhé; trừ phi... cấp trên gọi anh. Và tôi nói thêm, anh nói với cô giúp việc là trộm nó chỉ lấy mất ít đồ hộp thôi nhé, thế thôi.”

“Nhưng này,” đại tá hỏi tuyệt vọng, “cậu sẽ tìm thấy hồ sơ chứ?”

“Tôi sẽ cố gắng” trung tá trả lời và đứng nghiêm chụm chân chào.

Buổi sáng hôm ấy đại tá Hampl ngồi đau khổ. Có lúc ông tưởng tượng ra cảnh hai sĩ quan đến bắt ông. Có lúc ông ngồi suy tư xem trung tá Vrzal làm gì và đưa cả bộ máy tình báo quân đội vào cuộc. Ông tưởng tượng ra cảnh Bộ Tổng tham mưu báo động và ông ngất xỉu.

“Karlouš* à,” vợ ông nói lần thứ hai mươi (bà ta đã cẩn thận giấu khẩu súng ngắn của ông vào trong vali), “anh muốn ăn gì không?”

Cách gọi thân mật Karel.

“Để anh yên nào, mẹ kiếp,” ông nhổ nước bọt. “Anh cho rằng lão Do Thái bên kia thấy hết rồi.”

Bà vợ thở hắt ra và đi vào trong bếp khóc.

Bỗng chuông vang lên. Đại tá đứng dậy và vươn vai để tiếp các sĩ quan quân đội, những người đang đến bắt ông. (Không biết các ông nào đây, ông thất thần nghĩ). Nhưng thay vào các sĩ quan chỉ có một người đàn ông nhỏ thó, tóc hung hung, tay cầm gậy và nhe hàm răng vỡ như răng sóc chào đại tá. “Thưa, tôi là Pištora từ phòng cảnh sát.”

“Anh cần gì?” đại tá buột miệng và chuyển sang vị trí sẵn sàng.

“Nghe nói có đứa nào ăn trộm kho thực phẩm nhà ông,” ông Pištora nhe răng cười thân mật. “Vì thế tôi có mặt.”

“Thế thì liên quan gì đến anh?” đại tá kêu lên.

“Thưa,” ông Pištora tươi cười, “đây là phường chúng tôi quản lý. Cái cô giúp việc nhà ông sáng nay có kể ở chỗ lò bánh mì rằng chúng nó vào ăn

trộm kho thực phẩm nhà ông. Tôi nói với trưởng cảnh sát là tôi sẽ đến xem, thế thôi.”

“Chả đáng quan tâm đâu,” đại tá gầm lên. “Nó chỉ lấy cái... hộp mì ống ấy mà. Anh cứ để yên cho xong.”

“Lạ nhỉ,” ông Pištora nói, “nó không lấy gì thêm à?”

“Lạ lắm,” đại tá chua chát. “Nhưng anh quan tâm làm gì?”

“Hình như ai đó đánh động bọn nó nên...” Ông Pištota cười, mắt ánh lên khi bất chợt nghĩ ra điều gì.

“Cảm ơn anh,” đại tá cắt ngang.

“Thưa,” ông Pištora cười nghi ngờ, “nhưng tôi phải ngó xem cái kho đã.”

Đại tá bực mình muốn hét lên, nhưng sau đó ông đầu hàng cái hoàn cảnh đau khổ của mình. “Nào, anh xuống đây,” ông buồn bã nói và dẫn con người nhỏ thó xuống kho.

Ông Pištora vui vẻ ngắm nghía cái kho con con. “Đây rồi,” ông ta vui vẻ nói, “hẳn cạy cửa sổ bằng cái đục; như vậy có thể là thằng Pepek hay thằng Andrlík thôi.”

“Anh nói cái gì cơ?” đại tá gắt gỏng hỏi.

“Cái này nhất định là thằng Pepek hay thằng Andrlík làm rồi; nhưng Pepek hình như đang ngồi tù. Nếu chỉ phá cửa sổ thì có thể là Dunder, Lojza, Novák, Hošička hay Kliment. Nhưng cái này sẽ là Andrlík thôi.”

“Anh có nhầm không đấy,” đại tá gầm gừ.

“Lại có thêm đứa nào mới học nghề ăn trộm kho à?” Ông Pištora dăm chiêu. “Chắc không đâu. Thằng Mertl thì hay phá cửa sổ bằng xà beng nhé, nhưng không ai đem xà beng ra phá kho thực phẩm; còn nếu kho thông với nhà vệ sinh thì nó sẽ chui vào nhà để ăn cắp quần áo.” Ông Pištora lại nhe

hai cái răng vỡ như sóc ra. “Thôi, tôi đi kiểm tra xem thằng Andrlík đã làm gì đây.”

“Cho tôi hỏi thăm nó nhé,” đại tá gầm gừ. Không thể tin được, ông nghĩ, khi ông lại trở về với tâm tư đau đớn của mình. Cảnh sát bây giờ thật kém. Giá mà họ tìm theo dấu vân tay hay vết chân chứ - ừ, có cả bao nhiêu phương pháp chuyên môn; nhưng mà điều tra ngu thế ư? Đời nào cảnh sát có thể đụng được vào cánh tình báo quốc tế cơ chứ! Mình còn phải xem cậu Vrzal làm được gì đã.

Đại tá không vượt qua được sự căm dỗ và gọi điện thoại cho trung tá Vrzal; sau nửa giờ ông đã được kết nối. “A lô” ông ngọt ngào, “Hampl đây. Đề nghị cậu cho biết thế nào rồi. Mình biết cậu không được nói gì, nhưng chỉ mong cậu... nếu có thể. Trời ạ, vẫn chưa có gì à? Mình biết vụ này khó, nhưng... Khoan nào, Vrzal ơi, này nhé. Mình nhớ ra, mình sẽ thưởng cho ai tóm được tên trộm mười nghìn của mình. Mình không có nhiều hơn, nhưng cậu biết đấy, với công to như thế... Mình biết là không đâu; nhưng đây là việc riêng của mình... Ừ, việc riêng mà; không phải là việc công... Hay là chia cho bọn thám tử dân sự nhé? Nhưng tất nhiên rồi, cậu không biết đâu, chỉ cần cậu nói mách cho bọn nó hiểu là được rằng đại tá Hampl hứa mười nghìn... Tốt, để thằng trung sĩ nó nói cho. Thế bạn nhé! Xin lỗi nhé. Cảm ơn cậu.”

Đại tá thấy nhẹ người sau quyết định hào phóng của mình; ông có cảm giác bây giờ ông có công trong việc tìm bắt tên gián điệp ăn trộm. Ông nằm lên ghế sofa vì mệt và tức tối, rồi tưởng tượng ra cảnh một trăm, hai trăm, ba trăm đàn ông (tất cả đều tóc hung hung, nhe hàm răng vỡ giống như Pištora) đang khám xét tàu hỏa, chặn xe ô tô khi đi về phía biên giới, rình rập con mồi của mình ở các góc phố và bỗng nhiên nhảy ra và quát lên: “Nhân danh luật pháp. Đề nghị đi theo tôi và im默默.” Có lúc ông tưởng tượng ra hình ảnh ông thi bắn trong Học viện Quân sự, ông giật mình hét lớn và tỉnh dậy, mồ hôi nhễ nhại. Có ai đó bấm chuông.

Đại tá Hampl đứng phắt dậy và thử rà soát lại những ý nghĩ của mình. Ông mở cửa và nhìn thấy hai cái răng vỡ như sóc của ông Pištora. “Vâng, tôi đến đây,” người đàn ông có răng vỡ nói. “Vâng, nó làm vụ này đấy.”

“Đưa nào?” đại tá cố gắng hiểu ra.

“Vâng, cái thằng Andrlík ấy, ông Pištora ngạc nhiên nói và không nhe răng ra nữa. “Còn đưa nào vào đây? Pepek thì đang ngồi tù ở Pankrác.”

“Anh có cái gì liên quan đến cái thằng Andrlík cơ chứ?” đại tá nóng nảy ngắt lời.

Ông Pištora tròn xoe đôi mắt màu sáng của mình. “Thì nó ăn trộm mì ống trong kho thực phẩm,” ông ta giận dữ nói. “Phòng cảnh sát tóm nó rồi, nhưng tôi đến hỏi ông... Nó, thằng Andrlík khai rằng trong hộp không có mì ống, chỉ có toàn giấy. Không biết có đúng không?”

“Này anh,” đại tá hét lên hết sức, “giấy tờ ấy anh để ở đâu?”

“Trong túi này, ông Pištora lại nhe răng ra. “Ấy chết, mình để đâu rồi...” ông ta kêu lên và móc tay vào cặp. “Ái chà. Của ông đấy à?”

Đại tá giật từ tay ông Pištora cái tệp giấy quý giá đã nhàu số 139/VII, phòng C. Mắt ông nhòe lệ và nhẹ nhõm. “Anh bạn vàng ơi,” ông thở hắt ra, “tôi không biết phải tặng anh cái gì nữa. Mẹ nó ơi,” ông gầm lên, “lại đây. Đây là ông trưởng cảnh sát... ông thanh tra e hèm...”

“Cảnh sát viên Pištora,” người đàn ông nhỏ thó nói và nhe răng cửa ra.

“Thế đấy, ông ấy tìm ra cái hồ sơ bị lấy trộm,” đại tá hồ hởi. “Em đi lấy ly và rượu cognac đi. Anh Pištora ạ, tôi không biết phải... anh không biết tôi... anh biết đấy... Nào, ta uống đi anh Pištora.”

“Có gì đâu mà,” ông Pištora lại nhe răng. “Ông ạ, cái hộp, vâng cái hộp ấy thừa bà, còn ở trên phòng cảnh sát.”

“Quý tha cái hộp ấy đi,” đại tá gầm lên. “Nhưng anh Pištora thân mến ơi, anh điều tra bằng cách gì mà nhanh thế? Nào, chúc sức khỏe, anh

Pištora ơi!”

“Chúc sức khỏe,” ông Pištora trân trọng. “Trời ơi, có gì đâu cơ chứ. Nếu tú thực phẩm bị trộm thì bọn tôi đi tóm Andrlík hay Pepek, mà Pepek thì đang ngồi tù hai tháng ở Pankrác rồi. Nếu trộm vào tầng mái thì nhất định phải tóm Pisecký, Tondera què, Kaner, Zima hay Houska.”

“Mà, mà,” đại tá ngạc nhiên, “anh nghe này, các anh sẽ làm thế nào nếu vụ này là vụ gián điệp hả anh Pištora?”

“Xin trân trọng cảm ơn... Bên chúng tôi không xử lý được đâu. Bẻ tay cửa à, nhất định là Čeněk hay Pinkus, ăn cắp dây đồng thì chỉ có một tên, Tousek hay gì đó, ăn trộm ống rót bia thì nhất định là Hanoušek, Buchta hay Šlesinger. Ông ạ, chúng tôi đi tóm những vụ rõ ràng. Bọn trộm tú sắt thì chúng tôi biết cả lũ trên toàn quốc, cả ổ nhé! Tổng cộng là hai mươi bảy đứa, nhưng sáu đứa đang ngồi tù.”

“Chúng nó xứng đáng,” đại tá tuyên bố giọng đầy hiếu chiến. “Anh Pištora ạ, nào ta uống đi!”

“Tôi trân trọng cảm ơn,” ông Pištora nói, “nhưng tôi uống ít thôi. Nào, chúc sức khỏe. Cái bọn ấy, cái bọn đốn đời ấy chúng nó chẳng có chút tri thức nào đâu, ông ạ. Mỗi thằng chỉ biết một tí và cứ kiếm ăn như thế cho đến lúc bị chúng tôi tóm. Như cái thằng Andrlík ấy. À, nó nói, suýt nữa thì nó làm tôi mềm lòng, nó gọi tôi là *ngài* Pištora chuyên điều tra các vụ trộm tú thực phẩm. Nó bảo ngài Pištora ơi, vụ này không đáng gì đâu, tôi chỉ lấy được một tệp giấy trong hộp. Tôi lại hy sinh rồi, ngày trước tôi chăm chỉ làm việc lắm. Đi theo tao, tôi bảo nó, đồ ngu ạ, mà sẽ ngồi ít nhất một năm.”

“Một năm tù ư?” đại tá thương hại nói. “Có lâu quá không?”

“Nhưng đây là vụ trộm,” ông Pištora nhe răng ra. “Xin trân trọng cảm ơn nhé, thưa ông. Tôi còn một vụ trộm tú kính nữa, chắc là thằng Klečka hay Rudl thôi. Nếu ông cần gì thì cứ hỏi bên phòng cảnh sát nhé. Chỉ cần nói tên tôi, Pištora.”

“Nhưng anh ạ,” đại tá nói, “nhưng anh đã, hừm, giúp tôi... Cái tệp giấy nó... chả quan trọng mấy, nhưng... tôi không muốn mất nó, anh biết chứ? Đây, anh nhận cho chút quà nhé,” ông nói và vội nhét vào tay ông Pištora năm mươi koruna.

Ông Pištora ngạc nhiên và cảm động rồi nghiêm cả nét mặt. “Nhưng không cần thiết đâu mà,” ông ta nói và dứt tờ giấy bạc vào túi. “Có gì đâu, tôi xin trân trọng cảm ơn ông, nếu khi nào ông cần thì...”

“Mình ạ, tôi vừa cho anh ta năm mươi koruna đấy,” đại tá âu yếm nói với vợ. “Lẽ ra chỉ cho cái bông hoa tulip ấy hai mươi koruna là đủ, nhưng...” Đại tá phẩy tay một cách đàng cấp. “Nhưng dù sao bộ hồ sơ cũng đã được tìm thấy.”

NGƯỜI ĐÀN ÔNG KHÔNG AI ƯA

“Ông Kolda ạ,” ông Pacovský nói với trung sĩ cảnh sát Kolda, “tôi có cái này cho ông.” Ông Pacovský đã từng là cảnh sát thời Áo*, đã từng là đội viên đội kỵ binh hộ vệ, nhưng sau chiến tranh* do không hội nhập được vào cơ chế mới, ông ta nghỉ hưu rồi đi thăm một vài nơi trên thế giới và sau đó ông ta thuê quán trọ *Na vyhlídce* để kinh doanh. Thời gian đầu chỗ này vắng vẻ, nhưng bây giờ thì người ta bắt đầu ưa thích quán này, nơi có các chuyến dạo chơi, đi ngắm cảnh, tắm hồ và những việc như vậy. “Ông Kolda ạ,” ông Pacovský nói, “tôi không biết thế nào cả. Tôi có một người khách đã mười bốn ngày nghỉ trọ ở đây, tên là Roedl gì đó. Không có gì đặc biệt đâu, ông ta trả tiền lịch sự, không uống rượu, nhưng ông đến mà xem.”

Thời nước Tiệp Khắc cũ còn thuộc về Đế quốc Áo.

Đại chiến Thế giới thứ nhất.

“Có gì xảy ra với ông ta vậy?” ông Kolda hỏi.

“Đấy là cái cần biết,” ông Pacovský nói giọng bất bình, “tôi không biết. Ông ta không có gì đặc biệt, nhưng... tôi phải nói với ông thế nào nhỉ? Tôi thấy người này không ổn. Vậy thôi.”

“Roedl, Roedl,” trung sĩ Kolda nghĩ ngợi. “Cái tên này không nhắc tôi nhớ ra cái gì cả. Ông ta làm nghề gì?”

“Tôi không biết,” ông Pacovský nói. “Ông ta nói rằng ông ta là nhân viên nhà băng, nhưng tôi không thể hỏi ông ta là nhà băng nào. Tôi thấy không ổn. Mặc dù ông ta khiêm nhường, nhưng... Và ông ta cũng chẳng

nhận thư từ gì cả. Tôi có cảm giác là ông ta xa lánh mọi người. Cái này là cái tôi thấy không ổn.”

“Sao vậy,” trung sĩ Kolda nói, “vì ông ta tránh mọi người à?”

“Ông ta không trốn tránh,” ông Pacovský nói thiếu tự tin, “nhưng... ông ạ, ai mà lại về thôn quê để cư trú vào tháng Chín cơ chứ? Và cứ có xe dừng trước quán thì ngay cả khi đang ăn ông ta cũng đứng dậy luôn và đi lên phòng mình. Nó là như vậy. Tôi nói cho ông biết là tôi thấy cái ông Roedl ấy không ổn.”

Ông Kolda nghĩ ngợi một lát. “Ông Pacovský ạ, thế này nhé,” ông ta nói rất khôn ngoan, “ông thử nói với ông ta là tháng Chín quán trọ đóng cửa. Để ông ta đi Praha hay sang huyện khác đi, đúng không! Chúng ta có cần ông ta ở đây làm gì đâu? Thế nhé.”

Một ngày sau đó, cảnh sát trẻ Hurych còn được gọi là Marinka hay Panenka thuộc đội tuần tra, đang đi tuần trở về, trên đường anh ta bỗng nghĩ là sẽ đến quán bia và anh ta đi từ phía rừng về đến sân quán bia *Na vyhlídce*. Khi đến cửa sau quán anh ta dừng lại để thông cái tẩu. Lúc đó anh ta nghe thấy có tiếng động từ cửa sổ tầng hai thông ra sân và có cái gì đó rơi đánh bịch một cái xuống đất. Panenka chạy vào sân và giữ chặt vai người đàn ông bỗng nhiên nhảy xuống từ cửa sổ. “Này,” anh ta nói giọng quở trách, “ông làm gì thế hả?”

Người đàn ông bị anh ta giữ chặt vai mặt tái xanh và vẻ mặt nhợt nhạt. “Tại sao tôi lại không được nhảy chứ?” ông ta yếu ớt trả lời. “Tôi đang trọ ở đây mà.”

Cảnh sát Panenka nghĩ ngợi rất nhanh trong bối cảnh ấy. “Có thể,” anh ta nói, “nhưng tôi không thích cái việc ông nhảy từ cửa sổ xuống.”

“Tôi đâu biết là việc này bị cấm,” người đàn ông nhợt nhạt ấy xin lỗi. “Ông cứ hỏi ông Pacovský có phải tôi đang trọ đây không. Tôi là Roedl.”

“Có thể như thế,” cảnh sát Panenka nói. “Vậy ông cho tôi xem giấy tờ của ông.”

“Giấy tờ ư?” ông Roedl nói với giọng thiếu tự tin. “Tôi không có giấy tờ bên mình. Tôi đang xin cấp lại.”

“Chúng tôi sẽ tự mình xin cấp lại,” cảnh sát Panenka tốt bụng nói. “Ông hãy đi theo tôi, nào ông Roedl.”

“Đi đâu?” ông Roedl cự lại, mặt xám đi. “Ông có quyền gì... quyền gì để bắt giữ tôi?”

“Vì tôi thấy ông không ổn, ông Roedl ạ,” Panenka tuyên bố. “Ông đừng nhiều lời và đi theo tôi.”

Ở phòng cảnh sát, trung sĩ Kolda đang ngồi, chân đi dép lê, hút tẩu dài và đọc báo cơ quan. Khi nhìn thấy Panenka và ông Roedl, ông ta quát to: “Trời ơi, Marinka, cậu làm gì đấy? Cậu không để cho tôi yên vào cả Chủ nhật à? Tại sao cậu lại dẫn người đến đây vào Chủ nhật?”

“Thưa trung sĩ,” Panenka báo cáo, “tôi thấy người này không ổn. Khi thấy tôi đến quán, ông ta nhảy từ cửa sổ xuống sân và định chạy trốn vào rừng. Ông ta cũng không có giấy tờ gì cả. Thế là tôi bắt giữ ông ta. Tên ông ta là Roedl hay gì ấy.”

“À vậy à,” ông Kolda nói vẻ quan tâm. “Ông Roedl. Thế là chúng ta gặp nhau ở đây, ông Roedl ạ.”

“Các ông không thể bắt tôi,” ông Roedl nói với giọng bất an.

“Chúng tôi không thể bắt,” ông Kolda đồng ý. “Nhưng chúng tôi được phép tạm giữ, đúng không! Marinka, anh hãy đến quán trọ kiểm tra phòng của ông ấy và mang đồ của ông ấy đến đây. Mời ông ngồi, ông Roedl.”

“Tôi... tôi từ chối bất kỳ lời khai nào,” ông Roedl lấp bắp bực bội. “Tôi sẽ khiếu nại... Tôi phản đối...”

“Trời ạ, ông Roedl ơi,” ông Kolda thở hắt ra, “tôi thấy ông không ổn! Tôi sẽ không tranh cãi với ông. Ông ngồi xuống và im đi.” Sau đó ông ta cầm lấy báo và đọc tiếp.

“Ông xem đây, ông Roedl,” ông ta nói sau một lát, “ánh mắt của ông đã thể hiện hết rằng hoàn cảnh của ông không tốt đẹp gì. Ở địa vị của ông thì tôi sẽ khai hết và ông sẽ yên thân. Nhưng nếu ông không muốn thì cũng tốt thôi.”

Ông Roedl ngồi đẩy mặt xám ngoét và mồ hôi nhễ nhại. Ông Kolda theo dõi ông ta, khịt mũi khó chịu và sau đó ông ta xếp lại mấy cái nắm rường mà ông ta đang phơi bên lò sưởi.

“Này, ông Roedl ạ,” ông ta lại bắt đầu sau một lúc, “thế thì chúng tôi sẽ phải tìm lai lịch của ông, còn ông tạm thời cứ ngồi trong khám và sẽ không có ai nói chuyện với ông. Ngài ạ, ngài đừng nên khó chịu như thế!”

Ông Roedl kiên trì ngồi và im lặng còn ông Kolda ngao ngán âm ừ và lau tẩu thuốc. “Được thôi,” ông ta nói, “cái này có thể kéo dài cả tháng cho đến khi chúng tôi tìm ra ông, ông Roedl ạ, nhưng tháng ấy sẽ không được tính vào án. Thế thì uổng phí mất cả một tháng đấy!”

“Còn nếu tôi khai,” ông Roedl lưỡng lự, “thế...”

“Thì người ta sẽ tạm giữ ông, đúng không,” ông Kolda giải thích, “và tháng ấy sẽ được tính. Ông làm gì thì làm. Tôi không ưa ông đâu, tôi sẽ vui nếu họ mang ông lên tòa án tỉnh. Thế đấy ông Roedl ạ.”

Ông Roedl thở dài, trong ánh mắt trốn tránh của ông ta hiện rõ nét đau khổ và tức tối. “Tại sao,” ông ta thốt lên, “tại sao ai cũng nói là tôi không ổn?”

“Vì ông sợ hãi,” ông Kolda thận trọng nói. “Ông đang giấu giếm điều gì đó, ông Roedl ạ, và cái này chẳng ai ưa. Tại sao ông không nhìn thẳng vào mắt bất cứ ai? Ông không yên. Thế đấy, ông Roedl ạ.”

“Tôi tên là Rosner,” người đàn ông xám ngoét bứt rứt sửa lại tên mình.

Ông Kolda suy tư. “Rosner, Rosner, khoan đã, Rosner nào? Tên này tôi đã nghe ở đâu rồi.”

“Thì Rosner Ferdinand,” người đàn ông buột miệng.

“Rosner Ferdinand,” ông Kolda nhắc lại, “cái tên này làm tôi nhớ ra cái gì đây. Rosner Ferdinand...”

“Ngân hàng Depozitní tại Viên,” người đàn ông tái mét giải thích giúp.

“À thế!” ông Kolda vui vẻ kêu lên. “Vụ biển thủ công quỹ. Tôi nhớ rồi. Đúng rồi, Rosner! Người quý hóa ạ, đã có trát bắt ông ba năm rồi đấy! Thế ông là Rosner à,” ông ta vui vẻ nhắc lại. “Nhưng tại sao ông không nói ngay từ đầu? Ông xem này, tôi đã suýt đuổi ông ra ngoài mà ông thì lại là Rosner! Marinka,” ông ta vui vẻ nói với anh cảnh sát Hurych đang bước vào, “rõ ràng đây là Rosner, biển thủ công quỹ.”

“Vâng nhưng...” Rosner hơi nhăn mặt đau khổ.

“Nhưng Rosner ạ,” ông Kolda dỗ dành ông ta, “ông sẽ quen thôi. Ông hãy mừng là ông đã vượt qua được việc này. Trời ạ, tôi xin ông, con người quý hóa ạ, ông đã trốn đâu suốt ba năm qua?”

“Trốn ư,” Rosner cay đắng nói. “Khi trong xe giường, lúc ở khách sạn đắt tiền nhất. Ở đó họ không hỏi ông là ai và đến từ đâu.”

“Ôi chà,” ông Kolda thông cảm, “thế thì ông tốn kém lắm nhỉ, đúng không?”

“Tôi cũng nghĩ thế,” Rosner nhẹ nhõm nói. “Nhưng tôi làm sao mà dám đến các quán bia, nơi cảnh sát họ luôn luôn đến tìm? Ông ạ, tôi luôn luôn phải chi trả tổn kém trên khả năng của mình! Tôi không ở đâu quá ba đêm, mãi ở đây tôi mới bị các ông tóm.”

“À, vâng,” ông Kolda vui vẻ lên. “Nhưng ông cũng hết tiền rồi, đúng không nào Rosner? Đăng nào cũng đến hồi kết mà.”

“Đến rồi,” Rosner đồng ý. “Nhưng tôi nói với ông là tôi cũng không chịu được lâu hơn nữa. Lạy Chúa, thì đã ba năm tôi không được tâm sự với ai, mãi đến hôm nay! Mà tôi cũng chẳng được ăn uống tử tế nữa! Hễ ai đó nhìn tôi là tôi lo chạy trốn... Ai cũng nhìn tôi chăm chăm,” Rosner than thở, “ai tôi cũng nghĩ là người của cảnh sát. Ông nghĩ xem, cả cái ông Pacovský nữa.”

“Ông đừng nghĩ ngợi gì về chuyện này nhé,” ông Kolda nói. “Ông Pacovský đã từng làm cảnh sát đấy.”

“Ông thấy đấy.” Rosner âm ừ, “người ta đi trốn! Tại sao ai cũng nhìn tôi chăm chăm cơ chứ? Trông tôi như tội phạm à?”

Ông Kolda nhìn ông ta đắn đo và kỹ lưỡng. “Rosner ạ, tôi nói với ông cái này,” ông ta nói, “giờ thì thôi rồi; giờ thì tôi thấy ông nói chung là người bình thường rồi. Nhưng trước đó, trời ạ, tôi thấy ông không ổn; tôi không biết, có cái gì đó không bình thường với ông... Ừ,” ông ta quyết định, “Marinka sẽ dẫn ông lên tòa. Vẫn chưa đến sáu giờ, họ sẽ trừ ngày hôm nay vào thời gian thi hành án của ông. Nếu hôm nay không là Chủ nhật thì tôi sẽ tự mình dẫn ông đi, và để ông biết là... hừm, tôi chẳng ghét gì ông đâu. Nó chỉ do cái kiểu ứng xử lạ kỳ của ông đấy, Rosner ạ, nhưng bây giờ thì như thường rồi. Marinka ạ, anh bắt ông này đi!”

“Marinka ạ, anh biết chứ,” ông Kolda nói, “tôi nói cho anh biết là tôi thích cái tay Rosner. Nói chung là người dễ mến, đúng không! Tôi nghĩ là họ sẽ không phạt tù ông ta quá một năm.”

“Tôi cũng đã nói hộ ông ta,” cảnh sát Panenka nói, mắt nhìn lên, “để họ cho ông ta hai cái chặn. Ông ta không quen ngủ trên phản gỗ.”

“Tốt,” ông Kolda nói. “Và tôi sẽ bảo cai tù để họ chuyện trò với ông ta, để cái ông Rosner ấy thấy là ông ta đang được sống giữa mọi người.”

CÁC VỤ ÁN CỦA ÔNG JANÍK

Cái ông Janík không phải là dr. Janík làm việc ở trên Bộ, cũng không phải tên Janík, kẻ đã bắn chết tay địa chủ Jirsa, cũng không phải gã Janík buôn bán cổ phiếu, kẻ mà người ta nói rằng đã gây ra ba trăm hai mươi vụ tai nạn, mà là ông Janík, chủ Công ty Janík và Holeček, công ty bán sỉ giấy và cellulose; ông ta là người lịch sự, nhỏ người, có thời kết bạn với cô Severová, nhưng sau đó không cưới vì tuyệt vọng; tóm lại như đã nói trên, hãy gọi ông là nhà buôn giấy Janík để khỏi nhầm lẫn.

Ông Janík ngẫu nhiên dính vào các vụ án. Sự thể là ở đâu đó trên miền Sázava, nơi ông nghỉ hè tại nhà nghỉ riêng; khi ấy người ta tìm xác cô Růžena Regnerová, người bị chồng chưa cưới là Jindřich Bašta giết hại, đổ dầu đốt xác rồi vùi trong rừng. Mặc dù Bašta đã bị xác nhận là giết Růžena, nhưng người ta không tìm ra xác hay xương cốt cô ta; chín ngày trời các cảnh sát viên đã đi tìm trong rừng theo sự dẫn đường của Bašta, hết chỗ này đến chỗ kia, họ đào xuống, bới lên nhưng không tìm thấy gì. Rõ ràng là cái thằng ma ám Bašta cố tình dẫn họ sai lối hoặc là tìm cách kéo dài thời gian. Đó là một thanh niên con nhà khá giả, nhưng có thể bác sĩ đã dùng kim bóp mạnh vào đầu hấn trước khi hấn ra đời, tóm lại là hấn không bình thường; hấn là đứa hư hỏng và kỳ quặc. Chín ngày hấn dẫn các cảnh sát đi khắp rừng, mặt xám ngoét như ma, nhãn cầu mắt thì rần rật khủng khiếp, thật gớm ghiếc khi nhìn thấy hấn. Các cảnh sát viên phải giẫm lên các bụi việt quất và cây dại, họ điên tiết đến mức là chỉ chưa ăn thịt kẻ phạm tội, họ nghĩ: Đồ chó, chúng tao sẽ hành cho mày mệt lử đến mức mày sẽ phải khai ra! Còn Bašta thì lão đảo vì đuối sức, khuyu xuống bất cứ chỗ nào trên mặt đất và thở ra khàn khàn: “Chỗ này, tôi vùi nó ở chỗ này!”

“Đứng lên Bašta!” cảnh sát viên hét. “Không phải chỗ này! Đi!”

Bašta trung thực đứng lên, đôi chân lão đảo một đoạn về phía trước nếu không ngã xuống vì mệt mỏi. Đây là một đám diễu hành nhỏ: bốn cảnh sát, hai dân phòng, mấy thợ rừng và mấy ông già tay cầm cuốc, xẻng, cùng cái xác người quần quai di chuyển tên là Jindřich Bašta.

Ông Janík biết mấy cảnh sát viên này từ quán bia, vì vậy ông cũng được phép đi vào rừng với cái đám diễu hành bi thương ấy, mặc dù không ai trách là ông không có phận sự gì ở đây. Ngoài ra ông còn mang theo mấy hộp cá mòi, salami, rượu cognac và những món như thế, những món ấy rất phù hợp cho mọi người. Ngày thứ chín thì khổ quá, khổ tới mức mà ông Janík đã phải quyết định: mình sẽ không hành hạ cái xác mình thêm nữa. Các cảnh sát viên thì sửa lên ông ống trong cơn thịnh nộ khó chịu, nhóm thợ rừng thì tuyên bố là họ mệt lắm rồi mà họ còn nhiều việc khác, mấy ông già cầm cuốc xẻng thì căn nhắc rằng với công việc nặng nhọc như thế mà trả có hai mươi koruna mỗi ngày thì quá ít, còn Jindřich Bašta run rẩy, quần quai đau đớn trên mặt đất và đã không chịu trả lời lại những câu quát nạt rỗng tuếch của nhóm cảnh sát. Trong tình trạng bế tắc ấy ông Janík đã làm một việc: Ông quỳ xuống cạnh Bašta, đưa vào tay hắn cái bánh mì trắng nhồi giăm bông và nói với giọng đầy thương hại: “Nghe này anh Bašta ơi, nào, anh Bašta ơi, anh nghe tôi không?” Bašta bỗng rú lên và khóc lóc, “Tôi sẽ tìm thấy nó... tôi sẽ tìm thấy nó, ông ạ.” Hắn nức nở và thử đứng dậy; lúc đó một cảnh sát mật đã đến bên hắn, nhẹ nhàng đỡ hắn dậy. “Anh Bašta, anh cứ dựa vào tôi nào, anh Bašta ơi,” và nói với hắn, “ông Janík sẽ đỡ anh bên kia, thế. Nào, anh Bašta, bây giờ anh chỉ cho ông Janík nó ở chỗ nào, nhé.”

Một giờ sau Jindřich Bašta, miệng ngậm diều thuốc, đã đứng bên một cái hố đất còn mềm, từ trong hố thò ra hai cái xương đùi.

“Đây có phải là thi thể cô Ružena Regnerová không?” trung sĩ Trnka hỏi với giọng quả quyết.

“Nó đấy,” Jindřich Bašta bình thản trả lời và lấy ngón tay gạt tàn thuốc xuống hố. “Các vị cần gì nữa không?”

“Ông biết không,” tối hôm đó trung sĩ Trnka nói với ông Janík trong quán bia, “ông đúng là nhà tâm lý, cái này ông phải giữ lấy đấy. Chúc sức khỏe, uống nào! Thăng ấy mềm đi khi nghe ông nói, anh Bašta ơi. Hẳn sĩ diện mà, đồ khốn! Còn chúng tôi thì lôi hăn đi khắp nơi. Thưa ông làm thế nào ông biết là sự lịch thiệp tác động mạnh thế?”

“Cái này,” người hùng của ngày đỏ mặt lên nói, “nó thế này, các vị biết không? Tôi ấy mà, các vị biết đấy, với ai tôi cũng thưa gửi. Mà tôi cũng thương cái anh Bašta ấy và tôi muốn cho anh ấy cái bánh mì trắng...”

“Sự linh cảm,” trung sĩ Trnka tuyên bố. “Tôi bảo cái này là biết người việc và tâm lý học. Chúc sức khỏe, nào ông Janík! Tiếc quá, ông nên làm cho chúng tôi...”

Một thời gian sau ông Janík đi tàu đêm có giường ngủ đến Bratislava; ở đó có cuộc họp đại hội đồng cổ đông của một nhà máy giấy tại Slovakia. Lý do là ông Janík hợp tác nhiều với nhà máy này nên ông muốn có mặt. “Anh nhớ đánh thức tôi trước khi tàu đến Bratislava nhé,” ông dặn người soát vé trên tàu, “để tôi không bị tàu chở ra ngoài biên giới.” Nói xong ông lên giường ngủ ở toa W.L., trong lòng vui vui vì ông đi một mình trong khoang, ông ngả mình xuống gần như chết. Ông còn suy nghĩ một lát về các thương vụ rồi sau đó ngủ thảng. Ông không biết mình đang ở đâu khi người soát vé mở cửa khoang cho một người đàn ông, người ấy cởi áo và leo lên giường tầng trên. Trong ánh sáng mờ ông Janík nhìn thấy đôi ống quần và hai cẳng chân dày lông một cách không bình thường của người đồng hành này đung đưa. Ông nghe thấy người đàn ông ấy dang hăng và chui vào trong chăn, sau đó người ấy tắt đèn, rồi tiếng ồn của tàu chạy cùng với bóng tối trùm lên tất cả. Ông Janík mơ thấy cái này, cái kia, nhưng ông bị đôi chân lông lá ấy đeo đuổi. Ông tỉnh giấc sau một lúc tĩnh lặng khá dài

và nghe thấy tiếng từ bên ngoài gọi: “Hẹn gặp lại ở Žilina!” Ông nhảy ra khỏi giường và nhìn ra ngoài; ông thấy trời đã sáng, tàu đang dừng trên ga Bratislava còn người soát vé thì đã quên đánh thức ông. Ông giật mình, không kịp trách móc và bằng tốc độ khủng khiếp ông mặc quần áo phủ lên bộ đồ ngủ, cho vào túi năm quả mận của mình rồi nhảy xuống sân ga đúng lúc người nhân viên nhà ga giơ tay ra hiệu cho tàu khởi hành.

“Úi chà,” ông nhổ bọt, giơ nắm đấm về phía con tàu vừa chuyển bánh rồi vào nhà vệ sinh ga mặc nốt quần áo. Khi đã kiểm tra các thứ trong túi áo, ông giật bản mình: trong túi ngực ông có những hai cái bóp đựng tiền. Trong cái bóp dày hơn, bóp này không phải của ông, có sáu mươi tờ giấy bạc năm trăm koruna. Rõ ràng đây là bóp của người cùng đi tàu đêm; nhưng làm thế nào lại chui vào túi áo của ông nhỉ, có trời biết nhé, ông không thể nào tưởng tượng ra khi hầy còn ngái ngủ. Được, biết thế đã. Việc đầu tiên là ông tìm cảnh sát, để trả lại cái bóp của người kia. Cảnh sát đã để ông đói gần chết trong lúc họ gọi điện thoại đến Galanta để thông báo cho người đi toa ngủ đêm giường số 14, là bóp tiền của ông ta để ở phòng cảnh sát Bratislava. Ông Janík phải khai các thông tin cá nhân của mình, sau đó ông đi ăn sáng. Lúc sau người của cảnh sát lại đến tìm ông, hỏi ông xem có nhầm lẫn không vì người đi cùng toa đêm ngủ trên giường số 14 tuyên bố rằng ông ta không thiếu cái bóp nào. Ông Janík lại phải đến cảnh sát lần nữa để giải thích về việc cái bóp thứ hai. Trong lúc hai cảnh sát mặc đồ dân sự mang sáu mươi tờ giấy bạc đi đâu đó, ông Janík phải đợi thêm nửa tiếng cùng hai thám tử để họ dẫn ông đến gặp một ông lớn của ngành cảnh sát.

“Ông ạ,” cái ông lớn ấy nói, “chúng tôi vừa gửi điện đến Parkaň-Nány, để người ta giữ người đi cùng toa đêm ngủ trên giường số 14. Ông có thể mô tả chính xác người đó được không?”

Ông Janík không thể nói nhiều hơn, ngoài cái việc là người đó có đôi chân lông lá. Cái ông lớn bên cảnh sát tỏ ra không yên tâm. “Những tờ giấy bạc ấy là tiền giả,” ông ta bỗng nói. “Ông phải ở lại đây cho đến khi chúng tôi đối chứng ông với người cùng đi tàu ấy.”

Ông Janík nguyên rủa trong đầu việc người soát vé đã không đánh thức ông đúng giờ, vì thế ông đã vội vàng và để cái bóp nguy hiểm kia lọt vào túi áo của ông. Sau một giờ họ nhận được điện trả lời từ Parkaň-Nány rằng người đi cùng toa đêm ngủ trên giường số 14 đã xuống tàu ở Nové Zámky, sau đó người này đi đâu mất.

“Ông Janík ạ,” ông cảnh sát cao lớn nói, “tạm thời chúng tôi không giữ ông nữa, chúng tôi sẽ chuyển vụ này lên ông thanh tra Hruška ở Praha, ông này phụ trách mảng tiền giả; nhưng tôi xin nói với ông rằng vụ này hệ trọng lắm. Ông hãy trở về Praha càng sớm càng tốt, họ sẽ gọi ông đấy. Giờ thì chúng tôi cảm ơn ông, người đã bắt được tiền giả. Ông ạ, đây không phải chuyện ngẫu nhiên đâu.”

Ông Janík vừa về đến Praha thì người ta đã gọi ông lên Tổng Nha cảnh sát; ở đó một ông rất to lớn mà mọi người gọi là tổng trưởng cảnh sát và một ông da hơi vàng vàng, vai bị lệch, tên là thanh tra Hruška đón tiếp ông. “Ông Janík ạ, xin mời ông ngồi,” cái ông to lớn ấy nói và xé kẹp chì ra khỏi một cái gói. “Có phải đây là cái bóp, cái bóp mà ông... e hèm... tìm thấy trong túi áo tại nhà ga Bratislava không?”

“Vâng, đúng nó,” ông Janík thở dài.

Ông to lớn ấy tính đi tính lại các tờ giấy bạc mới trong bóp. “Sáu mươi tờ,” ông ta nói. “Tất cả đều có số seri 27 451. Số này chúng tôi đã được mật báo từ Cheb.”

Ông lệch vai cầm lấy một tờ giấy bạc, nhắm mắt lại, cọ xát nó trên các ngón tay rồi ngửi. “Những thứ này là từ Štýrský Hradec,” ông nói. “Nếu từ Geneve thì không dính dính thế này.”

“Štýrský Hradec,” ông to lớn nhắc lại và đăm chiêu, “bọn nó làm cái này cho Pest, phải không nhỉ?”

Người vai lệch chỉ nháy mắt. “Có lẽ tôi phải sang Viên,” ông ta nói. “Những cảnh sát viên sẽ không giao tên này cho mình đâu.”

“Hừm,” cái ông to lớn giận dữ nói. “Thế thì chúng ta sẽ tóm hãn theo cách khác. Nếu không được ta sẽ đổi lấy hãn bằng tên Leberhardt. Anh Hruška ơi, chúc anh lên đường may mắn! Còn ông,” ông ta quay lại phía ông Janík, “tôi không biết phải cảm ơn ông như thế nào. Có phải ông là người tìm ra cái cô bé của tay Jindřich Bašta đấy không?”

Ông Janík châm thuốc lá. “Chuyện ngẫu nhiên ấy mà,” ông nói nhanh. “Tôi thực sự... tôi không có chủ định gì đâu...”

“Ông là người may mắn,” ông to lớn tán thưởng. “Ông Janík ạ, ấy là trời cho đấy. Có người cả đời chả tìm ra cái gì; người khác thì toàn hụt mất những vụ quan trọng nhất. Ông nên chuyển sang làm cho chúng tôi, ông Janík ạ.”

“Không được đâu,” ông Janík phản đối. “Tôi còn có công ty... đang phát triển... công ty ông nội tôi để lại mà.”

“Tùy ông thôi,” ông to lớn thở dài, “nhưng rất tiếc đấy ông ạ. Những cái may mắn ấy không phải ai cũng có được. Chúng ta sẽ còn gặp nhau, ông Janík ạ.”

oOo

Khoảng một tháng sau ông Janík đi ăn tối với đối tác của mình đến từ Leipzig. Ai cũng biết, bữa tiệc thương mại ấy rất đắt tiền; chủ yếu là rượu cognac cực ngon; sau đó ông Janík không muốn đi bộ về nhà; ông vẫy tay cho người gác cổng và ra lệnh: “Xe nào!” Khi ông ra khỏi khách sạn thì xe đã đợi sẵn bên lối ra; ông lên xe, đóng cửa lại và vui vẻ tới mức quên cả nói địa chỉ nhà mình cho người lái xe. Xe đã chuyển bánh, ông Janík thành thoi nằm trong xe và ngủ luôn.

Ông không biết xe đi bao nhiêu lâu; ông tỉnh ra khi xe dừng lại và người lái xe mở cửa cho ông: “Thưa ông, chúng ta đã đến nơi. Ông phải lên trên kia ông ạ.” Ông Janík lấy làm lạ, ông không biết mình đang ở đâu, nhưng sau khi uống say cognac ông cũng chẳng cần biết nữa, ông liền đi lên cầu thang lên trên và mở cửa; ông nghe thấy tiếng trò chuyện lớn giọng.

Ở đó có khoảng hai mươi người, tất cả đều nóng ruột hướng về phía cửa. Bỗng nhiên tất cả đều im lặng; một trong các ông kia đứng dậy và đi về phía ông Janík: “Anh muốn gì? Anh là ai?”

Ông Janík nhìn quanh ngạc nhiên, ông biết mặt năm hay sáu người - họ là những người giàu có, nghe nói là họ có những quyền lợi chính trị đặc biệt gì đó; nhưng ông Janík không dính vào chính trị. “Thân chào,” ông chào thân thiện, “kia là ông Konbek và ông Heller. Thân chào Ferry! Các cậu ơi, mình có thể uống nào!”

“Ai đưa tay này đến đây?” một người điên tiết lên hỏi. “Tay này cũng là người bên mình à?”

Hai người khác đẩy ông Janík ra hành lang. “Ai đưa anh đến đây?” một người trong bọn họ nói gay gắt. “Ai mời anh đến đây?”

Câu nói không thân thiện chút nào ấy làm cho ông Janík tỉnh ra. “Tôi đang ở đâu thế này?” ông nói giọng khó chịu. “Quý ạ, các anh đưa tôi đi đâu thế này?”

Một trong mấy ông kia chạy xuống cầu thang và lao về phía người lái xe. “Anh thật là đồ ngốc,” ông ta quát, “anh kiếm đâu ra người này?”

“Vâng, trước cửa khách sạn,” người lái xe cãi. “Chiều nay họ bảo tôi đợi một ông ở cửa khách sạn để đưa ông ấy đến đây. Ông này đúng mười giờ chui vào xe và chả nói với tôi câu nào, thế là tôi đưa đến thẳng đây.”

“Trời ạ” cái ông bên dưới hét lên, “rõ ràng đây là người khác! Anh giết chúng tôi rồi!”

Ông Janík ngồi mệt mỏi trên cầu thang. “À,” ông nói với giọng yên tâm, “hội họp bí mật chứ gì? Giờ thì các anh phải bóp cổ rồi chôn tôi đi. Cho tôi cốc nước nào!”

“Ông ạ,” một trong hai người ấy nói, “ông nhầm đấy. Trong kia không có ông Konbek và ông Heller đâu, ông hiểu chứ? Nhầm đấy! Chúng tôi đưa ông về Praha; ông phải thứ lỗi cho chúng tôi vì ở đây có sự nhầm lẫn.”

“Không sao,” ông Janík nói giọng đầy hào phóng. “Tôi biết là người lái xe sẽ bắn chết tôi và sẽ vùi tôi trong rừng. Nhưng mặc kệ. Mình là đồ ngốc, quên đưa cho nó địa chỉ; mình đáng chết.”

“Ông say rồi, đúng không?” một ông không quen hỏi, giọng có vẻ yên tâm.

“Say chút thôi,” ông Janík đồng ý. “Anh biết đấy, tôi ăn tối với ông đối tác Mayer đến từ Dresden. Tôi là Janík, nhà bán sỉ giấy và cellulose,” ông ngời và tự giới thiệu trên cầu thang. “Công ty của ông tôi để lại.”

“Ông đi ngủ đi.” cái ông không quen nói. “Bao giờ ngủ dậy ông sẽ không nhớ gì đâu, nhỉ... hừm, chúng tôi đã làm phiền ông.”

“Đúng rồi,” ông Janík đang hoang nói. “Ông đi ngủ đi ông ạ. Giường của tôi đâu nhỉ?”

“Ở nhà,” cái ông không quen nói. “Lái xe sẽ đưa ông về nhà. Cho phép tôi đỡ ông dậy nào.”

“Không cần đâu,” ông Janík phản đối. “Tôi chưa say như các ông đâu. Các ông đi ngủ đi. Lái xe ơi, về Bubenec.”

Xe quay trở lại, ông Janík còn kín đáo nhìn xem lái xe chở ông đi đâu.

Sáng hôm sau ông gọi điện thoại lên Tổng Nha cảnh sát về cuộc phiêu lưu đêm qua. “Ông Janík ơi,” một người từ Tổng Nha cảnh sát trả lời ông sau một phút im lặng, “cái này đối với chúng tôi cực kỳ thú vị. Chúng tôi khẩn khoản đề nghị ông đến đây *ngay* nhé.”

Khi ông Janík đến nơi đã có bốn ông cùng với cái ông to lớn đứng đầu đoàn đợi ông. Ông Janík lại phải kể lại những điều đã xảy ra và ông đã nhìn thấy những ai. “Ô tô mang biển số N XX 705,” cái ông to lớn ấy nói thêm. “Xe riêng. Trong sáu vị mà ông Janík nhìn thấy thì theo tôi có ba vị mới. Thưa các ông, tôi xin lỗi là phải đi. Ông Janík ơi, theo tôi.”

Ông Janík ngồi lo lắng trong phòng làm việc lớn của ông to béo, ông này đi đi lại lại dăm chiêu. “Ông Janík ạ,” cuối cùng thì ông ta nói, “trước hết tôi phải đề nghị ông: ông không được nói với ai câu nào. Vấn đề quốc gia, ông hiểu chứ?”

Ông Janík gật đầu im lặng. Trời ạ, ông nghĩ, mình lại dính vào vụ gì đây?

“Ông Janík ơi,” cái ông to lớn bỗng nói, “tôi không muốn tâng bốc ông đâu, nhưng chúng tôi cần ông. Ông có nhiều may mắn... Có thể nói là có phương pháp; nhưng mà thám tử mà không gặp may mắn thì vô dụng. Chúng tôi cần những người may mắn. Trí tuệ thì chúng tôi có đủ, nhưng chúng tôi muốn mua những cái may mắn ngẫu nhiên. Ông ạ, ông đến với chúng tôi nhé.”

“Thế còn công ty?” ông Janík đau đớn nói khẽ.

“Đồng sự của ông sẽ lãnh đạo công ty, thật uổng phí một người như ông với những may mắn trời cho. Thế nhé?”

“Tôi... tôi sẽ phải suy tính lại,” ông Janík lắp bắp bất hạnh. “Tôi sẽ đến trong vòng một tuần; nhưng nó phải... và nếu đúng là tôi có khả năng... tôi chưa biết đâu; tôi sẽ đến.”

“Được,” ông to béo nói và bắt tay ông bằng bàn tay khổng lồ. “Ông đừng nghi ngờ gì về bản thân nhé. Xin tạm biệt.”

Chưa qua hết một tuần ông Janík đã đến. “Vâng, tôi đã có mặt,” ông hồ hởi với khuôn mặt vui vẻ.

“Quyết định rồi chứ?” ông to béo hỏi.

“Trời ạ,” ông Janík thở hắt ra. “Tôi đến để nói với ông là không ổn, tôi không phù hợp với công việc này.”

“Thôi đi ông! Sao thế?”

“Ông xem này,” ông Janík đắc thắng, “năm năm rồi thằng đại diện pháp luật của công ty tôi nó ăn cắp mà tôi không phát hiện ra! Tôi thật ngu xuẩn. Trời ạ. Năm năm tôi ngồi bên thằng móc túi mà tôi không biết gì! Ông thấy chưa, tôi thật vô dụng! Tôi đã lo! Trời ơi là trời, tôi mừng là việc này sẽ không đi đến đâu! Thế là tôi thoát rồi, đúng không? Xin cảm ơn nhiều!”

KỶ LỤC

“Thưa ông huyện*,” cảnh sát điều tra Hejda nói với ông Touček, thẩm phán tòa án huyện, “tôi đang điều tra một vụ mà bị can gây tàn hại sức khỏe người khác. Trời ạ, nóng quá!”

Cách gọi tắt chức danh thẩm phán tòa án huyện trong ngành hình sự.

“Ông ạ, ông nghỉ đi,” ông thẩm phán khuyên.

Ông Hejda dựa súng vào tường, đặt mũ xuống sàn, mở rộng dây lưng và cởi áo dài. “Ôi chà,” ông nói. “Cái thằng đốn đời! Ông thẩm phán ạ, tôi chưa bao giờ có vụ án như thế này. Ông xem đây.” Nói xong ông ta nâng một vật nặng, được gói trong khăn mùi soa màu xanh da trời mà trước đó ông để nằm bên cửa, mở nút buộc và lấy ra một hòn đá to như đầu người. “Ông xem đi,” ông ta nhắc lại.

“Cái gì thế này?” thẩm phán vừa hỏi vừa ấn bút vào hòn đá. “Đá à?”

“Vâng, một hòn to tướng,” ông Hejda thừa nhận. “Thưa ông thẩm phán: thằng Lisický Václav, công nhân lò gạch, mười chín tuổi, trú quán: lò gạch, ông ghi lại chưa? Nó cầm hòn đá này nện hoặc ném bằng tay phải, hòn đá nặng năm cân chín trăm bốn mươi chín gam, trúng vào lão Pudil František, địa chủ, làm cho lão này gãy khớp vai và xương quai xanh, chảy máu vai, chấn thương gân và dây chằng vai, ông ghi lại chưa?”

“Ghi rồi,” thẩm phán nói. “Nhưng có gì đặc biệt nhỉ?”

“Cái này ông phải xem, ông thẩm phán ạ,” Hejda nhấn mạnh. “Tôi kể cho ông nghe theo trình tự. Cách đây ba hôm tay Pudil gọi tôi. Ông biết tay này chứ, ông tòa huyện.”

“Biết,” thâm phán nói. “Có một lần chúng tôi điều tra vụ cho vay nặng lãi và một lần... hừm...”

“Là vì cờ bạc bất hợp pháp. Tay Pudil này như thế đấy. Ông biết chứ, hãn có vườn anh đào bên sông. Ở chỗ ấy sông Sázava uốn khúc, nên sông rộng hơn so với những chỗ khác. Pudil cho mời tôi vì hãn gặp phải sự cố. Khi tôi đến thì hãn nằm trên giường, kêu ca và chửi bới. Hãn kể tối hôm trước hãn ra kiểm tra vườn cây ăn quả, ngó mấy cây anh đào thì tóm được một thằng bé vặt trộm quả trên cây cho vào túi. Ông biết chứ, Pudil là tên du côn, hãn cởi dây lưng ra, lôi thằng bé xuống và đánh nó bằng dây lưng. Lúc đó có ai đó bên kia sông gọi hãn: Pudil ơi, thả nó ra! Tay Pudil này mắt kém, có lẽ do uống nhiều; hãn nhìn thấy bên kia sông có ai đứng nhìn hãn. Vì vậy hãn chỉ nói: Không việc gì đến mày, đồ khốn, và tiếp tục nện thằng bé mạnh hơn. Pudil ơi, người bên kia sông quát to, thả nó ra đi! Pudil nghĩ, mày thì làm được gì tao nên quát: Mày có ăn c... cho tao thì ăn, đồ ngu! Chưa dứt lời hãn đã ngã sóng soài trên mặt đất và vai bên trái đau kinh khủng. Người bên kia sông còn nói thêm: Cho mày biết tay, đồ quý già! Ông biết không, người ta phải khiêng tay Pudil này đi vì hãn không đứng dậy được; bên cạnh hãn là hòn đá này. Đêm ấy người ta gọi bác sĩ; bác sĩ muốn đưa Pudil vào bệnh viện vì xương cốt của hãn vỡ nát rồi; nghe nói tay trái hãn bị liệt. Nhưng dịp này lại là vụ thu hoạch nên Pudil không muốn vào bệnh viện. Buổi sáng cái hôm mà hãn gọi tôi, hãn đề nghị tôi phải bắt cái thằng khốn nạn bắn thiu, cái thằng bò thiến* làm hại hãn ta. Được thôi.

Người Czech dùng từ “bò thiến” để chỉ những người khỏe nhưng ngu độn.

“Ông nghe nhé, khi người ta chỉ cho tôi hòn đá, tôi sửng sờ; một hòn đá có chứa kim loại nặng hay sao ấy, nên nó nặng hơn bề ngoài nhiều. Ông nhắc thử xem, tôi đã ước đoán nó khoảng sáu cân - so với thực tế chỉ thiếu năm mươi một gam. Ông ạ, với hòn đá như thế thì phải biết ném mới ném được. Sau đó tôi ra xem cái vườn cây ăn quả và ngắm dòng sông. Chỗ cỏ bị dè rạp xuống là chỗ tay Pudil nằm quằn quại; từ đấy đến mép nước là hai

mét; và dòng sông ông ạ, chỉ nhìn qua cũng thấy rộng khoảng mười bốn mét, vì chỗ đó sông uốn khúc. Ông thẩm phán ơi, tôi phải hét lên, nhảy lên nhảy xuống và bảo mang ngay đến cho tôi sợi dây dài mười tám mét! Tôi đóng cọc vào chỗ tay Pudil ngã, buộc dây vào, cởi quần áo rồi bơi qua sông sang gần bờ bên kia, tay cầm một đầu dây. Ông huyện ạ, ông nói gì đây: sợi dây chỉ đủ dài đến mép bờ bên kia; sau đó là bờ kè và bên trên là lối mòn. Tôi đo đi đo lại ba lần: từ chỗ cái cọc đến chỗ lối mòn là mười chín mét hai mươi bảy centi.”

“Ông Hejda này,” thẩm phán nói, “không thể tin được, khoảng cách xa đấy; ông xem lại đi xem thằng ấy nó có đứng dưới nước hay giữa sông không?”

“Tôi cũng nghĩ thế!” Hejda nói. “Nhưng ông huyện ạ, từ bờ này sang bờ kia lòng sông sâu hơn hai mét, vì chỗ ấy dòng sông uốn khúc. Và trên kè đá vẫn còn cái lỗ hổng sau khi bẫy viên đá ra; ông biết chứ, bờ bên kia sông người ta xây kè để chống sạt lở. Thằng ấy nó bẫy viên đá từ kè và chỉ có thể ném từ chỗ lối mòn, nếu nó đứng sát bờ kè sẽ bị trượt xuống nước. Có nghĩa là nó ném mười chín mét hai mươi bảy centi. Ông biết thế có nghĩa là gì không?”

“Hay nó dùng nó?” thẩm phán hỏi thiếu tự tin.

Ông Hejda nhìn ông ta đầy trách móc. “Ông huyện ạ, ông thử dùng nó để bắn hòn đá nặng năm cân rưỡi xem nào, khéo ông phải dùng máy bắn đá mất. Ông ạ, tôi vất vả với hòn đá suốt hai ngày trời; tôi thử buộc nó vào dây rồi quay tròn, y như môn ném búa, ông biết không, lần nào hòn đá cũng tuột khỏi dây buộc. Ông ạ, trường hợp này thì đúng là phải như đây ạ. Ông biết không,” ông Hejda buột miệng, “ông biết không nào? Đây là kỷ lục thế giới. Thế nhé.”

“Gớm! Thôi đi ông,” thẩm phán kinh ngạc.

“Kỷ lục thế giới ông ạ,” ông Hejda nghiêm trang nhắc lại. “Quả tạ thế thao nặng hơn, nặng bảy cân; kỷ lục thế giới của môn đẩy tạ là mười sáu

mét thiếu vài centi. Mười chín năm người ta giữ kỷ lục là mười lăm mét rưỡi ông ạ; mãi năm nay cái anh vận động viên người Mỹ, tên gì nhỉ, hình như Kuck hay Hirschfeld mới đẩy được gần mười sáu mét. Nếu đẩy tạ nặng sáu cân thì có thể đạt mười tám, mười chín mét. Ở đây mình hơn hẳn hai mươi bảy centimét! Ông huyện ạ, cái thằng này nó có thể đẩy hòn tạ thể thao khoảng mười sáu mét hai mươi nhăm nhé, đấy là chưa được huấn luyện. Trời ạ, mười sáu mét hai mươi nhăm! Ông thẩm phán ơi, tôi đã từng đẩy tạ mà; hồi ở Siberia đám bạn tôi thường hò hét: Hejda, ném nào - ném lựu đạn, ông biết không? Và hồi ở Vladivostok tôi thi đẩy tạ với lính hải quân Mỹ; tôi đẩy quả tạ thể thao những mười bốn mét; nhưng tay giáo sĩ của họ vượt tôi bốn điểm. Trời ạ, ở Siberia chúng tôi ném biết bao nhiêu là thứ! Nhưng hòn đá này, ông ạ, tôi chỉ ném được mười lăm mét rưỡi, không thể hơn được. Mười chín mét! Trời ạ, tôi nghĩ thằng này thì tôi phải sử dụng; nó sẽ lập kỷ lục cho nước mình. Ông thử tưởng tượng cái cảnh quân ta sẽ nâng tay trên kỷ lục của người Mỹ xem!”

“Còn tay Pudil thì sao?” thẩm phán bối rối hỏi.

“Quý tha ma bắt lão ấy đi.” Hejda quát lên. “Ông thẩm phán ơi, tôi đã bắt đầu điều tra kẻ lập nên kỷ lục thế giới hiện còn giấu mặt; đây là quyền lợi quốc gia, chứ gì nữa? Trước hết tôi sẽ miễn cho hắn tội hình sự trong cái vụ Pudil này.”

“Không được,” thẩm phán phản đối.

“Khoan đã; tôi miễn tội hình sự nếu hắn thực sự ném hòn đá sáu cân qua sông Sázava. Tôi đã thông báo cho xã trưởng các xã quanh vùng đây là kết quả nổi tiếng và cả thế giới sẽ viết về nó; và tôi nói là người này sẽ làm ra không biết bao nhiêu nghìn. Trời ơi, ông thẩm phán ơi, từ buổi ấy tất cả đám thanh niên khắp vùng bỏ bê công việc mùa màng và kéo ra kè đá để ném đá sang bên kia sông. Cái kè ấy đã hoàn toàn bị tháo dỡ; bọn nó đang đập nốt bờ kè và đập nát cả bờ tường đá để lấy đá ném sang bờ bên kia. Và bọn nhóc tởm lợm thì ném đá khắp trong làng; bao nhiêu gà què đã bị ném chết. Tôi đứng trên kè và quan sát, ông biết chứ, chả đứa nào ném đến giữa

sông. Ông ạ, mà lòng sông thì đã lừng lững đá. Tối hôm qua họ tóm cái thăng mà nghe nói đã ném hòn đá trúng tay Pudil. Ông sẽ thấy cái đồ vô dụng ấy, hẳn đang ngồi đợi ngoài kia. Nghe đây Lisický, tôi bảo hẳn, có phải mày ném hòn đá này trúng lão Pudil không? Ừ đúng, hẳn nói, Pudil chửi tôi, tôi điên tiết lên và ở đây chả có hòn đá nào khác. Hòn đá như thế đây này, mày thử ném sang bờ chỗ Pudil xem nào; nhưng nếu không ném đến nơi thì tao sẽ cho mày vào địa ngục, đồ hèn ạ!

“Hẳn cầm hòn đá, bàn tay hẳn to như cái xẻng, đứng trên kè và ném; tôi đứng nhìn, chả có tí kỹ thuật nào, chả ra kiểu gì; chân và thân không phối hợp; và tồm một cái, hẳn ném hòn đá xuống nước khoảng mười bốn mét; ông ạ, thế là khá lắm đấy, nhưng... Được, tôi chỉ cho hẳn: Đồ vụng về ơi, mày phải đứng thế này, vai phải quay về sau, và lúc ném mày phải đẩy hòn đá đi, hiểu chưa? Ừ hẳn nói, mặt nhăn như bị* và tồm một cái, nó ném được khoảng mười mét.

Nguyên văn: mặt nhăn nhó như thành Jan Nepomucký.

“Ông biết chứ, tôi điên tiết lên. Đồ quý sứ, tôi thét, có đúng mày ném trúng tay Pudil không? Mày nói dối! Thưa ông trung sĩ, hẳn nói, có trời biết đúng là tôi ném trúng lão; ông cứ cho lão đứng vào chỗ kia và tôi sẽ lại ném trúng cái thăng chó ác ấy. Ông ạ, tôi chạy đến gặp tay Pudil và đề nghị, ông Pudil ơi, ông xem này, đây là kỷ lục thế giới; đề nghị ông, ông hãy ra bờ sông bên ông và chửi để cái thăng đóng gạch ấy nó ném một lần nữa. Không thể tin nổi ông thậm phán ạ, tay Pudil chối đây đây, rằng có cho lão vàng lão cũng không ra đấy. Ông thấy không, cái bọn thấp hèn này không nhìn thấy những quyền lợi cao hơn.

“Thế là tôi phải hỏi cung cái thăng Vašek* đóng gạch ấy. Đồ lừa dối, tôi quát, làm gì có chuyện mày ném trúng Pudil. Pudil khai người khác. Lão nói dối, thăng Lisický trả lời, tôi ném đấy. Mày làm xem nào, xem có ném được xa thế không? Thăng Vašek vừa gãi đầu vừa cười: Thưa trung sĩ, ném mà không có mục tiêu thì tôi không ném được; nhưng lão Pudil thì bao giờ tôi cũng ném trúng, với lão tôi luôn có cách. Vašek này, tôi dụ hẳn, nếu

mày ném trúng thì tao tha, nếu không ném trúng thì mày sẽ ngồi tù về tội làm tổn thương nghiêm trọng sức khỏe người khác, mày đã gây tàn tật cho Pudil, đồ mất dạy ạ, mày sẽ ngồi tù sáu tháng vì cái tội này. Thế thì tôi sẽ ngồi tù vào mùa đông vậy, thằng Vašek nói; và tôi đã nhân danh luật pháp tóm cổ hắn.

Vašek là tên gọi tắt của Václav.

“Giờ thì hắn đang đợi ngoài hành lang; ông huyện ạ, ông hãy hỏi cung hắn xem có đúng là hắn ném hòn đá hay hắn chỉ sĩ diện. Tôi nghĩ hắn sẽ sợ và sẽ xin khiếu nại; nhưng nếu thế thì mình chỉ phạt hắn một tháng tù về tội khai man trước cơ quan công quyền hoặc nói dối; trong thể thao không được dối, nếu vi phạm sẽ phạt nặng ông ạ. Tôi dẫn hắn vào đây.”

oOo

“Anh là Václav Lisický à,” thẩm phán tòa án huyện vừa hỏi vừa nghiêm khắc nhìn kẻ phạm tội tóc màu xám. “Anh nhận tội là đã cố tình ném hòn đá này vào ông František Pudil và gây chấn thương nặng cho ông ta. Đúng thế không?”

“Thưa ông thẩm phán,” kẻ phạm tội bắt đầu nói, “nó thế này cơ: lão Pudil đánh thằng bé, tôi gọi với qua sông, bảo lão thôi đi thì lão chửi tôi...”

“Anh đã ném hòn đá hay không ném?” thẩm phán hỏi.

“Thưa, tôi ném,” người phạm tội ăn năn, “nhưng lão chửi tôi nên tôi nhặt hòn đá...”

“Ma bắt anh đi,” thẩm phán quát. “Tại sao anh lại nói dối hả anh kia? Anh không biết là sẽ bị phạt rất nặng khi anh dối tòa hay sao? Chúng tôi biết rõ là anh không ném!”

“Thưa, tôi ném,” người đóng gạch lắp bắp, “nhưng lão Pudil chửi tôi rằng tôi chỉ có ăn c... của lão ấy*.”

Nguyên văn: chui vào lỗ... của lão.

Thẩm phán nhìn như muốn hỏi cảnh sát Hejda, ông này nhún vai. “Bị can, cởi áo ra,” thẩm phán yêu cầu kẻ phạm tội đau khổ. “Nào, nhanh lên, quần nữa! Xong chưa?”

Gã không lồ trẻ tuổi đứng như trời trồng, run rẩy, có lẽ hấn sợ bị tra tấn, điều mà hấn nghĩ hấn sẽ xảy ra trong phiên tòa.

“Ông Hejda à, ông nhìn xem cái của này,” thẩm phán Touček nói. “Và cái cơ bắp nở nang này, ông nói sao?”

“Ừ cái cơ này tạm được,” ông Hejda tỏ ra hiểu biết. “Nhưng cơ bụng không được rèn. Ông huyện ạ, để đây tạ thì cơ bụng phải khỏe, ông biết không, phải xoay mình. Ông có xem cơ bụng tôi thì ông mới biết.”

“Người ơi,” thẩm phán kêu lên, “thì bụng đây, ông xem mấy cái cục cơ này, trời ạ, thế mới là ngực chứ,” thẩm phán vừa nói vừa ấn tay vào đám lông vàng trên ngực Vašek. “Nhưng chân thì yếu; bọn nhà quê chân rất yếu.”

“Vì chúng nó không chịu vận động,” ông Hejda chê. “Thế này không phải là chân; ông ạ, đây tạ cần phải có chân khỏe chứ!”

“Quay lưng lại nào” thẩm phán quát người đóng gạch trẻ tuổi. “Lưng thế nào?”

“Từ vai thì tốt,” ông Hejda nói, “nhưng bên dưới chả có gì, thân mình thẳng này không có tí sức nào. Ông huyện ạ, tôi nghĩ nó chả xứng!”

“Mặc quần áo vào,” thẩm phán quát người đóng gạch. “Nghe đây anh kia! Câu hỏi cuối cùng: Anh có ném hòn đá hay không?”

“Tôi có ném” Václav Lisický cứng đầu lăm bẫm.

“Đồ con lừa,” thẩm phán buột miệng, “anh đã ném hòn đá, đã gây chấn thương nặng cho người khác, anh sẽ phải lên tòa tỉnh và sẽ bị phạt mấy tháng tù, hiểu chưa? Bỏ cái trò sĩ diện hão đi và hãy nhận là đã khoác lác về chuyện hòn đá; tôi sẽ phạt anh ba ngày tù vì tội nói dối cơ quan công quyền và cho anh về. Thế nào, anh ném đá vào Pudil hay không ném?”

“Có ném,” Václav Lisický gay gắt. “Lão ấy chửi tôi từ bên kia sông.”

“Giải nó đi,” thẩm phán tòa án huyện quát lên. “Cái đồ mạo nhận!”

oOo

Sau một lát cảnh sát Hejda mở cửa đi vào. “Ông huyện ạ.” ông ta nói giọng căm hận, “hay là phạt thêm hẵn về tội phá hại tài sản của người khác; ông biết đấy, hẵn bầy hòn đá từ kè ra, cả cái bờ kè bây giờ tan nát hết.”

VỤ ÁN SELVIN

“Hừm, thành tích lớn nhất của tôi, vâng, thành tích đã làm cho tôi vui nhất...” ngài cựu Bộ trưởng già nua Leonard Uden, một nhà thơ lớn, người từng giành giải Nobel, nhớ lại. “Các bạn trẻ ạ, ở tuổi tôi con người không tham những vòng nguyệt quế, những tràng vỗ tay, những người tình và những điều vô nghĩa khác tương tự, cụ thể mà nói thì những cái đó qua lâu rồi. Khi còn trẻ, người ta thích đủ thứ, nếu không thế thì con người đã là con lừa; thế nhưng khi còn trẻ thì lại không có điều kiện mà thưởng thức. Nếu cuộc đời đi ngược thì trước hết người ta già và làm hết mọi việc thật đầy đủ và đáng khen, vì những việc này không phù hợp với lứa tuổi khác; rồi sau đó mới trẻ ra để hưởng những thành quả suốt đời của mình. Giờ thì các bạn nhìn thấy một người già cả, hay kể lể. Tôi muốn nói chuyện gì nhỉ? À, về cái gì thành tích lớn nhất của tôi. Các bạn nghe đây, nó không phải là các vở kịch hay các tác phẩm - mặc dù đã có một thời người ta hay đọc sách của tôi; thành tích lớn nhất của tôi là vụ Selvin.

“Vâng, tất nhiên, các bạn không thể biết là vụ gì; hai mươi sáu hay hai mươi chín năm đã qua. Đúng rồi, hai mươi chín năm, một hôm có một bà già tóc bạc phơ đến tìm tôi, bà ấy người nhỏ bé, mặc bộ đồ đen; và trước khi tôi có thể thân thiện hỏi bà ấy một câu rằng bà ấy cần gì thì dùng một cái, bà ấy đã quỳ xuống trước mặt tôi và khóc; không biết sao chứ tôi không thể nào nhìn thấy phụ nữ khóc được.

“Ông ạ, người mẹ đó nói, sau khi tôi an ủi bà ấy, ông là nhà thơ; tôi thề với ông bằng tình thương của ông đối với con người, ông hãy bảo vệ con tôi, chắc ông đã đọc báo về vụ Frank Selvin...”

“Tôi nghĩ, khi ấy tôi giống như một em bé mới đẻ mặt đầy râu ria; tôi đã đọc báo, nhưng không để ý thấy vụ Frank Selvin. Lúc ấy nếu tôi hiểu được bà ấy nức nở than vãn những gì thì chỉ là: thằng con trai duy nhất của bà ấy, Frank Selvin hai mươi hai tuổi, bị xử tù chung thân với trọng tội, vì trong vụ cướp nó đã giết bà dì Sofie của nó; theo đánh giá của đoàn hội thẩm thì tội nó nặng thêm là vì nó không nhận tội. Nó vô tội, ông ơi, bà Selvin rên xiết, tôi thề với ông là nó vô tội! Chiều hôm đó nó nói với tôi: Mẹ ạ, con bị đau đầu, con đi dạo phố chút. Ông ơi, vì vậy nó không chứng minh được nó vô tội! Ai mà có thể nhìn thấy trong đêm một cậu thanh niên, nếu ngẫu nhiên gặp nó cơ chứ? Thằng Frank nhà tôi nó nhẹ dạ, nhưng ông cũng từng trẻ mà; ông nghĩ xem, ông ơi, nó mới hai mươi hai tuổi! Sao lại có thể tàn hại cả cuộc đời của một người trẻ như thế? Và vân vân. Các bạn ạ, nếu các bạn nhìn thấy một người mẹ đau đớn như thế, các bạn sẽ hiểu khi ấy tôi đã trải qua điều gì: một trong những đau khổ nhất là lời chia buồn bất lực. Ừ, tôi nói gì được với các bạn nhỉ: cuối cùng thì tôi thề với bà ấy là tôi sẽ làm tất cả và không dừng lại, nếu vụ này không sáng tỏ; rằng tôi tin là con bà ấy vô tội. Sau khi nghe những lời ấy thì bà ấy muốn hôn tay tôi. Khi bà ấy cầu phước lành cho tôi, suýt nữa tôi đã khụy xuống trước mặt bà ấy. Các anh biết mặt người ta đần như thế nào khi được ai đó cảm ơn như là cảm ơn Thượng đế đấy.

“Thế đấy, từ đó tôi coi vụ Frank Selvin là việc của mình. Trước hết tôi đọc hết hồ sơ vụ án. Các bạn nghe này, tôi chưa thấy vụ nào lại được xử qua quýt đến thế; rõ ràng là một vụ tai tiếng về luật pháp. Vụ này thực ra đơn giản: trong đêm người hầu phòng tên như là Anna Solar, bà này năm mươi tuổi và có bệnh tự kỷ, nghe thấy tiếng bà Sofie nói rằng có ai đó mò vào chỗ bà, vào tận trong phòng của bà ấy. Người hầu phòng liền lên xem bà dì đã ngủ chưa, và khi bước vào phòng thì bà ta thấy cửa sổ mở toang và một người đàn ông nhảy từ cửa sổ xuống vườn. Người hầu phòng hét lên khùng khiếp; và khi hàng xóm cầm đèn chạy đến thì họ tìm thấy bà Sofie nằm trên sàn và bị thắt cổ bằng khăn mặt của bà ấy; cái tủ quần áo, nơi bà

giấu tiền đã bị mở, một phần quần áo bị bối lên; tiền vẫn còn trong đó - hẳn là người hầu phòng đã đánh động tên trộm. Đó là toàn bộ câu chuyện.

“Ngày hôm sau Frank Selvin bị bắt. Người hầu phòng đã khai là bà ta nhận ra người đàn ông trẻ khi hắn ta nhảy từ cửa sổ ra ngoài. Người ta phát hiện là vào giờ ấy hắn không có mặt ở nhà; hắn về nhà sau đó nửa giờ và lập tức đi ngủ. Tiếp đó người ta phát hiện là cậu thanh niên ngu ngốc ấy nợ tiền. Kể đó có người mách lẻo đã khai một việc rất quan trọng là một vài ngày trước khi vụ giết người xảy ra thì bà dì Sofie đã kể lại một việc: cháu bà ấy, Frank Selvin, đã đề nghị bà cho vay vài trăm, và khi bà phản đối, bà ấy rất keo kiệt, thì thằng Frank đã nói với bà: Dì ạ, dì cẩn thận đấy, sẽ xảy ra việc khiến cả thế giới mở mắt ra. Tất cả là như thế, nếu kể về những việc liên quan đến Frank.

“Và bây giờ các bạn hãy xem cả vụ xử án: vụ xử này kéo dài tổng cộng chỉ nửa ngày. Frank Selvin khẳng định là hắn vô tội, rằng hắn đi dạo, sau đó về thẳng nhà và đi ngủ. Người ta không lấy lời khai chéo đối với bất kỳ nhân chứng nào. Còn trạng sư của Frank thì - hãy hiểu là đương nhiên, vì bà Selvin không có tiền mời trạng sư tốt hơn - là một gã tốt bụng và ngu ngốc, anh ta chỉ làm mỗi việc là nhắc về tuổi trẻ bông bột của người mình bào chữa và rưng rưng nước mắt xin đoàn hội thẩm rộng lượng tha thứ. Ngay cả công tố viên cũng không phải làm gì nhiều; ông ta chỉ kêu ầm lên với các thành viên đoàn bồi thẩm là trước vụ Frank Selvin thì đoàn bồi thẩm đã phán quyết hai vụ xử trắng án; xã hội rồi sẽ đi về đâu nếu mỗi tội ác đều được bảo vệ bằng lòng tốt và lòng nhân từ của các thẩm phán từ nhân dân? Dường như lúc ấy các thành viên đoàn bồi thẩm đã công nhận luận điểm này và muốn thể hiện rõ ràng rằng họ không được phép gây ra tội lỗi bằng lòng tốt và nhân từ của mình; đơn giản là với mười một phiếu thuận họ đã quyết định rằng Frank Selvin phạm tội giết người. Tất cả vụ này là như vậy.

“Các bạn nghe nhé, khi tôi phát hiện ra những sự việc trên, tôi hoàn toàn tuyệt vọng, trong người tôi tất cả cứ như sôi sục lên, ngay cả khi tôi

không là luật sư, và cũng có thể là do tôi không là luật sư. Các anh hãy tưởng tượng ra xem: nhân chứng chính thì có bệnh tự kỷ; tuổi bà ta khoảng năm mươi, tức là tuổi mãn kinh, như vậy độ tin cậy sẽ giảm đi. Cái bóng hình trên cửa sổ bà ta nhìn thấy trong đêm; sau này tôi phát hiện thêm là đêm ấy trời nóng, nhưng rất tối; người đàn bà đó không thể nhận ra người kia cho dù chỉ mang máng thôi. Trong bóng đêm anh không thể nhận ra chính xác ngay cả tầm vóc của con người; việc này tôi đã cẩn thận thử đi thử lại cho riêng mình. Thêm vào đó bà ta thù ghét cái cậu thanh niên kia, tức là Frank Selvin, một cách điên cuồng, vì cậu ta hay chế nhạo bà ta; bảo bà ta là nữ thần Hebe* mắt bò, cái mà vì một lý do nào đó bà Anna Solar coi là sự sỉ nhục chết người.

Theo thần thoại Hy Lạp, Hebe là nữ thần biểu tượng cho sự trẻ trung.

“Việc thứ hai là dì Sofie căm ghét chị gái mình, bà Selvin, và cả hai không nói chuyện với nhau; cái bà cô già ấy không ưa mẹ của Frank. Nếu dì Sofie nói là Frank đe dọa bà ấy, điều này có thể là một trong những điều ác độc mà các bà cô già như bà nghĩ ra để hạ thấp chị gái mình. Còn đối với Frank, cậu này bẩm sinh là người tầm thường; làm thư ký ở một văn phòng; có bạn gái và hay viết những bức thư tình và những vần thơ kém cỏi. Cậu ta mắc nợ nần mà người ta nói rằng không phải do mình gây ra; có nghĩa là do tình cảm yếu đuối nên cậu ta đau khổ. Mẹ cậu ta là người hoàn toàn tội nghiệp, bị bệnh ung thư, hoàn cảnh nghèo khổ và bị đau đớn giày vò. Đây là những sự việc liên quan nhìn từ góc nhìn gần.

“Các bạn không biết những năm tháng hùng tráng bấy giờ của tôi đâu; khi tôi vào cuộc thì tôi chưa có cảm giác. Lúc bấy giờ tôi viết lên báo một số bài mang tên ‘Vụ án Selvin’; từng điểm một tôi chỉ ra những điều không đáng tin cậy của các nhân chứng, nhất là nhân chứng quan trọng nhất; tôi phân tích những mâu thuẫn trong các chứng cứ; những lời khai không công minh, tôi đã chứng minh những cái phi lý ở việc nhân chứng quan trọng nhất không thể nhìn rõ kẻ tội phạm; tôi chứng minh là chánh án không có năng lực và lời luận tội của công tố viên mang đầy tính kích động. Như vậy

vẫn chưa đủ; tôi đã vào cuộc rồi, tôi đã bắt đầu tấn công cả ngành tư pháp; cả luật hình sự; tấn công cả vào tổ chức hội thẩm, và cả vào những luật lệ ích kỷ và vô cảm của xã hội. Các bạn đừng lạ nhé, vụ này đã nổ tung đến thế nào; khi ấy tôi đã có tên tuổi; giới trẻ đứng về phía tôi; có một hôm đã xảy ra biểu tình trước tòa. Lần ấy cái tay trạng sư của cậu Selvin đã chạy đến gặp tôi, xua tay nói rằng tôi đã làm quá đà; anh ta đã gửi đề nghị giảm mức án cho Selvin mấy năm rồi; nhưng bây giờ thì tòa án tối cao sẽ không chịu thua áp lực của biểu tình và sẽ từ chối tất cả mọi xem xét. Tôi nói với tay luật sư đáng kính ấy rằng đây không phải chỉ là về vụ Selvin mà là về sự thật và công lý.

“Tay trạng sư này đã nói đúng; tòa từ chối xem xét, nhưng chánh án đã phải về hưu. Các bạn ạ, lúc ấy tôi đã điên tiết lên và bập sâu vào vụ này; các anh thấy không, ngay cả bây giờ tôi có thể nói đây là cuộc chiến thần thánh vì công lý. Các anh xem này, nhiều cái đã tiến bộ lên; các anh phải công nhận với tôi, một người già cả là tôi đã có chút công: vụ Selvin đã được đưa lên báo chí thế giới; tôi đã phát biểu trước các công nhân trong quán bia và trước các thành viên của các phái đoàn quốc tế trong các hội nghị. ‘Hãy xử lại vụ Selvin’, đó là khẩu hiệu giống như ‘Hãy giải trừ quân bị’ hay ‘Hãy bầu phụ nữ’. Còn với riêng tôi, đây là cuộc chiến của cá nhân chống lại nhà nước; nhưng sau lưng tôi là thế hệ trẻ. Khi mẹ của Selvin chết thì mười bảy nghìn người đã tiễn đưa quan tài của bà già nhỏ bé và khô đét ấy; và tôi đã phát biểu trước cái mộ chưa lấp đất của bà ấy như chưa bao giờ phát biểu trên đời; có trời biết, các bạn ạ, cảm hứng thật là khủng khiếp và lạ lùng.

“Bảy năm trời tôi đã đấu tranh và cuộc đấu tranh ấy đã làm nên tôi. Không phải nhờ những cuốn sách của tôi mà là vụ Selvin; vụ này đã đem lại cho tôi tên tuổi trên thế giới. Tôi biết, họ gọi tôi là Tiếng nói của Lương tâm, Hiệp sĩ của Sự thật hay nhiều cái khác nữa; thậm chí có cả những điều sẽ được ghi trên bia mộ của tôi. Tất nhiên là mười bốn năm sau khi tôi chết người ta sẽ viết tên tôi trong giáo khoa về việc nhà thơ Leonard Unden đã

đấu tranh cho sự thật như thế nào; sau đó ngay cả việc này rồi người ta cũng sẽ quên.

“Bảy năm sau nhân chứng quan trọng nhất của vụ án là Anna Solar cũng đã chết; trước khi chết bà ta khóc thú nhận đã bị lương tâm giày vò vì đã thề dối trước tòa, rằng đáng lẽ bà ta không được nói sai sự thật mà khai rằng kẻ giết người bà ta nhìn thấy trên cửa sổ là Frank Selvin. Và vị cha cố tốt bụng đã đến thăm tôi; lúc bấy giờ tôi đã biết điều hơn về những việc trên đời và đã không viết thẳng lên báo, thay vào đó tôi gửi vị cha cố này lên tòa. Sau một tuần tòa đã xử lại vụ Frank Selvin. Trong vòng một tháng Frank Selvin lại đứng trước đoàn bồi thẩm, trạng sư giỏi nhất không phải trả tiền đã đập tan cáo trạng để Frank Selvin được thả ra. Và đoàn bồi thẩm với mười hai phiếu thuận đã quyết định là Frank Selvin vô tội.

“Vâng, đó là thắng lợi vinh quang nhất trong đời tôi. Chưa một thành tích nào đem lại cho tôi sự hài lòng như thế - và đồng thời cả cái cảm giác trống rỗng đến như vậy. Nói đúng hơn thì vụ Selvin đã bắt đầu khiến tôi thấy thiếu thiếu trong lòng - nó để lại một lỗ hổng. Một ngày, sau sự kiện này, bỗng nhiên có một con bé đến nói với tôi là có người muốn gặp tôi để trao đổi.

“ ‘Tôi là Frank Selvin’, người đó nói và đứng giữa cửa; tôi cảm thấy... tôi không biết phải nói với các bạn như thế nào; tôi cảm thấy thất vọng, rằng cái anh Selvin của tôi trông như... người bán vé xổ số: người hơi to béo và mặt tái nhợt, đầu bắt đầu hói, khá nhiều mồ hôi và tầm thường lắm; ngoài ra hẳn còn hôi mùi bia.

“ ‘Thưa bậc thầy lừng danh,’ Frank Selvin ấp úng (anh tưởng tượng xem, hẳn nói tôi là ‘bậc thầy lừng danh’, và tôi muốn đá cho hẳn một cái!), ‘tôi đến cảm ơn thầy... con người tốt bụng nhất trên đời.’ Tôi có cảm giác là hẳn đã học thuộc lòng câu này. ‘Tôi cảm ơn thầy suốt đời. Tất cả mọi lời cảm ơn đều không đủ...’

“ ‘Anh ạ,’ tôi nói vội với hẳn, ‘đó là trách nhiệm của tôi; khi tôi biết rõ rằng họ kết án anh, một người không có tội...’

“Frank Selvin lắc đầu. ‘Thưa thầy,’ hắn nói với giọng bi ai, ‘tôi không muốn lừa dối người tốt với tôi; tôi đã giết mù già ấy.’

“ ‘Tất cả là thế ư,’ tôi khùng lên, ‘tại sao anh không nói trước tòa?’

“Frank Selvin nhìn thẳng vào mắt tôi với vẻ đầy trách móc.

“ ‘Thưa thầy,’ hắn nói, ‘tôi có quyền như vậy; bị can có quyền không nhận tội, đúng không?’

“Thú thực với các bạn là tôi hoàn toàn tan nát. ‘Anh muốn gì nào?’ tôi quát hắn.

“ ‘Tôi đến, thưa thầy, để cảm ơn lòng bao dung của thầy,’ tay Selvin nói với giọng buồn bã, cái giọng mà rõ ràng hắn làm ra vẻ cảm động. ‘Cả mẹ tôi thầy cũng giúp đỡ. Cầu trời phù hộ cho thầy, hỡi người nghệ sĩ cao quý!’

“ ‘Cút,’ tôi hét lên như quên cả chính mình. Gã đàn ông ấy chạy xuống cầu thang như bị trúng đạn. Sau ba tuần hắn lại gặp tôi trên phố; hắn hơi say. Tôi không làm sao đuổi được hắn đi; rất lâu tôi không biết hắn cần gì, mãi đến lúc hắn giải thích, trong khi tay hắn nắm cúc áo của tôi. Hắn nói là tôi đã làm hỏng nhiều việc của hắn; nếu tôi không viết về vụ của hắn thì phiên tòa phúc thẩm đã chấp thuận kháng cáo của luật sư của hắn, và hắn, Selvin, đã không phải ngồi tù bảy năm vô tội; theo hắn tôi phải hiểu hoàn cảnh khó khăn của hắn mà tôi gây ra khi tôi tham gia vào vụ này. Tóm lại tôi phải cho hắn một trăm. ‘Cầu trời phù hộ cho ông, người tốt ơi,’ tay Selvin với đôi mắt đăm lệ nói câu cuối cùng.

“Lần thứ hai hắn đến với vẻ đe dọa hơn lần trước. Hắn nói là tôi đã đi lên nhờ vụ của hắn; rằng tôi nổi tiếng chỉ nhờ cái việc bảo vệ hắn, còn hắn thì cuối cùng lại chả được gì hay sao? Tôi không thể giải thích cho hắn rằng tôi không nợ hắn bất cứ khoản tiền thưởng nào; và cuối cùng tôi vẫn lại phải trả tiền cho hắn.

“Từ đó hẳn gặp tôi thường xuyên hơn; hẳn ngồi trên ghế sofa và than thở, rằng lương tâm hẳn cắn rứt vì hẳn đã siết cổ mụ già. ‘Thưa thầy, tôi sẽ tự thú,’ hẳn rầu rĩ nói, ‘nhưng thầy sẽ nhục nhã trước toàn thế giới. Nhưng tôi không biết làm như thế nào để trấn tĩnh lại.’ Các bạn nghe nhé, những sự hối hận như vậy hẳn là khủng khiếp lắm, nếu dựa vào những gì tôi đã từng trả cho hẳn để hẳn có thể chịu nổi những cơn hối hận kia. Cuối cùng tôi đã mua cho hẳn vé tàu biển đi Mỹ; tôi cũng không biết là hẳn có đến nơi an lành hay không.

“Thành tích lớn nhất đời tôi là như vậy đấy; các bạn trẻ ạ. Khi nào các bạn viết cáo phó cho Leonard Uden, các bạn hãy viết: *Băng vụ án Selvin, ông đã khắc tên mình bằng chữ vàng lên trái tim chúng ta; hãy biết ơn ông.*”

NHỮNG DẤU CHÂN

Đêm ấy ông Rybka về nhà với tâm trạng vui vẻ. Thứ nhất là vì ông đã thắng một ván cờ (với nước chiếu tướng đẹp bằng quân mã đã làm ông vui suốt chặng đường) và thứ hai là vì tuyết mới rơi êm dịu lạo xạo dưới chân ông trong yên ả. Trời ơi, đẹp quá, ông Rybka nghĩ; thành phố dưới tuyết, thành phố bỗng trở nên nhỏ bé, một thành phố thế tục cổ kính, người ta gần như tin là ở đây có người canh phố và có xe ngựa đi lại; cái này thật đặc biệt, tuyết cứ như đã rơi ở chốn thôn quê từ thuở xưa.

Rộp, rộp, ông Rybka tìm lối đi ở chỗ chưa có vết chân, cốt để cho vui vì tiếng bước chân rộp rộp và vì ông sống ở phố nhà vườn nho nhỏ, ông càng đi thì số vết chân càng ít trên đường đi. Nhìn này, ở chỗ cổng vào có dấu giày nam và giày nữ; hẳn là hai vợ chồng - đôi này trẻ chẳng? Ông Rybka tự nhủ nhẹ nhàng, cứ như ông muốn ban phước lành cho họ. Chỗ này có con mèo chạy qua để trên tuyết những dấu chân giống như những bông hoa; và chúc ngủ ngon nhé, mèo ơi, chân mày sẽ lạnh đấy. Và bây giờ chỉ còn một vệt dấu giày, dấu giày đàn ông, sâu, thẳng và rõ ràng như dây xích nối các bước chân của một người đàn ông cô đơn. Vị hàng xóm nào đi qua đây nhỉ? ông Rybka nói với sự quan tâm đến bè bạn; ở đây ít người đi lại lắm, ngay cả một vết trên tuyết cũng không có, chúng mình đang ở bên lề của cuộc sống; bao giờ mình về đến nhà thì phố sẽ được đắp bằng tấm chân trắng kín đến tận mũi và nó sẽ mơ rằng nó chỉ là đồ chơi cho trẻ em. Tiếc là sáng mai bà đưa báo sẽ giẫm lên và tạo ra những vết ngoằn ngoèo như vết chân thỏ...

Ông Rybka bỗng nhiên chững lại khi đang muốn bước qua đường phố trắng tinh về phía cổng nhà mình. Ông nhìn thấy trước mắt ông những dấu

giày đổi hướng từ vỉa hè qua phố về phía cổng nhà ông. Ai có thể đến nhà mình nhỉ? Ông nói và ngạc nhiên mở to mắt nhìn vào những dấu chân rõ ràng. Tổng cộng là năm dấu chân, kết thúc giữa phố với dấu chân trái rất sâu, tiếp theo thì không có gì nữa, chỉ còn tuyết trắng ngần không hề bị giẫm lên và chưa hề bị động đến.

Mình điên à, ông Rybka nói, có thể người này quay trở lại vỉa hè! Nhưng khi ông nhìn kỹ thì vỉa hè được tuyết phủ kín một lớp mỏng không có lấy một dấu chân người. Quý thật, ông Rybka lạ lùng, hay là các dấu chân sẽ ở trên vỉa hè thứ hai! Ông đi vòng quanh cái hàng dấu chân không kết thúc nhưng trên vỉa hè thứ hai cũng không có lấy một dấu chân. Và cả phố sáng ánh lên với màu trắng mềm mại chưa bị động chạm đến mức người ta phải nín thở vì cái sạch ấy. Không có ai đi qua đây từ lúc ấy, lúc tuyết bắt đầu rơi. Lạ thật, ông Rybka âm ừ, có thể người này lùi trở lại vỉa hè, giẫm vào vết chân cũ của mình nhưng như thế có nghĩa là người ấy phải đi lùi đến tận góc phố, vì trước mặt mình chỉ có một vết dấu chân trên lối đi này và chỉ hướng tới đây... Nhưng tại sao người đàn ông ấy lại làm như vậy? ông Rybka ngạc nhiên. Mà làm sao người ấy có thể lùi chính xác vào vết chân của mình cơ chứ?

Ông lắc đầu, mở cổng và vào nhà mình. Mặc dù biết là vô nghĩa, nhưng ông cũng vẫn nhìn xem trong nhà mình có vết chân vương tuyết hay không. Tất nhiên là không, lấy đâu ra cơ chứ! Có lẽ mình chỉ tưởng thế thôi, ông Rybka âm ừ không yên tâm và nghiêng mình ngó ra khỏi cửa sổ: trên phố dưới ánh đèn ông nhìn thấy rõ năm dấu chân rõ ràng, sâu, kết thúc ở giữa lối và tiếp theo không có gì nữa. Khi ạ, ông Rybka nghĩ, tay dụi mắt; có lần mình đọc một câu chuyện về một vết chân trên tuyết, còn ở đây thì cả hàng vết chân, sau đó không có gì, cái gã đàn ông ấy đã biến đi đâu?

Ông lắc đầu và bắt đầu cởi quần áo, nhưng ông bỗng nhiên dừng lại, đến chỗ máy điện thoại và gọi lên phòng cảnh sát với giọng bất an, “Alo, ông cảnh sát trưởng Bartošek đấy ạ? Ông ạ, ở đây có một việc lạ, lạ lắm... Ông cử ai đến được không? Ông đến là tốt nhất... Tốt ạ, tôi sẽ đợi ông ở

góc phố. Tôi không biết đây là cái gì... Không, tôi nghĩ là không có mối nguy hiểm nào, chỉ có điều không để ai giẫm mất những dấu chân... Tôi không biết là dấu chân của ai! Tốt, tôi sẽ đợi ông.”

Ông Rybka mặc quần áo và ra ngoài; ông đi vòng quanh những dấu chân và chú ý cả trên vỉa hè để khỏi giẫm phải những dấu chân ấy. Ông run lên vì lạnh, bực mình và đứng đợi cảnh sát trưởng Bartošek ở góc phố. Tĩnh lặng, trái đất mà nhân loại đang sinh sống đang tỏa sáng dịu dàng vào vũ trụ.

“Ở đây im ắng thật,” cảnh sát trưởng Bartošek âm ừ với giọng âu sầu. “Mà người ta vừa dẫn đến chỗ tôi một vụ đánh lộn và một tên say khướt. Tờm! Ở đây ông có gì vậy ông?”

“Ông xem những dấu chân này, ông cảnh sát trưởng ạ,” ông Rybka nói với giọng run run. “Chỉ vài bước từ chỗ này thôi.”

Cảnh sát trưởng bật đèn pin. “Đây là một người cao khoảng một mét tám mươi,” ông ta nói, “theo dấu giày và khoảng cách bước chân. Người này có giày tốt, tôi nghĩ thế, giày khâu tay. Người này không say rượu và bước chân rất chắc chắn. Tôi không hiểu ông thấy những dấu chân này có gì không ổn.”

“Cái này này,” ông Rybka nói gọn và chỉ vào hàng dấu chân kết thúc giữa phố.

“À thế,” cảnh sát trưởng Bartošek không lưỡng lự tiến về phía dấu chân cuối cùng, ông ngồi xổm và bật đèn. “Chả có gì đâu,” ông ta yên tâm nói, “cái này bình thường, dấu chân vững vàng. Trọng lượng đặt chủ yếu lên gót; nếu người này bước thêm một bước hay nhảy lên thì trọng lượng chuyển sang các ngón chân, ông hiểu chứ? Ở đây nhìn thấy rõ ràng mà.”

“Cái này có nghĩa là gì?” ông Rybka căng thẳng hỏi.

“Ừ,” cảnh sát trưởng bình tĩnh nói, “có nghĩa là người này không đi tiếp nữa.”

“Thế thì người ấy biến đi đâu?” ông Rybka nóng nảy buột miệng.

Cảnh sát trưởng nhún vai. “Tôi không biết. Ông có nghi ngờ gì không?”

“Nghi ngờ gì cơ?” ông Rybka sừng sốt. “Tôi chỉ muốn biết là người này biến đi đâu. Ông nhìn này, người này bước cái bước cuối cùng rồi thì đi đâu, trời ạ, bước tiếp theo đi đâu? Rõ ràng là không có bước tiếp theo!”

“Tôi hiểu,” người cảnh sát trưởng khô khan nói. “Nhưng ông quan tâm người này đi đâu để làm gì? Có phải ai đó trong nhà ông không? Ông có mất tích người nào không? Khi ạ, ông quan tâm làm gì đến cái việc người này biến đi đâu?”

“Nhưng cái này phải giải thích được chứ,” ông Rybka lặp bặp. “Ông không nghĩ rằng có thể người này đi ngược lại theo dấu chân mình à?”

“Vô nghĩa,” cảnh sát trưởng gầm lên. “Nếu người ta đi lùi thì bước chân sẽ ngắn hơn và chân sẽ nhấc cao lên để giữ thăng bằng; ngoài ra không thấy người này nhấc cao chân cho nên gót cắm sâu vào tuyết để lại cả dấu vết. Và chỉ có một lần giẫm chân thôi ông ạ, dấu chân rất rõ.”

“Nếu không quay trở lại,” ông Rybka ngoan cố hỏi thêm, “thì người này biến đi đâu?”

“Đây là việc của người ta,” ông cảnh sát trưởng âm ừ. “Ông xem nhé, khi người này không gây ra cái gì thì chúng ta không có quyền thò chân vào việc của người ấy. Chỉ khi có ai đó tố cáo thì chúng tôi mới có thể điều tra sơ bộ...”

“Nhưng nhờ có khi ai đó đã mất tích giữa phố?” ông Rybka lo lắng nói.

“Thế thì ông phải đợi, ông ạ” ông cảnh sát trưởng bình tĩnh khuyên ông ta. “Nếu có ai mất tích thì sau ít ngày gia đình ông ấy hay ai đó sẽ báo cảnh sát, ừ phải, và chúng tôi sẽ tìm. Nếu không thiếu ai thì chúng tôi không thể làm gì. Không được.”

Trong lòng ông Rybka bỗng trào lên sự tức tối. “Xin lỗi ông chứ,” ông ta tuyên bố rần rỏi, “nhưng tôi có thể nói rằng cảnh sát phải quan tâm đến việc một người đi bộ nào đó bỗng nhiên mất tích giữa phố chứ!”

“Nhưng không có gì xảy ra với người ấy,” ông Bartošek vỗ về ông ta. “Rõ ràng ở đây không có dấu vết đánh nhau gì... Nếu người này bị ai đó đánh hay bắt cóc thì ở đây phải có bao nhiêu vết chân... Tôi lấy làm tiếc ông ạ, nhưng tôi không có lý do vào cuộc ở đây.”

“Nhưng ông cảnh sát trưởng ạ,” ông Rybka phẩy mạnh tay, “thế ông thử giải thích xem... Cái này thật là bí ẩn...”

“Đúng,” ông Bartošek đồng ý và dăm chiêu. “Tôi không biết trên đời này có bao nhiêu bí ẩn. Mỗi ngôi nhà, mỗi gia đình là một bí ẩn. Lúc tôi đến đây thì ở trong ngôi nhà kia kìa có tiếng phụ nữ trẻ khóc nức nở. Ông ạ, những cái bí ẩn không phải là việc của chúng tôi. Chúng tôi được trả lương cho việc bảo vệ trật tự. Chả nhẽ ông nghĩ là chúng tôi điều tra một tên trộm nào đấy là vì chúng tôi tò mò à? Ông ạ, chúng tôi tóm hắn để đưa hắn vào tù. Phải có trật tự chứ.”

“Thế ông thấy đấy,” ông Rybka buột miệng. “Nhưng ông phải xác nhận là không bình thường khi ai đó giữa phố... thí dụ như bay bổng lên trời chứ?”

“Cái này phụ thuộc vào cách lý giải,” cảnh sát trưởng nói. “Theo quy định của cảnh sát, nếu có nguy cơ rơi từ độ cao tương đối thì người ta phải buộc dây. Về cái này việc đầu tiên của cảnh sát là nhắc nhở, sau đó là phạt. Nếu người này tự bay lên không trung thì cảnh sát phải nhắc nhở người này thắt dây an toàn; nhưng người cảnh sát lúc ấy không có mặt,” ông ta nói về như xin lỗi. “Chỉ còn lại dấu chân của người này. Có thể là ông ta đi xa bằng cách khác, đúng không?”

“Nhưng cách nào chứ?” ông Rybka nói nhanh.

Cảnh sát trưởng Bartošek lắc đầu. “Khó mà biết. Có thể là tự bay lên trời hay dùng cái thang của Jacob*,” ông ta nói với giọng không chắc chắn.

“Việc bay lên trời có thể coi như bị bắt cóc nếu xảy ra việc dùng vũ lực, nhưng tôi nghĩ rằng thường thì việc này xảy ra với sự đồng ý của người trong cuộc. Và có thể là người ấy biết bay. Đôi khi ông không có cảm giác là mình bay à? Lúc ấy người ta chỉ nhún chân một chút và bắt đầu bay lên... Có những người bay lên như quả cầu, nhưng tôi, khi tôi bay trong giấc mơ, tôi phải nhún chân một lát. Tôi nghĩ là do quần áo nặng và thanh kiếm. Có thể người này đã ngủ và bắt đầu bay, nhưng việc này không bị cấm ông ạ. Tất nhiên là ở trên phố đông người thì cảnh sát phải nhắc nhở người ấy. Hoặc là, khoan đã nào, có thể đây là giấc mộng bay, những người theo thuyết thông linh tin vào giấc mộng bay, nhưng thuyết thông linh cũng không bị cấm. Cái ông Baudyš nào đấy có nói với tôi là ông ta nhìn thấy có vật thể treo trên không trung. Ai mà biết được nó thế nào.”

Trong kinh Cựu Ước có đề cập đến chuyện Jacob, ông tổ của người Do Thái, ngủ mơ thấy các thiên sứ bước lên các nấc thang và sau này những gì Jacob chiêm ngưỡng trong mộng đều đã thành hiện thực.

“Nhưng ông ạ,” ông Rybka nói giọng trách móc, “chả nhẽ ông tin cái chuyện ấy! Cái này là trái với các định luật tự nhiên...”

Ông Bartošek nhún vai nặng nề. “Ông ạ, tôi biết rằng con người vi phạm tất cả các luật lệ và các quy định; nếu ông là cảnh sát thì ông sẽ biết nhiều hơn...” Cảnh sát trưởng phẩy tay. “Tôi sẽ không lạ nếu họ vi phạm cả các định luật tự nhiên nữa. Nhân loại là bầy đàn mà, ông ạ. Vâng, chúc ngủ ngon. Lạnh quá.”

“Ông uống với tôi một ly trà... hay rượu slivovice* chứ?” ông Rybka mời.

Một loại rượu brandy được chưng cất từ quả mận.

“Sao lại không nhỉ,” cảnh sát trưởng âm ừ giọng đờm buồn. “Ông biết không, người ta không thể vào quán khi mặc đồng phục. Cho nên cảnh sát họ uống ít.”

“Kỳ lạ,” ông ta tiếp tục khi ngồi trên ghế bành, suy tư và nhìn tuyệt đang tan trên giày. “Chín mươi chín người có thể đi theo các dấu chân ấy nhưng không ai để ý thấy cái gì cả. Còn ông thì cũng không để ý thấy chín mươi chín việc rất bí ẩn. Chúng ta có biết cái quái gì đâu. Chỉ có ít cái là không bí ẩn thôi. Trật tự xã hội không bí ẩn. Tư pháp không bí ẩn. Cảnh sát cũng không bí ẩn. Nhưng mỗi người đi trên phố thì bí ẩn vì chúng tôi không thể chịu trách nhiệm thay họ ông ạ. Nếu người ấy ăn trộm, người ấy sẽ hết bí ẩn vì chúng tôi sẽ bắt họ và thế đấy vì ít ra chúng tôi biết người ấy làm gì và chúng tôi có thể đến xem người ấy qua cái cửa sổ nhòm trên cánh cửa bất cứ lúc nào, ông biết chứ? Ông ạ, bọn nhà báo viết ‘Tìm được một xác chết bí ẩn!’ Cái gì bí ẩn trên xác chết nào? Khi chúng tôi có nó, chúng tôi sẽ đo, chụp ảnh và mổ xẻ, chúng tôi biết từng sợi chỉ, trên nó có cái gì, chúng tôi biết bữa cuối cùng nó ăn gì, tại sao nó lại chết và những gì gì nữa; ngoài ra chúng tôi còn biết rằng ai đó đã giết nó hẳn là vì tiền. Tất cả sẽ rõ ràng và mạch lạc... Ông ạ, ông có thể rót thêm cho tôi chè đen đặc hơn không? Tất cả mọi tội ác đều rõ ràng ông ạ, ở đó ít ra chúng ta nhìn thấy các động cơ và tất cả những cái liên quan. Nhưng cái bí ẩn thí dụ như con mèo của ông nghĩ gì, cô giúp việc nhà ông mơ thấy gì và tại sao vợ ông lại suy tư nhìn ra ngoài từ cửa sổ. Ông ạ, tất cả đều bí ẩn trừ các vụ hình sự. Một vụ hình sự là một chút thực tế đã được xác định mà chúng ta đã làm cho nó sáng tỏ. Ông xem nhé, nếu tôi mà tìm tôi sẽ biết về ông khối cái, nhưng tôi nhìn vào mũi giày của tôi vì tôi không có trách nhiệm quan tâm đến ông; không có ai tố cáo ông với chúng tôi cả,” ông ta nói thêm và thổi nước chè nóng.

“Đây là một kiểu hình dung lạ,” ông ta bắt đầu sau một lát, “cảnh sát và nhất là cảnh sát mật quan tâm đến những việc bí ẩn. Chúng tôi thêm vào những cái ấy, chúng tôi chỉ quan tâm những cái khác thường. Ông ạ, chúng tôi không quan tâm tội ác vì nó bí ẩn và vì nó bị cấm. Chúng tôi không truy lùng tên đồn đời nào đó chỉ vì mối quan tâm liên quan đến trí tuệ mà cốt để chúng tôi bắt tên này nhân danh pháp luật. Ông nghe nhé, những người quét đường họ không cầm chổi chạy trên phố để tìm dấu chân người trên

lớp bụi mà là để quét và dọn dẹp những cái bẩn thỉu mà cuộc sống bày ra. Trật tự không phải là cái gì bí ẩn ngay cả một chút. Bảo vệ trật tự là cả một công việc khó khăn, ông ạ; và ai muốn sạch sẽ thì phải thò tay vào từng cái phi trật tự. Và xin thưa ông là có ai đó phải làm việc này,” ông ta âu sầu nói, “cũng như ai đó phải giết con bê. Nhưng nếu giết con bê vì tò mò thì thật là tàn bạo; việc này phải làm theo nghề. Khi người ta có trách nhiệm phải làm cái gì đó thì người ta biết rằng người ta có quyền làm. Ông xem nhé, tư pháp phải chuẩn như phép nhân. Tôi không biết ông có thể chứng minh là vụ trộm nào cũng xấu xa hay không; nhưng tôi có thể chứng minh cho ông trộm cắp là việc bị cấm và trong bất cứ trường hợp nào tôi cũng bắt ông. Nếu ông rắc ngọc lên đường phố thì người cảnh sát sẽ nhắc ông về việc làm bẩn đường phố. Nhưng nếu ông làm những điều phi thường thì chúng tôi không thể ngăn cản, trừ phi là làm mất trật tự công cộng hay tụ tập trái phép. Phải có cái gì đó không ổn thì chúng tôi mới có thể vào cuộc.”

“Nhưng ông ạ,” ông Rybka lắc đầu cự lại với vẻ không yên tâm, “thế cái này không đủ hay sao? Ở đây là... một việc lạ lùng... cái gì đó bí ẩn... còn các ông...”

Ông Bartošek nhún vai. “Tôi để mặc nó thôi. Ông ạ, nếu ông muốn thì tôi sẽ cho dọn những dấu chân ấy đi để nó khỏi làm ông mất yên tâm vào ban đêm. Tôi không làm được nhiều hơn đâu. Ông không nghe thấy gì à? Không có tiếng bước chân nào ư? Cảnh sát của chúng tôi đang đi tuần đấy; hai giờ bảy phút rồi. Chúc ông ngủ ngon nhé.”

Ông Rybka tiễn ông cảnh sát trưởng ra cổng; giữa phố vẫn còn hàng dấu chân không kết thúc và khó hiểu. Một cảnh sát đang tiến lại trên vỉa hè thứ hai.

“Mimra à,” cảnh sát trưởng gọi, “anh có gì mới không?”

Người cảnh sát tên Mimra chào ông ta. “Nói chung không có gì, thưa ngài cảnh sát trưởng,” anh ta báo cáo. “Ở số mười bảy đằng kia có con mèo kêu, tôi phải bấm chuông để họ mở cửa cho nó vào nhà. Ở số chín họ quên

đóng cổng. Ở góc phố họ cuốc đường mà không đặt đèn đỏ, chỗ quầy tạp hóa Marsik một bên bảng treo bị lỏng, sáng mai họ sẽ phải hạ xuống để nó không rơi vào đầu người ta.”

“Tất cả chứ?”

“Vâng, tất cả là như vậy,” cảnh sát Mimra nói. “Sáng mai họ sẽ phải rắc đá dăm lên các vỉa hè* để không ai bị gãy chân, họ phải bấm chuông mọi nhà vào sáu giờ sáng...”

Ở châu Âu sau mỗi đêm tuyết rơi người ta rải đá dăm lên lối đi để khỏi trượt ngã.

“Thế thì tốt,” ông cảnh sát trưởng Bartošek nói. “Chúc ngủ ngon!”

Ông Rybka một lần nữa nhìn các dấu chân không dẫn đi đâu. Nhưng ở chỗ dấu chân cuối cùng đã hằn lên dấu giày của cảnh sát Mimra, từ chỗ ấy những dấu giày đều đặn và rõ ràng xếp thành hàng đi tiếp.

“Nhờ trời,” ông Rybka thở hắt ra và đi ngủ.

TỜ PHIẾU

Một tối tháng Tám người đến đảo Střelecký* rất đông. Minka và Pepa* không còn cách khác là phải ngồi vào một bàn đã có một ông béo ria mép đen đang ngồi. “Xin phép,” Pepa nói và ông này chỉ gật đầu nhẹ. (Cái lão khó chịu này, Minka nói, lại ngồi cùng bàn mình!) Việc đầu tiên là Minka kiểu cách như một nữ hầu tước ngồi xuống cái ghế mà Pepa vừa lau sạch bằng khăn mùi soa; việc thứ hai tiếp theo ngay là Minka rút hộp phấn ra, xoa phấn lên mũi, để mũi cô không bị bóng lên dưới cái nóng oi ả; trong lúc cô lấy hộp phấn từ trong túi ra thì một mảnh giấy nhỏ nhàu nát rơi xuống. Cái ông có ria ấy cúi xuống, nhặt miếng giấy nhỏ ấy lên. “Chị cất đi nhé,” ông ta nói với giọng buồn buồn.

Hòn đảo trên sông Vltava, Praha.

Tên thân mật của Josef.

Minka đỏ mặt lên, chủ yếu là vì có người đàn ông lạ chào hỏi mình, mặt khác cô lấy làm tiếc là mình đã đỏ mặt. “Xin cảm ơn,” cô nói và vội quay lại nhìn Pepa. “Anh biết không, cái tờ phiếu này là từ quầy hàng mà em mua tất quần.”

“Đúng đấy,” người đàn ông mặt buồn buồn ấy nói. “Nhưng chị không biết đâu, chị ạ, chị sẽ cần nó để làm gì?”

Pepa cảm thấy mình có trách nhiệm vào cuộc như một hiệp sĩ.

“Giữ cái tờ giấy vớ vẩn ấy để làm gì cơ chứ?” anh nói, mắt không nhìn ông ta. “Để cho đầy túi à?”

“Không sao đâu,” người đàn ông có ria nói. “Nhiều khi nó có giá trị hơn là khối thứ tôi biết.”

Mặt Minka bỗng nóng lên. (Cái lão khó chịu này lại chỗ vào; trời, sao chúng mình không ngồi ở chỗ khác!) Pepa quyết định kết thúc nhanh cuộc trao đổi. “Giá trị gì cơ chứ?” anh nói lạnh lùng và nhú mày. (Minka vui vui khi thấy cái này hợp với anh ấy).

“Như một dấu vết,” người đàn ông khó chịu ấy âm ừ và tự giới thiệu: “Tôi là Souček bên cảnh sát, anh chị biết không? Chúng tôi vừa có một vụ như vậy,” ông ta nói và phẩy tay. “Ai mà biết người ta mang những gì trong túi.”

“Vụ gì cơ?” Pepa không chịu được nữa. (Minka thấy có người thanh niên bàn bên cạnh nhìn mình. Pepa ơi, ai lại đi chuyện trò với người khác!)

“Vụ liên quan đến người phụ nữ mà người ta tìm được ở Roztyly*,” người đàn ông có ria nói và ông ta định không nói gì nữa.

Địa danh ở Praha.

Minka bỗng bất ngờ quan tâm, chủ yếu là do chuyện liên quan đến phụ nữ. “Phụ nữ nào cơ?” cô ta buột miệng.

“Người mà chúng tôi tìm thấy,” ông cảnh sát Souček càu nhàu lảng tránh. Trong lúc bối rối, ông móc điếu thuốc lá trong túi và bỗng xảy ra việc mà không ai tưởng tượng nổi: Pepa nhanh tay móc bật lửa từ túi áo ra và châm thuốc cho ông này.

“Cảm ơn anh,” ông Souček nói vẻ xúc động và vinh dự. “Anh chị biết không, những người đi gặt lúa mì đã tìm thấy thi thể một phụ nữ ở giữa Roztyly và Krč*,” ông ta giải thích trong lúc thể hiện lòng biết ơn và ngưỡng mộ đối với Pepa.

Địa danh ở Praha.

“Em không biết chuyện này,” Minka nói, mắt tròn xoe. “Pepa à, anh nhớ chúng mình đến Krč thể nào chứ? Chuyện gì đã xảy ra với người đàn

bà ấy?”

“Bị siết cổ,” ông Souček nói với giọng khô khan. “Cái dây vẫn còn quanh cổ. Tôi sẽ không nói trước mặt chị người ấy hình thù thế nào, anh chị biết đấy, tháng Bảy, mà cô ta đã nằm đấy gần hai tháng...” Ông Souček thở khói ra một cách khó nhọc. “Anh chị không thể tưởng tượng ra, trong điều kiện thời tiết như thế thì hình thù người ta sẽ như thế nào. Không đâu, ngay cả mẹ đẻ cũng không nhận ra đâu. Trời ơi, ruồi...” Ông Souček lắc đầu buồn bã. “Chị ạ, khi lớp da đã hỏng thì sắc đẹp cũng hết. Nhưng xác nhận người mới khó, chị hiểu không? Nếu còn mũi và mắt còn có thể nhận ra, nhưng nếu đã nằm hơn một tháng dưới nắng...”

“Nhưng cái xác phải có dấu hiệu tên tuổi gì chứ,” Pepa nói vẻ hiểu biết.

“Không có dấu hiệu tên tuổi gì hết,” ông Souček găm gù. “Anh ạ, các cô gái chưa có gia đình thường không mang dấu hiệu tên tuổi gì, vì họ nói, cần gì, không có nó mình sẽ sớm lấy chồng. Cô này chẳng có dấu hiệu tên tuổi gì hết, không đâu!”

“Cô ấy bao nhiêu tuổi?” Minka hỏi.

“Khoảng hai mươi năm, bác sĩ nói vậy; anh chị biết chứ, theo răng và những cái như thế. Và theo quần áo thì cô ta có thể là công nhân hay người giúp việc, vì cô ta mặc áo sơ mi kiểu quê. Và nếu là công nhân, thì người ta phải đi tìm chứ, vì các nữ công nhân thường ở chung một chỗ hoặc ở chung một căn hộ. Còn người giúp việc thì khi đổi chỗ làm sẽ chẳng ai biết và chẳng ai quan tâm đến họ. Cái này cũng rất lạ với những người giúp việc, nhỉ? Thế là chúng tôi phán đoán rằng, nếu không ai tìm cô này cả hai tháng thì chắc cô ta làm người giúp việc. Nhưng cái chính là cái tờ phiếu.”

“Phiếu gì cơ?” Pepa hỏi liền; vì anh nhận thấy trong mình có các tố chất để trở thành một thám tử, thợ rừng Canada hay thuyền trưởng, hay một cái gì tương tự; mặt anh tăng thêm vẻ tập trung và năng nổ, đúng vẻ mặt cần có trong những việc như vậy.

“Nó thế này,” ông Souček nói, mắt âm thầm nhìn xuống đất. “Không tìm được cái gì ở chỗ cô ta nữa; cái tên giết cô ta đã giật hết tất cả những gì có chút giá trị. Tay trái cô ta còn cầm cái quai túi, còn cái túi đứt quai ấy người ta tìm thấy gần đấy trong đám lúa mạch. Tên này chắc là giật túi, nhưng khi quai bị đứt thì nó thấy chả còn giá trị gì và nó ném túi vào đám lúa mạch; sau khi nó lấy tất cả mọi thứ trong túi, anh biết không? Trong túi chỉ còn một cái vé tàu điện số 7 và một tờ phiếu mua hàng bị rơi vào khe túi, phiếu từ một cửa hàng bán đồ sứ giá năm mươi nhăm koruna. Chúng tôi không tìm ra được gì hơn ở chỗ cô ta nữa.”

“Thế còn sợi dây trên cổ?” Pepa nói. “Có thể các ông nên tìm theo hướng này!”

Ông Souček lắc đầu. “Đấy là một đoạn dây phoi quần áo, không có ý nghĩa gì. Chúng tôi chẳng có gì ngoài cái vé tàu điện và tờ phiếu ấy. Tất nhiên là chúng tôi đưa lên báo, rằng đã tìm được thi thể phụ nữ, tuổi khoảng hai mươi nhăm, váy xám và áo choàng sọc, hỏi xem có ai mất người giúp việc khoảng hai tháng, đề nghị báo cảnh sát. Chúng tôi nhận được hơn một trăm tin báo, anh biết không, vào tháng Năm thì những người giúp việc hay đổi chỗ làm, cái này chả ai biết tại sao, nhưng sau đó thấy là toàn tin hời âm không đâu. Nhưng rất vất vả cho việc tìm kiếm,” ông Souček buồn bã nói. “Trước khi một cô từng giúp việc ở Dejvice tìm ra chỗ làm mới ở Vršovice hay Košiče*, trời ạ, một điều tra viên phải chạy tìm cả ngày. Và cuối cùng là tất cả cũng bằng thừa, cái cô nhà quê vui tính và ngốc nghếch ấy vẫn còn sống và còn cười mình nữa. Bây giờ họ còn chơi trò này nữa,” ông vui vẻ ghi nhận, gật gật đầu theo nhịp bản nhạc valse của Wagner mà nhóm chơi nhạc đang dồn hết sức mình vào đó. “Buồn quá nhỉ? Nhưng tôi thích nhạc buồn, vì thế tôi đến tất cả các đám ma và tóm bọn móc túi ở đó.”

Các địa danh ở Praha.

“Những tên giết người phải để lại dấu vết gì đó chứ.” Pepa nói.

“Anh nhìn thấy gã tay chơi kia không?” ông Souček nói với sự quan tâm. “Tên này hay ăn cắp tiền từ két tiền nhà thờ. Tôi muốn biết nó muốn gì ở đây. Không, tên giết người không để lại dấu vết gì. Anh nghe đây, khi anh tìm thấy cô gái bị giết, anh có thể thề độc rằng người yêu của cô ấy giết, điều này thường hay xảy ra,” ông ta buồn bã nói. “Chị ạ, chị đừng lo gì. Chúng ta có thể biết ai giết cô ta trong vụ này, nhưng trước hết ta phải biết cô ta là ai. Cái khó nhất là ở đây, đúng không?”

“Nhưng mà,” Pepa nói thiếu tự tin, “cảnh sát phải có phương pháp của họ.”

“Đúng mà,” ông Souček buồn bã đồng ý. “Thí dụ phương pháp này, giống như anh tìm hạt nước đá trong bao bì đựng hạt đậu. Cái này cần sự kiên nhẫn, anh ạ. Anh biết đấy, tôi thích đọc truyện trinh thám có sử dụng cả kính hiển vi và những thứ tương tự. Nhưng ở đây anh muốn tìm gì dưới kính hiển vi trừ phi anh nghiên cứu về hạnh phúc gia đình của dòi bọ, hay xem những con dòi con đạo chơi ra sao? Xin lỗi chị nhé, tôi rất chán khi nghe đến từ phương pháp. Anh chị biết đấy, nó không giống như đọc tiểu thuyết và đoán trước xem nó sẽ xảy ra như thế nào. Hay đúng hơn là họ cho các bạn quyển tiểu thuyết rồi nói: Nào anh Souček, anh phải đọc kỹ từng từ và tìm ra từ ‘mặc dù’ trong trang ấy, anh ghi lại nhé. Thế, công việc nó như vậy, anh chị hiểu không? Trong trường hợp này chẳng có phương pháp nào hay mưu mẹo nào giúp ta, ta phải đọc và đọc, cuối cùng ta tìm ra là trong quyển sách không có từ nào là từ ‘mặc dù’. Hay phải chạy hết Praha để tìm ra chỗ ở của cả trăm người tên Andula hay Mařka, để phát hiện rằng, không cô nào bị giết. Về cái này người ta nên viết mới đúng,” ông ta nói giọng không yên tâm, “hơn là viết về sợi dây chuyền của hoàng hậu Saba bị đánh cắp. Anh ạ, bởi vì cái này, bởi vì ít ra công việc là cái phải xử lý chắc chắn.”

“Rồi, thế các ông tiếp tục thế nào?” Pepa hỏi khi anh ta chắc chắn rằng anh ta có thể điều tra theo cách khác.

“Chúng tôi tiếp tục thế nào ư,” ông Souček trầm tư nhắc lại. “Trước hết phải bắt đầu bằng cái gì chứ, đúng không. Trước hết chúng ta có vé tàu điện số 7. Giả sử cô ta là người giúp việc, cô ta phải ở gần đường tàu điện. Nhưng cái này không đúng nếu cô ta ngẫu nhiên đi tàu; nhưng chúng ta phải quyết định sẽ bắt đầu làm gì để có thể bắt đầu chứ. Nhưng tàu số 7 đi khắp Praha, từ Březnov qua Malá Strana, Nové Město lên Žižkov*, như vậy khó và không thể điều tra theo hướng này. Tiếp đó là cái phiếu mua hàng, cái này cho ta biết rằng cách đây một thời gian cô ta đã mua hàng ở cửa hàng bán đồ sứ với giá năm mươi nhăm koruna. Thế là chúng tôi đến cửa hàng ấy.”

Các địa danh ở Praha.

“Ở đó họ nhớ ra cô ấy à?” Minka thở dài.

“Chị ạ, sao chị lại có thể nghĩ thế,” ông Souček âm ừ. “Đời nào người ta nhớ ra cô ta. Nhưng ông doctor Mejzlík, cảnh sát trưởng của chúng tôi đã đến cửa hàng hỏi xem có thể mua gì với năm mươi nhăm koruna. Nhiều thứ lắm, họ nói, quan trọng là mua bao nhiêu thứ; còn nếu chỉ một thứ với giá năm mươi nhăm koruna thì chỉ có cái ấm trà kiểu Anh cho một người uống. Vậy bán cho tôi một cái, ông doctor nói, nhưng cái bị sút nhé, để giá khỏi cao như thế. Rồi ông ta gọi tôi lên và nói: Xem này anh Souček ơi, cái này là cho anh. Hãy giả dụ cô bé ấy là người giúp việc. Người giúp việc thì luôn luôn đánh vỡ đồ và nếu đánh vỡ lần thứ ba thì bà chủ sẽ nói, đồ vụng, giờ thì cô phải mua đền bằng tiền của cô. Thế là cô giúp việc phải đi mua chỉ một cái, cái mà cô ta đánh vỡ. Và với giá là năm mươi nhăm koruna thì chính là cái ấm này. Phải nói là đắt kinh, tôi nói với ông ta. Ông ấy nói: Anh nghe đây, cái này chính là nó đấy. Trước hết nó giải thích cho ta, tại sao cô giúp việc giữ lại tờ phiếu mua hàng, với cô ta cái này là rất nhiều tiền và có thể cô ta nghĩ là có một ngày bà chủ sẽ bù lại. Việc thứ hai, anh xem nhé: đây là ấm trà cho một người, rõ ràng là cô giúp việc phục vụ cho người sống độc thân, hoặc bà chủ có một người khách độc thân trong nhà, người ấy dùng ấm trà này khi dùng bữa sáng. Và người độc thân ấy hẳn là

một phụ nữ, vì người đàn ông độc thân khó mà mua ấm đất và đẹp như vậy, đúng chưa; các quý ông ít khi để ý xem họ uống từ ấm nào. Có lẽ đây là một bà độc thân, vì các cụ này khi thuê nhà ở thường hay thích những cái gì đẹp của riêng mình và mua những cái giá cao một cách vô ích.”

“Đúng vậy,” Minka kêu lên. “Pepa ạ, anh thấy em có cái lọ hoa đẹp chứ!”

“Chị thấy đấy,” ông Souček nói. “Nhưng tờ phiếu của chị không còn nữa. Và ông cảnh sát trưởng bảo tôi: Bây giờ anh Souček ạ, mình sẽ đoán tiếp nhé, cái này không cứ phải là đúng, nhưng chúng ta phải vào cuộc ở chỗ nào chứ. Xem này, người vớt năm mươi nhăm koruna để mua ấm trà sẽ không ở Žižkov. (Anh biết không, doctor Mejzlík nghĩ đến đường tàu số 7 vì có vé tàu điện). Trong phố cổ thì ít người thuê nhà, ở Malá Strana thì dân ở đây chỉ uống cà phê. Mình nghĩ họ sẽ ở khu phố giữa Hradčany* và Dejvice, vì mình có tàu điện số 7. Mình nghĩ rằng cái quý bà uống trà Anh từ cái ấm ấy sẽ phải ở căn nhà có vườn, biết không anh Souček, đấy là nhà kiến trúc mới theo kiểu Anh. Anh hiểu chứ, ông doctor Mejzlík của chúng tôi hay có những ý tưởng điên điên như thế. Anh Souček ạ, ông ta nói, anh mang cái ấm này và hỏi trong khu phố ấy xem những quý bà nào thuê nhà ở đấy và hỏi họ xem có người giúp việc nào bỏ đi vào hồi tháng Năm không. Dấu vết ít ỏi quá, quý ạ, nhưng mình cứ thử. Thôi, lão đi đi, vụ này là của lão đấy.

Địa danh ở Praha.

“Thế là, anh chị nghe nhé, tôi không thích đoán theo kiểu này đâu. Thám tử tầm cỡ không phải là nhà thiên văn học hay nhà thông thái. Thám tử không nên tính toán; nhiều khi ngẫu nhiên tóm được đúng chỗ, nhưng ngẫu nhiên không phải là công việc trung thực. Cái vé tàu điện và cái ấm trà ít ra cũng là những cái nhìn thấy được, nhưng những cái còn lại chỉ là... tưởng tượng,” ông Souček nói với một chút bẽn lễn khi dùng từ cao siêu như vậy. “Thế là tôi đi, tôi đến khu biệt thự, hỏi hết nhà này đến nhà kia và hỏi xem họ có cái ấm trà như vậy không. Và anh chị xem, ở ngôi nhà thứ

ba mươi bảy, nơi tôi đến, cô giúp việc có nói, đây đây, bà thuê nhà của chủ tôi có cái ấm như thế này! Thế là tôi xin gặp bà ấy. Bà ấy là bà góa, chồng trước kia là một viên tướng và cho hai quý cô thuê hai phòng, một quý cô tên là Jakoubová, giáo sư tiếng Anh và có cái ấm trà như vậy. Thưa quý bà, tôi nói, có cô giúp việc nào bỏ nhà đi vào tháng Năm không? Đúng, nó bỏ đi, tên nó là Mařka*, nhưng họ thì tôi không biết. Thế cô ấy có đánh vỡ cái ấm nào của quý bà không? Nó có đánh vỡ đấy, bà ta nói, và nó phải mua đền bằng tiền của nó. Nhưng trời ạ, sao anh biết? Thưa bà, bà thấy không, chúng tôi biết hết.

Tên gọi tắt của Marie.

“Thế là mọi thứ đã được triển khai nhẹ nhàng. Trước hết tôi tìm cô giúp việc đánh bạn với Mařka - anh chị nghe nhé, mỗi cô giúp việc thường chỉ đánh bạn với một người và kể với bạn mình hết mọi thứ - và từ cô này tôi biết là cô kia tên là Marie Pařízková đến từ Dřevíce, nhưng tôi muốn biết nhất là cậu thanh niên mà Mařka đánh bạn. Nghe nói là Mařka đánh bạn với cậu Franta nào đó. Franta làm gì thì cô bạn này không biết nhưng cô ta nhớ là có lần cô ta đi cùng cả hai người đến Eden, ở đấy một gã tay chơi hét to lên chào Franta! Chào cậu, Ferda! Cái này thông qua báo cáo của ông Fryba bên chúng tôi, anh chị biết không, ông ta là chuyên gia về tên giả. Ông Fryba nói luôn: Franta với tên giả Ferda chính là thằng Kroutil ở Košíře, tên thật của nó là Pastyřík. Thưa ông cảnh sát trưởng, tôi sẽ đi tóm hãn ngay, nhưng chúng tôi phải hai người. Nhưng tôi đi một mình, mặc dù như vậy là không đúng theo quy định cho công việc của tôi. Chúng tôi tóm được hãn ở chỗ người tình của hãn, đồ quý, hãn định bắn. Sau đó ông cảnh sát trưởng Matička đã hỏi cung hãn, anh ạ, không biết ông này làm thế nào mà sau mười sáu giờ thằng Franta tức Pastyřík khai hết, rằng nó siết cổ cô Marie Pařízková ở ngoài cánh đồng, cướp của cô ta vài trăm khi cô ta đi làm về. Nó từng hứa là sẽ cưới cô ta, cái này bọn này toàn thế,” ông nói thêm với giọng sầu muộn.

Minka run lên. “Pepa ạ,” cô thở dài, “khủng khiếp quá!”

“Giờ thì qua rồi,” ông cảnh sát Souček nói nghiêm túc. “Nhưng anh chị không biết đâu, khủng khiếp là lúc chúng tôi đứng bên cô ta trên cánh đồng và không tìm được gì ngoài tờ phiếu mua hàng và cái vé tàu điện. Hai mẫu giấy nhỏ bé và vô nghĩa ấy - nhờ đó chúng tôi đã trả thù cho Mařka. Tôi nói nhé, người ta không nên vứt đi cái gì, kể cả những cái vô dụng nhất cũng có thể là dấu vết hay nhân chứng. Anh ạ, người ta không biết trong túi mình có gì quan trọng đâu.”

Minka sững người và đôi mắt đăm lẹ; này, bây giờ cô quay sang nhìn Pepa của cô với sự ngưỡng mộ và từ bàn tay ẩm ướt cái tờ phiếu bị vò nhàu đã rơi xuống đất, tờ phiếu ấy - vì cô đã bị căng thẳng suốt buổi tối nên đã vò nó trong tay. Pepa không nhìn thấy vì anh đang ngắm các vì sao. Chỉ có cảnh sát Souček thì nhìn thấy và mỉm cười với nụ cười buồn buồn và thấu hiểu.

KẾT CỤC CỦA OPLATKA

Gần ba giờ sáng người cảnh sát dân sự Krejčík phát hiện rằng một nửa tấm lưới bảo vệ cửa vào của quầy bánh mì, nhà số 17 phố Neklanova bị nâng lên. Ông bấm chuông cho người coi nhà xem ông này có trực không, sau đó nhìn vào khe lưới xem có ai trong quầy không. Trong giây lát đó từ trong quầy một người chạy vụt ra, cách nửa bước thì người này bắn Krejčík vào bụng rồi bỏ chạy.

Lúc ấy, theo lịch trực, sĩ quan trực ban Bartoš đang đi tuần ở phố Jeronýmova. Khi nghe thấy tiếng nổ, anh ta vội chạy về phía đó. Đến góc phố Neklanova anh ta suýt đâm vào một người đang chạy, nhưng anh chưa kịp quát “Đứng lại” thì súng đã nổ, trực ban Bartoš ngã xuống sau khi bị bắn.

Cả phố thức giấc vì tiếng quát tháo, tiếng còi của cảnh sát. Các cuộc tuần tra được tiến hành ở khắp khu vực. Từ phòng cảnh sát có ba người chạy đến, họ vừa chạy vừa cài cúc áo choàng, sau ít phút xe máy của phòng cảnh sát đã đến, một người sĩ quan nhảy xuống. Lúc đó sĩ quan tuần tra Bartoš đã chết và cảnh sát dân sự Krejčík đang hấp hối, tay còn ôm chặt bụng.

Đến sáng người ta đã tiến hành hai mươi cuộc bắt bớ; người ta bắt bừa đi, vì không ai nhìn thấy kẻ giết người, mặt khác cảnh sát cũng muốn báo thù cho hai người của họ. Cái này cũng là chuyện thường: người ta tính rằng trong đám người bị bắt sẽ có kẻ khai. Theo lệnh họ sẽ lấy lời khai và người ta hỏi cung cả ngày lẫn đêm; bọn tội phạm thường xuyên mặt xám xanh và đau khổ quằn quại trong các phòng thẩm vấn và trong các cuộc hỏi

cung, nhưng chúng còn kinh hãi hơn khi bị hai hay ba cảnh sát mang đi vì trong đầu những người cảnh sát dấy lên một sự căm phẫn đen tối và khủng khiếp. Kẻ giết cảnh sát Bartoš đã phá vỡ một quy định trong ngành: bắn thì có thể nhưng bắn vào bụng thì không được phép, ngay cả bắn súc vật.

Gần sáng đêm thứ hai tất cả sĩ quan ở các khu vực cũng đã biết kẻ gây án là Oplatka. Một trong những kẻ bị bắt đã khai: Valta nói là đúng Oplatka đã diệt hai người ở phố Neklanka và sẽ còn khử nhiều hơn; đối với nó chuyện này chẳng quan trọng gì vì nó mắc bệnh lao. Được, thì ra là Oplatka.

Đêm hôm đó Valta bị bắt, sau đó là người tình của Oplatka cùng ba thanh niên trong nhóm quen thân của Oplatka, nhưng không ai có thể nói hoặc muốn nói Oplatka đang ở chỗ nào. Bao nhiêu sĩ quan và cảnh sát mật đã được cử đi điều tra Oplatka, nhưng đó là việc khác, ngoài ra mỗi sĩ quan, khi có phiên trực, hiếm khi được uống một cốc nước ở nhà hoặc trao đổi một câu với vợ, họ phải có mặt và tự mình đi tìm Oplatka. Rõ rồi, ai chả biết mặt Oplatka; cái thẳng oắt con xanh xao có cái cổ mảnh khảnh.

Gần mười một giờ đêm anh sĩ quan Vrzal, vừa hết giờ trực vào chín giờ tối, mặc thường phục rồi bảo vợ là anh ra ngõ phố một lát. Ở phố Rajská zahrada anh gặp một người nhỏ thó nấp trong bóng tối. Sĩ quan Vrzal mặc dù không mang vũ khí và ngoài giờ làm việc vẫn tiến lại nhìn kẻ lạ, nhưng chỉ còn cách tên này ba mét thì tên này rút súng trong túi và bắn Vrzal vào bụng rồi chạy. Vrzal ôm bụng đuổi theo hăn nhưng sau vài bước anh ngã xuống, tiếng còi cảnh sát đã vang lên và mấy người đàn ông đang đuổi theo một bóng đen đang bỏ chạy. Sau công viên Riegrovy sady có mấy tiếng nổ; sau đó mười lăm phút mấy xe chở đầy cảnh sát đã chạy lên Žižkov và nhóm tuần tra bốn năm người đã mò vào khu nhà mới xây. Gần một giờ sáng có tiếng nổ sau hồ cá Olšanské rybníky; có ai đó vừa chạy vừa bắn vào một thanh niên vừa đi chơi với bạn gái từ Vackov về, nhưng may là không trúng cậu ta. Vào hai giờ sáng thì vòng vây của các cảnh sát và thám tử từ từ siết chặt lại. Gần sáng có tin là ai đó ở sau Malešice bắn

một nhà kinh doanh tài chính, người này làm việc ở đây; ông tài chính này đuổi theo, nhưng sau đó ông ta đã sáng suốt tự nhủ rằng đây không phải việc của ông ta. Rõ ràng là Oplatka đã chạy thoát ra ngoài cánh đồng.

Khoảng sáu mươi cảnh sát đầu đội mũ bảo vệ, một số đội mũ phớt, trở về từ khu lò Žižkov, quần áo ướt đầm, họ diên tiết, tuyệt vọng đến phát khóc! Trời ạ, ai chả khùng lên vì vụ này, Thăng khốn kiếp đã khử ba người của ngành: Bartoš, Krejčík, Vrzal và đang chạy vào vòng vây của cảnh sát nông thôn. Quyền tóm hãn là của chúng tôi - đây là lời tuyên bố của nhóm cảnh sát thành phố, kể cả mặc đồng phục lẫn thường phục, và bây giờ chúng tôi phải tóm thăng oắt ấy, thăng khốn kiếp Oplatka và giao cho sen đầm! Nghe đây! Nó bắn chúng tôi thì đây là việc của chúng tôi nhé! Đừng để cảnh sát nông thôn thò chân vào đây; họ nên lo chuyện ngoài đường sá, để nó phải quay về Praha...

Cả ngày trời lạnh và sương mù, tối đến cảnh sát Mrázek đi từ Čerečany* đến Pyšely*, nơi anh dự định mua pin cho đài radio; anh không mang súng, vừa đi vừa huýt sáo. Đang đi, bỗng anh nhìn thấy một người nhỏ bé; chẳng có vẻ gì lạ, nhưng cái người nhỏ bé ấy dừng lại, hình như lưỡng lự. Đứa nào nhỉ, anh tự nhủ và bỗng dưng anh nhìn thấy lửa lóe lên rồi anh ngã xuống, tay ôm chặt lấy hông.

Tối hôm ấy, tất nhiên là như vậy, toàn bộ cảnh sát huyện được báo động. “Mrázek ơi,” viên đại úy nói với người cảnh sát đang hấp hối, anh đừng lo; tôi hứa danh dự là chúng tôi sẽ tóm được thăng khốn ấy. Nó chính là thăng Oplatka, tôi thề độc đấy, nó định chạy về Soběslav* vì nó sinh ra ở đây. Quý ạ, tại sao người ta hay chạy về quê khi nguy khốn nhỉ. Nào, Václav ơi, cho mình bắt tay nào; mình hứa sẽ tóm được nó, ngay cả khi chúng ta phải trả giá cao cho việc này.” Václav Mrázek cố gượng cười; anh nghĩ đến ba đứa con mình, nhưng sau đó anh tưởng tượng ra cảnh các cảnh sát kéo đến từ khắp nơi... có thể cả cảnh sát Toman từ Černý Kostelec*... cảnh sát Závada từ Votice* thì hẳn rồi, cảnh sát Rousek từ Sázava* cũng đến, toàn bạn là bạn... Cảnh tượng đẹp tuyệt, Mrázek nghĩ, ngàn nấy cảnh

sát tụ họp! Anh cười lần cuối; sau đó cái còn lại chỉ là nỗi đau của con người.

Nhưng tối hôm đó xảy ra việc này nữa, trung sĩ Závada nảy ra ý tưởng đi kiểm tra chuyến tàu đêm từ Benešov*; ai mà biết, có thể tên Oplatka ngồi trên tàu; chết thật, nó lại dám ngồi trên tàu? Trong các toa tàu đèn nhấp nháy, mọi người ngủ gật nghiêng ngả trên các ghế giống như những động vật mệt mỏi. Trung sĩ Závada đi dọc các toa và anh nghĩ có quỷ mà nhận ra cái thằng mà cả đời mình chưa nhìn thấy! Trong phút đó một người trẻ tuổi đầu đội mũ phớt che gần đến mắt nhảy ra chỉ cách anh một bước và một tiếng nổ vang lên trong hành lang chật hẹp trước khi trung sĩ kịp giật súng khỏi tay nó. Tên người nhỏ bé ấy tay ve vẩy khẩu súng lục nhảy từ toa ra ngoài. Trung sĩ vẫn còn kịp hét lên: “Đuổi theo nó!” rồi ngã úp mặt xuống hành lang toa tàu.

Trong khi tên trẻ tuổi ấy nhảy từ toa tàu, hẳn ta chạy về phía các toa chờ hàng. Ở đây thợ đường sắt Hruša đang cầm đèn xách tay đi qua, ông tự nhủ, hễ tàu số hai mươi sáu chuyển bánh thì ông sẽ vào phòng đèn nằm nghỉ. Lúc ấy ông nhìn thấy có người chạy ngược chiều với ông. Ông già Hruša không nói một câu và nhảy ra chặn đường; cái này là bản năng của nam giới. Sau đó ông nhìn thấy ánh lóe lên rồi hết; tàu số hai mươi sáu không đi nữa và ông già Hruša thì tuy nằm ở phòng đèn, nhưng nằm trên tấm gỗ, các nhân viên đường sắt đến thăm ông và nghiêng mũ chào.

Các địa danh ở miền Trung Czech.

Những người đàn ông thờ phì phò đuổi theo cái bóng chạy trốn, nhưng đã quá muộn; có lẽ nó đã chạy theo đường ray ra cánh đồng. Nhưng từ đây - từ nhà ga nhấp nháy đèn và từ đám người hoảng sợ, nỗi sợ hãi kỳ lạ đã lan truyền rộng rãi khắp miền quê đang nằm khoanh tròn và yên ngủ giấc mùa thu. Mọi người chạy vào nhà mình và không dám bước ra ngoài hiên. Người ta đồn rằng ở đâu đó có người đã nhìn thấy người đàn ông lạ hoang dã, gã này cao, gầy hoặc nhỏ người và mặc áo măng tô da; những nhân viên bưu điện nhìn thấy ai đó nấp sau gốc cây; có người vấy ông đánh xe

Lebeda để ông dừng lại nhưng ông Lebeda quật ngựa chạy cho nhanh. Một việc thật sự đã xảy ra là có một kẻ mệt mỏi đã chặn đường một đứa trẻ đang đến trường và giật của nó cái túi đựng miếng bánh mì rồi bỏ chạy. Từ phút đó cổng làng đóng chặt và ngột ngạt vì sợ hãi, mọi người chỉ còn đủ dũng cảm để dán mũi vào kính cửa sổ rồi nhìn ra ngoài, nhìn ra một vùng xám xịt không một bóng người.

Nhưng đồng thời có một việc đang được tiến hành - một sự tập trung. Cảnh sát đến từ tất cả mọi con đường, chỗ này một hay hai người; có trời biết họ có bao nhiêu người nữa. “Trời ạ! Này!” đại úy Honzátko quát người cảnh sát đến từ Čáslav*. “Anh muốn gì ở đây? Ai cử anh đến đây? Các anh nghĩ là để tóm một thằng khốn mà tôi cần cảnh sát từ toàn miền Czech? Hả?” Người cảnh sát đến từ Čáslav cười mũ và gãi đầu bên lên. “Thưa đại úy,” anh ta nói như người có lỗi. “Ông biết không, anh Závada là bạn tôi... tôi không thể không đến, đúng không ạ.” “Bọn đàn ông chết tiệt!” đại úy gầm lên, “thằng nào cũng nói thế! Đã có trên năm mươi vị đến đây mà không có lệnh đến, tôi phải làm gì với các người cơ chứ?” Đại úy Honzátko giậm dữ nhâm nhi ria mép của mình. “Được, các anh sẽ canh đường quốc lộ từ ngã tư đến tận rừng; các anh nói với Voldřich đến từ Benešov là các anh thay phiên anh ta.” “Không được đâu,” người cảnh sát đến từ Čáslav nói. “Thưa đại úy, cậu Voldřich không cho tôi thay thế đâu, khỏi phải nói nhé. Tốt hơn là để tôi canh cánh rừng từ bìa rừng cho đến mép con đường thứ hai. Ai đang ở đấy?” “Semrád từ Veselka,” đại úy âm ừ. “Nghe này cậu đến từ Čáslav ời, nhớ nhé: theo lệnh của tôi cậu sẽ bắn đầu tiên khi cậu nhìn thấy nó. Không lôi thôi gì nhé, hiểu chứ? Tôi không thể cho phép nó bắn người của mình nữa. Nào, đi!”

Địa danh ở miền Đông Czech.

Sau đó trưởng trạm cảnh sát đến. “Thưa đại úy,” anh ta nói, “lại thêm ba mươi vị nữa đến.” “Ba mươi nào?” đại úy buột miệng. “Vâng,” trưởng trạm cảnh sát nói, “ba mươi quân bên đường sắt. Ngài biết đấy, vì ông lão Hůřa mà. Ông ấy là người bên chúng tôi, họ nói và vì thế họ đến để

ngộ...” “Anh bảo họ về đi,” đại úy quát to, “tôi không cần bất cứ ai bên dân sự!” Trưởng trạm cảnh sát giậm chân tại chỗ vẻ thiếu tự tin. “Đại úy ơi, xem kìa,” anh ta đầu dụi, “họ đến từ Praha và Mezimostí*. Họ đoàn kết như vậy là tốt. Họ không chịu đi khi tên Oplatka giết người của họ. Về mặt nào đó họ có quyền... Nào, thưa đại úy, hãy cho họ chút niềm vui và cho họ theo!”

Địa danh ở miền Nam Czech.

Đại úy Honzátko bực bội âm ừ, chỉ muốn họ để cho ông yên. Trong vòng một ngày vòng vây lớn từ từ khép lại. Buổi chiều người ta gọi đến từ ban chỉ huy trạm xem ông có cần tiếp viện hay không? “Không,” ông ngắt lời mà không cần tỏ ra lịch thiệp, “đây là công việc của chúng tôi, hiểu chưa?” Lúc này nhóm cảnh sát mật từ Praha vừa đến; họ cãi nhau to với trung sĩ cảnh sát trưởng, người đã yêu cầu họ về. “Gì hả,” viên thanh tra Holub khùng lên, “các anh muốn đuổi chúng tôi hả? Nó giết ba người bên chúng tôi, trong khi đó chỉ giết hai người bên các anh, mấy vị gã ghê ạ! Chúng tôi có quyền hơn bên các anh nhé, hỡi các vị cảnh sát.” Vừa dàn hòa được vụ này thì lại xảy ra vụ bên phía kia vòng vây, giữa cảnh sát và đám thợ săn. “Các vị đi đi!” nhóm cảnh sát điên tiết, “đây không phải săn thỏ đâu nhé!” “Còn lâu nhé,” nhóm thợ săn nói, “đây là rừng của chúng tôi và chúng tôi có quyền đến, biết chưa?” “Biết điều chút các vị ơi,” cảnh sát Rousek từ Sázara dàn hòa, “đây là việc của chúng tôi, không ai được thò chân vào...” nhóm thợ săn nói. “Đứa bé bị hãm chặn đường cướp bánh mì là con gái thợ săn Hůrka. Chúng tôi không để yên đâu, hết chuyện nhé!”

Tối hôm ấy vòng vây khép lại; khi bóng đen phủ xuống, người ta nghe thấy giọng khàn đặc của người đàn ông bên phải và cả bên trái mình và tiếng giày lép nhép trên đất ruộng. “Đứng lại,” tiếng gọi từ người này đến người kia. “Đứng yên!” Sự yên lặng nặng nề và khủng khiếp, thỉnh thoảng có tiếng lá khô sột soạt trong bóng tối giữa vòng vây hay tiếng mưa rơi; đôi khi nghe thấy tiếng giày của người giậm chân tại chỗ hay một cái gì đó kêu đánh cạch, có thể là dây đeo hay súng. Gần nửa đêm trong bóng tối có tiếng

quát: “Đứng lại!” rồi tiếng súng bắn; chuyện xảy ra lúc đó thật kỳ lạ, người ta bắn đến ba mươi viên đạn; tất cả mọi người chạy tản về phía ấy; bỗng lại có tiếng quát: “Quay lại! Không ai được tiến!” Mọi thứ lại tạm trở lại bình thường và vòng vây lại khép lại. Nhưng đến lúc này tất cả mọi người mới hình dung ra, là trong bóng tối trước mặt họ có một tên điên khùng, mất phương hướng, đang rình mò, sẵn sàng nhảy ra tấn công điên dại. Có cái gì đó... không giữ lại được đang chạy từ người này sang người khác; có lúc nó sột soạt như tiếng áo mưa hay tiếng chân bước rảo. Trời ạ, ước gì có thể nhìn thấy! Ước gì trời sáng!

Trời mờ mờ sáng dần. Mỗi người dần dần nhìn thấy hình dáng của người gần mình nhất và lấy làm lạ là họ gần nhau đến thế. Ở giữa vòng vây của đám người là một bụi rậm hay mảnh rừng nhỏ (chỗ này có nhiều thỏ), nhưng im ắng, hoàn toàn im ắng. Đại úy Honzátko kéo ria cho quên cái lạnh buốt: chết tiệt thật, mình phải đợi, hay là...

“Tôi xung phong đi,” thanh tra Holub gầm lên. Đại úy khịt khịt mũi. “Anh lên đi,” ông nói với người cảnh sát gần nhất. Năm người xông vào bụi, nghe rõ cả tiếng cành khô răng rắc gãy, rồi bỗng nhiên lặng thinh.

“Dừng lại!” đại úy Honzátko hét vào đám người của mình và từ từ tiến lại bụi rậm. Sau đó từ trong bụi rậm nhô ra tấm lưng to của người cảnh sát đang kéo một thi thể cong queo, đôi chân của nó được người thợ săn có cái ria như ria hải mã nhấc lên. Sau họ là đại úy Honzátko chui ra từ bụi rậm, mặt cau có và vàng vọt.

“Đặt nó xuống đây,” ông nói giọng khàn khàn, lau trán, nhìn quanh cái chuỗi người lưỡng lự với vẻ lạ lùng, mặt nhăn lại và quát họ: “Nhìn cái gì? Giải tán!”

Mỗi người đàn ông đều cảm thấy ngượng ngùng khi nhìn cái thi thể nhỏ bé cong queo trên cánh đồng. Đây là Oplatka, cái tay gầy guộc thò ra từ ống tay áo, trên cái cổ khăng khiu là bộ mặt xanh xao bị ướt nước mưa. Trời ạ, nó bé tí, cái thằng khốn kiếp Oplatka! Này! Nó bị bắn vào lưng, chỗ

này bị trúng một viên vào sau tai, chỗ này nữa... Nó bị trúng bốn, năm, bảy viên!

Đại úy Honzátko, đang cúi xuống cái xác, đứng dậy một cách khó nhọc. Ông khịt khịt mũi, sau đó ông mở to mắt như không muốn tin và gần như bẽn lẽn. Ở đây là cả một hàng dài toàn cảnh sát, súng trên vai với lưỡi lê bóng loáng; trời, những người đàn ông khỏe mạnh, họ đứng trong hàng đều đặn như đi duyệt binh, không ai nói một lời. Bên thứ hai là nhóm cảnh sát mặt đen kịt, to, khỏe, súng ngắn trong túi phồng lên; tiếp đó là nhóm nhân viên đường sắt, không to lớn nhưng dẻo dai, rồi nhóm thợ săn quần áo màu xanh lục, cao lớn, râu ria, má đỏ như quả ớt. Đây đúng là một đám tang hoành tráng, tim ông thót lại; giống như duyệt đội danh dự, y như họ sẽ bắn súng chào mừng! Ông cắn môi trong một nỗi đau đớn cháy bỏng. Cái thằng oắt con nằm trên đất, cứng queo, tả tơi, y như một con quạ ốm bị bắn rơi, thế mà ở đây ngàn nẩy thợ săn... “Chết tiệt,” ông hét lên, răng nghiến lại, “ở đây có cái bao bì nào không? Phủ cái xác này đi chứ!”

Khoảng hai trăm người đàn ông giải tán theo tất cả mọi hướng; họ không nói gì với nhau; họ chỉ căn nhắc về chuyện đường xấu, họ cúi kính trả lời những câu hỏi căng thẳng, ừ, thế là nó hết đời và để chúng tôi yên nào! Người cảnh sát được phân công ở lại canh cái xác thì đuổi đám nhà quê hiếu kỳ: “Chúng mày muốn gì? Không có gì để xem đâu! Đây không phải việc của các người!”

Trên ranh giới huyện người cảnh sát Rousek từ Sázava nhổ bọt: “Tởm! Cậu ạ, mình nói nhé, mình chán tới mức chả muốn nhìn mặt mình nữa! Trời ạ, giá mà mình được một mình đánh nhau với thằng Oplatka, một chọi một!”

PHIÊN TÒA CUỐI CÙNG

Tên tội phạm nổi tiếng Kugler, kẻ đã bị bắt nhiều lần và đã bị cả một đoàn cảnh sát và thám thám tử vây bắt, đã tuyên bố rằng họ sẽ không thể bắt được hắn, ít ra là bắt sống hắn. Lần giết người cuối cùng, tính ra là lần thứ chín, người bị hắn giết chính là người muốn bắt hắn. Hắn bắn chết người cảnh sát, nhưng bị trúng bảy viên đạn, trong đó ba viên gây tử vong. Về hình thức hắn đã thoát khỏi bàn tay của công lý trên thế gian. Cái chết đến quá nhanh không cho hắn có thì giờ để cảm thấy đau đớn. Khi hồn hắn rời khỏi xác, hồn hắn đã vô cùng kinh ngạc trước những lạ kỳ của thế giới bên kia, thế giới sau khi chết, xám xịt và trống rỗng vô biên, khiến người ta sửng sốt. Ai đã từng vào tù ở Mỹ thì vẫn phải coi thế giới bên kia là thế giới mới, nơi dù có chút dũng cảm thì trái tim vẫn đập thành thịch như ở bất cứ nơi nào.

Cuối cùng thì Kugler cũng không thoát được phiên tòa cuối cùng, việc không thể tránh khỏi. Vì Thiên đàng lúc nào cũng trong tình trạng đặc biệt, hắn bị đưa đến trước hội đồng xét xử chứ không được xử trước đoàn bồi thẩm. Phòng xử án trang trí đơn giản, y như dưới trần, chỉ có một ngoại lệ. Ở đó không có cây thánh giá, nơi các nhân chứng tuyên thệ. Chỉ có ba thẩm phán, chủ yếu là người già và các thành viên của hội đồng xét xử nghiêm khắc với vẻ mặt lạnh lùng. Thủ tục thì tẻ nhạt: Kugler Ferdinand, thất nghiệp, sinh ngày... tháng... năm..., chết ngày... tháng... năm... Ở đây thấy rõ là Kugler không biết ngày chết của mình; hắn nhìn thấy ngay trong cách nhìn của tòa, việc hắn không nhớ này là có hại cho hắn và hắn cứng đờ ra.

“Anh phạm tội gì?” chánh án hỏi.

“Không gì cả,” Kugler ngoan cố.

“Dẫn nhân chứng vào!” chánh án thở dài.

Trước mắt Kugler, xuất hiện một cụ già cao lớn, thực sự là cao lớn khác thường, mặc áo choàng xanh, trên áo gắn những ngôi sao vàng; khi cụ bước vào thì chánh án và các thẩm phán đều đứng dậy, Kugler cũng đứng dậy, mặc dù không muốn nhưng hẳn vẫn bị cuốn hút. Mãi đến lúc cụ già ngồi xuống, chánh án và các thẩm phán mới ngồi xuống theo.

“Thưa nhân chứng,” chánh án bắt đầu. “Kính thưa Thượng đế vô vàn sáng suốt, phiên tòa cuối cùng này đã triệu tập Người, để Người làm nhân chứng cho vụ Kugler Ferdinand. Vì Người là Đấng Tối cao và Đấng chỉ nói sự thật, Người không phải tuyên thệ. Đề nghị Người, vì lợi ích của phiên tòa, giữ đúng quy trình và không đi vào những chi tiết không liên quan đến phiên tòa về mặt luật pháp. Còn bị cáo Kugler, anh không được ngắt lời nhân chứng. Người biết hết, nếu anh chối cũng bằng thừa. Xin nhân chứng làm chứng cho phiên tòa.” Nói xong chánh án tì hai khuỷu tay xuống bàn, tháo kính gọng vàng và sẵn sàng nghe nhân chứng. Thành viên già nhất của hội đồng xét xử cúi xuống vẻ như muốn ngủ. Một vị thiên thần-thư ký mở quyển Sách Cuộc đời ra.

Thượng đế-nhân chứng ho nhẹ và bắt đầu:

“Đúng vậy, Kugler Ferdinand. Ferdinand Kugler là con một nhân viên văn phòng nhà máy, ngay từ bé đã hư hỏng. Mà đây, con ơi, con đã rất hư! Con yêu mẹ con vô cùng, nhưng con xấu hổ và không dám thể hiện; cho nên con hay ngang ngạnh và không vâng lời. Con nhớ không, con đã cắn vào ngón tay của cha con khi cha con muốn đánh con chỉ vì con ăn trộm hoa hồng trong vườn nhà ông công chứng?”

“Đấy là hoa tặng chị Irma con gái ông phòng thuế,” Kugler nhớ ra.

“Ta biết,” Thượng đế nói. “Lúc bấy giờ nó lên bảy tuổi. Con có biết sau này có chuyện gì với nó không?”

“Thưa không.”

“Nó đã lấy chồng, lấy thằng Oskar, con trai chủ nhà máy; thằng này làm nó bị lây bệnh và nó đã chết khi phá thai. Con còn nhớ Ruda Záruba không?”

“Thưa, chuyện gì đã xảy ra với nó?”

“Con ơi, nó đi làm thủy thủ và chết ở Bombay. Hai đứa chúng mày là hai đứa tệ hại nhất trên đời. Kugler Ferdinand đã trộm cắp từ năm lên mười và luôn luôn dối trá; chơi với những kẻ xấu như thằng ăn mày nghiện rượu Dlabola, còn chia cả phần thức ăn của mình cho nó.”

Chánh án giơ tay ra hiệu là việc này không liên quan; nhưng Kugler bẽn lẽn hỏi: “Và... chuyện gì xảy ra với con gái ông ấy?”

“Với con bé Mařka*?” Thượng đế nói. “Con bé này thì quá lắm. Mới mười bốn tuổi đã biết bán mình, nó chết năm hai mươi tuổi và lúc hấp hối nó nhớ đến con. Năm nó mười bốn con đã thành kẻ say rượu và bỏ nhà ra đi. Cha con đã đau khổ cháy lòng còn mẹ con đã khóc hết nước mắt; con đã làm nhục ngôi nhà của con và chị gái Martička đẹp đẽ của con đã không lấy được chồng; ai có thể đến đón cô dâu ở nhà quân trộm cắp. Nó hãy còn sống trong cô đơn và nghèo khổ, khổn khó với khoản thu nhập thấp nhận được từ những người tốt bụng thấy thương hại nó.”

Cách gọi thân mật của tên Markéta.

“Lúc này chị ấy đang làm gì?”

“Lúc này đây nó đến quầy hàng của gia đình Vlček mua chỉ, để về may vá cho đến đêm. Con còn nhớ cái quầy hàng ấy chứ? Đã có lần con mua viên bi thủy tinh màu ở đấy lúc con lên sáu tuổi; ngay ngày hôm ấy con đánh mất và không sao tìm được nó. Con còn nhớ con đã khóc lóc đầy đau đớn và nuối tiếc không?”

“Không biết lần ấy viên bi lăn đâu mất?” Kugler háo hức hỏi.

“Nó rơi vào cái hố dưới máng xối. Đến giờ nó vẫn nằm đấy, đã ba mươi năm rồi. Ngay lúc này đang mưa và hòn bi thủy tinh cứ lăn sòng sọc trong nước mưa lạnh chảy ào ào.”

Kugler cúi đầu chịu thua, nhưng chánh án đeo kính lên và nói khê: “Thưa nhân chứng, ta phải trở lại với công việc. Tên này có giết người hay không?”

Thượng đế gật đầu. “Hắn đã giết chín người. Người đầu tiên bị hắn giết lúc đánh nhau, vì thế hắn vào tù và đã hư hỏng trong tù. Người thứ hai là người tình không chung thủy, vì vụ này hắn bị xử tử hình nhưng đã trốn khỏi khám. Người thứ ba là người già bị hắn cướp. Người thứ tư là người trực đêm.”

“Ông ta chết à?” Kugler hét lên.

“Ông ta đã chết sau ba ngày,” Thượng đế nói, “trong đau đớn khôn cùng và để lại sáu đứa con. Người thứ năm và thứ sáu là hai vợ chồng già; hắn giết chết họ bằng rìu và chỉ tìm được mười sáu koruna, mặc dù họ giấu đi hơn hai mươi nghìn.”

Kugler nhảy dựng lên: “Thưa, giấu ở chỗ nào?”

“Họ giấu trong đồng rơm,” Thượng đế nói. “Trong cái túi vải dưới đồng rơm, đấy là chỗ họ giấu khoản tiền vất vả kiếm được bằng cho vay lãi và ki cốp. Người thứ bảy hắn giết ở Mỹ; đây là người mới nhập cư, đồng hương, ngây ngô như trẻ con.”

“Thế là trong đồng rơm,” Kugler sừng sốt.

“Đúng rồi,” nhân chứng tiếp tục. “Người thứ tám là người đi đường, chẳng may ngang đường hắn khi hắn đang bị đuổi. Lúc ấy hắn đang bị viêm mô xương và đau đớn kinh người. Con ơi, con đã trải qua nhiều chuyện. Người thứ chín là cảnh sát, bị hắn bắn trước khi chết.”

“Tại sao hắn giết người?” chánh án hỏi.

“Cũng như những người khác,” Thượng đế nói; “do giận dữ, muốn có tiền, khi thì có tính toán và cả khi ngẫu nhiên, có khi vì lạc thú và khi khác do hăn cần. Hăn đã rất thảo, có khi hăn giúp đỡ mọi người. Hăn tốt với phụ nữ, yêu động vật và giữ lời hứa. Ta có thể dẫn chứng vài việc tốt được không?”

“Xin cảm ơn,” chánh án nói, “không cần đâu. Bị cáo, anh muốn nói gì để bào chữa không?”

“Không,” Kugler nói với vẻ vô cảm, vì bây giờ hăn cũng mặc kệ tất cả.

“Hội đồng xét xử sẽ họp,” chánh án tuyên bố và ba thành viên của hội đồng đi ra. Thượng đế và Kugler còn lại trong phòng xử.

“Họ là ai vậy?” Kugler hỏi và chỉ tay vào những người đang đi ra.

“Họ là những người như con,” Thượng đế nói. “Trên thế gian họ đã làm thẩm phán và ở đây họ cũng xử án.”

Kugler cắn ngón tay. “Tôi nghĩ rằng... mà, tôi không bận tâm đâu, nhưng tôi cứ tưởng Ngài sẽ xử, vì... vì...”

“Vì ta là Thượng đế?” cụ già cao lớn nói nốt. “Nhưng đó chính là lý do đấy, con biết không? Vì ta biết hết tất cả, nên ta không thể xử. Như vậy không được. Con có biết lần này ai là người tố giác con không, Kugler?”

“Tôi không biết,” Kugler ngạc nhiên.

“Lucka, con bé ở quầy bar; nó tố giác con vì ghen.”

“Xin lỗi,” Kugler liều hỏi, “nhưng Ngài quên không nói, rằng tôi đã bắn chết thằng dở người Teddy ở Chicago.”

“Không đâu,” Thượng đế nói, “nó thoát chết và còn sống đến giờ. Ta biết nó là kẻ chỉ điểm, nhưng con ạ, nó là người tốt và yêu trẻ em. Con có biết ai là kẻ thực sự tệ không?”

“Tại sao... ông... tại sao Ngài, Thượng đế, Ngài không xử án?” Kugler dăm chiêu hỏi.

“Vì ta biết hết. Nếu các thẩm phán biết hết, họ sẽ không thể xử; nếu họ hiểu hết thì tim họ sẽ đau. Ta làm sao có thể xử con được? Thẩm phán chỉ biết về các tội lỗi của con thôi, còn ta thì biết hết về con. Biết hết Kugler ạ. Vì vậy ta không thể xử.”

“Thế tại sao những người này xử... ngay cả trên Thiên đàng?”

“Vì con người thuộc về con người. Ta chỉ là nhân chứng thôi, con thấy đấy. Nhưng về những hình phạt, con biết chứ, hình phạt do con người quyết định, ngay cả trên Thiên đàng. Con hãy tin ta, Kugler ạ, như thế là đúng; con người không xứng đáng với công lý nào khác ngoài công lý của con người.”

Lúc này hội đồng xét xử đã trở lại sau cuộc họp và chánh án phiên tòa cuối cùng đã đọc tuyên án với giọng mạch lạc: “Ferdinand Kugler với chín lần lặp đi lặp lại tội ác giết người có chủ ý, tội ngộ sát và cướp tài sản, tội tàng trữ vũ khí trái phép và ăn trộm hoa hồng bị xử tù chung thân vào địa ngục. Hình phạt sẽ được thi hành ngay lập tức.

“Đề nghị, bây giờ sẽ xử vụ tiếp theo. Bị cáo Machát František có mặt ở đây không?”

TỘI ÁC DƯỚI MÁI NHÀ QUÊ

“Yêu cầu bị cáo đứng dậy,” chánh án tòa án nói. “Lời luận tội đã cáo buộc anh giết hại bố vợ anh là ông František Lebeda; trong quá trình điều tra anh đã thú nhận là anh đã chém ông ta ba nhát rìu vào đầu với ý định giết ông ta. Anh thấy mình có tội không?”

Người đàn ông nhỏ thó trầy xước nuốt vội cái gì đó. “Không,” anh ta nói.

“Anh đã giết ông ta?”

“Có.”

“Anh thấy mình có tội không?”

“Không.”

Chánh án là người kiên nhẫn như thiên thần. “Xem này, anh Vondráček,” ông nói, “mọi chuyện đã rõ ràng, có lần anh đã định đầu độc ông ta; anh đã cho thuốc chuột vào cà phê. Đúng không?”

“Đúng.”

“Qua đây thấy anh đã muốn trừ khử ông ta trong một thời gian dài. Anh hiểu chứ?”

Người đàn ông nhỏ thó kéo mũi và nhún vai bất lực. “Cái này liên quan đến đám cỏ chua me,” hắn ta lắp bắp. “Ông ấy đã bán đám cỏ chua me, tôi đã bảo ông ấy, bố ơi, bố để cỏ chua me lại, con sẽ mua cỏ.”

“Khoan,” chánh án ngắt lời. “Cỏ chua me là của ông ta hay của anh?”

“Của ông ấy,” bị cáo lẩm bẩm. “Nhưng ông ấy cần cỏ chua me làm gì? Rồi tôi nói với ông ấy, bố ơi, bố để mảnh ruộng ấy cho con, cái chỗ có cỏ linh thảo mọc ấy, nhưng ông ấy bảo, bao giờ tao chết thì tao sẽ cho Mařka, vợ tôi ấy, lúc ấy mà làm gì thì làm, đồ chết đói ạ.”

“Vì thế anh muốn đầu độc ông ta?”

“Phải.”

“Vì ông ta chửi anh?”

“Không, cái này vì mảnh ruộng. Ông ấy bảo ông ấy sẽ bán đi.”

“Người ơi là người,” chánh án thở dài, “nhưng đây là ruộng của ông ta, đúng không? Tại sao ông ta không được bán chứ?”

Bị cáo VondRáček nhìn chánh án đầy trách móc. “Nhưng bên cạnh ruộng của ông ấy tôi có mảnh ruộng trồng khoai tây,” anh ta giải thích. “Tôi mua mảnh này để sau này hai miếng ấy nối liền lại với nhau, nhưng ông ấy bảo, tao không quan tâm mảnh ruộng của mày, tao bán ruộng của tao cho lão Joudal.”

“Thế các người luôn luôn sống bất bình với nhau,” chánh án đỡ lời.

“Có thể,” VondRáček nói và cau mày. “Cái này liên quan đến con dê.”

“Dê nào?”

“Ông ấy vắt sữa dê. Tôi bảo, bố ơi, đừng động đến con dê hay bố cho con cái bãi cỏ bên suối. Nhưng ông ấy lại đem cái bãi cỏ ấy cho người ta thuê.”

“Ông ta đã dùng tiền làm gì?” một thành viên đoàn hội thăm hỏi.

“Làm gì cơ chứ,” bị cáo phìền muộn kể. “Ông ấy cất trong hòm. Bao giờ tao chết tao sẽ cho chúng mày. Nhưng ông ấy không muốn chết. Mà ông ấy đã hơn bảy mươi tuổi rồi.”

“Như vậy anh nói rằng, những bất đồng là do bố vợ anh gây ra?”

“Đúng, chính ông ấy,” VondRáček lưỡng lự. “Ông ấy chẳng muốn cho ai cái gì. Ông ấy bảo, tao còn sống thì tao còn quản lý việc của tao, hết. Tôi bảo ông ấy, bố ơi, bố mua con bò đi, con sẽ cày ruộng, thế là không phải bán ruộng nữa. Ông ấy nói, bao giờ tao chết thì mày hãy mua bò, còn cái mảnh ruộng ấy tao sẽ bán cho lão Joudal.”

“Nghe đây anh VondRáček,” chánh án nói nghiêm khắc, “anh không giết ông ta vì tiền trong hòm chứ?”

“Tiền ấy để mua bò,” VondRáček nói giọng kiên quyết. “Chúng tôi tính rồi, bao giờ ông ấy chết, chúng tôi sẽ mua bò. Nhà thế này không thể không có bò, đúng chưa? Mà không thì lấy phân ở đâu chứ?”

“Bị cáo,” công tố ủy viên nói chen vào, “chúng tôi không quan tâm con bò mà quan tâm sự sống của con người. Tại sao anh giết bố vợ?”

“Cái này là vì mảnh ruộng.”

“Đây không phải là câu trả lời!”

“Ông ấy muốn bán...”

“Nhưng tiền của ông ta sẽ là của anh sau khi ông ta chết!”

“Đúng, nhưng ông ấy không muốn chết,” VondRáček nói giọng phần nộ. “Kính thưa ông, nếu ông ấy tử tế ra thì tôi chả làm gì ông ấy. Cả làng làm chứng cho tôi chuyện này, tôi quý ông ấy như bố đẻ, đúng không nào?” anh ta nói và quay lại phía khán giả đến dự phiên tòa. Phải đến nửa làng ngồi xem phiên tòa và họ ồn ào tán thưởng.

“Được.” chánh án nói nghiêm túc. “Vì thế anh muốn đầu độc ông ấy, đúng không?”

“Đầu độc,” bị cáo kêu lên. “Thế thì ông ấy không được bán cỏ chua me. Thưa ông, ai cũng chứng minh được là cỏ chua me phải để lại chứ. Thế này thì không còn gì là kinh tế, đúng không nào?”

Khán giả ồn ào đồng ý.

“Bị cáo, quay mặt lại đây,” chánh án quát. “Nếu không tôi sẽ yêu cầu khán giả cả làng anh ra ngoài. Anh nói đi, anh giết người như thế nào?”

“Dạ,” VondRáček lưỡng lự bắt đầu, “hôm ấy Chủ nhật, ông ấy lại nói chuyện với lão Joudal. Bố ơi, tôi nói, bố không được bán ruộng đâu. Ông ấy bảo, mày giỏi nhỉ, tao lại còn phải hỏi mày à, đồ thợ gạch. Thế là tôi tự nhủ rằng đến lúc rồi, đúng không? Tôi bèn đi bố củi.”

“Có phải cái rìu này không?”

“Phải.”

“Anh tiếp tục đi!”

“Tôi bảo vợ, tối nay em mang con sang thăm dì. Cô ấy liền khóc nức nở. Đừng khóc em ạ, anh sẽ còn nói chuyện với ông ấy. Sau đó ông ấy vào kho và nói, đây là rìu của tao, đưa đây! Tôi bảo thế ông vất sữa dê của tôi thì sao? Ông ấy muốn giật lại cái rìu, thế là tôi chém ông ấy.”

“Vì lẽ gì?”

“Vì nó liên quan đến mảnh ruộng.”

“Tại sao anh chém ông ta ba nhát?”

VondRáček nhún vai. “Thế đấy, kính thưa ông, người miền tôi quen làm việc nặng.”

“Và sau đó?”

“Tôi đi năm.”

“Anh có ngủ không?”

“Không. Tôi tính toán, mua con bò sẽ hết bao nhiêu tiền, miếng đất cỏ mọc tôi sẽ đổi lấy cái miếng đất bên đường. Thế là nó liền kề với nhau.”

“Thế lương tâm anh không cắn rứt à?”

“Không. Tôi chỉ bị cắn rứt khi hai cái mảnh ruộng nó chưa liền kề với nhau. Rồi sau đó phải sửa chuồng cho bò, thế nào cũng tốn vài trăm. Mà bố

vợ tôi không có cả xe bò nữa. Tôi bảo ông ấy, bố ạ, trời tha tội cho bố, thế này không phải là kinh tế. Hai cái ruộng nó phải liền kề với nhau, cái này ai cũng phải cảm thấy chứ.”

“Thế với người già anh không cảm thấy gì à?” chánh án gầm lên.

“Nhưng ông ấy muốn bán miếng đất cho Joudal,” bị cáo lắp bắp.

“Vậy là anh giết người chỉ vì tham lam!”

“Không đúng,” VondRáček run rẩy cãi. “Cái này là vì cái đám ruộng! Nếu mấy mảnh ruộng liền kề với nhau...”

“Anh thấy mình phạm tội chứ?”

“Không?”

“Anh đã giết người già, anh không thấy gì sao?”

“Thì tôi đã nói, đây là vì ruộng,” VondRáček khùng lên và nức nở. “Đây không phải là giết người! Trời ơi là trời, ai cũng phải hiểu việc này chứ! Thưa ông, trong gia đình nó thế! Tôi không thấy mình có tội... Tôi chưa ăn trộm gì... ông cứ hỏi về VondRáček mà xem... thế mà bây giờ họ bắt tôi như bắt tên trộm,” VondRáček rên rỉ và nấc lên hồi tiếc.

“Không bắt như tên trộm mà bắt tên giết cha,” chánh án buồn bã nói. “Anh biết chứ, anh VondRáček, tội này đáng phạt tử hình?”

VondRáček hỉ mũi và dài dòng: “Cái này vì mảnh ruộng chứ,” anh ta buông xuôi; buổi phán xử sau đó tiếp tục: các nhân chứng, trạng sư bào chữa...

Trong lúc đoàn bồi thẩm vào họp để quyết định về tội của phạm nhân, chánh án đeo kính lên rồi đăm chiêu nhìn qua cửa sổ phòng làm việc.

“Vụ này tóm lại là vớ vẩn,” một thành viên hội đồng bực tức nói. “Ngay cả công tố viên cũng không nhiệt tình, trạng sư cũng chả nói mấy... Tóm lại là một vụ rõ ràng, chả phải nói gì nữa.”

Chánh án khịt mũi. “Một vụ rõ ràng,” ông nói và phẩy tay. “Nhưng ông nghe này, cái tay ấy nó luôn cảm thấy là nó đúng như ông với tôi ấy. Tôi có cảm giác như mình xử người đồ tể vì hắn ta giết con bò xử hay con chuột chũi vì nó đùn đất. Ông ạ, có lúc tôi cảm thấy vụ này không thuộc thẩm quyền của chúng mình, ông hiểu chứ, không thuộc về quyền hay luật pháp. Tởm,” ông thở dài và cởi áo choàng. “Tôi phải nghỉ chút. Ông biết chứ, tôi nghĩ rằng đoàn bồi thẩm sẽ tha bổng nó; vô nghĩa nhĩ, nhưng có thể họ sẽ tha, vì... Tôi nói với ông nhé: tôi gốc là nông dân; khi người ta nói là hai mảnh ruộng thuộc về nhau là tôi... nhìn thấy hai mảnh ruộng và tôi cảm thấy, nếu chúng ta phải xét xử... hai mảnh ruộng theo luật của Thượng đế. Ông có biết tôi muốn làm điều gì tốt hơn không? Tôi muốn đứng dậy, ngả mũ và nói: bị cáo VondRáček, nhân danh Thượng đế, vì máu đã chảy và tiếng kêu oan thấu lên trời, người sẽ phải gieo giống phi ốc và tật lê trên hai mảnh ruộng; và cho đến chết người sẽ chỉ nhìn thấy trước mắt ruộng đất hoang dại đầy thù hận... Tôi rất muốn biết ông công tố viên sẽ nói gì về quan điểm này của tôi. Ông đồng nghiệp ạ, có những khi người xử án phải là Thượng đế; ông biết đấy, chỉ có Người mới có thể quyết định về những hình phạt khủng khiếp và lớn như vậy - Xử án nhân danh Thượng đế thì chúng ta không xứng. Gì thế, đoàn bồi thẩm đã thỏa thuận xong rồi à? Chánh án thở dài chán chường rồi mặc áo choàng. “Thế thì ta vào thôi! Đề nghị dẫn đoàn bồi thẩm vào phòng xử nào!”

VỤ DIỄN VIÊN BENDA MẤT TÍCH

Ngày mồng hai tháng Chín diễn viên Benda biến mất. Người ta gọi anh ta là nghệ sĩ Benda từ khi chỉ sau một bước chạy đà, anh ta đã lên đến bậc danh vọng cao nhất trong làng diễn viên. Rõ ràng ngày mồng hai tháng Chín không có gì lạ xảy ra, bà giúp việc đến nhà vào lúc chín giờ để dọn căn hộ cho Benda, đã nhìn thấy cái giường bề bộn và sự luộm thuộm khủng khiếp, đúng kiểu Benda thường tạo ra quanh mình, chỉ có điều người nghệ sĩ không có mặt ở nhà. Việc này cũng không có gì bất thường, bà giúp việc dọn dẹp các thứ gọn ghẽ như mọi khi rồi về. Nhưng từ hôm ấy không ai thấy bóng Benda đâu cả, bà Marešová (người giúp việc) thì không lấy làm lạ; các vị diễn viên này, tôi xin nói với các vị, giống như dân Tsigan; ai mà biết được họ đi diễn ở chỗ nào hay lại chơi bời ở đâu. Nhưng mồng mười tháng Chín; người ta đã tìm diễn viên Benda khắp mọi nơi vì anh ta phải đến nhà hát, nơi đã bắt đầu diễn tập vở *Vua Lear*; khi Benda không đến diễn thử lần thứ ba, mọi người đã bắt đầu lo lắng, rồi từ nhà hát người ta gọi điện thoại cho bác sĩ Goldberg, bạn của Benda, hỏi xem ông ta có biết chuyện gì xảy ra với Benda không. Ông Goldberg là bác sĩ phẫu thuật và kiếm tiền rất ghê bằng nghề mổ ruột thừa; đây là nghề đặc biệt của người Do Thái. Ngoài ra ông ta là người béo tốt, đeo kính gọng vàng lớn và đeo một trái tim bằng vàng to; ông này yêu nghệ thuật nồng cháy, từ trần nhà xuống nền nhà ông ta treo toàn tranh và yêu mến hết lòng diễn viên Benda, người khu xử với ông ta nửa coi thường nửa thân thiện chiếu cố: cho phép ông ta trả tiền thay mình, những khoản tiền mà chúng ta biết là không nhỏ. Cái mặt nạ bi thương của Benda và khuôn mặt rạng ngời của bác sĩ Goldberg (người mà nghe nói chỉ uống nước trắng) luôn kề bên nhau trong

các cuộc chơi bởi và gây gỗ hoang dại, cái này thường là mặt trái của người nổi tiếng.

Người ta gọi cho bác sĩ Goldberg từ nhà hát và hỏi ông ta đã có chuyện gì với Benda. Ông ta trả lời là không biết, nhưng ông ta sẽ đi tìm người diễn viên. Ông ta không nói ra là ông ta đã tìm kiếm Benda suốt cả tuần tại các chỗ giải trí ban đêm và các khách sạn với sự lo lắng càng lúc càng tăng; và ông ta linh cảm có chuyện đã xảy ra với Benda. Chuyện như thế này: bác sĩ Goldberg đã phát hiện ra chính ông ta người cuối cùng nhìn thấy Jan Benda. Một lần cuối tháng Tám ông ta đã tổ chức một cuộc chơi đêm Praha hoành tráng cùng Benda; nhưng Benda không đến như mọi khi. Nghe nói Benda ốm, ông ta kể. Một buổi tối ông ta đã đến căn hộ của Benda; hôm ấy là mùng một tháng Chín. Ông ta bấm chuông, không ai mở cửa nhưng ông ta nghe thấy có tiếng động trong nhà. Bác sĩ bấm chuông liên năm phút; bỗng nhiên cửa mở và Benda bước ra trong bộ áo tắm. Bác sĩ bị anh ta làm cho sợ hãi: lúc đó diễn viên nổi tiếng trông thật hoang dã, tóc thì bết và bù xù, râu cả tuần không cạo; trông anh ta hốc hác và dơ bẩn. “À, anh đấy à,” diễn viên nói cộc cằn, “anh cần gì?”

“Trời, có gì xảy ra vậy?” bác sĩ ngạc nhiên buột miệng.

“Không có gì,” Benda ậm ừ. “Tôi sẽ không đi đâu hết, anh biết không? Hãy để tôi yên.” Rồi diễn viên đóng sập cửa trước mặt ông Goldberg. Ngày hôm sau thì Benda biến mất.

Bác sĩ Goldberg lo lắng nhìn qua đôi mắt kính dày cộp. Có cái gì đó không ổn. Người quản lý nhà nơi Benda ở cho biết, cái đêm hôm ấy, hình như mùng hai tháng Chín, vào khoảng ba giờ sáng có xe dừng trước nhà, nhưng không ai bước ra ngoài mà chỉ bấm còi, như là bản tin cho ai đó trong nhà. Sau đó ông ta nghe thấy có ai đó ra khỏi nhà và đóng cửa lại; sau đó ô tô đi khỏi. Nhưng ông ta không ra ngoài xem xe gì; vào ba giờ sáng thì không ai chui ra khỏi giường. Nhưng còi xe thì kêu lên như thể những người ấy vội vàng lắm và không thể chờ đợi thêm một lát.

Bà Marešová thì nói là cả tuần nghệ sĩ không ra khỏi nhà (trừ ban đêm), anh ta không cạo râu, hình như không tắm rửa, trông anh ta gớm ghiếc thế đấy; thức ăn thì có người mang đến, anh ta chỉ uống rượu cognac và nằm ườn trên ghế sofa; tất cả chỉ có vậy.

Bây giờ, khi những người khác cũng bắt đầu quan tâm đến việc Benda biến mất thì bác sĩ Goldberg đến gặp bà Marešová.

“Mẹ ơi, mẹ nghe này,” bác sĩ hỏi, “mẹ biết anh Benda mặc quần áo gì khi anh ấy ra khỏi nhà không?”

“Chả mặc gì hết,” bà Marešová kể, “đây là cái tôi thấy không ổn. Anh ấy không mặc bất cứ bộ nào. Tôi biết hết các bộ quần áo của anh ấy và tất cả bây giờ đang treo trong nhà, không thiếu bộ nào.”

“Chả nhẽ anh ấy ra khỏi nhà chỉ mặc đồ lót?” bác sĩ Goldberg sững sốt.

“Ngay cả đồ lót cũng không,” bà Marešová tuyên bố, “không đi giày; thật lạ anh ạ. Anh xem này, tôi ghi chép tất cả quần áo của anh ấy, vì tôi phải mang ra hiệu giặt; khi họ giặt xong tôi đã gấp lại và đếm; anh ấy có mười tám cái sơ mi, không thiếu cái nào, ngay cả khăn mùi soa cũng không thiếu. Chỉ có cái vali con mà anh ấy luôn mang theo là không thấy đâu. Nếu đã ra khỏi nhà thì chắc chắn là ngoài việc mang theo cái tâm hồn quý giá, anh ấy trần truồng.”

Bác sĩ Goldberg lo lắng. “Mẹ ạ,” ông nói, “sáng hôm mồng hai tháng Chín khi mẹ đến, mẹ có thấy mọi thứ lộn xộn khác thường không? Mẹ có thấy cái gì bị gãy hay cửa bị bẻ khóa không?”

“Luộm thuộm,” bà Marešová nói, “anh ấy luôn luôn luộm thuộm như mọi khi. Về mặt này anh ấy thực sự giống như lợn, anh ạ. Nhưng ngoài ra không có gì lộn xộn khác nữa. Nhưng ai có thể cho tôi biết anh ấy có thể đi đâu khi anh ấy không mặc thứ gì chứ?”

Bác sĩ Goldberg cũng biết ít như bà ta; và lần này ông đã đến gặp cảnh sát với mỗi bận tâm âm đậm ấy.

“Vâng, được thôi,” người cảnh sát nói, sau khi bác sĩ Goldberg kể hết những gì ông ta biết, “chúng tôi sẽ điều tra. Nhưng theo những gì ông nói thì anh ta cả tuần ở nhà, không cạo râu và không tắm rửa, chỉ uống cognac rồi sau đó biến mất không quần áo như người Asant*. Thừa ông, nó, hừm... như là...”

Một dân tộc ở châu Phi, sống trong rừng.

“... như là mê sảng,” bác sĩ Goldberg thốt lên. “Đúng,” người cảnh sát nói. “Có thể anh ta tự tử vì mất cảm xúc. Ông biết đấy, với anh ta tôi không lạ đâu.”

“Nhưng như vậy thì phải tìm thấy xác anh ấy chứ,” bác sĩ Goldberg nói không chắc chắn. “Mà không mặc áo quần thì đi đâu xa được? Mà mang theo cái vali con làm gì? Còn cái xe đợi ở trước nhà... thừa ông, nó giống như là vụ chạy trốn.”

“Gì cơ?” người cảnh sát nhớ ra, “anh ta có nợ nần không?”

“Không,” bác sĩ nói nhanh, “tuy Benda nợ như chúa Chôm, nhưng không bao giờ bi quan.”

“Hay là anh ta... anh ta dính vào vụ bê bối nào... hay tình yêu bất hạnh, hay bị giang mai, hoặc thậm chí là một mối lo lắng lớn hơn?”

“Như tôi biết thì không,” bác sĩ Goldberg lưỡng lự, ông ta bỗng nhớ ra hai việc, nhưng không nói gì, hơn nữa, tất cả hầu như không liên quan đến sự biến mất không thể giải thích của diễn viên Benda. Tuy nhiên khi trở về nhà từ phòng cảnh sát - ông ta hiểu là cảnh sát sẽ làm những gì trong quyền hạn của họ - ông ta vẫn tìm đi tìm lại trong đầu xem ông ta đã biết gì về Benda khi nhìn từ góc độ này.

Những việc này không nhiều:

1. Benda có vợ chính thức ở nước ngoài và không quan tâm chị ta;
2. Có quan hệ với cô gái nào đó ở Holešovice;

3. Đã có mối quan hệ, có thể gọi là vụ ngoại tình tai tiếng với phu nhân Greta, vợ của ông chủ nhà máy lớn, ông Korbek; và bà Greta muốn diễn kịch ở nhà hát, vì vậy ông Korbek tài trợ cho một số bộ phim mà vợ của ông ta diễn vai chính. Người ta biết rằng Benda là nhân tình của phu nhân Greta và bà hay đến chơi với diễn viên mà không cần để ý là có nên như vậy hay không. Tóm lại Benda không bao giờ nói về những điều này. Anh ta xem thường tất cả mọi chuyện người ta đồn đại với sự khinh bỉ và vô cảm, việc này làm cho Goldberg phát hải. Không, bác sĩ nói trong vô vọng, không ai hiểu gì về chuyện riêng của Benda. Mình thề, ai mà biết được ở đó có gì xấu cơ chứ; nhưng bây giờ nó là việc của cảnh sát.

Nhưng bác sĩ Goldberg cũng biết cảnh sát sẽ làm gì và với những phương pháp nào: ông ta chán nản chờ đợi sẽ nhận được một tin tức nào đó. Rồi một tháng trôi qua kể từ ngày diễn viên Benda mất tích và người ta đã bắt đầu nói về Jan Benda như nói về quá khứ.

Có một tối bác sĩ Goldberg gặp ông diễn viên già Lebduška; họ nói chuyện với nhau, câu chuyện nhắc đến Benda. “Trời, anh ta là diễn viên thực sự,” ông già Lebduška nhớ lại. “Tôi nhớ mãi thời anh ấy khoảng hai mươi năm tuổi. Cậu thanh niên quái quỷ ấy, anh ta đóng vở *Osvald!* Anh biết không, nhóm các bác sĩ trẻ đến xem sự tê liệt thần kinh nó như thế nào? Lần ấy là lần đầu tiên anh ta đóng vai vua Lear; anh nghe này, tôi không biết anh ta đóng thế nào nên tôi toàn nhìn vào tay anh ta. Anh ta có đôi tay y như tay ông lão tám mươi, nó gầy khảnh khiu như bị phơi khô, đôi tay tội nghiệp, cái này đến giờ tôi vẫn không hiểu, anh ta đã làm gì với đôi tay ấy. Tôi biết hóa trang, nhưng anh ạ, việc này không ai làm giúp Benda; chỉ một mình diễn viên tự làm cho mình thôi.”

Khi nghe chuyện như là nghe bài cáo phó của diễn viên, bác sĩ Goldberg buồn man mác. “Đây là người nghệ sĩ tận tâm, ông ạ,” ông

Lebduška thở dài.

“Anh ta thúc ép các thợ may của nhà hát như thế nào chứ! Tôi sẽ đóng vai vua, anh ta quát, mà các anh khâu vào áo dài những đường ren xấu thế à? Anh ta không chịu được những mảnh khoe của nhà hát. Khi đóng vai Othello, anh ta đến tìm ở tất cả các cửa hàng đồ cổ để tìm ra cái nhẫn thời Phục hưng; anh ta phải đeo nó lên ngón tay khi đóng vai Othello. Anh ta nói sẽ đóng vai tốt hơn khi mang trên mình một cái gì đó thật. Đây không phải đóng vai, đây rõ ràng là... hóa thân,” ông Lebduška nói với giọng thiếu tự tin vì không biết mình đã dùng đúng từ hay chưa. “Và lúc diễn, vào giờ giải lao anh ta văng tục như một đốc công, tự khóa mình trong phòng thay đồ của mình để không ai có thể kéo anh ta ra khỏi trạng thái ấy. Vì thế anh ta uống nhiều rượu, với lý do là anh ta dễ bị kích động,” ông Lebduška đảm chiêu nói. “Thôi, tôi đi xem phim đây ông ạ,” ông ta chia tay.

“Cho tôi đi với ông nhé,” bác sĩ đề nghị, vì không biết tối nay mình phải làm gì nữa. Tối đấy người ta chiếu bộ phim về các thủy thủ, nhưng bác sĩ Goldberg không hiểu gì; với đôi mắt đắm lệ ông ngồi nghe ông già Lebduška kể bi bô về Jan Benda.

“Anh ta không phải diễn viên,” ông Lebduška nói, “anh ta rõ ràng là quý; một cuộc đời không đủ cho anh ta đâu, thế đấy. Trong cuộc sống anh ta là con lợn, thừa bác sĩ, nhưng trên sân khấu anh ta thực sự là ông vua hoặc thực sự là tên ăn mày. Ông ạ, anh ta vung tay cứ như suốt đời anh ta chỉ biết ra lệnh; trong khi ông bố anh ta làm nghề thợ mài dao lang thang. Này, người sống sót trên đảo hoang mà có thể có móng tay được cắt ngắn ư? Ông nhìn này, tên này dán râu nhé? Đồ ngu, nếu là Benda, anh ta sẽ để mọc râu, móng tay phải bắn thiu... Sao thế, bác sĩ ơi, bỗng dưng anh bị làm sao thế?”

“Tôi xin lỗi,” bác sĩ Goldberg lắp bắp rồi đứng dậy, “tôi bỗng nhớ một việc. Cảm ơn ông nhé,” và ông ta chạy ra khỏi rạp chiếu phim. Benda sẽ để mọc râu thật! Thế mà mình không nghĩ ra!

“Cho tôi đến phòng cảnh sát!” ông ta quát, lao vào cái xe taxi gần nhất; và khi lên gặp người trung sĩ trực đêm, ông ta quát to đề nghị cảnh sát xem lại xem ngày mồng hai tháng Chín họ có tìm ra xác một tên vô gia cư ở bất cứ chỗ nào không? Thay vì chờ đợi, trung sĩ trực hôm đó đi kiểm tra và hỏi han, lý do là anh ta không có gì để làm, trong khi ấy bác sĩ Goldberg nhể nhại mồ hôi vì bực mình và vì ông cảm thấy điều gì đó khủng khiếp.

“Ông ạ,” người trung sĩ trở lại và nói, “sáng ngày mồng hai tháng Chín một thợ rừng đã tìm thấy xác một người ăn mày không quen biết ở rừng Křivoklát; người này khoảng bốn mươi tuổi; ngày mồng ba tháng Chín người ta lôi lên từ sông Labe, đoạn ở Litoměřice xác một người chết khoảng ba mươi tuổi và đã chết đuối khoảng mười bốn ngày; ngày mười tháng Chín người ta tìm thấy một người treo cổ ở Německý Brod, tuổi khoảng sáu mươi...”

“Các anh có thông tin gì cụ thể hơn về người ăn mày không?” bác sĩ Goldberg hỏi gần như nghẹt thở.

“Bị giết,” trung sĩ nói, mắt nhìn người bác sĩ đang bực bội. “Theo báo cáo của trạm cảnh sát, sọ người này bị đập vỡ bằng một vật tày. Khám nghiệm tử thi đã cho thấy người này nghiện rượu, nguyên nhân chết là do não bị chấn thương. Đây là ảnh,” trung sĩ nói với giọng nghề nghiệp. “Trời, tên này bị nện kinh!”

Trên bức ảnh thấy rõ thân thể người đàn ông đến tận thắt lưng; mặc trên mình toàn đồ rách rưới, áo sơ mi vải màn sáng màu, cúc mở toang; ở chỗ vốn là trán và mắt thì lại là một đồng búng nhùng có thể tóc, da và xương; cằm thì nhọn đầy râu ria, miệng thì mở một nửa giống như miệng người. Bác sĩ Goldberg run lên như cầy sấy. Có thể đây là Benda chăng?

“Anh ta đã có... đã có linh cảm đặc biệt chăng?” ông nói như người mất hồn.

Trung sĩ xem tiếp hồ sơ: chiều cao một mét tám mươi, tóc điểm bạc, răng rõ ràng là bị hỏng...

Bác sĩ Goldberg thở dài: “Đây không phải là anh ta. Benda có hàm răng khỏe như súc vật. Đây không phải anh ta. Xin lỗi nhé,” ông ta nói với giọng yên tâm, “tôi đã làm phiền anh, nhưng đây không thể là anh ta. Không thể. Không thể,” ông nói nhẹ nhõm khi trở về nhà. “Có thể anh ấy còn sống. Có thể, trời ạ, có khi đang ngồi ở Olympia hay Černá Káča*...” Đêm hôm ấy bác sĩ Goldberg đã tiến hành một chuyến thăm Praha về đêm; ở chỗ nào trước đây Benda thường ghé chơi ông cũng uống một ly nước và qua cái kính gọng vàng ông nhòm ngó tất cả mọi ngõ và ngách, nhưng Benda thì không thấy đâu. Đến sáng bác sĩ Goldberg mặt tái xám, nói to một mình, rằng mình thật ngu ngốc và chạy xuống gara.

Những chỗ giải trí ở Praha.

Sáng dậy ông đến ủy ban quận và xin phép đánh thức quận trưởng; may cho ông là có một lần ông đã mổ bụng cho vị này, khâu lại và để lại cho ông ta một khúc ruột thừa trong lọ cồn. Nhờ mối quan hệ không chỉ hình thức ấy nên sau hai giờ ông đã có trong tay giấy phép khai quật tử thi và ông gần như chết lạnh khi đứng cạnh người bác sĩ pháp y của quận để xem xác người ăn mày. “Tôi nói nhé, ông đồng nghiệp ạ,” người bác sĩ pháp y quận giọng đầy giận dữ, “cảnh sát Praha đã hỏi vụ này. Đây không thể là Benda. Đây là tên ăn mày bản thiêu.”

“Người này có chấy rận không?” bác sĩ Goldberg hỏi.

“Tôi không biết,” bác sĩ quận ghé tởm trả lời. “Đồng nghiệp ạ, bây giờ thì trên cơ thể người này ta không thể biết gì được nữa; ông ạ, khi nằm cả tháng dưới đất rồi thì còn gì...”

Khi mộ đã được đào lên bác sĩ Goldberg phải cho mang rượu đến; nếu không thì những người đào mộ không thể nhắc lên và đưa vào nhà xác cái thứ nằm dưới đáy huyết đã được gói vào trong bao bì.

“Ông tự vào đấy mà xem một mình,” người bác sĩ quận nói với bác sĩ Goldberg, ông ta đứng lại trước nhà xác và hút xì gà nặng.

Lát sau bác sĩ Goldberg chui ra từ nhà xác, mặt xám như chết.

“Ông vào xem đi,” bác sĩ nói giọng khàn khàn, ông ta đi lại phía cái xác và chỉ vào chỗ mà trước đây là cái đầu người. Ông ta lấy nhíp mở cái trước kia gọi là môi và nhìn thấy một đám răng hồng bần thiêu, đúng hơn là những miếng vàng vàng ánh lên trên xương đen. “Ông nhìn kỹ nhé,” bác sĩ Goldberg thở dài, dùng nhíp kéo cục răng sâu lên. Dưới cục này là hai cái răng cửa khỏe mạnh và đẹp đẽ. Bác sĩ Goldberg không chịu đựng được lâu hơn nữa; hai tay ông ôm chặt lấy đầu rồi chạy từ nhà xác ra ngoài.

Lát sau ông ta trở lại chỗ bác sĩ quận, mặt xám ngoét và buồn ghê gớm. “Đấy, ông thấy những cái răng như bị hồng chưa, ông đồng nghiệp,” ông ta nói khẽ. “Đây là chuyện không may, các diễn viên hay dán răng hồng khi họ diễn người già hoặc người ăn mày. Cái răng vô lại bần thiêu ấy là diễn viên, ông đồng nghiệp ạ,” và ông ta phẩy tay tuyệt vọng rồi nói thêm. “Và đây là diễn viên vĩ đại.”

Ngày hôm ấy bác sĩ Goldberg xuất hiện ở chỗ ông chủ nhà máy Korbel; ông này là một người to lớn và khỏe khoắn với bộ râu như chổi xể và thân hình như cột trụ.

“Thưa ông,” bác sĩ Goldberg nói, mắt nhìn chằm chằm qua đôi mắt kính tròn xoe, “tôi đến gặp ông... về việc diễn viên Benda.”

“Nhưng mà,” người chủ nhà máy nói và đặt tay ra sau gáy. “Tìm thấy anh ta rồi à?”

“Một phần thôi,” bác sĩ Goldberg nói. “Tôi nghĩ rằng ông quan tâm việc này... vì bộ phim mà ông làm với anh ấy... mà ông tài trợ ấy.”

“Phim nào nhỉ?” người đàn ông to lớn hỏi vẻ lơ đãng. “Tôi không biết gì cả.”

“Tôi nói về cái bộ phim,” Goldberg nói cứng rắn, “mà trong đó Benda đóng vai kẻ ăn mày... và phu nhân Greta đóng vai chính. Phim này làm cho bà Greta,” bác sĩ nói với vẻ ngây ngô.

“Cái này không dính gì đến ông,” Korbek quát lên. “Có thể Benda đã nói với ông? Còn quá sớm để nói chuyện này. Kế hoạch ấy có thể... Benda nói với ông chứ gì?”

“Không đâu! Chính ông cấm Benda nói chuyện này với bất cứ ai; các người đã bí mật. Nhưng ông biết rõ là tuần cuối cùng của cuộc đời mình Benda để râu tóc bờm xờm, dán râu tóc giả để giống như một tên vô gia cư. Benda đã chuẩn bị kỹ càng, đúng không?”

“Việc này tôi không biết,” chủ nhà máy ngắt lời. “Ông muốn gì nữa nào?”

“Bộ phim này lẽ ra phải quay ngày mồng hai tháng Chín, đúng chứ. Cảnh đầu tiên quay ở rừng Křivoklát vào lúc bình minh; người vô gia cư thức dậy trong bìa rừng... trong sương sớm... anh ta giữ lá cây, lá thông dính trên bộ quần áo rách... Tôi tưởng tượng ra cảnh Benda đóng. Tôi biết anh ấy đã mặc bộ quần áo tệ nhất mà anh ấy có; quần áo anh ấy còn đầy trong tủ... cho nên sau khi biến mất quần áo không thiếu một cái nào. Trời ạ, thế mà không ai nghĩ ra! Ông ạ, rõ là anh ấy sẽ mặc những mảnh áo rách và thắt dây quanh lưng như một thằng ăn mày; đấy là sở thích của anh ấy, sở thích quan tâm kỹ càng đến bộ đồ diễn.”

“Và sao nữa?” người đàn ông to lớn hỏi và nghiêng mình về phía bóng tối. “Tôi không hiểu, tại sao ông nói chuyện này với tôi.”

“Vì ngày mồng hai tháng Chín vào khoảng ba giờ sáng,” bác sĩ Goldberg cứng rắn nói tiếp, “ông đã đến đón anh ấy... bằng xe đi mượn, cửa xe đóng chặt. Tôi nghĩ rằng em ông đã lái xe vì anh ta là người chơi thể thao và không nói nhiều. Theo thỏa thuận với Benda, ông không lên nhà mà bấm còi bên dưới. Sau một lát Benda... hay chính xác hơn là tên ăn mày râu ria bẩn thỉu đi xuống. Nhanh lên, ông bảo anh ấy, người quay phim đã đi trước rồi. Và các ông đã đi đến rừng Křivoklát.”

“Ông có biết số xe không?” người đàn ông trong bóng tối nói giọng khiêu khích.

“Tôi mà biết thì người ta đã tóm cổ ông rồi,” bác sĩ Goldberg nói mạch lạc. “Rạng sáng các vị đến nơi; đến bìa rừng hay cánh rừng có những cây sồi cổ thụ - một cảnh đẹp tuyệt, ông ạ! Tôi nghĩ em ông ở lại trong xe bên đường làm ra vẻ như chữa động cơ. Ông đưa Benda đi khoảng bốn trăm bước từ đường chính và nói: Đây rồi, chỗ này. Thế người quay phim đâu? Benda bỗng nhớ ra. Trong giây phút đó ông đã nện cho anh ấy một nhát.”

“Bằng gì?” người trong bóng tối hỏi.

“Bằng búa nặng,” bác sĩ Goldberg nói. “Vì cái mỏ lết Pháp quá nhẹ đối với sọ não của người như Benda; và ông muốn đập nát để không ai nhận ra anh ấy nữa. Khi đã đánh chết xong, ông trở về xe. Xong rồi à? em trai ông hỏi, nhưng ông không nói gì, vì giết người không phải chuyện nhỏ.”

“Ông điên rồi,” người trong bóng tối quát lên.

“Không điên đâu. Tôi chỉ muốn nhắc ông chuyện đã xảy ra như thế nào thôi. Ông muốn trừ khử Benda vì vụ scandal với bà Greta; bà Greta đã thể hiện hết ra ngoài...”

“Đồ Do Thái thối tha ơ,” người ngồi trên ghế bành hét lên, “ai cho phép ông...”

“Tôi không sợ ông đâu,” bác sĩ Goldberg nói và sửa lại kính để trông nghiêm khắc hơn. “Ông không làm gì được tôi đâu, ngay cả khi ông có giàu hơn nữa. Ông làm gì được tôi nào? Ông chỉ có thể không đến mổ ruột thừa ở chỗ tôi là cùng; tôi cũng không khuyên ông điều này.”

Người trong bóng tối cười nhạt. “Ông nghe đây,” ông ta nói giọng vui vẻ, “nếu ông chứng minh được một phần mười cái mà ông vừa ông ổng lên ấy, tại sao ông không báo cảnh sát?”

“Chính vì thế,” bác sĩ Goldberg nói giọng hệ trọng. “Ông ạ, nếu tôi mà chứng minh được một phần mười thì tôi đã không đến đây. Tôi nghĩ chẳng

bao giờ người ta chứng minh được; kể cả việc chứng minh rằng cái gã ăn mày ấy là Benda. Vì thế tôi đến đây.”

“Đến dọa tôi à?” người ngồi trên ghế bành sờ vào chuông điện.

“Không dọa mà là ám ảnh. Ông ạ, ông không có lương tâm nhạy cảm, vì ông quá giàu có. Nhưng có người nào đó biết hết cái vụ khủng khiếp đó, người nào đó biết ông là kẻ giết người, em ông là kẻ giết người, biết rằng các vị đã giết diễn viên Benda, con trai của người thợ mài dao, một gã hề. Các vị - hai ông chủ nhà máy. Thưa ông, cái này sẽ làm ông bất an cho đến đến chết. Tôi còn sống, hai vị sẽ không yên đâu. Thưa ông, tôi muốn nhìn thấy các vị trên giá treo cổ; nhưng tôi còn sống thì tôi sẽ còn hành các vị... Benda là con vật tẻ hại; tôi biết hơn ai hết, ngạo mạn, giả dối và vô lối, nhưng các vị muốn gì? Anh ấy là nghệ sĩ. Tất cả tiền triệu của các vị cũng không mua nổi tên hề say xỉn ấy đâu; với tiền triệu các vị cũng không thể vung tay ra lệnh như vua giống như anh ấy, tuy rằng giả dối, nhưng đủ tầm tuyệt vời của con người...” Bác sĩ Goldberg chém tay tuyệt vọng. “Làm sao các vị có thể làm như vậy? Ông ạ, ông sẽ không bao giờ yên thân, tôi không cho phép các vị quên! Từ giờ đến chết tôi sẽ nhắc các vị: Các vị có nhớ diễn viên Benda không? Thưa ông, đây là người nghệ sĩ, ông nghe rõ chưa?”

VỤ ÁM SÁT

Ngày hôm qua ông hội đồng Tomsa vui vẻ hưởng thụ bằng việc đeo đôi tai nghe đài và mỉm cười nghe đài phát các vũ khúc của Dvořak* - phải nói đây là âm nhạc tầm cỡ, ông tự nhủ thỏa mãn - nhưng bỗng nhiên bên ngoài có hai tiếng nổ, cửa sổ trên đầu ông bị vỡ và kính vỡ vụn rơi xuống; lúc đó ông ngồi ở phòng dưới tầng trệt. Khi ấy ông xử sự giống như mỗi chúng ta: đầu tiên ông đợi một lát xem có gì xảy ra không, sau đó ông bỏ tai nghe xuống và ông gần như nghiêm khắc nhìn quanh kiểm tra xem có gì xảy ra, sau đó thì ông giật mình, vì ông thấy rõ ràng là ai đó đã bắn vỡ cửa sổ cạnh chỗ ông ngồi; trên cửa đối diện có mảnh gỗ gãy bật ra và dưới nó là một viên đạn.

Antonín Dvořák, nhà soạn nhạc nổi tiếng của Czech.

Cách phản ứng đầu tiên là chạy ra phố, tóm lấy cổ áo tên hỗn xược, nhưng khi người ta đã có tuổi thì người ta đã biết ứng xử đàng hoàng, bỏ qua cái phản ứng đầu tiên và quyết định theo cách phản ứng thứ hai, vì vậy ông Tomsa chạy đến điện thoại và gọi lên phòng cảnh sát: “A lô, các anh cử người nhanh nhanh đến đây; vừa có cuộc tấn công chết người nhằm vào tôi.”

“Ở đâu vậy?” một giọng buồn ngủ và lơ đãng hỏi.

“Ở chỗ tôi,” ông Tomsa bực mình cứ như đây là lỗi của cảnh sát. “Rõ là vụ scandal rồi! Ông ạ, vụ này phải điều tra! Sẽ phải làm thế, để...”

“Vâng,” cái giọng ngái ngủ ngắt lời ông. “Tôi sẽ cử người đến đây.”

Ông hội đồng tức điên lên vì sốt ruột. Ông cảm thấy cứ như cả thế kỷ đã trôi qua rồi mới có người đến; nhưng trong thực tế chỉ sau hai mươi phút đã có một thanh tra cảnh sát chín chắn đến chỗ ông, chăm chú ngắm nghía cái cửa sổ bị bắn vỡ.

“Thưa ông, có ai đó bắn vào đây à?” ông ta hỏi.

“Biết rồi còn gì,” ông Tomsa quát lên. “Mà tôi vừa ngồi bên cửa sổ!”

“Đạn bảy milimét,” thanh tra nói và lấy dao cạy viên đạn ra khỏi cánh cửa. “Nó giống đạn từ súng lục cũ của quân đội. Ông xem này, tên này phải đứng bên hàng rào; nếu hắn đứng trên hè phố thì đạn bay cao hơn. Điều đó có nghĩa là hắn chĩa súng vào ông.”

“Lạ nhỉ,” ông Tomsa cay đắng nói, “tôi cứ nghĩ là hắn chỉ muốn bắn vào cửa thôi.”

“Ai có thể làm việc này?” người thanh tra hỏi, không để bất kỳ ai làm mình mất tập trung.

“Xin lỗi,” ông hội đồng nói, “vì tôi không cho ông địa chỉ của nó được; tôi không nhìn thấy người này và đâu có mời hắn ta vào nhà.”

“Khó nhỉ,” người thanh tra nói nhẹ nhàng. “Ông có nghi ngờ ai không?”

Ông Tomsa hết cả kiên nhẫn. “Nghi ngờ ai chứ?” ông nói giọng câu kinh. “Trời ạ, rõ là tôi không nhìn thấy tên khốn ấy; nếu hắn có ý tốt đứng đợi thì tôi sẽ gửi cho hắn một nụ hôn và sẽ nhận ra hắn ngay trong bóng tối. Ông ạ, nếu tôi biết nó là ai thì tôi đã không phiền mời các ông, ông có nghĩ thế không?”

“Vâng,” thanh tra trả lời nhẹ nhàng. “Nhưng chả nhẽ ông không nhớ ra ai, ai có thể được lợi nếu ông chết, hay ai đó muốn báo thù... Ông xem nhé, đây không phải là vụ cướp; cướp không bắn, nếu không bắt buộc phải bắn. Hay có ai hận gì ông không? Cái này ông phải nói với chúng tôi để chúng tôi điều tra.”

Ông Tomsa sững lại: ông chưa nghĩ theo hướng này. “Tôi không nghĩ ra gì cả,” ông nói lưỡng lự và ngẫm lại cuộc sống êm ả của mình - một công chức nhà nước và một người có tuổi sống độc thân. “Ai mà có thể ghét tôi nhỉ?” ông băn khoăn. “Tôi thề, tôi không biết là tôi có thể có bất cứ một kẻ thù nào! Điều này không thể có,” ông nói và lắc đầu. “Tôi không thể có vấn đề gì với bất cứ ai; ông ạ, tôi sống một mình, không đi đâu, không dính vụ nào... Ai thù mình vì cái gì cơ chứ?”

Người thanh tra nhún vai. “Tôi không thể biết được, ông ạ; nhưng có thể ngày mai ông sẽ nhớ ra. Lúc này ông có thấy sợ không?”

“Tôi không sợ,” ông Tomsa nói và nghĩ ngợi. Lạ thật, ông bứt rứt tự nhủ, khi ông còn lại một mình, tại sao nhỉ, ừ, tại sao ai có thể bắt mình? Mình là người sống độc thân cơ mà, hết giờ làm việc ở tòa thị chính là mình về nhà, rõ là mình không làm gì ai. Thế thì tại sao ai đó muốn bắt mình? Ông băn khoăn với nỗi đặng cay càng lúc càng tăng trước cái việc tệ hại này; ông bắt đầu thấy thương mình. Mình làm việc quần quật như ngựa, ông tự nhủ, công việc mang cả về nhà, không tiêu pha, không hưởng lạc, sống như ốc sên trong vỏ ốc thế mà đùng một cái, ai đó đến bắt mình. Trời ạ, cái thời đại thật lạ kỳ, ông kinh ngạc và rầu rĩ. Mình làm gì ai nào? Tại sao ai đó lại căm ghét mình khủng khiếp và khủng điên như vậy?

Mình có thể nhầm chẳng, ông tự trấn tĩnh lại. Ông ngồi trên giường tay cầm một cái giày mới tụt ra khỏi chân. Rõ ràng là nó nhầm người! Tên ấy nhầm mình với ai đó, ai mà hăn muốn khử nhỉ! Đúng rồi, ông tự nhủ nhẹ nhõm, đời nào lại có ai thù mình cơ chứ?

Cái giày bỗng rời khỏi tay ông. Ừ, đúng rồi, ông bỗng hơi ngượng ngùng nhớ lại, mình có làm một việc ngu xuẩn, việc này vượt khỏi tầm kiểm soát của mình, mình có nói chuyện với anh bạn Rouhal, nhưng lúc ấy mình không giữ mồm giữ miệng thành ra lại ám chỉ không hay đến vợ anh ta. Ai chả biết mục ấy ngoại tình với khối người, anh ta biết nhưng không nói ra. Mình ngu như bò, mình nói ra, cực ngu ngốc... Ông hội đồng bỗng nhớ anh Roubal nuốt giận rồi cày móng tay lên bàn tay! Trời ạ, ông nói

trong kinh hãi, anh ta đã bị xúc phạm đến thế nào? Anh ta yêu vợ như điên dại! Biết mà, sau đó mình muốn đấu dịu, nhưng anh ta thì cắn vào môi. Anh ta có cố để thù mình, ông tự nhủ buồn bã. Mình biết là anh này không bán mình; điều này có thể loại trừ được, nhưng mình không lạ nếu... Ông Tomsa thất thần nhìn xuống đất.

Hay là anh thợ may, ông nhớ lại, cảm thấy khó thở. Mười lăm năm mình may quần áo ở chỗ anh ta, sau đó có người bảo mình là anh ta bị lao. Ai chả sợ mặc quần áo bị người mắc bệnh lao ho vào thế là mình không may quần áo ở đấy nữa... Rồi anh ta đến đề nghị mình, nào là anh ta không có gì làm, nào là vợ anh ta bệnh, nào là anh ta cần cho bọn trẻ ra ngoài... để mình lại tin tưởng anh ta. Trời ơi, anh ta xanh xám, mồ hôi nhễ nhại bệnh tật! Anh Kolínský ạ, tôi bảo này, anh xem đây, không được đâu, tôi cần thợ may khá hơn; tôi đã từng không bằng lòng với anh mà. Tôi sẽ rất cố gắng, thưa ông, anh ta lấp bấp, mồ hôi vã ra, sợ hãi và lúng túng, chỉ còn thiếu việc khóc lên nữa thôi. Còn mình, ông hội đồng nhớ lại, mình đuổi anh ta với câu: “Để xem đã”, câu này thì những người nghèo khổ ấy biết chán ra rồi. Anh ta có thể thù mình, ông sợ hãi vì việc này kinh khủng quá, ai lại có thể đuổi người đến cầu xin mình một cách vô cảm như vậy! Nhưng mình biết làm gì với anh ta nhỉ? Mình biết anh ta sẽ không làm việc này, nhưng...

Ông hội đồng lại thấy nặng đầu. Chuyện này mới quē chứ, ông nhớ lại ông đã mắng ông giúp việc ở văn phòng. Mình không tìm ra một tệp giấy và mình gọi ông già giúp việc đến. Mình mắng ông ta như mắng cậu bé trước mặt mọi người! Mình chửi ông ta là đồ luộm thuộm, đồ ngu ơi, chỗ nào ông cũng biến thành ỗ lộn, tôi phải đuổi việc ông thôi. Sau đó mình lại tìm thấy tệp giấy trong ngăn kéo! Ông lão ấy không nói câu nào, chỉ run run đứng nhìn. Ông hội đồng bỗng thấy người mình nóng đến khổ sở. Người ta ai lại đi xin lỗi cấp dưới, ông tự nhủ và lo lắng ngay cả khi đã làm hại họ một chút. Và những người cấp dưới ấy thế nào chả căm thù lãnh đạo của mình! Khoan, mình sẽ cho ông lão ấy ít quần áo cũ, nhưng đối với ông ta cái này lại có thể bị coi là bị làm nhục...

Ông hội đồng không nằm được nữa, cái chần làm ông nghệt thờ. Ông ngồi trên giường ôm chân và nhìn vào bóng tối. Hay là chuyện với cậu Morávek ở ủy ban, mình đã làm cho cậu ấy mất mặt. Cậu ấy rõ ràng là còn trẻ và hay làm thơ. Cái lúc cậu ấy chuẩn bị hồ sơ cho mình không được chuẩn mình đã nói với cậu ấy: Anh làm lại đi, anh đồng nghiệp ạ, rồi mình còn muốn ném hồ sơ đó xuống bàn; nhưng không may nó lại rơi xuống chân, cậu ấy cúi xuống nhặt, đôi tai đỏ tía cả lên. Mình xứng đáng tự tát cho mình mấy cái, ông gầm lên. Thực ra mình quý cậu ấy, thế mà mình nhục mạ cậu ấy như vậy, rõ ràng là không hay...

Ông hội đồng đứng dậy nhưng bỗng nghĩ đến một khuôn mặt khác: khuôn mặt tai tái và tự mãn của anh đồng nghiệp Wankl. Cái anh Wankl tội nghiệp có lần nói anh ta muốn làm chủ tịch hội đồng thay mình; như vậy lương sẽ cao hơn được vài trăm, mà anh ta có những sáu đứa con - nghe nói anh ta muốn cho con gái lớn nhất đi dạy hát, nhưng nó không đủ khả năng; thế mà mình vượt lên trên anh ta vì anh ta nặng nề dù rất chăm chỉ. Vợ anh ta tẻ, khô héo và ác độc vì suốt đời phải đi khám bệnh; bữa trưa chị ta chỉ nuốt mỗi cái bánh mì trắng đã để khô. Ông hội đồng buồn bã nghĩ ngợi. Tội nghiệp anh Wankl, chả biết anh ta phải sống thế nào, chứ anh ta thấy mình độc thân mà lương cao hơn anh ta... nhưng mình có lỗi gì đâu? Nhiều khi mình cũng phát phiền muộn, khi anh ta nhìn mình căng thẳng và trách móc...

Ông hội đồng lau mồ hôi muộn phiền trên trán. Đúng rồi, ông tự nhủ, lại còn cái thẳng ở quầy bar gian lận của mình vài koruna, thế mà mình gọi chủ nhà hàng và ông ấy đã đuổi việc nó ngay lập tức. Đồ ăn cắp, ông ta đã chửi nó, tao sẽ làm cho không ai ở Praha nhận mày vào làm! Thẳng này không nói một câu và bỏ đi... đít quần nó đã bạc màu dưới cái áo đuôi tôm...

Ông hội đồng không chịu được nằm trên giường nữa; ông lại chỗ cái đài rồi đeo tai nghe; nhưng đài không phát nữa; đêm lặng thinh, đây là giờ vắng lặng trong đêm; và ông hội đồng úp mặt vào hai bàn tay và nhớ những

người ông đã gặp, nhớ đến những con người lạ lùng và nhỏ bé, những người mà ông thường không hiểu và hầu như không khi nào ông nghĩ đến họ.

Sáng dậy ông đến phòng cảnh sát; mặt ông tai tái và ông luống cuống.

“Thế nào rồi,” người thanh tra cảnh sát hỏi, “ông có nhớ ra ai có thể căm ghét ông không?”

Ông hội đồng lắc đầu. “Tôi không biết,” ông nói không rõ ràng. “Mà những người thù ghét tôi thì khối...” Ông phẩy tay bất lực. “Anh biết không, tôi cũng chẳng biết mình đã làm hại bao nhiêu người nữa. Anh biết đấy, tôi sẽ không ngồi bên cái cửa sổ ấy nữa. Tôi đến đề nghị anh bỏ qua vụ này.”

NGƯỜI TÙ ĐƯỢC THẢ

“Thế nào, anh hiểu rồi chứ, anh Záruba?” ông giám đốc nhà tù hỏi, sau khi sang sảng đọc quyết định của Bộ Tư pháp. “Điều này có nghĩa rằng anh được tha bổng có điều kiện thời gian tù còn lại của án tù chung thân. Anh đã ngồi tù mười hai năm rưỡi và suốt quá trình này anh khu xử... ừ, nói ngắn gọn là mẫu mực. Chúng tôi đã cấp cho anh lý lịch tù tốt nhất... e hèm... nói ngắn gọn là anh có thể về nhà, anh hiểu chứ? Nhưng anh hãy ghi nhớ, anh Záruba ạ, nếu anh làm bất cứ sai phạm gì thì việc tha bổng có điều kiện sẽ mất hiệu lực và anh sẽ phải ngồi nốt hạn tù chung thân đối với cái án giết vợ anh là Marie, khi đó trời cũng không thể giúp được anh. Vậy anh chú ý nhé, anh Záruba, lần sau là chung thân.” Ông giám đốc cảm động khịt mũi. “Chúng tôi rất quý anh, anh Záruba ạ, nhưng không muốn nhìn thấy anh vào đây lần thứ hai đâu. Nào, chào vĩnh biệt, và ông quản lý sẽ trả tiền cho anh. Anh có thể về.”

Záruba cao đến gần hai mét, đứng cựa quậy và lấp bắp điều gì đó. Anh ta quá sung sướng đến mức đau đớn và trong cổ anh phát ra âm thanh như bị nghẹn.

“Nào, thôi nào,” giám đốc ầm ừ. “Đừng có khóc ở đây. Chúng tôi đã chuẩn bị quần áo cho anh và ông Málek bên ngành xây dựng hứa với tôi là sẽ cho anh việc làm. Nào, anh muốn về nhà trước? À hay ra mộ vợ? Tốt, cái này tốt. Chúc lên đường may mắn, anh Záruba nhé,” ông giám đốc nói nhanh và bắt tay Záruba. “Nhớ cẩn thận, trời ạ, nhớ là anh được thả tự do có điều kiện đấy!”

“Nó ngoan thế,” ông giám đốc nói sau khi cánh cửa tù khép lại sau lưng Záruba. “Tôi phải nói với anh, anh Formánek ạ, những kẻ giết người thường rất ngoan ngoãn, tệ nhất là bọn biển thủ công quỹ, bọn này cho vào trong tù cũng chả ăn thua. Tiếc cho cậu Záruba!”

Khi Záruba ra khỏi cổng sắt và sân của nhà tù Pankrác, anh cảm thấy không tự tin và rụt rè vì anh sợ người coi tù sẽ tóm anh và đưa anh trở lại. Và anh đi ra chậm chậm để người ta khỏi nghĩ là anh chạy trốn. Khi ra đến phố anh bối rối, bao nhiêu là người, chỗ kia trẻ con chơi đuổi nhau, hai tài xế cãi nhau, trời ạ, bao nhiêu là người, ngày trước không đông người như thế này. Bây giờ mình đi đâu nhỉ? Kệ, toàn xe là xe và cả ngần này phụ nữ. Có ai tìm mình không nhỉ? Không, nhưng biết bao nhiêu là xe! Anh đi xuống phía Praha, nhưng khi đã đi được một đoạn xa, anh nhớ đến cửa hàng bán thịt hun khói, nhưng giờ thì chưa phải lúc. Sau đó anh lại nhớ mạnh mẽ hơn... một ngôi nhà mới xây. Anh dừng lại ngửi mùi vôi sơn nhà và xà gỗ. Anh ngắm nhìn ông già đang khuấy vôi, anh muốn nói chuyện với ông ta, nhưng anh không thể, không nói được một tiếng, người bị tù biệt giam đã có thói quen không nói. Záruba đi xuống phía Praha bằng những bước dài. Trời ơi, bao nhiêu là công trình xây dựng! Chỗ này họ xây toàn bộ bằng bê tông mà cách đây mười hai năm chưa xây như thế, chưa, thời mình đi làm thì chưa thế, Záruba tự nhủ, nhưng khéo mà nó đổ mất, cột mỏng thế kia! “Chú ý chứ! Cái anh này, mù à?” Suýt nữa anh bị xe đâm, suýt nữa anh bị xe điện leng keng cán chết; bố khí, mười hai năm mình quên cả phố phường, mình muốn hỏi ai đó cái công trình to này là công trình gì; mình muốn hỏi đi ra ga Tây Bắc hướng nào, vì anh nghe thấy tiếng loảng xoảng của xe tải chở sắt thép, anh thử nói to với chính mình: “Xin làm ơn chỉ giúp đi hướng nào ra ga Tây Bắc?” Không được, giọng nói bị kẹt lại trong anh hoặc cái gì đó đã bị han rỉ hay câm lặng trong người; ba năm đầu mình còn hỏi ai cái gì đó, nhưng sau đó thì thôi. “Xin làm ơn chỉ giúp đi hướng nào...” Nhưng nó chỉ ậm ừ trong cổ, không phải là giọng của con người.

Bằng những bước dài anh đi xuống phố. Anh cảm thấy như mình bị say rượu hay đang mơ; cái gì cũng khác với mười hai năm trước, to hơn, âm ì hơn và hỗn loạn hơn. Và sao nhiều người thế! Záruba thấy buồn vì việc ấy, dường như anh đang ở đâu đó như ở nước ngoài nên không nói chuyện được với ai. Nhưng ước gì ra đến ga để về nhà, về nhà... Anh mình có nhà ở quê và các cháu... “Xin làm ơn chỉ giúp tôi đi đường nào,” Záruba thử phát âm, nhưng môi rung rung không có tiếng nói. Không sao, về nhà cái này sẽ qua, về đến nhà mình sẽ nói; chỉ cốt làm sao ra đến ga!

Bỗng có tiếng hét sau lưng anh và ai đó kéo anh lên hè phố. “Người ơi, sao không đi lên hè hả?” người lái xe quát anh. Záruba muốn trả lời, nhưng không được; anh chỉ ồ ồ trong cổ rồi chạy tiếp. Trên hè anh nghĩ, hè phố quá nhỏ cho mình; bao nhiêu là người vội vàng, tôi muốn về nhà, xin làm ơn chỉ cho tôi đường ra ga Tây Bắc? Chắc sẽ là cái phố đông người nhất, anh quyết định, chỗ này, chỗ có cả dây tàu điện. Người đâu ra mà đông thế? Cả những đám đông, tất cả cùng đi về một hướng, hẳn là ra ga, tại sao họ chạy nhì, chắc để tàu khỏi đi mất. Záruba cao lớn rảo bước, để khỏi bị tụt lại sau; thấy chưa, hè phố không đủ rồi, họ đi cả xuống phố, cả đám đông và ồn ào; rồi lại những người mới đến nhập vào, họ chạy chậm và hét lên cái gì đó; và họ bắt đầu gào lên với những tiếng gào to và dài.

Záruba bỗng chóng mặt. Trời, đẹp tuyệt, ngàn nẩy người. Phía trước người ta bắt đầu hát trong đám diễu hành. Záruba bước kịp nhịp rồi vui vẻ tiến, kìa, tất cả mọi người xung quanh anh đều hát, cổ họng anh bắt đầu khởi động, cứ như nó ép, nó phải phát ra ngoài, đó là lời hát, một-hai, một-hai. Záruba hát bài hát không lời, anh âm ừ và kêu lên giọng trầm sâu theo bài hát. Không hề gì, tôi đi về nhà, tôi về nhà. Anh chàng Záruba cao lênh khênh bước lên hàng đầu và hát, không lời, nhưng rất hay, một-hai, một-hai, tay giơ lên cao và anh hú lên như voi, và anh cảm thấy như toàn thân anh đang hát, bụng rung lên như trống, ngực đẩy hơi ra và cổ họng đang hoạt động tốt như khi được uống nước hay khi khóc. Hàng nghìn người gào lên: “Nhục nhã! Chính phủ thật nhục nhã!” nhưng Záruba không hiểu họ gọi cái gì và anh hú lên “Aaa! Aaa!” Tay anh vẫy lên và anh đi đầu đoàn

người. Người ta thổi kèn và la hét, hát và đánh trống, anh vỗ bàn tay vào ngực như đánh trống, tiếng anh gào lên trên đầu mọi người y như ngọn cờ đang bay. “Uavaa, uavaa! Huraa!” Bây giờ đoàn người dừng lại, không đi tiếp được nữa, bắt đầu lùi như làn sóng lẫn lộn, co lại, xù ra rồi la hét: “Uavaa, uavaa! Huraa!” Záruba nhắm mắt chịu đựng cái tiếng nói tự do to lớn đang phát ra từ bên trong anh. Bỗng nhiên anh bị mấy cánh tay giữ chặt và một giọng nói quát vào tai anh: “Nhân danh pháp luật chúng tôi bắt anh!”

Záruba mở to mắt; một tay anh bị người cảnh sát giữ chặt và kéo anh ra khỏi đám đông người, người cảnh sát kéo anh đầy căng thẳng. Záruba kêu lên khùng khiếp và muốn giật tay người cảnh sát đang vịn tay anh, anh hét lên đau đớn và bằng cánh tay thứ hai anh nện vào đầu người cảnh sát. Người cảnh sát đỏ mặt tía tai thả anh ra, nhưng ngay lập tức anh bị nện bằng dùi cui vào đầu và nhát nữa, nhát nữa và nhát nữa! Đôi tay khổng lồ quay túi bụi như cối xay gió đã nện trúng một vài cái đầu; lập tức hai cảnh sát đội mũ bảo vệ bám lấy anh như cặp chó dữ, Záruba ngập ngừng sợ hãi và run lên, hai cảnh sát bẻ tay anh ra sau và dẫn anh theo con phố vắng người, một-hai, một-hai, Záruba đi như một con cừu ngoan ngoãn. Xin cho hỏi, đường nào dẫn đến ga Tây Bắc? Tôi phải về nhà mà.

Hai cảnh sát đẩy anh vào phòng cảnh sát.

“Anh tên gì?” một giọng hung ác và lạnh lùng cất lên.

Záruba muốn nói, nhưng môi chỉ rung rung lên.

“Nào, anh tên gì?” giọng hung ác gắt lên.

“Záruba Antonín,” anh chàng lênh khênh nói nhỏ, giọng khàn khàn.

“Địa chỉ nhà?”

Záruba nhún vai bất lực. “Na Pankráci.” “Bị biệt giam.”

oOo

Việc này lẽ ra không nên có, nhưng đã xảy ra: ba vị luật sư trao đổi với nhau xem nên làm thế nào đưa Záruba ra ngoài. Đây là chủ tịch hội đồng xét xử, công tố viên và trạng sư được tòa chỉ định.

“VẬY CỨ ĐỂ CÁI TAY ZÁRUBA KHÔNG NHẬN TỘI,” công tố viên nói.

“KHÔNG ĐƯỢC,” chủ tịch hội đồng xét xử âm ừ. “Nó đã bị điều tra và nhận là đánh nhau với cảnh sát. Ngu thế, ai lại tự nhận tội...”

“Nếu cảnh sát khai,” trạng sư đề nghị, “rằng họ không nhận ra Záruba, rằng đây là người khác...”

“Thưa quý vị,” công tố viên phản đối, “thế có mà dạy cảnh sát nói dối à! Họ chắc chắn sẽ nhận ra hãn ta. Tôi tính nên áp dụng *tình trạng mất cảm xúc*. Ông nên đề nghị kiểm tra tình trạng tâm thần của nó, đồng nghiệp ạ, tôi sẽ ủng hộ.”

“NHƯNG” trạng sư nói, “tôi sẽ đề nghị; nhưng nếu các bác sĩ không công nhận là nó bị điên?”

“TÔI SẼ NÓI CHUYỆN VỚI HỌ,” chủ tịch hội đồng xét xử tình nguyện. “Cái này lẽ ra không nên, nhưng... Quý ạ, tôi không muốn cái thằng Záruba ấy phải ngồi tù đến chết vì cái việc ngu ngốc này. Tôi muốn nhìn thấy mình ở đâu cơ. Trời ạ, tôi muốn phạt nó sáu tháng mà không cần đọc hồ sơ, nhưng ngồi tù cả phần còn lại của đời người thì, ông ạ, tôi không thể chấp nhận.”

“Nếu cái *mất cảm xúc* không xong,” công tố viên tính, “vụ này sẽ rất tởm. Trời ạ, xin lỗi quý vị chứ tôi sẽ phải buộc tội hãn là phạm tội; chúng mình sao mà làm khác đi được chứ? Giá thằng ngu ấy vào quán bia có hơi không! Nếu thế tôi có thể coi như nó bị khùng lên thôi...”

“XIN THƯA CÁC ÔNG,” chủ tịch hội đồng xét xử đề nghị, “các ông hãy làm thế nào để tôi thả nó ra. Tôi già rồi và không muốn phải gánh một mình... vâng các ông biết rồi mà.”

“Việc này khó đấy,” công tố viên thở dài. “Vâng, chúng tôi sẽ cố gắng. Ít nhất là các ông bác sĩ tâm thần sẽ bị chậm trễ. Mà ngày mai là ngày xử,

phải không nhỉ?”

Nhưng phiên xử đã không được tiến hành. Đêm ấy Antonín Záruba đã treo cổ tự tử vì anh sợ bản án. Anh quá cao nên treo cổ rất lạ, y như ngồi bệt trên mặt đất.

“Một vụ chết tiệt!” công tố viên gầm lên. “Trời ơi, một vụ ngu xuẩn. Nhưng ít ra chúng ta không có lỗi gì.”

TỘI ÁC Ở BƯU ĐIỆN

“Ông ạ,” trung sĩ cảnh sát Brejcha nói. “Tôi muốn biết, tại sao trên bức tranh công lý là một người phụ nữ đeo kính tay cầm cái cân, y như bà ấy bán hạt tiêu. Theo tôi công lý phải giống như người cảnh sát. Cái này chắc ông không tin chứ nhiều việc chúng tôi xử lý chả cần đến thẩm phán, chả cần cân hay những gì phức tạp. Những vụ nhỏ chúng tôi xử qua cho xong, với những vụ lớn chúng tôi cời dây lưng ra*; cái này đúng với chín mười chín trong một trăm vụ của ngành tư pháp. Ông ạ, tôi nói cho ông nghe nhé, ở đây tôi đã kết tội hai kẻ vào tội giết người và tôi đã tự xử họ với mức án công bằng, họ đã thụ án và tôi cũng chẳng nói với ai câu nào. Khoan, tôi sẽ kể cho ông nghe nhé. Ừ, ông còn nhớ cái cô gái mà cách đây hai năm còn làm ở bưu điện làng này không? Đúng rồi, tên cô ấy là Helenka*, ông ạ, cô ấy chết đuối vào dịp hè; cô ấy nhảy xuống hồ nuôi cá, đi khoảng năm chục mét đến chỗ sâu. Mãi hai hôm sau xác cô ấy mới nổi lên. Ông biết tại sao cô ấy lại làm như thế không? Ngày cô ấy trầm mình tự tử là ngày thanh tra từ Praha đến kiểm tra bưu điện và phát hiện ra cô Helenka bị thiếu hai trăm trong két. Hai trăm korun nạn, ông ạ. Và lão nhân viên thanh tra ngu như lợn ấy nói rằng lão sẽ phải báo cáo lên trên và vụ này sẽ phải điều tra như một vụ thụt két. Tối hôm đó ông ạ, Helenka đã tự tử vì nhục nhã. Khi người ta kéo cô ấy lên bờ, tôi phải đứng cạnh cô ấy cho đến khi hội đồng đến. Cô ấy chẳng có chút gì là đẹp nữa, nhưng tôi vẫn nhìn thấy cô ấy luôn luôn mỉm cười qua cửa sổ trong bưu điện. Vâng, tất cả chúng tôi đều hay đến chỗ cô ấy, đúng không, chúng tôi đều mến cô ấy. Thật quá thể, tôi tự nhủ, cô bé này không ăn trộm hai trăm đâu, chủ yếu là tôi không tin chuyện này và lý do thứ hai là cô ấy không cần ăn trộm; bố cô ấy là chủ xưởng xay lúa

mì bên kia sông, cô ấy đi làm chỉ vì cái danh dự của phụ nữ là muốn tự lập. Tôi biết bố cô ấy; ông ạ, ông ấy trước làm thư ký và ngoài ra theo đạo Tin Lành; tôi phải nói là những người theo đạo Tin Lành họ có đức tin và không trộm cắp. Nếu thiếu hai trăm thì ai đó trộm thôi. Thế là tôi hứa với cô bé ấy trên bờ hồ, rằng tôi sẽ không để yên. Tôi liền cử một cảnh sát trẻ đến bưu điện, cậu ấy tên là Filípekí*. Cậu này rất nhanh nhẹn và sắc sảo. Tôi hay ra thăm Filípek để tôi ngó cái này cái kia. Ông biết chứ, cũng giống như ở các bưu điện nhỏ; bên cửa sổ là cái bàn nhỏ, trong bàn là ngăn kéo đựng tiền và tem. Sau lưng người nhân viên bưu điện là tủ với bảng giá dịch vụ, hồ sơ và một chiếc cân để cân các bưu kiện và mọi thứ. Filípek ạ, tôi nói, anh hãy xem bảng giá, thí dụ gửi điện đi Buenos Aires giá bao nhiêu. Ba trăm koruna một từ, cậu ấy trả lời như không có gì xảy ra. Thế gửi điện tín nhanh đi Hong Kong, tôi lại hỏi, và cậu ấy đứng dậy, quay mặt vào tủ. Khi cậu ấy đang xem giá, quay lưng lại bàn thì tôi thò tay đến tận vai qua cửa và mở ngăn kéo tiền nhẹ nhàng và êm ru. Cảm ơn, tôi nói, tôi đã có giá rồi; chuyện có thể xảy ra như vậy. Giả sử Helenka tìm gì đó trên tủ thì ai đó đã có thể lấy hai trăm từ ngăn kéo.”

Nghĩa bóng là cởi dây lưng ra làm roi.

Tên gọi thân mật của Helena.

Tên gọi thân mật của Filip.

“Anh Filípek ạ, anh có thể cho tôi xem trong những ngày gần đây có ai gửi bưu kiện hay đánh điện không. Anh Filípek gãi đầu và nói: Thưa trung sĩ, không được đâu. Ông biết đấy, bí mật thư tín mà, trừ trường hợp nhân danh luật pháp, nhưng tôi phải báo cáo lên trên các cuộc kiểm tra. Khoan, tôi nói với cậu ấy. Tôi không muốn làm thế, nhưng anh Filípek ạ, hay anh thử làm thế này... thế... xem hồ sơ xem ai đã gửi điện tín từ đây, để cho Helenka quay lưng về phía bàn... Trung sĩ ạ, Filípek nói, những tờ phiếu điện tín ở đây sẽ có, nhưng thư đảm bảo và bưu kiện thì chỉ có danh sách người gửi thôi. Tôi sẽ ghi cho ông tên tất cả những ai đã gửi mà tôi tìm được; việc này không được làm nhưng tôi chỉ làm vì ông thôi đấy.

Nhưng tôi nghĩ ông sẽ không tìm ra gì đâu. Cậu ấy, ông ạ, cậu Filípek đã nói đúng, cậu ấy mang đến ba chục cái tên - ông biết đấy, ở bưu điện làng người ta không gửi nhiều đâu, thỉnh thoảng mới có bưu phẩm cho con đi lính, nhưng ở đây tôi cũng chẳng tìm ra gì. Ông ạ, đến đâu tôi cũng nghĩ; đủ rồi và lời hứa với cô bé đã quá cố ấy sẽ không được thực hiện. Thế rồi một lần, khoảng một tuần sau đó tôi lại ra bưu điện. Filípek lại nhe răng ra cười với tôi rồi nói: ông trung sĩ ạ, tôi nhắc lại nhé, cuộc chơi bowling* này cũng chẳng đi đến đâu. Một nữ nhân viên bưu điện mới ngày mai sẽ chuyển đến đây từ bưu điện Pardubice. Thế à, tôi nói. Hình như bị phạt, đúng rồi, họ chuyển cô ta từ thành phố về bưu điện của cái làng vợ vẫn này? Không đâu, Filípek nói và nhìn tôi hơi đặc biệt. Cô này được chuyển về đây theo đơn xin của cô ta, trung sĩ ạ. Lạ nhỉ, tôi nói. Ông biết đấy, bọn đàn bà như thế nào mà. Đúng thế, Filípek nói và nhìn tôi còn lạ lùng hơn, nghe nói có kẻ nặc danh tố cáo để người ta thanh tra khẩn bưu điện này, kẻ nặc danh cũng là người từ Pardubice.

Filípek ám chỉ cuộc điều tra phụ thuộc vào may rủi.

“Tôi huýt sáo và nghĩ rằng tôi nhìn cậu Filípek cũng y như cậu ấy nhìn tôi. Và bỗng nhiên người đưa thư tên là Uher, lúc ấy đang xếp lại đám thư để đem đi, nói: Đúng rồi, đến Pardubice, cái anh quản lý nông trại lớn ngày nào cũng gửi thư cho cô gái nào đấy ở bưu điện. Chắc cô này là người yêu của anh ta, đúng không.

“Bố già ơi, Filípek nói, bố già có biết cái cô ấy tên là gì không?

“Hình như Julie Touf... Toufar...

“Touferová, Filípek nói. Đúng cô ta rồi, cô ta sẽ đến đây đấy.

“Cái anh ấy tên là Houdek, làm quản lý nông trại, người đưa thư nói, hay nhận thư ở bưu điện Pardubice hằng ngày. Anh quản ơi, tôi bảo anh ta, đây là thư của cô dâu đây. Anh ta, cái anh Houdek bao giờ cũng đi một đoạn đường để đón tôi. Ở đây anh ta có một gói gửi từ Praha.Ồ, đây là gói

đồ người ta gửi trả lại, có đề “không tìm thấy người nhận”. Anh quản đã nhầm địa chỉ, tôi sẽ đem trả lại cho anh ta.

“Bố già ơi, bố cho xem nào, Filípek nói. Anh ta gửi cho cái ông Novák, Praha, phố Spálená. Hai cân bơ. Dấu đóng ngày mười bốn tháng Bảy. Khi ấy cô Helenka vẫn còn ở đây, người đưa thư nói. Cho tôi xem nào, tôi nói với Filípek và gửi cái gói. Anh Filípek ạ, lạ chưa, bơ đã gửi mười ngày mà không hôi. Bố già ạ, bố già để gói này ở đây đi, còn đồng bưu phẩm thì bố cứ mang đi.

“Người đưa thư vừa đi thì Filípek bảo tôi: Trung sĩ ạ, lẽ ra không được phép, nhưng ở đây có cái đục. Sau đó cậu ấy đi khỏi, cứ như cậu ấy chưa thấy gì. Ông ạ, tôi đã mở gói này ra; trong gói là hai cân đất. Tôi liền đến gặp Filípek và bảo cậu ấy: này, anh đừng nói gì với ai nhé, hiểu chưa. Phần còn lại để tôi xử lý.

“Ai cũng hiểu, tôi đứng dậy và đi đến nông trại để gặp anh quản lý Houdek. Anh ta đang ngồi trên đồng gỗ và nhìn xuống đất. Chào anh quản, tôi nói, ở đây vừa có một việc liên quan đến bưu điện; anh có nhớ cách đây hai tuần anh gửi cho ai một gói như thế này không?

“Tay Houdek hơi tái mặt đi và nói: không có gì đâu, tôi cũng không nhớ tôi gửi cho ai nữa.

“Anh quản ạ, tôi nói, anh gửi bơ loại gì?

“Tay Houdek nhảy dựng lên, mặt trắng toát như tường vôi. Thế là thế nào, hấn ta thét lên. Tại sao ông lại làm phiền tôi?

“Anh quản ạ, anh đã giết chết cô Helenka nhân viên bưu điện. Anh đã mang đến cho cô ấy một gói đất để địa chỉ giả, để cô ấy phải cân. Lúc cô ấy cân, anh đã nghiêng mình chui qua cửa sổ và lấy trộm hai trăm koruna từ ngăn kéo. Vì hai trăm ấy mà cô Helenka đã tự tử. Thế đấy.

“Ông ạ, tay Houdek run rẩy như tàu lá. Dối trá! hấn hét lên, tôi trộm hai trăm làm gì?

“Vì anh muốn đưa cô Tauferová, vợ chưa cưới của anh về bưu điện này. Cô này đã viết thư nặc danh tố cáo rằng Helenka thụt tiền trong két. Hai anh chị đã dồn Helenka đến hồ nuôi cá tự vẫn, hai anh chị đã gây tội ác, anh Houdek a.

“Tay Houdek ngã xuống đồng gỗ và ôm mặt; suốt đời mình tôi chưa nhìn thấy đàn ông khóc. Trời ạ, hỡi ta kêu la, tôi không thể biết được là cô ấy sẽ trầm mình! Tôi chỉ nghĩ là cô ấy sẽ bị thôi việc... mà cô ấy có thể về nhà! Trung sĩ ạ, tôi chỉ muốn cưới Julča*, nhưng một trong hai chúng tôi phải bỏ việc nếu về sống với nhau... và với một đồng lương sẽ không đủ sống. Vì thế tôi muốn Julča đến bưu điện này! Chúng tôi đã đợi nhau năm năm trời. Ông trung sĩ ạ, tình yêu của chúng tôi thật khủng khiếp! Ông ạ, tôi sẽ không kể nữa; đêm đã đến, tay ấy quỳ trước mặt tôi còn tôi đã khóc vì tất cả mọi thứ như cha chết*; khóc vì cô bé Helenka và vì tất cả những gì còn lại.

“Đủ rồi, cuối cùng tôi nói với hãn, tôi chán đến cỡ rồi. Đưa đây ngay hai trăm koruna. Thế. Và bây giờ nghe đây: nếu anh đến gặp cái cô Tauferová trước khi tôi xử lý xong mọi việc, tôi sẽ tố cáo anh tội ăn trộm, hiểu chưa? Và nếu anh tự sát bằng súng hoặc có những hành động tương tự thì tôi sẽ nói với mọi người lý do. Thế nhé.

“Đêm ấy ông ạ, tôi ngồi dưới bầu trời đầy sao và xử án hai đứa. Tôi hỏi Thượng đế xem tôi sẽ phải trừng phạt chúng như thế nào và tôi hiểu cái đắng cay và niềm sung sướng của công lý. Nếu tôi tố chúng thì tay Houdek sẽ chỉ bị tù treo vài tuần; mà cũng khó chứng minh được tội của hãn. Houdek đã giết cô bé ấy; nhưng hãn chỉ là một tên trộm thô bỉ. Những hình phạt ấy đối với tôi quá nhẹ. Vì thế tôi đã tự mình kết án và trừng phạt. Buổi sáng sau đêm ấy tôi đi ra bưu điện. Tôi nhìn thấy một cô gái người cao và mặt tái xanh ngồi sau cửa sổ với đôi mắt dữ dằn. Cô Tauferová, tôi nói, tôi gửi bức thư đảm bảo này về Tổng cục Bưu điện và Điện tín Praha. Cô ta nhìn tôi trong lúc dán keo lên phong bì.

Tên gọi thân mật của Julie.

Nguyên văn: khóc như một con đĩ già.

“Khoan đã, cô ạ, tôi nói. Trong phong bì này là thư tố cáo kẻ ăn trộm hai trăm koruna của người tiền nhiệm của cô. Tôi phải trả bao nhiêu? Ông ạ, trong người đàn bà ấy có một sức mạnh ghê gớm; nhưng dù vậy cô ta vẫn tái mặt đi như tro và người cứng đờ ra như đá. Ba koruna năm mươi haler, cô ta thờ dài.

“Tôi đưa cho cô ta ba koruna năm mươi haler và nói: Tiền đây cô. Nhưng nếu tìm ra hai trăm koruna, tôi nói và đặt lên bàn hai tờ giấy bạc bị lấy trộm, nếu tìm ra hai trăm này thì cô nói là nó rơi hoặc ai đặt vào chỗ nào đấy, hiểu chưa? Để mọi người hiểu rằng Helenka không lấy trộm, cô ạ... Sau đó tôi sẽ rút lá thư này lại. Thế nào?

“Cô ta không nói câu nào; chỉ nhìn trừng trừng và căng thẳng, nhưng chẳng biết cô ta nhìn vào đâu nữa.

“Năm phút nữa người đưa thư sẽ đến, cô nghe chứ, tôi nói. Thế nào, tôi mang cái thư này đi chứ?

“Cô ta khẽ gật đầu. Tôi cầm bức thư và đi ra ngoài. Ông ạ, chưa bao giờ tôi căng thẳng đi đi lại lại như thế. Sau hai mươi phút người đưa thư tên là Uher chạy đến nói với tôi: Ông trung sĩ ơi, ông trung sĩ ơi, đã tìm ra hai trăm koruna mà cô Helenka bị mất! Cái cô mới đến tìm ra nó ở trong quyển giá dịch vụ! Đến là ngẫu nhiên.

“Bố già ơi, tôi nói với ông ta, ông hãy chạy đi loan báo là đã tìm thấy hai trăm nhé. Để ai cũng biết là Helenka quá cố đã không lấy trộm. Nhờ trời!

“Đấy là việc thứ nhất. Việc thứ hai là tôi đến gặp ông chủ nông trại. Ông không biết ông ta đâu; ông ấy là bá tước, hơi hậm hậm nhưng rất tốt bụng. Thừa Bá tước, tôi nói, đề nghị Bá tước đừng hỏi gì tôi; nhưng có việc thế này mà chúng ta phải cùng nhau xử lý. Bá tước hãy gọi cho anh quản Houdek và yêu cầu hẳn ngay ngày hôm nay phải chuyển xuống nông trại

lớn của Bá tước ở miền Nam Morava; nếu hãn không nghe, Bá tước hãy sa thải hãn ngay lập tức.

“Bá tước già ngược mắt lên nhìn tôi một lát; ông ạ, lúc đó tôi đã cố gắng tỏ ra nghiêm túc hết mức, đến nỗi khó mà ai đó có thể tưởng tượng ra. Được, Bá tước nói, tôi sẽ không hỏi gì ông.

“Và ông ta cho gọi Houdek.

“Houdek đến và khi trông thấy tôi ngồi bên Bá tước thì mặt hãn xám đi và đứng như trời trồng. Houdek này, nghe đây, anh hãy lên xe ngựa và ra ga tàu hỏa; từ hôm nay anh sẽ đến làm việc tại nông trại lớn của tôi ở Hulín. Tôi sẽ gọi điện thoại để họ đợi anh. Anh hiểu chưa?

“Vâng, Houdek nói khẽ, mắt nhìn tôi; ông biết không, đôi mắt như của kẻ bị đày trong địa ngục.

“Anh có ý kiến gì không? Bá tước hỏi.

“Không, hãn nói giọng khàn khàn và mắt không rời tôi. Ông ạ, tôi thấy thương cho đôi mắt ấy.

“Thế thì anh có thể đi được rồi, Bá tước kết thúc và xong chuyện. Sau một lát tôi nhìn thấy người ta chở Houdek bằng xe ngựa; hãn ngồi như tượng gỗ.

“Toàn bộ câu chuyện là thế. Khi nào ông ra bưu điện, ông để ý và sẽ thấy một cô gái mặt tái xanh. Cô ta rất tệ, tệ với tất cả mọi người và tệ đến mức mặt cô ta bắt đầu có những nếp nhăn già nua và ác độc. Tôi không biết liệu cô ta có khi nào sum họp với tay quản lý hay không, có lẽ cô ta đã đi thăm hãn ta nhưng sau đó khi trở về cô ta còn tệ bạc hơn, ác độc hơn. Còn tôi nhìn cô ta và nói với chính mình: Công lý phải đến.

“Tôi là cảnh sát, ông ạ, nhưng điều này tôi nói với ông theo kinh nghiệm của mình: Không biết có tồn tại Thượng đế với sự sáng suốt vô song và sức mạnh vô song hay không? Nếu có thì cũng chẳng hề gì. Nhưng tôi bảo ông nhé, phải có Ai đó ở trên cao nhất và công minh. Đúng vậy ông

ạ. Chúng ta chỉ có thể trừng phạt còn công lý tối cao thì là cái gì lạ lùng như tình yêu ấy.”

CÂY XƯƠNG RỒNG BỊ LẤY TRỘM

“Để tôi kể cho anh nghe,” ông Kubát nói, “điều gì đã xảy ra với tôi vào dịp hè năm nay.

“Tôi đã đi nghỉ tại căn nhà nghỉ hè. Những căn nhà nghỉ hè không có nước, không có rừng, không có cá, không có gì cả, nhưng về sự hiện diện của con người thì tốt, với một tổ chức xã hội làm đẹp, một giám đốc chăm chỉ, một nền công nghiệp trang sức và một phòng bưu điện có bà trưởng phòng mũi dài đã già, tóm lại là giống như ở mọi nơi. Tôi đã trải qua mười bốn ngày chịu đựng cái điều kiện vệ sinh tuyệt vời và sự chán nản vô tận ấy, vì vậy tôi bắt đầu xả hơi bằng việc để ý bọn hóng hớt ở địa phương này, những kẻ đã đồn đại rất cụ thể về tôi. Vì thư gửi cho tôi thường bị dán lại, điều này dễ nhận ra, phong bì thì bóng lên vì được tẩy bằng cái tẩy Ả Rập nên tôi tự nhủ: Ái chà, có ai đó bóc trộm thư của mình. Trời đánh con mẹ trưởng phòng bưu điện đi! Anh biết đấy, dân bưu điện biết cách bóc bất kỳ phong bì nào. Đợi đấy! Tôi tự nhủ và tôi bắt đầu ngồi viết những dòng chữ trơn tru nhất: đồ quý sứ, đồ trưởng phòng bưu điện mũi to, đồ dĩ thỏa, đồ rắn độc, đồ phù thủy v.v. Rất trân trọng, Jan Kubát. Anh nghe nhé, tiếng Czech là một ngôn ngữ phong phú, chính xác, chỉ cần một hơi là tôi phun ra đủ bốn mươi ba từ... mà những người đàn ông thẳng thắn và danh dự có thể sử dụng để tặng các quý bà mà mình không cần phải giao tiếp hoặc gần gũi. Sau đó tôi yên tâm dán lại, ghi trên phong bì địa chỉ của mình và sang thành phố bên để bỏ vào hòm thư. Hôm sau tôi chạy ra bưu điện và tôi thò đầu vào cửa sổ với nụ cười sáng khoái nhất. Này bà trưởng bưu điện, tôi có thư nào ở đây không? Tôi sẽ kiện anh, đồ vô lại, bà trưởng bưu điện sửa lên với nét mặt khùng khiếp nhất mà tôi từng thấy. Nhưng bà trưởng bưu điện

à, tôi nói với giọng thông cảm, chắc bà đọc phải cái gì đó khó chịu hả? Nói rồi tôi bỏ đi.”

“Như vậy chưa là cái gì cả,” ông Holan, trưởng quản lý khu vườn của ngài Holben nói với giọng phê bình. “Cái trò mẹo này quá đơn giản. Tôi muốn kể cho anh nghe tôi đã bắt và tóm cổ tên ăn trộm xương rồng như thế nào nhé. Anh biết không, ông già Holben là người mê xương rồng và bộ sưu tập của ông ấy, tôi không nói dối đâu, có thể có khoảng ba trăm nghìn cây, đấy là tôi không tính những cây đặc biệt. Ông già ấy rất mê loài thực vật này và vườn sưu tập luôn luôn mở cửa cho mọi người đến xem. Anh Holan này, ông nói, cái này là sở thích cao quý, nên phát triển nó trong lòng mọi người. Tôi thì lại nghĩ rằng khi một người mê xương rồng trẻ tuổi nhìn thấy giống xương rồng như giống Gruson vàng giá một nghìn hai trăm thì anh ta sẽ bị đau tim không cần thiết vì anh ta không thể nào có được nó. Nhưng nếu ông già muốn thì tốt thôi. Năm trước chúng tôi bắt đầu để ý thấy một số cây xương rồng bị lấy mất, không phải xương rồng thường đâu, mà toàn là những loại quý hiếm. Lần thì mất cây *Echinocactus Wislizeni*, lần thứ hai thì mất cây *Graessneri*, tiếp đó mất cây *Wittia* được nhập từ Kostarika, sau đó mất một cây đặc biệt mới mà ông Frič gửi đến, rồi sau lại mất một cây *Melocactus Leopoldie* mà chưa ai ở châu Âu được nhìn thấy suốt năm mươi năm qua và cuối cùng thì cây *Pilocereus fimbriatus* từ Santo Domingo, cây đầu tiên được đưa đến châu Âu.

“Anh nghe này, tên trộm phải là đứa có chuyên môn! Anh không tưởng tượng ra ông già điên tiết như thế nào đâu. Thưa ngài Holben, tôi nói, đơn giản là ngài hãy đóng cửa các nhà kính lại và thế là xong. Không được, ông già quát lên, cái sở thích cao quý này phải dành cho mọi người, anh phải tóm cổ cái thằng trộm chết tiệt ấy cho tôi. Anh hãy sa thải các bảo vệ và thuê người mới. Hãy nổi tiếng bị báo động với cảnh sát và đại loại thế. Khó ông ạ, nhất là khi mình có ba mươi sáu nghìn chậu, mình không thể đặt người coi từng chậu một. Thế là tôi thuê hai thanh tra khu vực, hai nhân viên cảnh sát đã về hưu, để họ tập trung coi giữ, nhưng vừa lúc ấy lại

mất thêm cây *Pilocereus fimbriatus* và để lại một cái lỗ trên cát. Thế là tôi đi lên và tôi bắt đầu đi săn tên trộm xương rồng này.

“Anh biết không, những người mộ xương rồng thực thụ họ giống như môn đồ của các giáo sĩ đạo Hồi. Tôi nghĩ rằng thay vào râu thì trên cằm họ mọc đầy gai và dây leo cho nên họ bị ngấm mùi xương rồng. Ở vùng tôi có hai môn phái: Hội những người yêu xương rồng và Liên hiệp những người yêu xương rồng, họ khác nhau ở điểm nào tôi không biết, nhưng tôi nghĩ rằng một nhóm thì tin rằng xương rồng có linh hồn bất tử còn nhóm kia thì tin là xương rồng mang đến những nạn nhân đẫm máu me. Cả hai hội thù ghét nhau và truy đuổi nhau với gươm và lửa trên mặt đất và ngay cả trong gió nữa. Vì thế tôi đã đến gặp các vị chủ tịch của hai môn phái và với tất cả sự tin cậy tôi đã hỏi họ xem họ có nghi ngờ ai đó - ngay cả người của hội kia - lấy trộm xương rồng của ngài Holben hay không. Khi tôi nói về việc những cây xương rồng đặc biệt của chúng tôi bị mất thì họ đã tuyên bố chắc chắn rằng không có bất cứ thành viên nào của họ và của cả môn phái thù địch họ lấy trộm cả, vì hầu hết những thành viên ấy chỉ là những người thiếu hiểu biết, vụng về và nông cạn, không thể biết gì về các giống *Wislizeni*, *Graessneri* hay *Pilocereus fimbriatus*. Đối với các thành viên của hội mình họ có thể đảm bảo về sự trong sạch và trung thực, họ không thể ăn trộm, tất nhiên là trừ một số loại xương rồng, nhưng nếu bất cứ ai trong bọn họ có xương rồng *Wislizeni* thì nhất định sẽ cho những người còn lại xem để tôn sùng và thần thánh hóa nó. Nhưng các vị chủ tịch đều nghĩ rằng không thể xảy ra việc này. Ngoài ra hai vị đáng kính ấy nói rằng ngoài hai hội được xã hội công nhận hay chê bai ấy, còn lại là những người hâm mộ xương rồng cực đoan và những người này thì tệ nhất. Đây là những người với sự ngưỡng mộ bùng nổ của mình, họ không ưa các môn phái ôn hòa và thậm chí họ chìm ngập trong ảo tưởng và bạo lực. Những người hâm mộ xương rồng cực đoan này có thể làm tất cả.

“Khi không đạt được kết quả gì với hai vị trên đây, tôi leo lên một cây phong rất đẹp trong công viên và suy nghĩ. Tôi nói nhé, tốt nhất là suy nghĩ trên ngọn cây. Ở đó người ta được tách ra, được đứng đưng và được nhìn vào

tất cả mọi thứ từ vị trí nhìn cao hơn. Tôi nghĩ rằng các triết gia nên sống trên cây như chim vàng anh. Và trên ngọn cây phong ấy tôi đã nghĩ ra một kế hoạch như sau.

“Đầu tiên tôi đến chỗ những người làm vườn quen biết và nói: các bạn ạ, xương rồng của các bạn có bị thối không? Ông già Holben cần những cây này để thí nghiệm. Bằng cách này tôi đã kiếm được vài trăm cây bị bệnh và đêm đến tôi đưa chúng vào vườn sưu tầm của Holben. Hai ngày tiếp theo tôi im lặng, ngày thứ ba tôi đăng lên tất cả các tờ báo tin sau đây:

“Bộ sưu tập xương rồng của Holben đang bị đe dọa!

“Chắc quý vị được biết, phần lớn bộ sưu tập xương rồng của Holben ở vườn kính đã bị một căn bệnh chưa được biết, chắc hẳn là từ Bolivia đe dọa. Căn bệnh này chỉ tấn công xương rồng, lúc ban đầu thì âm thầm, sau đó sẽ gây thối rữa, thân và cả ngọn cây. Vì rằng căn bệnh này lây rất nhanh với những bào tử chưa được biết đến nên chúng tôi đã đóng cửa vườn kính với bộ sưu tập xương rồng của Holben.

“Sau mười ngày, khoảng mười ngày ấy chúng tôi phải giấu mặt để những người hâm mộ xương rồng không hành hạ chúng tôi với những câu hỏi, tôi cho đăng lên báo tin thứ hai:

“Có thể cứu bộ sưu tập xương rồng của Holben hay không?

“Chắc quý vị được biết, giáo sư Mackenzie ở Kew đã xác định căn bệnh vừa bùng phát tại vườn sưu tầm nổi tiếng thế giới của Holben là bệnh nấm nhiệt đới đặc biệt (*Malacorrhiza paraguayensis* Wild) và khuyến cáo phun thuốc chữa trị cho những cây bị mắc bệnh bằng dung dịch Harvard-Lorsen. Các thí nghiệm loại thuốc này mà chúng tôi đang áp dụng rộng rãi trong vườn sưu tầm của Holben đạt được kết quả tốt. Dung dịch Harvard-Lorsen có thể mua tại nhà máy...

“Khi tin này được đăng lên thì một cảnh sát mật đã ngồi trong nhà máy và tôi thì ngồi lì bên máy điện thoại. Sau hai giờ người cảnh sát mật gọi cho tôi: Ông Holan ơi, chúng tôi tóm được nó rồi. Mười phút sau tôi đã tóm cổ áo gã đàn ông nhỏ thó ấy và giật đi giật lại.

“Cái ông này, gã đàn ông nhỏ thó ấy cứ lại, sao ông lại tóm cổ áo người ta thế hả? Tôi chỉ đến mua dung dịch Harvard-Lorsen mà. Tao biết, tôi nói, nhưng chẳng có căn bệnh mới nào hết, nhưng mà đã đến ăn trộm xương rồng ở vườn sưu tập Holben, đồ trộm cắp! Trời ơi! gã nhỏ thó ấy kêu lên, thế không có căn bệnh như thế à? Tôi đã không ngủ mười đêm rồi vì lo rằng những cây xương rồng còn lại của tôi sẽ bị bệnh!

“Thế là tôi tóm cổ áo gã kéo lên xe và chở gã cùng người cảnh sát mật đến căn hộ của gã. Ông nghe nhé, tôi chưa từng thấy bộ sưu tập nào như thế. Con người này chỉ có mỗi một phòng dưới mái nhà ở khu Vysočany*, vâng cái phòng ấy chỉ rộng khoảng ba nhân bốn mét, ngoài cái đệm để nằm, một cái bàn nhỏ và một cái ghế thì còn lại toàn là xương rồng, nhưng cây nào, loại nào thì khó mà nhận ra.

Một khu phố ở Praha.

“Nào, những cây nào tên này đã lấy trộm của ông, người cảnh sát mật hỏi tôi, còn tôi chỉ nhìn tên trộm lúc này run rẩy và nuốt nước mắt. Ông nghe nhé, tôi nói với người cảnh sát mật, nó chẳng đáng giá như chúng ta đã trao đổi đâu, ông cứ báo cáo với phòng cảnh sát là gã đã lấy đi khoảng năm mươi koruna, còn tôi sẽ tự xử lý việc này với gã.

“Khi người cảnh sát mật đã đi rồi, tôi nói: Này anh bạn nhỏ, giờ thì anh nộp lại tất cả những gì anh đã lấy và mang đi từ chỗ chúng tôi. Con người nhỏ thó ấy chớp chớp mắt nhìn tôi vì đuôi mắt hấn vẫn còn đẫm lệ và nói khề: Tôi xin ông, tốt hơn là hãy để cho tôi ngồi tù nhé?

“Không được, tôi quát hấn, hãy trả ngay những cái mà mà lấy trộm. Thế là hấn nhặt từng bát đựng cây đặt sang một bên, tất cả khoảng tám

mười bát. Chúng tôi không thể tưởng tượng ra là mình thiếu ngần nấy cây, có lẽ là do hăn lấy trộm và mang đi sau nhiều năm. Để cho chắc tôi quất lớn vào mặt hăn: Nào, đã hết chưa? Hăn lại rưng rưng nước mắt và nhặt thêm một cây *De Laitii* trắng muốt và một cây *Corniger* để vào cùng chỗ và nức nở: Ông ạ, tôi thề, tôi không lấy nhiều hơn.

“Để rồi xem, tôi quất to, nhưng giờ thì mày hãy khai, mày làm thế nào có thể mang những thứ này từ vườn của chúng tao đi hả?”

“Thế này này, hăn lấp bắp và trong lúc đau khổ yết hầu của hăn nhảy lên nhảy xuống. Tôi... tôi mặc áo váy của phụ nữ...”

“Người ạ, tôi lạ lùng, tại sao lại phải mặc đồ của phụ nữ?”

“Vì rằng, hăn nấc lên, chẳng ai để ý những mục già và - hăn nói thêm như kẻ thắng cuộc - cái này có lý lắm, chả ai lại nghi ngờ một mục đàn bà! Ông ạ, phụ nữ họ có nhiều sở thích, nhưng xưa nay họ không sưu tập bao giờ! Ông đã thấy người đàn bà nào có bộ sưu tập tem, bộ sưu tập bọ hay bộ sưu tập những bản in đầu tay hay những cái như vậy? Không bao giờ thừa ông! Phụ nữ họ không cần tắc và say mê. Phụ nữ họ cực tình táo, ông ạ! Cái này là cái khác nhau cơ bản giữa chúng ta và họ: chỉ có chúng ta mới sưu tầm thôi. Tôi nghĩ rằng vũ trụ là một bộ sưu tập các vì sao và Thượng đế là một người đàn ông, Ngài có nhiều bộ sưu tập các thế giới và vì vậy có rất nhiều thế giới. Trời ơi, nếu mà tôi có nhiều chỗ và nhiều phương tiện như Ngài! Ông biết không, tôi sẽ nghĩ ra các giống xương rồng mới. Và đêm đến tôi mơ về chúng, thí dụ giống xương rồng tóc vàng với hoa màu xanh khố sẫm và tôi sẽ gọi nó là *Cephalocereus nympha aurea* Racek, họ tôi là Ráček mà, ông biết chứ; hay là *Mamillaria colubrina* Racek, hay *Astrophytum caespitosum* Racek. Ông ạ, ở đây có những khả năng phi thường! Ước gì ông biết cho...”

“Khoan đã, tôi ngắt lời hăn, mày giấu xương rồng vào đâu để mang đi hả? Thừa, trong ngực, hăn nói trong xấu hổ. Gai nó đâm tuyệt vời. Anh nghe không? Tôi đã không nở lòng nào mang mấy cây xương rồng ấy đi.”

Anh biết không, tôi đã bảo hẳn, tao sẽ dẫn mày đến chỗ ngài Holben và ngài ấy sẽ xẻo cả hai tai mày.

“Các vị ạ, các vị có biết điều gì đã xảy ra khi hai người ấy gặp nhau không! Suốt đêm cả hai ở lại trong nhà kính và đi ngắm hết ba mươi sáu nghìn chậu. Anh Holan ạ, ông già nói với tôi, đây là người đầu tiên hiểu về xương rồng. Chưa hết một tháng ông già Holben mắt nhắm lệ và cầu phước lành rồi đưa cậu Ráček đi Mexico để chọn xương rồng; cả hai đều tin rằng ở đó có loài xương rồng *Cephalocereus nympha aurea* Racek. Trong năm ấy chúng tôi nhận được tin đồn kỳ lạ rằng anh chàng Ráček đã hy sinh tuyệt đẹp với cái chết của kẻ tử vì đạo. Anh ta đã tìm đến chỗ có cây xương rồng thiêng liêng Čikuli của thổ dân da đỏ. Ông biết không, theo họ cây này là em trai ruột của Thượng đế và hoặc là Ráček không cúi đầu chào hoặc là thậm chí anh ta đã lấy trộm cây. Lập tức những người thổ dân da đỏ hiền lành ấy đã trói anh ta lại, đặt anh ta lên cây xương rồng *Echinocactus visnaga* Hooker to như con voi và có gai to như lưỡi lê của súng trường Nga. Kết cục là số phận của người đồng hương của chúng ta đã hết, hồn đã lìa khỏi xác. Đây là kết cục của kẻ ăn trộm xương rồng.”

CHUYỆN CỦA MỘT TÙ NHÂN GIÀ

“Chuyện này không đáng kể đâu,” nhà văn Jandera nói. “Đuổi bắt kẻ trộm, chuyện này chúng ta biết; nhưng thật đặc biệt là khi kẻ trộm lại tìm xem người bị hấn ăn trộm là ai. Các vị biết không, đấy là câu chuyện của tôi. Tôi đã viết một truyện ngắn và cho in. Khi tôi đọc truyện đã được in, tôi linh cảm thấy có việc chẳng lành. Trời ạ, tôi tự nhủ, tôi đã đọc truyện này ở đâu đó rồi. Chết thật, mình ăn trộm nội dung này của ai nhỉ? Ba ngày liền tôi đã đi lại như con cừu khó tính, nhưng không phát hiện ra mình vay mượn cái nội dung này của ai. Cuối cùng tôi đã gặp một người bạn và nói với anh ta: Cậu ạ, mình cảm thấy nội dung cái truyện ngắn mới nhất của mình là mình lấy trộm của ai đó. Cái này mình thấy ngay khi nhìn thấy lần đầu, cậu ăn trộm của Chekhov. Vậy là tôi thấy nhẹ cả người, và khi nói chuyện với một nhà phê bình tôi nói với ông ấy: Anh ạ, anh tin không chứ đôi khi người ta sao chép mà không biết; thí dụ như truyện ngắn cuối cùng của tôi là truyện tôi ăn trộm. Mình biết, nhà phê bình nói, truyện này là của Maupassant. Thế là tôi chạy đi gặp tất cả các bạn bè tốt của tôi; anh nghe này, khi người ta một lần vướng vào con đường tội phạm thì người ta sẽ không biết khi nào sẽ dừng. Anh hãy tưởng tượng nhé, truyện ngắn duy nhất ấy tôi đã ăn trộm của Gottfried Keller Dickens, d’Annunzio, *Nghìn lẻ một đêm*, Charles Louis Philippe, Hamsun, Storm, Hardy, Andrejev, Bandinelli, Rosegger, Reymont và một loạt nhà văn khác. Từ đó ta thấy con người rơi xuống chỗ sâu và sâu hơn nữa.”

“Chuyện ấy cũng chả đáng quan tâm,” ông Bobek, tù nhân già vừa nói vừa khịt mũi. “Chuyện ấy nhắc tôi nhớ đến vụ mà người ta bắt được một tên giết người, nhưng không tìm ra vụ giết người. Các ông đừng nghĩ rằng

vụ này liên quan đến tôi, nhưng tôi đã ngồi tù nửa năm trong khám, nơi mà trước đó kẻ giết người đã ngồi. Chuyện này xảy ra ở Palermo,” ông Bebek giải thích và khiêm tốn nói thêm: “Tôi ngồi ở đó là vì cái vali mà tôi nhận được trên tàu biển đến từ Neapole. Cái vụ kẻ giết người là do ông trưởng cai ngục kể; tôi đã dạy ông ta cách chơi bài francefus*, bài marias* và bài Trời thương, còn gọi là gotysek*; ông ấy, cái ông cai ngục ấy là người tốt bụng.

Các trò chơi bài ở Trung Âu thời bấy giờ.

“Một lần trong đêm mấy cảnh sát - ở bên Italia họ bao giờ cũng đi hai người - nhìn thấy trên kênh Via Butera, kênh dẫn đến cái cảng hôi thối, có một người đang bơi chèo hết sức mình. Họ đã tóm cậu ta và dẫn đến phòng cảnh sát, quý ạ, cậu ta cầm trên tay một con dao đâm máu. Tất nhiên là họ dẫn cậu ta đến phòng cảnh sát và bây giờ, ngài ơi, ngài hãy khai, ngài đã giết ai? Cậu thanh niên đó khóc và nói: Tôi đã giết người, nhưng tôi không khai thêm gì nữa. Nếu tôi nói ra thì những người khác còn bất hạnh hơn tôi. Và họ cũng không moi được thêm cái gì từ cậu ta. Tất nhiên là cảnh sát bắt đầu điều tra để tìm ra một cái thi thể nào đó, nhưng họ không tìm được gì. Thế là họ ra lệnh khám xét những người đáng quý đã mất, những người đã được xác nhận là đã chết, nhưng như đã được biết, những người này đã chết bình thường do sốt rét hay do những nguyên nhân như vậy. Thế là họ lại tiếp tục hành hạ cậu thanh niên ấy. Cậu ta khai rằng cậu ta tên là Marco Biagio đến từ Castrogiovanni và đang học nghề thợ mộc; cậu ta khai thêm rằng đã đâm hai mươi nhát vào một người theo đạo Thiên Chúa và đã giết chết người ấy. Nhưng cậu ta không khai người ấy là ai kẻ gây bất hạnh cho những người khác. Hết. Ngoài ra cậu ta luôn luôn kêu ‘Trời phạt tôi’ và luôn đập đầu xuống đất. Người cai ngục nói rằng cậu ta hối tiếc chưa từng thấy.

“Anh biết đấy, cảnh sát thì họ không tin người ta lấy một lời; họ nói với nhau là thằng Marco có khi không giết ai và chỉ nói dối. Họ gửi con dao đến trường đại học để phân tích và câu trả lời là máu trên mũi dao là máu

người và mũi dao phải đâm thủng tim. Ông ạ, tôi không biết, họ có thể nhận biết như thế nào. Được rồi, nhưng bây giờ họ phải làm gì khi họ tóm được kẻ giết người nhưng không tìm được vụ giết người; như vậy thì không được, không thể đưa người ta ra tòa với lý do là vụ giết người không được phát hiện; ông biết đấy, như vậy tức là không có chứng cứ. Trong khi đó Marco luôn luôn cầu nguyện, khóc lóc và van xin để được đưa ra tòa, để nhận tội giết người. Đồ lợn, họ nói với cậu ta, nếu mày muốn được xử theo công lý thì ít nhất mày phải khai mày đã giết ai; chúng tao không thể treo cổ mày; đồ con lừa khốn kiếp ơi, mày hãy khai ra một vài nhân chứng. Tôi là nhân chứng duy nhất, Marco hét lên, tôi xin thề rằng tôi đã giết người! Thế đấy.

“Người cai ngục nói với tôi rằng cái cậu Marco là người đẹp đẽ và ngoan ngoãn; từ trước đến nay họ chưa bao giờ có kẻ giết người ngoan như thế. Cậu ta không biết đọc, nhưng tay luôn luôn cầm quyển Kinh Thánh, có thể là cầm ngược và khóc vào quyển kinh. Thế là họ cử một cha đạo tốt bụng đến để giúp cậu ta hồi phục về tâm linh và đồng thời khéo léo hỏi cung về vụ giết người. Người cha đạo trở về từ chỗ Marco, tay lau mắt; ông ta nói rằng nếu Marco không hư hỏng thì chắc chắn sẽ được khoan hồng; rằng trái tim của cậu ta khát khao công lý. Nhưng ngoài những câu như thế và những giọt nước mắt, người cha đạo không biết thêm được gì từ Marco. Hãy để họ treo cổ tôi, thế thôi, Marco nói, để tôi chịu án đối với tội ác của mình, công lý phải đến. Và cứ thế việc này kéo dài nửa năm, người ta không tìm ra bất cứ cái xác người nào phù hợp.

“Khi thấy vụ này không ổn, tổng trưởng cảnh sát nói: Modriano, nếu thằng Marco mong muốn được treo cổ, mình hãy tặng cho nó cái vụ giết người đã xảy ra ở Arenelle, sau khi nó bị tóm ba ngày, nơi người ta tìm ra người đàn bà bị giết ấy. Thật là nhục, ở đây mình tóm được kẻ giết người nhưng lại không tìm ra vụ giết người, không tìm được xác nạn nhân, ở chỗ kia mình có vụ giết người rành rành như thế mà lại không tìm ra tội phạm. Anh hãy gộp nó lại, nếu tên Marco thích được xử thì thế nào chả xong; và chúng ta sẽ thưởng cho nó, nếu nó nhận là đã giết mục ấy. Thế là họ đã đặt

vấn đề với Marco và hứa với cậu ta rằng cậu ta sẽ sớm được treo cổ và sẽ sớm yên thân. Marco sau một phút lưỡng lự rồi tuyên bố: Không được, khi tôi đã đánh mất linh hồn bằng tội giết người, tôi sẽ không làm cho nặng thêm với các tội khác như nói dối, lừa đảo và khai man. Cậu ta thế đấy các ông ạ, một con người công bằng. Thế này thì không xong; cảnh sát thì họ nghĩ cách làm thế nào để tống khứ tên khốn kiếp Marco đi. Các ông biết không, họ nói với người cai ngục: Anh hãy làm thế nào để nó chạy trốn; chúng ta không thể đưa nó ra tòa vì thế có mà nhục; thả nó ra không được vì nó đã nhận giết người thì không ổn; này, hãy để cái đồ chó chết ấy chạy trốn như là không ai biết. Thế là, các ông nghe này, từ hôm đó họ cử cậu Marco đi mua hạt tiêu, đi mua kim chỉ mà không có người đi kèm; phòng giam của cậu ta mở cửa cả ngày và cậu Marco suốt ngày đi nhà thờ, đi lễ thánh, nhưng tối đến cậu ta trở về rồi trách người ta không đóng cửa tù. Có lần họ cố ý đóng cửa tù sớm hơn và cậu ta đã to tiếng, đập cửa và trách móc, thế là họ phải mở cửa cho cậu ta vào phòng giam.

“Thế rồi một buổi tối người cai ngục nói với Marco: Đồ dĩ còn trinh ạ, hôm nay mày ngủ ở đây lần cuối; vì mày không muốn nhận mày đã giết ai nên chúng ta sẽ tống cổ mày đi, đồ ăn cướp ạ; mày sẽ về với quý và quý sẽ trừng phạt mày. Đêm ấy Marco đã treo cổ trên cửa sổ phòng giam. Các ông nghe nhé, người cha đạo có nói rằng khi có người nào đó tự tử vì lương tâm bị giày vò, người ấy có thể được về với Chúa vì người ấy chết trong tình trạng hối lỗi. Nhưng có thể người cha đạo không biết rõ hoàn toàn, hoặc là ở đây còn có câu hỏi mà chưa được trả lời; nói ngắn gọn là cậu Marco đã ám cái phòng giam ấy. Nó thế này: khi người ta giam ai đó vào phòng giam ấy, người bị giam bỗng thức tỉnh lương tâm và hối lỗi đối với những việc mình gây ra và hoàn toàn thay đổi. Tất nhiên là không phải ai cũng thay đổi trong một thời gian như nhau: đối với lỗi thì một đêm, với tội nhỏ thì hai hay ba ngày, đối với tội lớn thì ba tuần người tội nhân mới thay đổi. Lâu nhất là bọn trộm cắp, lừa đảo và nhất là bọn khoảng khoản tiền to; tôi nói nhé, khoản tiền to làm cho lương tâm người ta cứng lại hay làm nghẽn lương tâm. Việc này hiệu quả nhất là dịp kỷ niệm ngày Marco chết. Thế là

ở Palermo người ta đã sửa cái phòng giam ấy, các ông biết không? Người ta giam những phạm nhân vào đấy để họ sám hối các tội lỗi của mình và thay đổi. Các ông biết không, một số kẻ có mối quen biết với cảnh sát và một số tên cảnh sát hư hỏng rất cần cái này; tất nhiên không phải là ai họ cũng giam ở đấy, và đôi khi họ cố tình để cho một số kẻ không thay đổi; tôi nghĩ rằng đôi khi những tên lừa đảo lớn cũng hối lộ họ để chúng không bị đưa vào nơi chốn chính kỳ diệu ấy. Và ngay cả trong những điều kỳ diệu cũng không có bất kỳ sự trung thực nào.

“Thế là, các ông ạ, người cai tù ở Palermo nói, các đồng nghiệp lúc bấy giờ có mặt ở chỗ ấy đã làm chứng cho tôi. Ở đấy có một người thủy thủ Anh bị giam vì tội gây gỗ và đánh nhau. Cái tay Briggs ấy ra tù từ phòng giam ở Famos như một người truyền đạo và sau này tôi nghe nói rằng anh ta đã chết như một người tử vì đạo. Rất lạ là không có bất kỳ người coi ngục nào muốn thò ngay cả ngón tay vào phòng giam Marco; họ sợ rằng ân huệ ấy đến với họ và họ sẽ phải sám hối cho những hành động của họ.

“Như tôi đã nói với các ông, tôi đã dạy cho người trưởng cai ngục chơi những trò chơi sùng đạo. Ông ta khùng lên khi thua! Có một lần một quân bài xấu rơi khỏi tay ông ta, ông ta đã điên tiết lên và giam tôi vào phòng giam Marco. Này Marco, ông ta quát, tao sẽ dạy mày! Tôi nằm xuống và ngủ liền. Buổi sáng hôm sau ông ta gọi tôi dậy và nói: Sao rồi, mày đã thay đổi chưa? Tôi chả thấy gì, thưa ngài chỉ huy, tôi nói; tôi ngủ như khúc gỗ. Thế thì trở lại phòng giam, lão ta quát. Và tôi phải kể thêm cho các ông, suốt ba tuần tôi ở trong phòng giam ấy và chả thấy gì, không thấy bất kỳ sự sám hối nào đến cả. Còn lão cai ngục này đã phải lắc đầu nguây nguậy và nói: Bọn người Czech các người phải là bọn vô thần hoặc dị giáo, cho nên cái này vô tác dụng với các người! Sau đó lão chửi tôi thậm tệ.

“Các ông biết đấy, từ đấy phòng giam Marco không còn thiêng nữa: dù họ giam ở đấy bất cứ ai thì cũng chẳng ai tiến bộ hoặc tiến bộ rất ít, hoặc không hối lỗi, hoàn toàn không, tóm lại là hết công hiệu. Trời ạ, vì thế mà xảy ra vụ to tiếng; họ lôi tôi lên phòng cảnh sát với lý do là tôi đã làm hỏng

việc nợ việc kia. Tôi chỉ biết nhún vai; tôi có lỗi gì đâu, đúng không nào? Thế là họ giam tôi vào một phòng giam tăm tối, nghe nói là do tôi đã làm hỏng cái phòng giam kia.”

ÔNG HIRSCH BIẾN MẤT

“Vụ này,” ông Taussig nói, “không phải là vụ dờ, nhưng có một điểm yếu rất lớn là nó không xảy ra ở Praha. Ông biết chứ, ngay cả trong các vụ hình sự người ta cũng cần nghĩ chút ít cho quê hương của mình. Xin lỗi các ông nhé, chúng ta quan tâm đến vụ ở Palermo hay những cái quỷ quái khác làm gì? Mình chả có gì ở đấy. Nhưng nếu có tội ác to to ở Praha thì các ông ạ, nó sẽ được tâng bốc lên; tôi tự nhủ là bây giờ cả thế giới đang nói về chúng ta; các ông biết đấy, nó làm ấm lòng lên thế nào đó. Và sau đó, nếu đúng, ở cái nơi, nơi đã xảy ra vụ hình sự kha khá, các vụ thương mại có thể được tiến hành; việc ấy chứng minh cho các mối quan hệ lớn, đúng không, và tạo ra sự tin cậy. Nhưng kẻ gây tội ác phải bị bắt.

“Tôi không biết các ông còn nhớ vụ ở phố Dlouhá liên quan đến ông già Hirsch không; ông ta có cửa hàng bán da, nhưng đôi khi cũng bán thảm Ba Tư và các thứ từ Trung Đông; các ông biết chứ, ông ta nhiều năm đã buôn bán ở Istanbul, nhưng từ đấy ông ta trở về mang theo bệnh gan gì đó; vì thế ông ta gầy xơ xác như con mèo chết và da ông ta nâu như được nhuộm bằng củ nâu. Và bọn buôn thảm từ Armeni hay Smyrna hay đến thăm ông ta, vì ông ta biết cách thỏa thuận theo kiểu chợ đen với họ. Bọn họ là những tên đốn đời, bọn Armeni ấy; đến người Do Thái cũng phải dè chừng. Ông Hirsch chứa da ở tầng trệt và từ đó đi theo cầu thang xoáy tròn lên phòng giao dịch của ông ta, sau phòng ấy là căn hộ và bà Hirschová* ngồi ở đó; bà ấy rất béo cho nên không đi lại được.

Ở Czech phụ nữ chưa chồng thì theo họ của cha, khi đã có chồng thì theo họ của chồng. Họ của phụ nữ được bổ sung thêm đuôi “ová”.

“Một hôm gần trưa có người đưa hàng đi lên phòng gặp ông Hirsch để hỏi ông ấy xem họ có phải gửi hàng da trả chậm cho ông Weil nào đó đến Brno hay không, nhưng ông Hirsch không có mặt trong phòng. Chuyện có vẻ lạ, đúng không, nhưng cái anh đưa hàng nghĩ rằng ông Hirsch có thể sang phòng bên với bà Hirschová. Nhưng sau một lát thì cô giúp việc đến mời ông Hirsch đi ăn trưa. Sao thế, ăn trưa à? Nhưng ông Hirsch đang ở trong nhà. Nhưng ông không ở trong nhà đâu, cô giúp việc nói, vì bà Hirschová ngồi cả ngày ngay cạnh phòng và không nhìn thấy ông ấy từ sáng. Chúng tôi, người đưa hàng nói, chúng tôi cũng chưa nhìn thấy ông ấy, đúng không anh Václav? - ông biết không, đấy là người giúp việc. Vào mười giờ tôi mang bưu phẩm đến cho ông ấy, người đưa hàng nói, ông Hirsch hãy còn dặn tôi rằng tôi phải nhắc nhở ông Lemberg về cái vụ da bê, từ lúc đó ông không ra khỏi phòng. Trời ạ, cô giúp việc nói, nhưng ông ấy không có ở trong phòng; hay ông ấy đi vào thành phố? Ông ấy không đi qua cửa hàng, người đưa hàng nói, nếu đi qua chúng tôi phải nhìn thấy chứ, đúng không anh Václav; có lẽ ông ấy đi qua căn hộ. Không thể như thế, cô giúp việc nói, nếu thế thì bà Hirschová phải nhìn thấy ông ấy! Khoan đã, người đưa hàng nói; lúc tôi nhìn thấy ông ấy, ông ấy còn mặc áo tắm và đi dép lê; cô thử đi xem ông ấy có đi giày, áo tắm và áo khoác không - ông biết đấy, dịp ấy là tháng Mười một, mưa nhiều. Nếu ông ấy mặc áo khoác, người đưa hàng nói, thì ông ấy đi đâu đó vào thành phố; nếu không, ông ấy phải ở đâu đó trong nhà, đúng không nào?”

“Thế là cô giúp việc chạy lên trên và sau một lát cô ấy trở lại, vô cùng sửng sốt. Trời ạ, anh Hugo ơi, cô nói với người đưa hàng, ông Hirsch không đi giày và không mặc gì cả; còn bà Hirschová nói là ông ấy không đi qua căn hộ vì nếu có thì phải đi qua phòng bà ấy! Ông ấy không đi qua cửa hàng, người đưa hàng nói; ông ấy đã không có mặt ở đấy, mà chỉ gọi tôi đem thư lên phòng. Anh Václav ạ, mình đi tìm ông ấy đi! Thế là trước tiên họ chạy lên phòng giao dịch; ở đấy không có gì lộn xộn, chỉ có mấy tấm thảm đã cuộn trong góc, trên bàn là bức thư gửi ông Lemberg chưa viết xong; phía trên bàn cây đèn măng sông vẫn còn cháy. Thế thì rõ ràng rồi,

Hugo nói, rõ là ông Hirsch không đi đâu; nếu đi đâu thì ông ấy đã tắt đèn, phải không nào? Thế thì ông ấy phải ở đâu đó trong căn hộ. Thế là họ tìm khắp căn hộ, nhưng không thấy. Bà Hirschová bắt đầu khóc lóc trên ghế; có vẻ như, Hugo sau này nói, cứ như... Bà Hirschová ạ, Hugo nói - đặc biệt thật, cứ như cậu Do Thái trẻ ấy bỗng nhiên biết điều vào lúc cần - bà Hirschová ạ, bà đừng khóc; ông Hirsch không chạy đi đâu, vì việc bán da đang chạy và ngoài ra không có khoản nợ nào, đúng không; ông sếp nhà mình chỉ ở đâu đấy thôi. Nếu đến tối không tìm thấy thì mình sẽ gọi cảnh sát, nhưng sớm hơn thì không nên; bà biết đấy, bà Hirschová ạ, những việc gây chú ý không hay cho công ty.

“Thế rồi họ đợi và tìm, nhưng không tìm thấy Hirsch ở đâu cả. Khi Hugo đóng cửa hàng đúng giờ, ta đến phòng cảnh sát báo là ông Hirsch biến mất. Thế là cảnh sát cử các thám tử đến; ông biết đấy, chỗ nào cũng lục lọi, nhưng không thấy dấu vết nào; họ tìm cả máu trên sàn nhưng không thấy; thế là họ niêm phong phòng giao dịch. Sau đó họ hỏi cung bà Hirschová và các nhân sự còn lại. Nhưng không ai biết gì đặc biệt cả; chỉ có Hugo nhớ ra là sau mười giờ có ông Lebeda, một người bán hàng rong đến gặp ông Hirsch và trao đổi với ông ấy khoảng mười phút. Thế là họ tìm ông Lebeda thấy ông ta ở quán cà phê Bristol, nơi người ta chơi ramsla*. Lập tức ông Lebeda giấu ngay bài chơi nhưng người thám tử nói: Ông Lebeda ạ, hôm nay tôi không quan tâm ramsla mà quan tâm ông Hirsch; ông ấy biến mất và ông là người cuối cùng nhìn thấy ông ấy. Đúng rồi, nhưng ông Lebeda cũng không biết gì; ông ấy đến gặp ông Hirsch trao đổi về mấy cái dây curoa và không thấy có gì khác biệt, chỉ có điều ông Hirsch có vẻ gầy yếu hơn mọi khi. Nhưng ông Lebeda ạ, các ông thường gặp nhau, họ nói với ông Lebeda. Nhưng ông ạ, người cảnh sát trưởng nói, nếu ông Hirsch có gầy hơn nữa thì cũng không thể bốc hơi; ít ra còn sót lại cái xương nào đó hay cái răng chứ, đúng không. Và không ai có thể nhét ông ta vào cặp để mang đi.

Một trò chơi bài ở Czech thời bấy giờ.

“Nhưng khoan đã, đúng lúc này vụ việc rẽ sang một hướng mới. Ông biết không, ở ga tàu hỏa có những cái tủ đựng quần áo, nơi các hành khách thường để đồ và vali.

Khoảng hai ngày sau khi ông Hirsch mất tích, bà giữ quần áo nói với một người giúp việc rằng chỗ bà ấy có một cái vali mà bà ấy thấy không ổn. Bà ấy nói: Tôi không biết tại sao, nhưng tôi thấy sợ cái vali ấy. Thế là anh giúp việc đến chỗ cái vali, ngửi nó và nói: Mẹ à, mẹ biết không, mẹ hãy báo cảnh sát. Rồi họ mang chó cảnh sát đến, khi ngửi cái vali thì nó sủa và xù hết lông lên. Chuyện này rất lạ nên họ bẻ khóa và thấy bên trong là xác ông Hirsch mặc áo tắm đi dép lê. Vì ông ta bị bệnh gan nên đã bốc mùi. Trên cổ ông ta còn lẫn sợi dây; ông ta đã bị siết cổ. Nhưng lạ nhất là làm thế nào mà với áo tắm và dép lê, ông ta đi từ phòng giao dịch ra tận ga và chui vào vali ở đây.

“Vì vậy vụ này được giao cho cảnh sát trưởng Mejzlík. Ông này ngửi cái xác chết và thấy ngay trên má và tay có những vết màu xanh lục, xanh lam và đỏ, cái này càng lạ vì da ông Hirsch màu nâu. Cái kiểu phân hủy này lạ quá, ông Mejzlík tự nhủ và thử lấy khăn mùi soa lau vào một vết và cái vết đó liền thôi màu ra. Ông nghe nhé, ông ta nói với những người khác, cái này giống như là từ một loại thuốc nhuộm anilin. Tôi phải đến xem cái phòng giao dịch. Trước hết, trong phòng ấy, ông ta tìm xem có loại thuốc nhuộm nào không, nhưng không thấy gì, rồi bỗng nhiên ông ta nhìn thấy những tấm thảm Ba Tư được cuộn lại. Ông ta dỡ một cái màu xanh lam ra, quệt bằng khăn mùi soa tắm nước bọt và trên khăn hiện lên một vết màu xanh lam. Máy cái thảm này là hàng rởm, ông cảnh sát trưởng nói, và tìm thêm. Trên bàn của ông Hirsch trong cái gạt tàn ông tìm thấy hai ba cái tàn thuốc lá Thổ Nhĩ Kỳ. Nhớ nhé, ông ta nói với một thám tử, hệ mua bán thảm Ba Tư là người ta hút hết điếu này đến điếu khác, đấy là thói quen của dân Trung Đông. Vậy là ông ta liền gọi anh Hugo đến. Anh Hugo này, ông ta nói, sau ông Lebeda có người đến đây, đúng không?

“Có, anh Hugo nói, nhưng ông Hirsch không bao giờ muốn chúng tôi nói về việc này. Các anh quan tâm hàng da đi, ông ấy nói với chúng tôi, nhưng không có phạm sự gì với hàng thảm nhé, đấy là việc của tôi.

“Tất nhiên, ông Mejzlík nói, vì đây là thảm nhập lậu; các vị xem này, không tấm nào có kẹp chì của hải quan. Nếu ông Hirsch không làm chủ tình hình, ông ta sẽ gặp lời thô to ở phố Hynberská* và sẽ nộp phạt xanh cả mặt. Nhanh lên nào, ai đã đến đây? Vâng, Hugo nói, khoảng mười giờ rưỡi có một người Armeni hay Do Thái đến bằng ô tô, cửa xe mở, người ấy to béo và da vàng bệch, tìm ông Hirsch và hỏi bằng tiếng Thổ hay gì ấy. Tôi chỉ cho ông ta lối lên phòng giao dịch. Đi theo người này là một người cao, người giúp việc, gầy như que củi và đen như con mèo đen, vác trên vai năm cái thảm to cuộn tròn; tôi và Václav thấy lạ là hẳn ta vác được ngần nấy. Hai người này vào phòng giao dịch khoảng mười lăm phút; chúng tôi không quan tâm họ, nhưng luôn nghe thấy cái tay chủ nói chuyện với ông Hirsch. Sau đó tay giúp việc đi xuống dưới và chỉ vác theo bốn tấm thảm cuộn tròn. À, tôi tự nhủ, ông Hirsch chỉ mua một tấm. Ừ và tay người Armeni ra đến cửa phòng giao dịch còn quay lại và nói vào trong phòng cái gì ấy với ông Hirsch, nhưng hẳn nói gì thì tôi không hiểu. Vâng, tên người cao ném mấy cái thảm vào xe rồi họ đi. Tôi không nói gì vì không thấy có gì đặc biệt, đúng vậy mà, Hugo nói. Bọn buôn lậu ở bên mình thường... tất cả đều là phường trộm cắp như nhau. Anh Hugo, ông Mejzlík nói, anh biết có gì đặc biệt chứ: cái thằng cao ấy đã vác xác ông Hirsch trong một tấm thảm cuộn tròn, hiểu không? Trời ạ, này người ơi là người, anh có thể thấy thằng ấy đi xuống nặng nhọc hơn lúc đi lên trên chứ!

Nơi có trụ sở của hải quan Czech.

“Đúng vậy, Hugo nói và mặt tái đi, đúng là nó gù cả người xuống! Nhưng ông cảnh sát trưởng ạ, điều này không thể đâu; cái tay Armeni to béo đi sau tên này còn nói chuyện với ông Hirsch ở cửa phòng giao dịch cơ mà! Ừ, dr. Mejzlík nói, hẳn nói vào cái phòng không người. Và trước đó tên người cao đã siết cổ ông Hirsch và tên chủ thì nói luôn miêng, đúng

chưa. Anh Hugo ạ, tên Do Thái từ Armeni ấy thông minh hơn anh. Sau đó chúng mang xác ông Hirsch trong tấm thảm cuộn tròn về khách sạn; nhưng do trời mưa nên cái thảm nhuộm bằng thuốc anilin mới thôi màu vào ông Hirsch. Rõ ràng là bán hàng cho trả chậm, đúng không. Và tại khách sạn chúng cho xác ông Hirsch vào vali và chuyển vali ra ga tàu; thế đấy anh Hugo ạ!

“Trong khi ông Mejzlík làm việc này thì nhóm cảnh sát mật đã tìm ra dấu vết của tên Armeni. Trong cái vali vẫn còn dán nhãn của một khách sạn ở Berlin - qua đó người ta thấy hẵn trả tiền boia hậu hĩ. Ông biết không những người giúp việc khuân vali tại khách sạn, bằng cách dán nhãn mác khách sạn lên vali, đã gửi thông điệp đi khắp thế giới về người khách hàng boia tiền hậu hĩ ấy. Và vì tên Armeni boia nhiều tiền nên người giúp việc cũng nhớ kỹ hẵn ta: tên hẵn là Mazanian và hẵn ta đi qua Praha đến Viên. Người ta đã bắt được hẵn ở tận Bucharest; ở đó hẵn bị đưa vào khám tạm giam và hẵn đã treo cổ tự tử. Tại sao hẵn giết ông Hirsch thì không ai biết; khả năng nhất là hai người đã có bất đồng trong thương mại từ thời ông Hirsch còn ở Istanbul.

“Nhưng qua vụ này ta thấy,” ông Taussig dăm chiêu nói, “cái chính trong thương mại là sự tin cậy. Nếu tên Armeni buôn thảm chất lượng tốt, không nhuộm bằng màu anilin rẻ tiền thì người ta đã không thể biết hẵn đã khử ông Hirsch như thế nào. Nhưng hẵn bán hàng nhái nên tất yếu có lúc phải trả giá.”

CHINTAMANI* VÀ NHỮNG CON CHIM

“E hèm...” ông doctor Vitásek nói, “ông biết không, tôi có chút hiểu biết về tấm Ba Tư, nhưng việc này tôi sẽ chứng minh cho ông biết, ông Taussig ạ. Bây giờ không còn như trước đây. Bây giờ bọn móc túi từ Trung Đông không làm tấm như ngày trước, thời người ta nhuộm len bằng màu làm từ bọt, từ lá cây indigo, từ thảo dược, từ nước tiểu lạc đà, từ hạt sùi* và từ các loại chất hữu cơ được tinh luyện; ngay cả len cũng không còn như trước và nếu tôi phải kể lại về mẫu thêu, tôi sẽ phải phát khóc. Nó là môn nghệ thuật đã mất đi, những tấm thảm Ba Tư ấy. Cho nên những tấm thảm cũ, được làm trước năm 1870 thì còn có giá trị gì đó; nhưng ông chỉ mua được những tấm thảm ấy khi các gia đình có truyền thống từ trước kia, vì lý do gia đình - cách các gia đình cao cấp nói khi họ mang nợ, phải bán những đồ cổ mà ông nội họ để lại.

Chintamani (cũng viết là Cintamani, hoặc Chintamani Stone) là viên ngọc như ý trong cả Ấn Độ giáo và Phật giáo truyền thống.

Hạt này do một loại bọt có cánh đẻ trứng lên lá cây mà tạo thành để bảo vệ trứng.

“Ông nghe nhé, lần ấy tôi nhìn thấy ở lâu đài Rožmberk* tấm thảm Transylvania xịn - đó là những tấm thảm nhỏ, thảm modlak mà người Thổ sản xuất vào thế kỷ mười bảy tại Transylvania*, thế mà bây giờ những người du lịch đi giày đế ốp sắt giẫm lên, chẳng ai biết nó có giá trị như thế nào, ừ, người ta có thể khóc được. Và một trong những tấm thảm đặc biệt quý hiếm trên thế giới hiện đang có ở nước mình đây, ở Praha, thế mà không ai biết về nó. Nó là thế này: tôi quen biết với hầu hết các thương gia

bán thảm ở nước mình và đôi khi tôi đến thăm họ để xem họ có gì hay hay trong kho không. Ông biết không, các đại lý ở Anatolie* và Ba Tư nhận được một tấm thảm cũ, bị lấy trộm từ nhà thờ đạo Hồi hay đâu đó và gói vào những hàng hóa khác rồi sau đó bán cả gói theo trọng lượng. Tôi nghĩ rằng họ có thể cuộn vào đó cả thảm ladik và thảm bergramo! Vì vậy đôi khi tôi đến thăm người buôn thảm này hay người buôn thảm nọ, tôi ngồi trên đồng thảm, hút thuốc và xem họ có bán lẻ các loại thảm buchar, saruk hay tabriz không và đôi khi tôi hỏi: các vị có cái gì ở bên dưới, cái thảm vàng vàng ấy? Và này, đó là tấm thảm hamadan. Vì thế thỉnh thoảng tôi đến nhà bà Severýnová - bà ấy có cửa hàng nhỏ trên phố ở khu phố cổ Praha và đôi khi ở đây người ta mua được những tấm thảm karaman và kelim rất đẹp. Bà ấy béo tròn và vui tính, hay nói và có nuôi một con chó bông cái, con này béo đến nỗi người ta phải ái ngại. Những con chó béo này khó tính và sủa như bị hen hay bị dị ứng nên tôi rất ghét chúng. Ông nghe này, đã ai trong các ông nhìn thấy chó bông con chưa? Tôi thì chưa, tôi nghĩ rằng tất cả các con chó bông cũng giống như các vị thanh tra, kiểm vé và phòng thuế, tức là đều già; cái này thuộc về nòi. Vì tôi muốn có quan hệ tốt với bà Severýnová, tôi thường ngồi xuống góc thảm nơi con chó bông Amina đang ngủ say trên tấm thảm vuông được gấp lại, tôi gãi lưng nó và con Amina rất thích thế.

Lâu đài ở miền Nam Czech.

Miền đất ở Rumania, trước đây thuộc về Thổ Nhĩ Kỳ.

Khu Vực ở miền Đông Thổ Nhĩ Kỳ.

“Bà Severýnová ạ, có lần tôi nói, bán thảm khó nhì; cái tấm thảm mà tôi đang ngồi lên cũng nằm đây hơn ba năm rồi.

“Tấm thảm này nằm ở đây lâu hơn, bà Severýnová nói, cái tấm trong góc ấy đã được gấp lại hơn mười năm rồi đấy; nhưng đấy không phải thảm của tôi đâu.

“À vậy, tôi nói, nó là thảm của con Amina.

“Không đâu, bà Severýnová cười, nó là thảm của một quý bà, bà ấy nói là ở nhà không có chỗ để, vì thế bà ấy gấp lại và để nhờ ở đây. Nó làm tôi vương vীu, nhưng ít ra là chỗ ngủ tốt cho con Amina, phải không Amina?”

“Thế là tôi kéo góc thảm, mặc dù con Amina tức giận nhảy lên sủa. Nó là cái thảm cũ, tôi nói, tôi được phép xem không?”

“Sao lại không, bà Severýnová nói và bế Amina con lên. Nào Amina, lại đây, ông ấy muốn xem; lát nữa rồi Amina lại nằm mà. Im nào, Amina ơi, cấm sủa! Cút đi nào, đồ ngốc!”

“Tôi bèn mở tấm thảm ra và tìm tôi đập thành thành. Nó là tấm thảm anatolak từ thế kỷ mười bảy, một số chỗ đã bị mòn do đi lại, nhưng để các ông biết, nó là thảm chim với những mẫu thêu là Chintamani và những con chim. Những mẫu thêu này là loại mẫu thần thánh và rất hiếm. Tôi nói với ông nhé, nó là loại cực quý hiếm; và tấm thảm ở đây có cỡ ít nhất năm nhân sáu mét, tuyệt đẹp màu trắng, màu xanh ngọc lam và màu hồng anh đào. Tôi đứng bên cửa sổ để bà Severýnová không nhìn thấy nét mặt của mình, và nói: Cái giẻ này cũ quá bà Severýnová ạ, để ở đây đã quá lâu. Này, bà nói với bà ấy là tôi sẽ mua, nếu bà ấy ở nhà không có chỗ để nó.

“Khó đấy, bà Severýnová nói. Tấm thảm này không để bán, mà bà ấy luôn luôn ở Merano và Nizza; tôi không biết bao giờ bà ấy về nhà. Nhưng tôi sẽ thử hỏi bà ấy.

“Bà làm ơn nhé, tôi nói với giọng thân thiện nhất rồi tôi đi. Để các ông biết, đối với người sưu tầm thì danh dự nhất là mua được những của hiếm với giá vài xu. Tôi biết một ông rất to và giàu có, ông ấy sưu tầm sách; ông ấy sẵn sàng mua một quyển cũ với giá vài nghìn, nhưng khi ông ấy mua được quyển thơ của Josef Krasoslav Chmelenský xuất bản lần đầu với giá hai koruna thì ông ấy nhảy lên vui sướng. Cái này là một môn thể thao, giống như đi săn sơn dương. Vì thế tôi ghi nhớ rằng tôi phải mua bằng được tấm thảm ấy với giá rẻ và sẽ tặng cho viện bảo tàng vì không có chỗ nào phù hợp với nó hơn. Có thể nó phải được bổ sung một cái bảng để

hàng chữ: Quà tặng của doctor Vitásek. Xin lỗi ông chứ con người ta có sĩ diện, đúng không nào? Tôi phải thú nhận là đầu tôi bốc cháy lên vì việc này. Và rất vất vả để tôi vượt qua chính mình để khỏi cứ hai ngày một lần đến ngó tẩm thăm với mẫu thêu Chintamani và những con chim; tôi không thể nghĩ đến cái gì khác. Mình phải chịu đựng, tôi tự nhủ hằng ngày; tôi đã tự đặt cho mình một chướng ngại vật. Người ta đôi khi thích hành hạ mình. Thế nhưng sau mười bốn ngày tôi nhớ ra là có thể có ai đó phát hiện ra tẩm thăm ấy, tôi vội đến chỗ bà Severýnová. Thế nào rồi? tôi hỏi ngay khi đến trước cửa.

“Gì cơ? bà ta ngạc nhiên hỏi lại tôi làm tôi phải ngớ ra. À, tôi nói, tôi bỗng dưng đi qua đây và bỗng nhớ ra cái tẩm thăm trắng ấy; bà ấy có bán không?”

“Bà Severýnová lắc đầu. Không đâu, bà ta nói, bà ấy bây giờ đang ở Biarritzi và chẳng ai biết khi nào bà ấy về. Thế là tôi lại ngó xem cái tẩm thăm còn ở đấy không; tất nhiên là con Amina béo hơn trước và lặc lè hơn mọi khi và đang chờ tôi gãi lưng cho nó.

“Sau đó ít hôm tôi phải đi London và khi đến đó tôi đến thăm ông Keith - ông biết chứ, Ngài Douglas Keith là người hiểu biết bậc nhất về tẩm Trung Đông. Thưa ông, tôi nói với ông ấy, tôi xin hỏi, một tẩm thăm anatol trắng với mẫu Chintamani và những con chim, cỡ năm nhân sáu mét. Ngài Douglas Keith nhìn tôi qua cặp kính trắng và cúi kính gắt lên: Không có giá đâu!

“Tại sao vậy, tại sao không có giá, tôi thốt lên. Tại sao lại không thể có giá? Vì rằng tẩm loại này cỡ đó không tồn tại, Ngài Douglas Keith nhìn tôi và bực tức quát lên. Anh ạ, anh phải biết rằng tẩm thăm lớn nhất với mẫu thêu Chintamani và những con chim chỉ có cỡ ba nhân năm mét!

“Tôi đỏ mặt lên vì vui mừng. Thưa ngài, cứ coi như có thể tồn tại một tẩm có cỡ như vậy thì giá của nó thế nào? Thì tôi đã trả lời anh rồi, không có giá, ngài Keith quát lên. Anh ạ, tẩm thăm như vậy có thể là tẩm duy nhất thì làm sao anh có thể định giá cho cái duy nhất chứ? Nếu cái gì đó là duy

nhất thì giá có thể là một nghìn cũng như mười nghìn, tôi làm sao biết được? Tóm lại là tắm tắm như vậy không tồn tại, anh ạ. Chúc anh một ngày đẹp!

“Các ông hãy tưởng tượng ra tôi trở về như thế nào? Lạy Đức Mẹ Maria, con phải lấy được tắm tắm với mẫu ba viên ngọc Phật và những con chim! Nó sẽ có giá trị cho viện bảo tàng! Nhưng bây giờ các ông ạ, các ông hãy tưởng tượng là tôi không được phép thúc giục, vì cái này không là hàng sưu tầm. Và bà Severýnová không vì tắm giẻ cũ không phải của bà ấy mà phải mất công đi từ Merano đến Ostende và từ Baden đến Vichy. Cái mục đàn bà ấy phải có quyền đại từ điển y tế trong nhà vì mục có ngàn nẩy bệnh; tóm lại là luôn luôn ở một nơi để chữa bệnh bằng cách tắm nước suối khoáng. Vì thế cứ hai tuần một lần tôi đến chỗ bà Severýnová để ngó xem trong góc nhà còn tắm tắm với những con chim của mình không và gãi lưng con chó Amina tằm lợm đến mức nó sung sướng phát rên lên. Và để khỏi gây chú ý mỗi lần đến đây tôi mua một tắm tắm; ông nghe nhé, tôi đã mang về nhà ngàn nẩy tắm shiraz, shirvan, mosul, kabristan và cả đồng tắm mét, nhưng trong đó cũng có một tắm derben cổ điển, ông ạ, và một tắm khorasan cũ màu xanh. Nhưng cái mà tôi trải qua hai năm ấy thì chỉ có người sưu tầm mới hiểu được. Không đời nào, nỗi đau của tình yêu không thể so được với những nỗi đau của nhà sưu tầm; nhưng có điều đặc biệt là không có nhà sưu tầm nào tự tử và ngược lại, thông thường họ thọ cao; rõ ràng cái này là niềm si mê khỏe mạnh.

“Có một hôm bà Severýnová nói với tôi: bà Zanelli, chủ cái tắm tắm ấy đã đến đây; tôi nói với bà ấy là tôi có người hỏi mua tắm tắm trắng trái nèn và tắm tắm của bà ấy năm đây đã lâu, nhưng bà ấy nói đây là tắm của gia đình, bà ấy không có nhu cầu bán nó và bảo tôi cứ giữ lấy.

“Thế là tôi, tất nhiên rồi, tự đến gặp bà Zanelli. Tôi vẫn nghĩ bà ta là một quý bà đẹp để biết chừng nào, nhưng bà ta là một mục xấu xí có cái mũi màu tía, đầu đội tóc giả, miệng mấp máy kỳ lạ và miệng bà ta luôn luôn mở lệch sang má trái gần đến tận mang tai.

“Thưa quý bà, tôi nói, đồng thời luôn luôn nhìn miệng bà ta đang nhảy nhót trên má, tôi muốn mua tấm thảm trắng của bà; tấm ấy tuy cũ, nhưng tôi có thể dùng cho... phòng tiền sảnh bà ạ. Và khi đợi bà ta trả lời, tôi cảm thấy miệng mình cũng bắt đầu mấp máy và nhảy sang bên trái; tôi không biết cái bệnh mấp máy miệng của bà ta là căn bệnh truyền nhiễm hay là do bực mình, nhưng tôi không cưỡng chế được nó. Ai cho phép anh? mụ đàn bà khủng khiếp ấy quát tôi với giọng the thé. Cút ngay! Ngay bây giờ! bà ta rít lên. Cái này là tấm thảm của gia đình mà ông tôi để lại! Nếu anh không đi ngay tôi sẽ gọi cảnh sát! Tôi không bán thảm, tôi là người của dòng tộc von Zanelli, anh biết chưa? Mary! Đuổi người này đi mau!

“Các ông nghe nhé, tôi chạy khỏi cầu thang như một cậu bé; tôi có thể khóc vì vừa bực vừa tiếc, nhưng tôi phải làm gì? Cả năm tôi đến chỗ bà Severýnová; con Amina đã học được cách kêu ỉn ỉn, nó cực béo và lông đã rụng gần hết. Sau một năm bà Zanelli trở về; lần này tôi đầu hàng trước và đã làm một việc mà với tư cách của một nhà sưu tầm tôi có thể xấu hổ đến chết: tôi đã cử một người bạn, anh ta là trạng sư Bimbal, một người dịu dàng và để râu, cái này giúp anh ta lấy được niềm tin vô tận từ phụ nữ, để anh ta hỏi mua tấm thảm chim từ quý bà đáng kính ấy với giá phải chăng nào cũng được. Sau ba giờ Bimbal lảo đảo đi ra từ ngôi nhà ấy rồi lau mồ hôi. Đồ quý sứ, anh ta hỗn hển nói, tao sẽ giết mày! Tại sao tao phải đến đây vì mày để tao phải nghe về lịch sử gia đình Zanelli ba giờ liền? Để mày biết, anh ta quát lên đây căm hận, mày không mua được cái thảm ấy đâu; mười bảy vị trong gia tộc Zanelli đang nằm trong nghĩa địa Olšany sẽ đội mồ đứng dậy, nếu tấm thảm kỷ niệm của gia đình bị đưa vào viện bảo tàng! Trời ạ, mày hại tao! Và anh ta bỏ đi mặc kệ tôi đứng đấy.

“Ông biết chứ: khi người đàn ông đã nhen nhúm cái gì đó trong đầu thì anh ta sẽ không quên. Và nếu anh ta là nhà sưu tầm thì anh ta có thể đi giết người; cái môn sưu tầm là một môn anh hùng. Thế là tôi đã quyết định là tôi sẽ ăn trộm tấm thảm có Chintamani và những con chim. Trước hết tôi xem khu vực lân cận; cửa hàng của bà Severýnová ở trong sân, những cổng ra vào bị khóa vào chín giờ tối và tôi không muốn mở cổng bằng chìa khóa

giả vì tôi cũng không biết cách ấy. Từ cổng có thể đi xuống tầng ngầm, nơi người ta có thể ẩn nấp trước khi khóa cửa nhà. Trong sân còn có một cái kho nhỏ làm bằng gỗ, nếu trèo lên mái cái kho ấy thì có thể trèo sang được sân bên cạnh, sân ấy thuộc về quán bia và từ quán bia bao giờ cũng có thể ra ngoài được. Như vậy là rất đơn giản, quan trọng là làm thế nào để mở cửa sổ cửa hàng. Về việc này tôi đã mua một viên kim cương của thợ thủy tinh và học cách cắt ô kính trên cửa sổ nhà mình.

“Các ông nghe nhé, xin đừng nghĩ ăn trộm là việc đơn giản; cái này khó hơn là mổ sa ruột hay cắt thận người ta. Khó nhất là không để ai nhìn thấy anh. Thứ nhì là bao nhiêu chờ đợi và các khó chịu khác. Cái thứ ba là mình không rõ cái gì sẽ chờ đợi mình. Tôi phải nói với ông: đây là nghề khó và tiền thưởng ít. Nếu tôi bắt được kẻ trộm trong nhà mình tôi sẽ cầm tay hãn và nhắc nhở nhẹ nhàng: Người ạ, sao mà anh làm khổ mình đến thế; anh xem có nên ăn trộm của những người khác bằng phương pháp nhàn hạ hơn không?

“Tất nhiên là tôi không biết những người khác ăn trộm như thế nào, nhưng kinh nghiệm của tôi cũng không tốt cho lắm. Buổi tối căng thẳng ấy tôi chui vào ngôi nhà nọ và nấp trong cầu thang dẫn xuống tầng hầm. Nói như vậy là nói theo kiểu báo cáo của cảnh sát; trong thực tế tôi đã lờn vờn trước cổng nên đã làm cho mình trở nên đáng chú ý trước mọi người. Cuối cùng thì tôi đã quyết định một cách tuyệt vọng, cũng giống như người ta quyết định đi nhổ răng, tôi đi vào hành lang, tất nhiên rồi, tôi đã va phải một cô giúp việc đang đi đến quán bia bên cạnh để mua bia. Để cô ta khỏi làm âm lên, tôi quát nạt cô ta là đồ nhóc con và cô ta liền bỏ chạy. Trong lúc tôi nấp trên cầu thang xuống tầng hầm thì các sọt đựng trăm thứ bà giã ở đó do tôi lạc vào đấy đã đổ xuống và phát ra tiếng kêu to. Sau đó khi cô giúp việc mang bia trở về thì cô ta bực tức báo với người coi nhà là có người ngoài chui vào nhà, nhưng người coi nhà tuyệt vời ấy không để cô ta làm mất tập trung và tuyên bố rằng đây là một kẻ say đã nhầm đường đến quán bia. Sau mười lăm phút anh ta đã ngáp rồi ngật ngưỡng ra khóa cổng. Chỉ có ở tầng trên là cô giúp việc nắc rất to - lạ thật, những cô giúp việc

thường hay nấc rất mạnh, chắc là do nhớ nhà. Tôi bắt đầu thấy lạnh, thêm vào đó ở dưới này hơi thổi và tanh tươi, cái gì tôi động phải cũng nhóp nhóp. Trời ạ, ở đây phải có rất nhiều dấu vân tay của doctor Vitasek, chuyên gia tuyệt vời về chữa bệnh đường tiết niệu của chúng ta! Khi tôi nghĩ là đã nửa đêm thì mới mười giờ tối. Tôi định bắt đầu vào nhà vào lúc nửa đêm, nhưng đến mười một giờ tôi đã không chịu đựng được nữa và đi ăn trộm. Ông không tin được là khi người ta đi trong bóng tối thì sẽ gây ra tiếng động như thế nào đâu, nhưng ngôi nhà vẫn im lìm trong giấc ngủ yên lành. Cuối cùng thì tôi đến bên cửa sổ và bắt đầu cắt thủy tinh ken két. Bên trong chó bắt đầu sủa om lên. Trời ạ, trong ấy là con Amina! Amina này, tôi gọi nhỏ, đồ quý, im nào, ta sẽ gãi lưng cho mày. Nhưng rất khó, các ông biết không, rất khó đặt viên kim cương vào đúng cái rãnh mà mình vừa mài. Cuối cùng thì tôi ấn mạnh và cả tấm thủy tinh đã vỡ và kêu vang. Giờ thì mọi người sẽ chạy xuống, tôi tự nhủ xem mình sẽ nấp ở chỗ nào; nhưng không có gì xảy ra. Sau đó với sự bình tĩnh hèn hạ tôi đã bẻ được mấy miếng thủy tinh nữa rồi mở cửa sổ ra. Bên trong con Amina sủa nhỏ nhỏ để chứng tỏ là nó đang làm nhiệm vụ. Tôi chui vào qua cửa sổ và việc đầu tiên là lao đến con Amina. Amina này, tôi nói khẽ, lưng mày chỗ nào? Xem này, tao là bạn của mày nhé, đồ quý ạ, mày thích chứ? Amina sung sướng lăn ra uốn tròn. Bằng giọng bạn bè tôi nói với nó: Nào, giờ thì buông ra, béo ơi! Và tôi muốn kéo tấm thảm chim dưới thân nó. Lúc này con Amina có lẽ muốn nói đây là tài sản của nó và bắt đầu gào lên; đây không phải là tiếng sủa mà là tiếng gào. Trời ạ, Amina, tôi nói với nó, im nào, đồ quý! Đợi đây, tao sẽ làm cho mày chỗ nằm tốt hơn. Rộp một cái tôi kéo rơi tấm thảm kirman từ trên tường, cái tấm này bóng phát tởm mà bà Severýnová cho là tấm thảm hiếm quý nhất của cửa hàng. Amina xem này, mày sẽ ngủ ngon trên tấm này nhé! Amina nhìn tôi vẻ quan tâm, nhưng hễ tôi đưa tay kéo cái thảm của nó thì nó lại gào lên. Tôi nghĩ rằng người ta phải nghe thấy tiếng gào của nó ở tận Kbylisy*. Thế là tôi lại phải gãi lưng nó để nó sung sướng và ôm lấy nó trên tay, nhưng hễ tôi sờ vào tấm thảm độc nhất có Chintamani và những con chim thì nó gừ lên như bị hen và như chửi bới. Trời ạ, đồ quý, tôi nói với nó đầy tuyệt vọng, tao sẽ phải giết mày!

Tên một khu phố ở Praha, xa trung tâm.

“Ông nghe nhé, tôi không thể hiểu nữa, tôi đứng nhìn cái con chó tởm lợm béo mỡ và hèn hạ ấy với lòng căm thù điên dại tôi chưa từng trải qua, nhưng tôi không thể giết nó. Tôi có mang con dao rất tốt và đeo nó trên dây quần; tôi có thể cắt tiết hay siết cổ nó, nhưng tôi có trái tim. Tôi ngồi xuống cạnh nó trên tấm thảm thánh thần và gãi tai cho nó. Đồ hèn, tôi tự nhủ thầm, chỉ cần một hai động tác là xong; anh đã mổ cho bao nhiêu người và nhìn họ chết trong đau đớn và kinh hoàng; vậy thì tại sao anh không thể giết nổi một con chó tởm? Tôi nghiêng rặng để thêm dũng cảm, nhưng không thể. Tôi bắt đầu khóc, tôi đoán là vì thấy mình nhục nhã. Lúc này con Amina thút thít kêu và liếm má tôi.

“Đồ khốn kiếp, đồ lợn, đồ xác chết vô dụng, tôi gặm từ quát nó và gãi vào chỗ lưng rụng hết lông của nó; sau đó tôi chui qua cửa sổ để ra sân; đây là một trận thua và rút lui. Sau đó tôi muốn nhảy lên mái kho gỗ và nhảy lên mái để sang sân bên kia rồi qua quán bia để ra ngoài, nhưng tôi đã hết sức hoặc cái mái nhà cao hơn tôi dự đoán trước đây, tóm lại là tôi không leo lên được. Thế là tôi chui xuống tầng hầm và đứng ở đó đến sáng. Tôi gần chết vì mệt. Tôi thật ngốc, tôi đã có thể ngủ trên tấm thảm, nhưng tôi không nghĩ ra. Buổi sáng tôi nghe thấy người coi nhà mở cổng. Tôi đợi một lát rồi ra ngoài. Người coi nhà đứng bên cổng và khi nhìn thấy người lạ đi ra từ hành lang anh ta thấy lạ, nhưng không to tiếng.

“Mấy hôm sau tôi qua thăm bà Severýnová. Trên cửa sổ cửa hàng đã có thêm lưới sắt và trên tấm thảm thánh thần có mẫu thêu Chintamani, tất nhiên là thế, con chó tởm lợm và đáng ghét đang nằm. Khi thấy tôi nó nhảy lên vui sướng và ngoáy tí cái khúc lòng dôi mà ở những con chó khác người ta gọi là đuôi. Ông ạ, bà Severýnová vui từng bừng nói, đây là con Amina vàng của tôi, kho báu của tôi, con chó yêu quý, ông biết không, kẻ trộm đã lọt vào đây qua cửa sổ và Amina của chúng tôi đã đuổi được nó đi! Ông ạ, tôi chẳng đổi nó lấy bất cứ thứ gì trên đời này, bà ấy tự hào tuyên

bố. Nhưng nó rất mến ông, ông ạ; con này nó biết ai là người trung thực, đúng không Amina?

“Tất cả là thế. Tấm thảm độc nhất có mẫu chim ấy vẫn nằm ở đây cho đến nay, nó là, theo tôi, một trong những thảm thêu hiếm có nhất trên thế giới. Và cho đến hôm nay con chó Amina xấu xí, bẩn thỉu và hôi hám vẫn phì phò trên tấm thảm ấy. Tôi nghĩ rằng sẽ có ngày nó chết ngạt vì mỡ và có thể tôi sẽ lại thử một lần nữa, nhưng tôi phải học cách cửa lưới sắt đã.”

TÊN TRỘM KẾT VÀ TÊN ĐỐT NHÀ

“Cái gì cơ,” ông Jilek nói, “ăn trộm cũng phải biết đặng ăn trộm. Cái này lão Balabán, một kẻ trộm mà phi vụ cuối cùng là ăn trộm kết tiền của công ty Schole a spol., cũng đã nói rồi. Cái tay Balabán từng là tên trộm có học và rất thận trọng; hắn cũng đã có tuổi nên biết điều và kinh nghiệm của hắn thì không phải ai cũng có. Con người ta khi còn trẻ thì hay liều; có đủ can đảm để đạt được nhiều thứ, nhưng khi bắt đầu biết nghĩ, người ta thường mất đi lòng can đảm và tiến hành các công việc với sự khôn ngoan. Cái này đúng trong ngành chính trị và trong tất cả mọi việc.

“Thế là tay Balabán nói rằng mỗi công việc đều có nguyên tắc của nó; và nếu liên quan đến các kết tiền khó mở, thì kẻ trộm luôn luôn phải tự làm lấy vì không thể trông cậy vào bất cứ ai; thứ hai là không được hành nghề lâu ở một địa phương vì người ta đã biết cách làm của hắn và thứ ba là phải song hành với thời đại và học tất cả những cái mới trong ngành của mình, trong khi đó phải giữ gìn truyền thống và giữ được cái vị trí trung bình khá, vì càng nhiều người làm theo kiểu này thì cảnh sát càng gặp khó. Vì vậy tay Balabán vẫn dùng kim trong khi hắn đã có khoan điện và biết cách sử dụng cả thuốc nổ. Hắn nói rằng việc trộm những kết tiền hiện đại bằng thép là sự tự kiêu hay tham vọng không cần thiết; hắn cứ trộm ở các công ty lâu năm có uy tín, những công ty này dùng kết sắt cũ và trong đó có tiền tươi chứ không chứa séc. Cái này hắn, cái tay Balabán ấy, đã tính toán và tuân thủ rất nghiêm. Ngoài nghề bán đồng nát hắn ta còn làm môi giới bất động sản, buôn ngựa và luôn luôn đứng vững. Bởi thế tay Balabán nói rằng, hắn sẽ chỉ ăn trộm kết tiền kiểu cũ, nhưng đó là công việc gọn ghẽ mà thế hệ trẻ

còn phải học chán. Cái quan trọng không phải là làm ra nhiều tiền mà cái chính là không để bị tóm, hấn nói thế.

“Cái két cuối cùng mà tay Balabán trộm là của công ty Schole a spol., ông biết chứ, đây là một nhà máy ở Bubny. Nhưng cái việc ấy hấn ta làm rất gọn ghẽ; về vụ này một thám tử cảnh sát, cái anh Pištora nào đó đã kể cho tôi nghe. Hấn chui qua cửa sổ từ ngoài sân y như ông doctor Vitasek, nhưng phải cắt lưới sắt; ông phải thấy sượng, anh Pištora nói, khi nhìn thấy hấn dọn cái lưới sắt như thế nào mà không để lại dấu vết, tên này làm việc tốt thế đấy. Và ở chỗ hấn mở két sắt không có một lỗ hay vết cắt nào thừa, cũng không có một vết cào hay cạy, và cả lớp sơn của két cũng không bị cào lên. Ở đây ta nhìn thấy rõ ràng là con người này đã làm việc với tình yêu công việc như thế nào. Bây giờ cái két ấy nằm trong bảo tàng Cảnh sát là nhờ cách làm với trình độ vô địch ấy của hấn. Sau đó hấn lấy tiền, khoảng sáu mươi nghìn, ăn một miếng bánh mì với mỡ lợn mà hấn mang theo, sau đó chui ra qua cửa sổ. Tên Balabán có nói rằng thủ lĩnh quân đội hay kẻ trộm két tiền đều phải chú ý đến việc rút lui. Sau đó hấn mang tiền đến chỗ chị họ hấn, công cụ hấn giấu ở nhà tên Lizner nào đó và về nhà, giặt sạch áo quần và giày, tắm rửa rồi đi ngủ như mọi người chuẩn mực.

“Vẫn chưa đến tám giờ sáng thì ai gõ cửa và gọi: ông Balabán ơi, mở cửa! Tay Balabán ngạc nhiên, ai đấy nhỉ và với lương tâm tĩnh tại hấn ra mở cửa; rồi hai cảnh sát xông vào nhà cùng với thám tử Pištora. Tôi không rõ anh có biết cái anh này không, anh ta người nho nhỏ, răng vổ như răng sóc và lúc nào mặt cũng như cười. Trước đây anh ta làm ở công ty dịch vụ tang lễ, nhưng sau đó mất việc vì ai cũng cười cái chuyện anh ấy đi trước quan tài mà răng cứ như cười toe toét. Tôi đã quan sát và thấy nhiều người cười vì họ không biết miệng họ phải làm gì giống như những người khác không biết làm gì với đôi tay. Vì thế người ta hấn hờ cười khi nói chuyện với ông to nào đấy, thí dụ với vua hay tổng thống; cái này không phải vì niềm vui mà là do sự do dự. Nhưng tôi muốn nói với ông về tay Balabán cơ.

“Khi tay Balabán nhìn thấy hai cảnh sát và Pištora, hấn đã quát lên với sự giận dữ chính đáng: Ai cho các anh *fào* đây? Tôi không muốn *fiên* quan. Trong khi đó hấn bối rối về việc hấn nói ngọng. Nhưng ông Balabán ạ, chúng tôi đến xem răng ông thôi mà. Và anh ta đến chỗ cái cốc nhỏ có hình vẽ mà tay Balabán đựng răng giả khi đi ngủ - hấn bị mất đa phần răng khi phải nhảy từ cửa sổ. Đúng không ông Balabán, anh Pištora nói, mấy cái răng giả không gắn chặt, mấy cái răng giả này này; khi ông khoan thì mấy cái răng nó lung lay, thế là ông tháo ra và đặt lên bàn; ừ, và ở đây đầy bụi, ông Balabán ơi, ông nên biết là trong các phòng kế toán thường có bụi chứ. Và chúng tôi phải đến thăm ông, ông Balabán ạ, sau khi chúng tôi tìm thấy dấu của hai cái răng; xin ông đừng giận. Lẽ ra ông phải lau bụi đi chứ.

“Chết tiệt *fật*, tay Balabán ngạc nhiên nói. Ông *fấy* không, người ta nói rằng ngay cả những tên trộm *fông* minh nhất cũng mắc lỗi, đúng không?

“Nhưng ông thì làm những hai lỗi, anh Pištora nhe răng cười. Trời ạ, chúng tôi đến hiện trường để xem và đoán là ông, ông biết tại sao không; mỗi tên cướp quy củ thường làm bản hiện trường để khỏi bị bắt; cái này là dị đoan. Còn ông là kẻ không mê tín và biết điều nên không tin dị đoan và nghĩ rằng chỉ cần biết điều là đủ. Ông bị tóm vì lý do ấy. Ừ, ông Balabán ạ, ăn trộm cũng phải biết cách.”

“Có những người rất thông minh,” ông Malý nghiêm nghị nói, “cái này thì phải khen ngợi họ. Tôi đã từng đọc ở đâu đó về một vụ, có thể không ai trong các ông biết đâu. Vụ này xảy ra ở Steiermark. Ở đó có một người thợ, một nghệ nhân làm yên ngựa và dây cương, tên ông ta là Anton còn họ là Huber hay Vogt hoặc Mayer, người Đức hay có họ như vậy. Vì có ngày lễ* nên ông thợ làm yên này ngồi bên bữa tiệc buổi trưa - nhưng ở Steiermark người ta không ăn ngon ngay cả khi có lễ đâu, cái này không giống như bên mình. Tôi nghe nói bên ấy người ta ăn cả hạt dẻ. Ông thợ làm yên ngựa đang ngồi giữa gia đình sau bữa trưa thì bỗng nhiên ai đó gõ cửa sổ: Trời ơi, ông hàng xóm ơi, mái nhà ông đang cháy ngay trên đầu kia! Ông thợ

yên chạy ra ngoài, tôi thề, cả mái nhà đang rực lửa. Tất nhiên là lũ trẻ gào lên, phụ nữ thì khóc và ôm đồng hồ chạy - tôi đã thấy nhiều vụ cháy và quan sát thấy người ta thường mất bình tĩnh và ôm các thứ không cần thiết như đồng hồ, máy xay cà phê hay lồng chim để chạy ra ngoài; và mãi sau đó, khi muộn rồi mới nhớ ra là họ để quên bà cụ già, áo quần và bao nhiêu đồ đạc khác. Trong lúc ấy mọi người chạy đến và họ làm vướng nhau khi dập lửa; mãi sau đó lính cứu hỏa mới đến - ông biết đấy, lính cứu hỏa phải thay quần áo trước khi dập lửa, nhưng lúc đó đã cháy sang nhà thứ hai và đến tối thì mười lăm ngôi nhà đã cháy ra tro. Ai muốn xem đám cháy to thì phải về làng hoặc về thành phố nhỏ chứ ở thành phố lớn thì chỉ xem kỹ năng của lính cứu hỏa chứ không xem được đám cháy. Tốt nhất là ông có thể tự mình giúp việc dập lửa, hay tốt nhất là tư vấn cho những người khác về việc dập lửa. Dập lửa là công việc cực đẹp, nó xèo xèo, nổ đôm đốp, nhưng việc đi xách nước từ suối thì người ta không thích. Ở trong con người có cái gì đó lạ lẫm: khi thấy có sự cố thì người ta mong cho nó to lớn. Đám cháy lớn hay vụ lụt lớn làm cho con người tỏa sáng; người ta có cảm giác, tôi có thể nói rằng người ta tìm thấy ý nghĩa của cuộc đời, hay là sự sùng sốt vô thần, tôi chả biết nữa. Cho nên ai cũng biết, ngày hôm sau - ừ, ngày sau vụ cháy - ngọn lửa thì tuyệt đẹp, những bãi tro thì khủng khiếp; nó cũng giống như với tình yêu. Con người chỉ còn tuyệt vọng đứng nhìn và nghĩ rằng không bao giờ lấy lại cái đã mất được nữa. Ừ, và có một người cảnh sát trẻ có nhiệm vụ điều tra nguyên nhân vụ cháy. Trung sĩ ạ, người làm yên ngựa tên là Anton nói, tôi dám chắc là có ai đó đốt nhà tôi; tại sao nhà lại cháy vào ngày lễ của tôi cơ chứ, đúng lúc tôi ngồi ăn trưa? Nhưng tôi không nghĩ ra, tại sao có ai trả thù tôi, khi mà tôi không làm gì tệ với ai; ấy là chưa kể đến việc tôi không quan tâm chính trị. Tôi không biết ai có thể căm giận tôi đến thế.

Ở châu Âu mỗi ngày trong năm đều mang một tên. Người mang tên đến ngày đó thường làm liên hoan ngày lễ tên.

“Lúc ấy là buổi trưa, mặt trời nóng bỏng, người cảnh sát đi đi lại lại trên đồng tro tàn và nghĩ: bây giờ chỉ có quý mới biết nó bắt đầu cháy như

thế nào. Ông Anton ơi, người cảnh sát bỗng hỏi, cái gì sáng lấp lánh trên xà nhà ông thế kia? Trên ấy trước đây là cửa sổ ổng, người thợ làm yên ngựa nói, có lẽ đấy là cái đỉnh. Nó không giống cái đỉnh đâu, người cảnh sát nói, chắc là cái gương. Không đâu, làm sao trên ấy có gương được, người thợ làm yên ngựa nói, vì trên cái cửa sổ ổng ấy chỉ có rơm rạ. Nó là cái gương đấy, người cảnh sát nói, tôi sẽ cho ông xem. Sau đó anh ta dựng thang cứu hỏa về phía cái xà cháy, leo lên và nói: Để ông biết, ông Anton ạ, nó không phải cái đỉnh, cũng không phải gương mà là miếng kính tròn, nhưng lại được gắn vào cái xà này, chắc trẻ con nghịch đấy. Và bỗng nhiên người cảnh sát, lúc nhìn vào miếng kính, hét lên: Ái, bố khi, nó cháy bỏng! Cái gì thế này? Và anh ta sờ lên mũi. Trời ạ, anh ta hét lên lần nữa, giờ nó lại đốt cháy tay tôi! Nhanh lên, ông Anton ơi, đưa cho tôi xin mảnh giấy! Thế là người thợ yên đưa tờ giấy xé ra từ quyển sổ và người cảnh sát cầm mảnh giấy đưa vào phía dưới miếng kính. Thế, anh ta nói sau một lát, ông Anton ạ, tôi nghĩ rằng chúng ta đã biết. Anh ta leo xuống và cầm miếng giấy giơ ngay trước mắt người thợ làm yên: ở đó có một lỗ nhỏ bị cháy, khói hãy còn bay lên. Ông Anton ạ, người cảnh sát nói, để ông biết, cái miếng kính này là thấu kính hay kính lúp; giờ thì tôi muốn biết đứa nào đã gắn nó vào cái xà ngay bên trên chỗ đây rơm rạ. Nhưng tôi muốn nói với ông, ông Anton ạ, tên này sẽ đeo xiềng khi đi khỏi đây.

“Trời ạ, người thợ làm yên ngựa nói, chúng tôi chẳng có cái kính lúp nào ở nhà, khoan! Ông ta bỗng hét lên. Khoan đã, tôi đã từng có một cậu kế toán, tên nó là Sepp và nó luôn luôn chơi với những cái như vậy! Vì vậy tôi đuổi việc nó vì nó không biết điều và vì trong đầu nó chỉ toàn những trò ngu và các thí nghiệm khác! Có thể thằng chết tiệt ấy làm. Nhưng không đâu trung sĩ ạ, vì tôi đuổi việc nó vào đầu tháng Hai; ai mà biết giờ nó ở đâu, nhưng từ đó đến nay nó không đến đây. Chúng ta sẽ biết nếu đây là thấu kính của nó, người cảnh sát nói. Ông Anton ạ, ông đánh điện vào thành phố đi, để họ gửi đến đây hai cảnh sát. Trước tiên mình phải tìm ra thằng ấy. Tất nhiên là họ tìm được nó; nó đang học ở chỗ người làm túi ở

một nơi khác; khi cảnh sát xông vào xưởng, thằng này run lên như cày sậy. Ngày Sepp, người cảnh sát quát nó, ngày mười ba tháng Sáu mà ở đâu?

“Lúc ấy thằng Sepp nhảy lên và muốn chạy trốn, nhưng người cảnh sát đã tóm được cổ áo nó. Trên đường thằng ấy đã nhận tội trước người cảnh sát: nó căm giận ông Anton vì người thợ yên đã đánh nó như chó vì nó hay làm những thí nghiệm nên nó muốn báo thù, và nó đã tính ngày mười ba tháng Sáu - ngày lễ của ông Anton - mặt trời sẽ ở vị trí nào lúc giữa trưa và theo đó nó kiếm cái thấu kính để đốt cháy rơm rạ, trong khi nó đã đi xa rồi. Tất cả những việc này nó đã chuẩn bị vào tháng Hai và sau đó nó kết thúc công việc.

“Ông nghe này, về cái thấu kính người ta đã gọi một chuyên gia thiên văn học từ Viên đến và ông này lắc đầu lia lịa vì cái thấu kính được làm chính xác để hội tụ ánh sáng mặt trời ngày mười ba tháng Sáu. Ông ấy nói cái này là kỹ năng kỳ diệu vì cậu con trai mười lăm tuổi không có bất cứ công cụ thiên văn học nào để đo góc. Số phận tiếp theo của thằng Sepp thế nào thì tôi không biết, nhưng tôi nghĩ rằng cái thằng khốn ấy có thể trở thành nhà thiên văn học. Rõ ràng là nó có thể trở thành Newton thứ hai hay một người nào đó, cái thằng đốn mạt ấy! Nhưng trên thế giới đã xuất hiện biết bao nhiêu những sáng chế đặc biệt và bao nhiêu những khả năng tuyệt đẹp. Ông biết không, người ta đã có đủ kiên nhẫn để tìm thấy kim cương trong cát hay ngọc dưới đáy biển, nhưng để tìm những món quà lạ lùng của Thượng đế trong con người để khởi phí hoài thì người ta không nghĩ đến. Và đây là một lỗi lớn.”

CÔ NÀNG ẢO TƯỢNG

“Những mục đàn bà điên khùng ấy,” ông Polgár nói, “đôi khi làm những chuyện mà người ta không thể tin được. Vụ này xảy ra vào năm mười chín hay hai mươi*, khi mà ở miền Trung Âu hạnh phúc này đang âm ỉ ngọn lửa chiến tranh; người ta chỉ trông chờ xem bên nào sẽ tấn công trước. Ông không tưởng tượng ra thời bấy giờ ở nước mình đầy bọn gián điệp. Lúc đó nhiệm vụ của tôi là chống phản gián và tiền giả, nhưng đôi khi bên quân đội họ gọi tôi nhờ tôi cung cấp cho họ một số thông tin. Bấy giờ có vụ của một cô nàng ảo tưởng... ta tạm gọi cô này là Mihályová. Tôi cũng chẳng biết chuyện gì và nên thế nào. Lúc bấy giờ những người lính nhận được một bức thư nặc danh, nhắc họ nên để ý đến những bức thư đề địa chỉ W. Manasses, poste restante Zurich. Sau đó họ tóm được một bức thư như vậy; tôi thề, thư được mã hóa bằng mật mã số 11 và trong thư là thông tin quân sự như sau: trung đoàn bộ binh số 28 đóng tại Praha, có thao trường ở Milovice và quân đội được trang bị không chỉ súng trường mà cả lưỡi lê; tóm lại toàn những thông tin ngô nghê. Nhưng quân đội thì rất nghiêm; nếu ai làm lộ thông tin cho nước ngoài rằng bộ binh bên mình dùng xà cạp bằng vải của công ty Oberlander, thì người đó sẽ phải hầu tòa của sư đoàn và bị phạt ít nhất một năm tù vì tội làm gián điệp. Cái này thuộc về uy tín của quân đội.

Những năm 1919-1920.

“Lần ấy những người lính cho tôi xem bức thư được mã hóa cùng với thư tố cáo nặc danh. Ông ạ, tôi không phải chuyên gia bút pháp; nhưng cảm giác đầu tiên của tôi là đây là kẻ điên vì cả hai bức thư đều do một người viết. Phần thông tin nặc danh được viết bằng bút chì, nhưng có thể nhận

biết được là tên gián điệp và kẻ tố cáo chỉ là một người. Ông biết không, tôi nói với những người lính rằng họ nên bỏ qua vụ này vì tên gián điệp là một đứa nghiệp dư nào đó và những thông tin bí mật ấy thì ai cũng có thể đọc được trong tờ báo *Chính trị*. Thế đấy.

“Khoảng một tháng sau một viên đại úy của bên Phản gián, một người đàn ông đẹp đẽ và mảnh mai đến gặp tôi. Thừa ông Polgár, tôi có một việc lạ thế này. Lần ấy tôi đi nhảy với một quý cô tóc nâu tuyệt đẹp; cô ta không biết tiếng Czech, nhưng cô ấy nhảy rất giỏi và thật là vui. Và hôm nay tôi nhận được bức thư tình của cô ấy. Chuyện này có vẻ không bình thường.

“Thế thì anh hãy vui sướng đi, thanh niên ơi, tôi nói với anh ta. Cái này có thể nói là anh sát gái.

“Nhưng ông Polgár ạ, viên đại úy nói với tôi giọng đầy bất hạnh, bức thư ấy được viết theo kiểu chữ, mực và loại giấy giống y như những bức thư gián điệp gửi đi Zurich! Giờ tôi không biết mình phải làm gì; ông biết đấy, người đàn ông cảm thấy thế nào khi phải tố cáo một phụ nữ, người mà... e hèm, người mà... anh ta... không thể, vì đấy là một quý cô, ông ạ, anh ta bực bội buột miệng.

“Ừ, đại úy ạ, tôi nói với anh ta, đó là những cảm xúc hào hiệp. Người đàn bà ấy chúng ta phải tóm ngay và đối với tính hệ trọng của vụ này chúng ta sẽ xử tử cô ta; còn anh, anh có một vinh dự là sẽ ra lệnh cho mười hai người lính xử tử cô ta: ‘Bắn!’ Anh biết chứ, cuộc sống thật là thơ mộng. Nhưng tiếc rằng ở đây có một cản trở: không có bất kỳ vị W. Manasses nào sống ở Zurich và mười bốn bức thư được mã hóa gửi cho vị này cho đến nay vẫn nằm ở bưu điện Zurich. Anh ạ, anh cứ mặc kệ nó và anh hãy đi nhảy với quý cô tóc nâu đi, khi anh hãy còn trẻ.

“Viên đại úy ấy giày vò lương tâm ba ngày liền, vì thế anh ta gầy rộc đi và sau đó anh ta đã báo cáo với cấp trên. Tất nhiên là sáu người lính đã đi ô tô đến bắt quý cô Mihályová, kiểm tra giấy tờ của cô ta, tìm được mật mã và cả một đồng thư từ của các gián điệp chính trị với nội dung phản quốc. Trong khi đó quý cô này không chịu khai bất cứ câu nào còn em gái

cô ta, một ếch cốm mười sáu tuổi thì ngồi xồm trên bàn, đầu gối chạm hàm dưới và để cho tất cả mọi người nhìn thấy cô ta hút thuốc, mắt lúng liếng với các sĩ quan và cười như điên dại.

“Khi tôi được tin là họ đã bắt cái cô Mihálička*, tôi chạy đến bên quân đội và tôi bảo họ: Trời ạ, các anh thả con bé thần kinh ấy ra vì vụ này là vụ đáng xấu hổ đấy! Nhưng họ nói với tôi: Ông Polgár ơi, quý cô Mihályová đã nhận tội trước chúng tôi là cô ta đã hoạt động gián điệp cho nước ngoài; đây là chuyện hệ trọng. Nhưng con đàn bà này nói dối, tôi quát họ. Ông Polgár ơi, ngài đại tá đã nói với tôi rất nghiêm khắc, anh hãy nhớ, rằng anh đang nói về một quý cô; quý cô Mihályová đã khai đúng sự thật. Ông biết không, cái con đàn bà ấy đã làm mê hoặc những người lính. Trời đánh các anh đi! Tôi mắng, thế là các anh sẽ xử phạt nó với toàn sự lịch lãm! Quý tha cái cảm xúc hào hiệp của các anh đi! Các anh không biết là cái con đàn bà ấy đã cố tình tự mình dẫn các anh đến các dấu vết hoạt động phản quốc của nó à? Rõ ràng nó là đứa đốn đời, đừng tin nó câu nào! Nhưng đám lính chỉ nhún vai với vẻ nuối tiếc đây bi kịch.

Mihálička là cách nói thiếu tôn trọng đối với tên Mihály.

“Tất nhiên là vụ này được viết đầy trên báo chí và ngay cả ở nước ngoài; giới quý tộc trên toàn thế giới thì đã vào cuộc và thu thập chữ ký phản đối, các nhà ngoại giao thì gửi công hàm, dư luận xã hội ở tận bên Anh thì sôi sục, nhưng công lý, ông biết đấy, công lý thì không nhượng bộ; tóm lại là cô nàng ảo tưởng đã được đem ra xử. Tôi đến bên quân đội một lần nữa - lúc ấy tôi đã có các thông tin riêng của mình - và tôi bảo họ: Trao nó cho tôi, tôi sẽ xử phạt nó. Không bao giờ nhé, họ không muốn nghe tôi câu nào.

“Nhưng phiên tòa thì đẹp tuyệt; tôi ngồi ở đó và tôi cảm động y như trong vở kịch *Trà hoa nữ**. Cô nàng ảo tưởng gầy như mũi que củi và nâu như củ nâu* đã nhận tội. Tôi tự hào, cô ta nói, là tôi đã phục vụ cho kẻ thù của đất nước này. Các quan tòa bị giằng xé giữa sự lịch lãm và thái độ nghiêm khắc, nhưng giờ thì không thể làm gì khác. Ở đây có những bức thư

phản quốc và những cái ngu xuẩn khác và tòa đã xét tất cả các hoàn cảnh để có thể giảm nhẹ cũng như thêm nặng và không thể làm gì ngoài việc xử tù quý cô Mihály một năm. Tôi nói nhé, tôi chưa thấy phiên tòa nào đẹp như thế. Sau đó quý cô đã đứng dậy và với giọng rõ ràng cô ta tuyên bố: Thưa ngài chánh án, tôi thấy mình có trách nhiệm khẳng định rằng trong quá trình điều tra và tạm giam tôi các sĩ quan Tiệp Khắc đã khu xử với tôi như những người quân tử mẫu mực. Nghe thế tôi đã khóc gần như bật lên thành tiếng.

Tiểu thuyết của Alexander Dumas, được biến thành kịch.

Nguyên văn: gầy như mũi tên và nâu như người Beduin - một dân tộc du mục ở Bắc Phi.

“Nhưng có việc này: khi người ta biết sự thật thì hay ngửa miệng và phải nói ra. Tôi nghĩ rằng người ta không nói lên sự thực do ác ý hay ngu xuẩn, mà là do sự thôi thúc không cưỡng lại được. Ông hãy tưởng tượng xem, ở Viên cái cô Mihályová đã quen anh Westermann và yêu anh ta. Chắc ông biết cái tay Westermann ấy là ai rồi: đấy là một gã đàn ông chuyên đóng vai anh hùng; các huân chương rung rinh trên ngực anh ta: huân chương Marie Terezie, huân chương Leopold, huân chương Thập tự sắt*, các ngôi sao Thổ Nhĩ Kỳ với những viên đá quý và tôi không biết trong chiến tranh anh ta đã được thưởng những gì nữa; thế là cái tay Westermann trở thành lãnh tụ của các tổ chức phi pháp, các âm mưu và đảo chính nhằm vào phái bảo hoàng. Cô nàng ảo tưởng đã yêu người anh hùng này và cũng muốn nhận được bộ giáp sắt của hiệp sĩ để xứng đáng với anh ta; tóm lại là vì yêu tay này nên cô ta đã tự giả đồ làm gián điệp rồi lại tự tố cáo, để đạt được vinh quang của kẻ tử vì đạo. Chỉ có đàn bà mới làm việc này. Thế là tôi vào nhà tù nơi cô ta bị giam và cho gọi cô ta đến. Thưa quý cô, quý cô xem này, ngồi một năm trong tù khó chịu lắm; cô có thể đệ đơn xin xử lại, nhưng cô phải khai sự thật về cái vụ gián điệp ảo tưởng của cô. Tôi đã nhận hết, ông ạ, quý cô nhìn tôi với ánh mắt lạnh như băng tuyết, và tôi không có gì để nói thêm.

Các huân chương của Đế quốc Áo-Hung.

“Nhưng trời ạ, tôi buột miệng, cô hãy quên những trò ngu xuẩn ấy đi, vì thiếu tá Westermann đã có vợ mười lăm năm rồi và có ba đứa con!

“Cô nàng ảo tưởng bỗng xám ngoét như tro; tôi chưa bao giờ trông thấy phụ nữ bỗng xấu đi nhanh như thế. Gì cơ... quan hệ gì đến tôi? Cô ta nói những hai hàm răng cô ta va vào nhau lạch cạch.

“Và cái này nữa cô cũng có thể quan tâm, tôi quát, tay thiếu tá Westermann ấy tên thật là Václav Málek và làm nghề nướng bánh mì ở Prosějov*, cô hiểu chưa? Đây là ảnh cũ của hắn; này, cô nhận ra hắn chứ? Trời ơi, quý cô ơi, vì cái tên hèn mạt ấy mà cô chui vào tù sao?

“Cô nàng Mihály ngồi như tượng gỗ; tôi bỗng nhận ra cô này là gái già còn trinh và giấc mơ của cô ta đã đổ vỡ tan tành. Tôi thấy thương hại cô ta và tôi cũng thấy hơi ngượng. Quý cô ạ, tôi nói nhanh, thế nhé; tôi sẽ gửi trạng sư của cô vào đây và cô hãy nói hết với ông ấy.

Phố huyện ở Morava, thuộc Czech.

“Cô nàng Mihályová đứng dậy, xám ngoét và căng thẳng như cánh cung. Không, cô ta thở dài nói, không cần; tôi không có gì để nói với ai. Và cô ta đi thẳng. Nhưng lúc đi qua cửa thì cô ta ngã xuống; người ta phải gỡ các ngón tay cho cô ta vì các ngón này đã bị cứng lại do bị chuột rút.

“Tôi cảm ơn. Ừ, tôi đã nói ra sự thật, tôi tự nhủ, sự thật phải được bảo vệ. Nhưng, chết tiệt thật, cái này là sự thật ư? Rõ ràng tất cả những điều được tiết lộ ấy là sự thất vọng và sự thật cay đắng, là ảo giác và những kinh nghiệm đau xót; nó chỉ là một phần nhỏ của sự thật; toàn thể sự thật còn lớn hơn; toàn thể sự thật là tình yêu, niềm tự hào, ước mong và tham vọng - những cái to lớn và điên dại và mỗi sự hy sinh đều anh hùng và con người trong tình yêu là cái gì đó tuyệt đẹp và đáng kinh ngạc. Cái này là nửa thứ hai to lớn hơn của sự thật, nhưng người ta phải là nhà thơ mới có thể nhìn thấy và nói.”

“Hoàn toàn đúng.” người cảnh sát tên là Horálek nói, “cái này luôn luôn phụ thuộc vào việc nên nói sự thực như thế nào. Năm trước chúng tôi tóm được một tên tham ô và dẫn hắn đến chỗ lấy dấu vân tay và dùng một cái tên này nhảy qua cửa sổ tầng hai xuống phố và bắt đầu chạy trốn. Chuyên gia lấy dấu vân tay là một người lớn tuổi, phút giây ấy ông ta bỗng nhiên đăng trí và cũng dùng một cái ông ta cũng nhảy theo thang ấy và gãy chân. Chúng tôi điên lên như những khi có chuyện xảy ra với người của chúng tôi, và khi tóm được nó, chúng tôi đã nện cho nó như tử.

“Khi xử án sau này, người ta gọi chúng tôi đến làm nhân chứng, vị trạng sư của thang ấy hỏi chúng tôi: Thưa các ông, tôi không muốn đặt những câu hỏi khó chịu, nếu các ông không thấy khó chịu thì các ông không phải trả lời - ông biết không, cái tay trạng sư ấy dịu dàng như lọ thuốc độc. Nhưng khi khách hàng của chúng tôi định bỏ chạy các ông đã đánh nó tại phòng cảnh sát, có đúng vậy không? Không đâu, tôi nói, chúng tôi chỉ nhìn xem nó nhảy xuống có bị thương hay không và khi thấy nó không bị thương chúng tôi đã nhắc nhở nó. Thế thì cái việc nhắc nhở ấy phải mạnh mẽ lắm, tay trạng sư nói và cười lịch thiệp. Theo chứng nhận của bác sĩ bên cảnh sát thì nhờ được các ông nhắc nhở nên khách hàng của tôi bị gãy ba xương sườn và tím bầm bảy trăm centimét vuông, chủ yếu trên lưng.

“Tôi nhún vai. Quan trọng là nó đã ghi lại trong tim vụ nhắc nhở ấy, tôi nói, và như vậy là tốt. Ông biết không, có khối điều sự thật, nhưng chúng ta phải tìm lời nói cho chuẩn.”

CHUYỆN CỦA NHẠC TRƯỞNG KALINA

“Những vết giập hay những mảng bầm tím,” ông Dobeš nói, “nhiều khi đau hơn chỗ gãy xương, nhưng chỉ khi nó ở sát xương thôi. Cái này tôi biết, tôi là lão cầu thủ bóng đá và đã từng bị gãy xương sườn, xương quai xanh và ngón tay. Bây giờ người ta không chơi bóng với sự nhiệt tình như thời của tôi. Năm trước tôi hãy còn chơi; chúng tôi, bọn già muốn chỉ cho các thanh niên đương thời về chiến thuật mà chúng tôi đã từng chơi. Tôi chơi ở vị trí trung vệ như cách đây mười lăm hay hai mươi năm và khi tôi đỡ bóng bằng bụng thì thủ thành bên tôi đã đá trúng tôi vào... e hèm... xương cụt hay tên Latin là cauda equine. Lúc bị đá tôi chỉ chửi một lát, sau đó tôi quên đi, nhưng đến đêm nó mới bắt đầu đau và buổi sáng thì tôi không cựa quậy được. Nó đau đến nỗi tôi không nâng được tay lên, không hắt xì hơi nổi, cái đặc biệt là tất cả mọi bộ phận trong cơ thể đều liên quan đến nhau. Thế là tôi nằm ngửa như con bọ rùa chết cứng, ngay cả chuyển sang nằm nghiêng cũng không được, ngay cả ngo nguậy ngón cái chân cũng không xong, không thể làm gì hết, tôi chỉ nằm thõ và đặng hăng. Tôi đau khủng khiếp.

“Tôi đã nằm trong tình trạng đó suốt một ngày một đêm. Tôi không chớp mắt được ngay cả một giây. Lạ nhất là thời gian dài lê thê khi người ta không thể cựa quậy. Thật đáng xấu hổ khi người ta bị tan nát. Tôi tính toán, đếm số mũ, tôi cầu kinh và thậm chí nhớ lại cả mấy bài thơ, cốt để cho thời gian trôi đi, nhưng vẫn còn là đêm. Bỗng nhiên, lúc đó có thể là hai giờ sáng, tôi nghe thấy ai đó chạy hết sức bình sinh trên phố và sau người này là một nhóm người và tôi nghe thấy tiếng của khoảng sáu người: Mày sẽ biết tay, tao sẽ xẻ thịt mày, mày là thằng khốn nạn, đồ giặc và vân vân. Người ta tóm được nó ngay dưới cửa sổ nhà tôi và tất cả bắt đầu: tiếng

giảm đập của sáu đôi chân, tiếng tát vào mồm, tiếng đánh bằng gỗ y như là đánh bằng gậy vào đầu, tiếng thở, tiếng rên rỉ nhưng không có tiếng hét.

“Các ông nghe nhé, như thế không được, sáu người đàn ông đánh một người và nện người ấy như nện bao bì; tôi cố dậy nói với họ là như thế không ổn, nhưng tôi hét lên vì đau đớn. Trời ạ, tôi không cọ quậy được! Sự bất lực thật khủng khiếp; tôi nghiêng rặng và rên như con vật. Và bỗng nhiên tất cả biến đi và tôi bật dậy từ trên giường, tôi vợ lấy cái gậy và chạy xuống cầu thang, tôi như hoàn toàn bị mù, tôi va phải người đàn ông đầu tiên và bắt đầu phang người này bằng gậy; những người còn lại bỏ chạy ra tứ phía, y như suốt đời tôi chưa nện ai như nện gã này. Mãi sau đó tôi mới nhận ra là nước mắt tôi chảy ròng ròng vì đau đớn; sau đó khoảng một giờ tôi mới lên được cầu thang và lại trở về giường nằm, nhưng sáng dậy tôi đã đi lại được; nó như một phép lạ. Tôi chỉ muốn biết,” ông Dobeš trầm tư nói thêm, “tôi đã nện ai: người trong nhóm đông hay là người bị nhóm kia nện. Nhưng một chọi một thì cũng công bằng.”

oOo

“Sự bất lực thực khủng khiếp” vị nhạc trưởng và nhà soạn nhạc Kalina vừa nói vừa gật đầu. “Tôi, các ông ạ, đã một lần trải qua trường hợp thế này, việc này xảy ra ở Liverpool. Người ta mời tôi đến chỉ huy buổi hòa nhạc với dàn nhạc giao hưởng của họ. Các ông biết không, tôi không biết lấy một từ tiếng Anh, nhưng bọn chơi nhạc chúng tôi biết trao đổi mà không cần nói dài, nhất là khi ta có trong tay cái gậy chỉ huy; ta rũ bỏ ngưỡng ngập, hét lên đôi câu, đảo mắt và lấy tay chỉ trỏ, và sau đó lại bắt đầu từ đầu. Bằng cách này có thể thể hiện những cảm xúc dịu dàng nhất; thí dụ như khi tay vung lên thế này thì ai cũng hiểu có nghĩa là một cuộc bay lên huyền bí và một sự giải thoát khỏi sự đè nén và đau đớn của cuộc sống. Khi tôi đến Liverpool, những người Anh đã đợi tôi ở ga và chở tôi về khách sạn cho tôi nghỉ. Nhưng sau khi tắm xong tôi liền đi dạo một mình để ngắm thành phố và thế là tôi bị lạc.

“Khi tôi đến đâu đó thì việc đầu tiên là tôi đi ngắm sông; có thể nói rằng bên dòng sông ta cảm nhận được dàn nhạc giao hưởng của thành phố. Bên này là những dãy phố, đấy là những chiếc trống, kèn, kèn và chiêng và bên kia là dòng sông, đấy là những sợi dây đàn của dương cầm, vĩ cầm, thụ cầm; ở đấy ta lập tức nghe thấy cả thành phố. Nhưng con sông ở Liverpool, tôi không biết tên nó là gì, nhưng nó màu vàng và thật khủng khiếp; con sông ấy gầm, rú, hét, gào, va đập và thổi còi cùng với những con tàu, sà lan, cảng, kho, xưởng đóng tàu và cần cầu. Các ông biết không, tôi rất yêu tàu kể từ những tàu kéo to đùng và đen kịt cho đến tàu chở hàng sơn đỏ hay những tàu viễn dương màu trắng. Thế rồi tôi tự nhủ, trời ạ, sau góc bên này phải là đại dương. Tôi chạy hai giờ liền nhưng chỉ thấy toàn là nhà kho, xưởng máy và xưởng đóng tàu, thỉnh thoảng mới trông thấy một chiếc tàu cao như nhà thờ hay ba cái ống khói to đùng và nghiêng nghiêng. Ở đây thổi mùi cá, mùi mồ hôi ngựa, mùi của đay, của rượu rum, mùi của lúa mạch, than và sắt, ông nghe nhé, khi nó là cả một khối sắt khổng lồ thì nó có mùi sắt rõ ràng. Tôi cứ như nhìn thấy cả thế giới, nhưng sau đó đêm xuống và tôi đi đến một bờ cát, bên đối diện có ngọn hải đăng chiếu sáng và đây đó có những đốm sáng nhỏ đang bơi, chắc đây là đại dương; tôi ngồi xuống đồng ván gỗ và cảm thấy mình bơ vơ và bị lạc đường, tôi nghe thấy tiếng nước rì rào lao xao làm tôi buồn và muốn hét lên. Sau đó có hai người đến, một đàn ông một đàn bà nhưng họ không nhìn thấy tôi, họ ngồi quay lưng lại phía tôi và nói chuyện khe khẽ, nếu tôi hiểu được tiếng Anh thì tôi sẽ ho lên để họ biết rằng có ai đang nghe thấy họ, nhưng tôi không biết lấy một từ tiếng Anh trừ hai từ ‘hotel’ và ‘shilling’ nên tôi vẫn im lặng.

“Lúc đầu họ nói chuyện rất rõ ràng, sau đó người đàn ông bắt đầu nói chậm và kể lể khe khẽ, như là không muốn nói ra; sau đó anh ta nói nhanh và nói ra hết. Người đàn bà kêu lên sợ hãi và nói cái gì bực bội với người đàn ông, nhưng người đàn ông cầm chặt tay người đàn bà đến mức người ấy kêu lên và người đàn ông trao đổi với người đàn bà qua kẽ răng. Các ông nghe nhé, đây không phải là trao đổi về tình yêu, người nhạc sĩ nhận ra ngay; những cuộc thuyết phục về tình yêu có nhịp khác, nó không cất lên

rồi bị bó chặt như vậy, câu chuyện yêu đương có giọng trầm, nhưng ở đây là giọng base cao, giọng nhanh và không đều ở mỗi một độ cao cứ như ta ôn đi ôn lại một việc. Tôi bắt đầu hơi sợ, người đàn ông này nói cái gì đó không tốt, người đàn bà bắt đầu khóc thút thít, mấy lần hét lên như cự lại, như muốn giữ anh ta lại; người đàn bà này có giọng kèn clarinet một chút, giọng gỗ, giọng ấy không trẻ trung; giọng người đàn ông thì luôn luôn như còi, cứ như là chỉ thị hay đe dọa. Giọng người đàn bà cứ như cầu xin tuyệt vọng, nấc lên vì sợ hãi như người ta nấc lên khi mình đặt miếng chườm đá lên người ấy. Và sau đó tôi nghe thấy rằng người đàn bà lập cập. Lúc đó người đàn ông gầm lên rất sâu, giọng base như say tình; giọng người đàn bà chuyển sang nấc lên thụ động và vỡ vụn như là sự cự lại đã bị bẻ gãy. Nhưng sau đó giọng base say tình lại lên cao, quá rõ ràng, cố ý, đặt điều kiện từng câu; giọng người đàn bà thì xen vào vô vọng nức nở, than thở và không còn cưỡng lại nữa, chỉ còn thấy nỗi sợ khủng khiếp, không phải sợ người đàn ông mà là sợ hãi một cái gì đó xuất hiện như đã nhìn thấy trước trong tương lai. Và giọng người đàn ông lại thấp xuống, vo ve nhẹ nhàng và âm thầm đe dọa; giọng nấc của người đàn bà đã biến thành những tiếng thở dài ngu muội và quy hàng. Người đàn ông lạnh lùng hỏi khế mấy câu và nhận được cái gật đầu trả lời rõ ràng vì không thấy anh ta giục giã nữa. Sau đó hai người đứng dậy và đi về hướng khác.

“Các ông nghe nhé, tôi không tin vào linh cảm nhưng tôi tin vào âm nhạc; khi tôi nghe họ vào đêm đó, tôi biết hoàn toàn rõ ràng là giọng base thuyết phục giọng clarinet về cái gì đó rất khủng khiếp. Tôi biết trước là cái clarinet trở về nhà và với ý chí của kẻ bị nô dịch nó sẽ làm điều mà base đã ra lệnh. Tôi đã nghe thấy và nghe thấy thì sâu hơn là hiểu từng từ. Tôi biết rằng có tội ác gì đó đang được chuẩn bị, nhưng không biết tội ác gì. Tôi nhận biết được theo sự sợ hãi toát ra từ hai cái giọng ấy, nó rõ ràng trong màu của giọng, trong nhịp, trong tốc độ, chu kỳ và những chỗ ngắt - ông nghe nhé, âm nhạc chính xác hơn tiếng nói. Cái giọng clarinet quá đơn giản, đơn giản đến mức chẳng thể tự làm được gì; nó chỉ có thể trợ lực, lấy giúp cái chìa khóa hay mở cửa, nhưng cái giọng base sâu và thô ráp sẽ tiến

hành, trong khi clarinet chỉ nấc lên sợ hãi. Thế là tôi chạy về thành phố với ý thức là điều gì đấy sẽ xảy ra và tôi phải làm gì đó để ngăn lại. Đây là cảm giác kinh khủng, khi ta sợ là mình sẽ đến chậm trễ.

“Cuối cùng thì tôi trông thấy một cảnh sát và tôi chạy về phía anh ta. Tôi dầm mồ hôi và thở hổn hển. Ông ạ, tôi buột miệng, ở trong thành phố này người ta đang chuẩn bị một vụ giết người! Người cảnh sát nhún vai và nói gì đó với tôi, nhưng tôi không hiểu. Trời ơi, tôi bỗng nhớ ra là anh ta cũng không hiểu tôi lấy một từ!

“Vụ giết người, tôi hét vào anh ta cứ như anh ta điếc, anh hiểu không? Họ muốn giết một phụ nữ cô đơn! Con giúp việc hay quản gia ấy sẽ tiếp tay, trời ạ, tôi gào lên, các anh hãy làm gì đi, người ơi!

“Người cảnh sát chỉ lắc đầu và nói gì đó như là ‘yourwell’.

“Anh ạ, tôi nói với anh ta bằng giọng đầy cay đắng, trong khi tôi run lên vì cảm giận và kinh hãi, cái mũ đàn bà chết dờ ấy sẽ mở cửa cho nhân tình của mũ, tôi thề độc đấy! Các anh không được cho phép! Hãy tìm ra nó! Đến khi đó tôi mới nhớ ra là không biết mũ đàn bà ấy trông như thế nào, nhưng nếu tôi có biết thì cũng không thể nói ra được. Trời ơi, tôi hét lên, rõ ràng là vô nhân đạo nếu cứ để yên!

“Người cảnh sát Anh chú ý nhìn tôi và nói gì đó dịu dàng. Tôi ôm lấy đầu. Đồ ngu! tôi hét to lên một cách tuyệt vọng, được, tao sẽ tự tìm thấy nó, dù nó ở đâu! Tôi biết, đây là một chuyện điên rồ, nhưng các ông xem nhé, mình phải làm gì vì tính mạng của ai đó; và tôi chạy suốt đêm ở Liverpool, và ước gì tôi có thể nhìn thấy ai đó chui vào ngôi nhà nào đó. Cái thành phố này thật kỳ lạ, ban đêm nó như là chết thực sự... Tôi ngồi đến sáng trên mép vỉa hè và khóc vì mệt; người cảnh sát tìm thấy tôi ở đó và nói với tôi ‘yourwell’ và đưa tôi về khách sạn. Tôi không biết sáng ngày hôm sau tôi đã chỉ huy thử dàn nhạc như thế nào nữa, nhưng sau khi tôi đập cái gậy chỉ huy xuống đất và chạy ra phố, tôi hét lên gọi cậu bán báo: Báo buổi chiều nào! Tôi mua một tờ, trên tờ đó là hàng chữ to MURDER và bên dưới là

ảnh của một bà già tóc bạc phơ. Tôi nghĩ rằng murder nghĩa là vụ giết người.”

CÁI CHẾT CỦA NAM TƯỚNG GANDARA

“Các ông nghe nhé,” anh Mešín nói, “rõ ràng là cảnh sát đã tóm được kẻ giết người, cảnh sát ở Liverpool ấy, đây là một vụ phạm tội chuyên nghiệp và thường thì các tội phạm ấy đều bị điều tra. Trong trường hợp như vậy người ta tóm hết những tên mất dạy đang ở ngoài tù. Bây giờ, gã đàn ông ơi, mà hãy nói đi, mà có bằng chứng vô tội nào. Và khi tên này không có bằng chứng vô tội thì nhất định là hãn ta rồi. Cảnh sát không muốn xử lý các vụ còn có các tham số chưa được biết đến; tôi có thể nói, họ định đưa ra các tham số họ đã biết hoặc đã quen. Hễ tóm được ai thì họ đo đạc, lấy dấu vân tay và từ đó hễ có chuyện là người của bên họ luôn luôn quay lại với người này với một niềm tin. Nếu người này làm bất cứ cái gì thì họ lại đến với người này như tìm đến người quen giống như ta đến chỗ thợ cắt tóc hay đi mua báo ở quầy báo quen biết. Khó hơn là khi tội ác do người không chuyên nghiệp hay người mới làm gây ra, thí dụ như các ông và tôi thì cảnh sát khó khăn lắm mới tìm được thủ phạm.

“Tôi có một người họ hàng làm ở bên cảnh sát. Ông là thành viên hội đồng, tên là Pitr, chú của vợ tôi. Ông Pitr nói, khi xảy ra cướp thì thủ phạm khả năng cao sẽ là kẻ cướp chuyên nghiệp; còn khi xảy ra giết người thì thủ phạm thường là người trong gia đình. Ông ấy có những quan điểm ổn định như vậy, cái ông Pitr; ông ấy khẳng định là người ta ít khi giết người lạ, vì việc này không đơn giản, giữa những người quen thì dễ tìm ra cơ hội hơn, còn khi ở trong một nhà thì dễ như trở bàn tay. Khi ông ấy xử lý vụ giết người nào đó thì ông ấy sẽ hỏi, ai có thể làm được việc này dễ dàng nhất rồi ông ấy đi tìm người ấy. Cháu biết chứ, Mensík ơi, ông ấy nói, chú không có bất kỳ sức tưởng tượng hay mưu khôn nào. Bất cứ ai bên chỗ chú đều có

thể làm chứng, rằng chú là tên gốc nhất trong phòng cảnh sát. Cháu biết không, chú cũng ngu ngốc như tên giết người và điều chú nghĩ đến cũng trần tục, tầm thường và ngu ngốc như động cơ, kế hoạch và hành động của hắn ta; và chú nói với cháu rằng nhờ đó chú đã phần nào tìm ra hắn.

“Tôi không biết ai trong các ông còn nhớ vụ giết Nam tước Gandara, một người ngoại quốc. Ông ta là một kẻ phiêu lưu bí ẩn, tóc đen như quạ và ông ta đẹp như quỷ Lucifer; ông ta sống trong một biệt thự gần Grebovka và những gì đã xảy ra ở đó thì không thể nói hết được. Rồi một lần gần sáng người ta nghe thấy hai tiếng súng ngắn, tiếp theo là báo động và sau đó người ta tìm thấy Nam tước bị bắn trong vườn của biệt thự. Túi đeo trên ngực ông ta bị mất, nhưng trên đó không để lại dấu vết đáng kể; tóm lại đây là một vụ bí ẩn nhất hạng. Thế là chú tôi, ông Pitr nhận vụ này vì ông đang không có vụ nào, nhưng sếp của ông đã nói trước với ông, đồng nghiệp ạ, vụ này dù không nằm trong các vụ thông thường của anh, nhưng anh hãy chứng tỏ rằng anh chưa đến tuổi về hưu. Chú Pitr ậm ừ rằng ông ấy sẽ xem rồi lập tức đến hiện trường. Tất nhiên là ông không tìm thấy gì. Ông mắng bọn thám tử rồi quay về, ngồi vào bàn hút điếu thuốc gypsovka. Ai đã nhìn thấy ông ấy trong khói thuốc khét lẹt đều có thể nghĩ là ông đang suy tính về vụ của mình, nhưng thế là nhầm; chú Pitr không suy tính vì về mặt nguyên tắc thì chú ấy phản đối mọi suy tính. Kẻ giết người không suy tính, ông nói, kẻ ấy hoặc tấn công hoặc không tấn công.

“Những người khác trong phòng cảnh sát thương hại chú Pitr; họ tự nhủ, thật đáng tiếc là người ta lại giao cái vụ ‘đẹp’ này cho Pitr. Pitr là người điều tra những vụ như vụ các bà già bị cháu họ hay người tình của cô hầu giết hại. Một đồng nghiệp của chú - một cảnh sát trưởng trẻ tuổi tên là Mejzlík đến chỗ chú rồi ngồi xuống bên bàn và nói: Thế nào rồi ông hội đồng, có gì mới với vụ Gandara không? Có thể là ông ta có cháu họ, chú Pitr nói. Ông hội đồng ạ, doctor Mejzlík nói với ý muốn giúp chú, vụ này sẽ khác đây. Tôi xin nói với ông là Nam tước Gandara là gián điệp quốc tế loại to; ai mà biết được ở đây có những việc gì lạ, tôi không chấp nhận việc ông ta mất cái túi. Nếu ở vị trí của ông tôi sẽ tập trung vào thông tin này...

“Chú Pitr lắc đầu. Đồng nghiệp ạ, ông nói, mỗi chúng ta đều có phương pháp của mình; đầu tiên ta phải điều tra xem ông ta có họ hàng gì không, những người có thể thừa kế tài sản của ông ta.

“Việc thứ hai, doctor Mejzlík nói, ai cũng biết là Nam tước Gandara là con bạc to; ông hội đồng ạ, ông không đến những chỗ ăn chơi, ông chỉ chơi domino ở nhà Menšík nên không có người quen trong mảng này; nếu ông muốn tôi sẽ hỏi giúp ông ai đã đánh bạc với ông ta trong những ngày cuối cùng, ông biết chứ, có thể ở đây có những món mà người ta gọi là khoản nợ danh dự.

“Chú Pitr suy ngẫm. Anh nghe này, cái này không phải là mảng của tôi; tôi chưa bao giờ làm các vụ ở tầng cao của xã hội. Với tuổi đã cao tôi sẽ không bắt đầu mảng này. Anh cứ kệ cái khoản nợ danh dự đấy vì tôi chưa có vụ nào như thế trong đời. Nếu không phải là vụ giết người trong gia đình thì đấy sẽ là vụ giết người cướp của và vụ này cũng phải có kẻ nào trong đám người nhà gậy ra, điều này thường hay xảy ra. Có thể là con nấu bếp có đứa cháu họ.

“Hay là tên lái xe của Gandara, anh Mejzlík xen vào, hẳn ta có thể bắt chú mình. Chú Pitr lắc đầu. Bọn lái xe, ông nói, thời tôi còn trẻ thì chưa có; tôi không nhớ có lái xe nào đã giết người cướp của. Bọn lái xe hay uống rượu bia và ăn cắp xăng, chứ giết người thì tôi chưa thấy vụ nào. Anh Mejzlík này, tôi sẽ đi theo kinh nghiệm của mình. Bao giờ anh ngần này tuổi như tôi...

“Doctor Mejzlík như ngồi trên đống gai. Ông hội đồng ạ, anh ta nói nhanh, ở đây hãy còn một khả năng nữa. Nam tước Gandara có quan hệ với một cô đã có chồng, trời ạ, một người đẹp bậc nhất Praha. Có thể là vụ giết người do ghen tuông.

“Chuyện này có thể, chú Pitr đồng ý. Tôi đã điều tra năm vụ giết người như vậy. Chồng phu nhân ấy làm nghề gì?

“Ông này là thương gia bán buôn, có công ty lớn.

“Chú Pitr lại suy nghĩ. Thế thì sẽ không đi đến đâu đâu. Tôi vẫn chưa có vụ nào mà thương gia lớn bắn chết ai. Các vụ lừa đảo thì họ thường làm nhưng giết người vì ghen lại là việc của tầng lớp khác. Không đâu, đồng nghiệp ạ.

“Ông hội đồng ạ, doctor Mejzlík tiếp tục, ông biết tay Nam tước Gandara sống bằng nghề gì không? Nghề tổng tiền. Tay này biết rất nhiều việc về... ừ về hội của những người cực giàu. Cái này nên tính, ai đó có thể muốn, e hèm, dọn dẹp ông ta.

“Anh thấy đấy, chú Pitr nói, tôi đã từng có một vụ như vậy, nhưng chúng tôi không chứng minh được điều này và đây là một vụ đáng xấu hổ. Sao anh lại nghĩ thế, tôi sẽ không thò tay vào lửa với vụ như vậy nữa. Tôi chỉ quan tâm vụ giết người cướp của thông thường; tôi không thích các vụ ly kỳ hay các scandal bí ẩn. Khi còn trẻ như anh tôi cũng đã nghĩ rằng sẽ có lần tôi sẽ điều tra một vụ tội phạm nổi tiếng; cái này là tham vọng. Anh thanh niên ạ, nhưng cái này sẽ qua đi với năm tháng; sau đó người ta thấy toàn xảy ra những vụ thông thường.

“Nam tước Gandara không phải là vụ thông thường, doctor Mejzlík cự lại. Ông ạ, tôi biết tay này: một tên lừa đảo, tóc đen như Tsigan, tên hư đốn đẹp trai nhất mà tôi thấy từ trước đến nay. Một tên đàn ông bí ẩn. Một con quỷ. Một kẻ gian lận. Một nam tước ròm. Ông nghe này, người như vậy sẽ không chết bình thường và ngay cả bị giết một cách bình thường cũng không. Ở đây có cái gì đó hơn thế, có cái gì rất bí ẩn.

“Thế thì vụ này họ không nên giao cho tôi, chú Pitr gầm lên chán nản. Tôi không có cái đầu để làm những cái bí ẩn. Tôi thèm vào những cái bí ẩn. Tôi thích các vụ giết người thông thường và rõ ràng, như vụ giết bà bán quây báo. Anh ạ, tôi sẽ không học các phương pháp mới đâu. Khi họ giao cho tôi, tôi sẽ làm theo kiểu của mình và đây sẽ là vụ giết người cướp của. Nếu họ giao cho anh, đây sẽ là vụ tội phạm bất ngờ, một tiểu thuyết tình ái hay tội phạm chính trị. Anh có thẩm mỹ thơ mộng, anh Mejzlík ạ; với đề tài

này anh sẽ xử lý thành một vụ tuyệt vời. Tiếc rằng họ không giao vụ này cho anh.

“Ông nghe nhé, doctor Mejzlík buột miệng, ông sẽ không phản đối, nếu tôi... làm riêng... vụ này thôi? Ông biết đấy, tôi có rất nhiều người quen biết về tay Gandara. Tất nhiên là các thông tin tôi sẽ chuyển cho ông, doctor Mejzlík nói nhanh. Vụ này vẫn cứ là của ông, ông tính sao?

“Chú Pitr cúi kính thờ hất ra. Tôi xin chân thành cảm ơn, ông nói, nhưng không được đâu. Đồng nghiệp ạ, anh có kiểu khác với tôi; kết quả của anh sẽ khác xa với kết quả của tôi. Cái này không thể trộn lẫn được. Tôi phải làm gì với bọn gián điệp, với bọn cờ bạc, với các quý bà và các doanh nhân cơ chứ? Anh bạn ạ, cái này không phải của tôi. Nếu tôi phải xử lý, kết quả sẽ là một vụ thông thường và bản thiêu... Mỗi người làm cái mà mình biết.

“Lúc ấy có người gõ cửa và một thám tử bước vào. Thưa ông hội đồng, anh ta báo cáo, chúng tôi đã phát hiện là người coi biệt thự của Gandara có đứa cháu họ. Thằng này hai mươi tuổi, không có việc làm và cư trú ở Vršovice, số nhà 1451. Thằng này thường ở chỗ người coi nhà, và cô hầu ở nhà ấy cũng có người yêu, một người lính; nhưng anh này đang tham gia diễn tập.

“Tốt, chú Pitr nói. Anh hãy đến tìm thằng cháu họ của người coi nhà, hãy kiểm tra nó và dẫn nó đến đây.

“Sau hai giờ chú Pitr đã cầm trên tay cái túi của Gandara mà người ta tìm được trong giường nằm của gã thanh niên ấy; đêm ấy họ bắt được nó đang đi chơi bởi và sáng hôm sau nó đã thú nhận rằng nó đã bắn ông Gandara để cướp của ông ta cái túi; trong túi là năm mươi nghìn koruna.

“Mensík ạ, cháu thấy đấy, chú Pitr nói với tôi sau đó, đây là một vụ giống như cái vụ giết bà lão ở phố Křemencova; bà này cũng bị thằng cháu họ của người coi nhà giết. Nhưng thật quý quái, cháu ạ, đôi khi chú cứ nghĩ

nếu vụ này người ta giao cho Mejzlık thì không biết anh ta sẽ xử lý đề bài thế nào? Nhưng chú thì không ảo tưởng. Thế đấy.”

MỘT GÃ LỪA TÌNH

“Cái này là sự thực,” ông thám tử Holub nói và khiêm tốn đàng hẵng. “Bên cảnh sát chúng tôi không thích các vụ đặc biệt, khác thường; chúng tôi không thích những người mới. Với kẻ tội phạm cũ mà đã quen biết thì công việc nó khác; trước hết là ta biết ngay rằng hãn ta làm vụ này vì đó là nghề của hãn; thứ hai là ta biết tìm hãn ở đâu và thứ ba là hãn không dài dòng chối tội, vì hãn biết rằng chả đi đến đâu. Các ông ạ, với người có kinh nghiệm như vậy thì điều tra là một việc sướng. Tôi nói với các ông nhé: trong tù bọn tội phạm chuyên nghiệp cũng được quý mến và được tin tưởng; những tên tội phạm mới và ngẫu nhiên là những kẻ hay đòi hỏi, hay tranh cãi và việc quản lý chúng rất vất vả; còn những tên tội phạm cũ thì đã biết rằng việc bị bỏ tù là tai nạn nghề nghiệp và y không làm khổ mình và người khác một cách vô ích. Nhưng vụ này không như vậy.

“Cách đây năm năm chúng tôi nhận được báo cáo từ khắp mọi miền là ở vùng quê Czech có một kẻ lừa tình hoành hành. Theo mô tả thì đây là một người đàn ông có tuổi, béo tốt, đầu hói và có năm cái răng vàng; tay này xưng họ là Muller, Procházka, Šimek, Šebek, Šinderka, Bílek, Hromádka, Pivoda, Bergr, Bejček, Stočes và hãy còn nhiều họ khác. Chết thật, mô tả này không giống bất cứ tên lừa tình nào của chúng tôi, hãn phải là người mới nào đó. Thế là ông hội đồng gọi tôi vào và nói: Holub ạ, anh làm thêm vụ này nhé, nếu có đi đâu anh hãy chú ý xem có gặp tên nào có năm cái răng vàng không. Vâng, được thôi, tôi bắt đầu nhìn răng mọi người trên tàu hỏa và trong vòng mười bốn ngày tôi đã tóm được ba ông có năm răng vàng. Chúng tôi phải kiểm tra giấy tờ tùy thân của họ, nhưng trời ạ, một trong số họ là thanh tra giáo dục, một vị còn là nghị sĩ và xin các ông

đừng hỏi thêm nhé, tôi đã bị họ và cả bên mình mắng cho. Thế là tôi điên lên và tôi khắc vào tim là tôi sẽ tóm được tên hạ đẳng này. Đây không phải là vụ của tôi, nhưng tôi thề với mình là tôi sẽ trả thù.

“Thế là tôi đến thăm tất cả những đứa con rơi và các bà góa mà tên trộm răng vàng đã moi tiền và hứa sẽ cưới. Các ông không tin chứ tất cả bọn họ khai giống nhau ở một điểm: ông này là người trí thức, đảng hoàng, có răng vàng và khu xử rất lịch thiệp trong cuộc sống gia đình; nhưng không bà nào lấy dấu vân tay của ông ta, thật khủng khiếp là các mục đàn bà này quá nhẹ dạ. Nạn nhân thứ mười một - người ở Kamenice - nói với tôi trong nước mắt, là ông này đến ở với cô ta ba lần; bao giờ cũng đến bằng tàu hỏa vào mười giờ ba mươi sáng và lần ra đi cuối cùng thì mang theo hết tiền của cô ta, hãnh nhìn vào số nhà của cô và nói một câu rất lạ: Em Mařenka ạ, có phải lòng trời không mà chúng ta lấy nhau; em có nhà số 618 còn anh bao giờ cũng xuất phát vào 6 giờ 18 phút, có phải đây là điềm tốt không? Khi nghe thấy cái này tôi nói: Cô ạ, tôi thề rằng đây là điềm tốt đấy. Và ngay lập tức tôi lấy quyển lịch trình tàu hỏa và tôi tìm xem từ bến nào tàu xuất phát vào 6 giờ 18 phút và nối chuyển với tàu đến Kamenice vào 10 giờ 35 phút. Khi đã so sánh và chỉnh sửa, tôi thấy rằng khả năng cao nhất là tàu từ bến Bystrice - Novoves. Các ông biết đấy, thám tử tàu hỏa phải có hiểu biết về các chuyến tàu.

“Tất nhiên, khi có ngày nghỉ đầu tiên tôi liền đi tàu đến bến Bystrice - Novoves và tôi hỏi xem có ông nào đó to béo và có răng vàng hay đi từ bến này không. Có, trưởng ga nói, đấy là ông Lacina, một hành khách thương gia, cư trú ở phố dưới kia kia; ông ấy vừa mới về từ đâu đó. Thế là tôi đến tìm ông Lacina; ở hành lang tôi gặp một bà nhỏ nhắn rất sạch sẽ và tôi hỏi: Có ông Lacina ở đây không? Chồng tôi đấy, bà ta nói, lúc này ông ấy vừa ăn xong và đang ngủ. Không sao, tôi nói và đi vào nhà. Một người đàn ông không mặc áo choàng đang ngủ trên ghế dài và kêu lên: Ái chà, đây là ông Holub; mẹ nó ơi mang ghế cho ông ấy đi.

“Lúc ấy tất cả mọi sự thù ghét trong tôi biến mất; rõ ràng là tên lừa đảo già Plichta rồi. Để các ông biết, đây là tay hay lừa đảo xố số. Tay Plichta này đã ngồi tù ít nhất chục lần. Chào cậu, Vincek, tôi nói, cậu không chơi xố số nữa à? Thôi rồi, Plichta nói và ngồi xuống ghế dài. Ông Holub ạ, nghề ấy phải chạy nhiều mà tôi đâu còn trẻ nữa. Năm mươi hai tuổi rồi, tuổi mà người ta thích ngồi. Đi từ nhà này đến nhà khác không hợp với chúng tôi nữa.

“Vì thế mày chuyển sang lừa tình, phải không, đồ lừa đảo, tôi nói với hắn.

“Plichta chỉ thở dài. Ông Holub ạ, hắn nói, người ta phải làm gì chứ. Ông biết không, lần tù trước tôi bị hỏng răng, tôi nghĩ là do ăn món hạt đậu. Thế là tôi phải làm răng, đúng không; và ông có tin không, ông Holub ạ, những cái răng vàng đã nâng đẳng cấp của con người. Nó tạo nên sự tin cậy và người ta cũng tiêu hóa tốt hơn và béo ra. Còn gì nữa, người ta phải hành nghề với những cái mà người ta có.

“Thế còn tiền mày để đâu? tôi nói với hắn. Trong số này tao có mười một vụ lừa tình của mày, tổng cộng là hai trăm mười sáu nghìn koruna. Tiền mày để đâu?

“Nhưng ông Holub ơi, Plichta nói, ông biết đấy, ở đây tất cả mọi thứ gộp lại là sáu mươi năm koruna, đồng hồ vàng và răng vàng. Mẹ nó ơi, anh đi với ông Holub lên Praha đây. Ông Holub ạ, tôi vẫn còn phải trả góp mấy cái răng vàng đấy, tổng cộng ba trăm koruna, cái này tôi phải giữ.

“Và một trăm năm mươi đồng mình phải trả thợ may đấy, người vợ nhắc. Em nói đúng đấy, Plichta nói. Ông Holub ạ, tôi rất tôn trọng sự chính xác. Nó phải thế, luôn luôn có trình tự trong mọi việc, đúng không? Sau đó ta thấy rõ trình tự mạch lạc trong công việc. Khi mình không nợ, mình có thể nhìn thẳng vào mắt mọi người. Cái này thuộc về nghề nghiệp, ông Holub ạ. Mẹ nó ạ, em chải cho anh cái áo khoác, để anh không phải xấu hổ ở Praha nhé. Thế nhé, ta đi thôi ông Holub ơi.

“Lần này Plichta bị tù năm tháng; những người đàn bà đứng trước hội đồng đều tuyên thệ rằng họ tự nguyện cho hãn tiền và tha lỗi cho hãn. Chỉ có một mục không bỏ qua bất cứ cái gì và đó là một mục góa giàu có và chỉ bơm cho hãn có năm nghìn.

“Nửa năm sau tôi lại nghe nói có hai vụ lừa tình. Chắc lại Plichta rồi, tôi tự nhủ, nhưng tôi không quan tâm nữa. Thời gian ấy tôi có việc ở ga tàu hỏa Pardubice vì ở đó có một tên trộm vali hoạt động; các ông biết chứ, tên này lấy trộm vali trên sân ga. Và vì gia đình tôi đang đi nghỉ hè ở một làng cách Pardubice một giờ đường, tôi mang cho gia đình một vali nhỏ xúc xích và thịt hun khói mà các ông biết đấy, ở miền quê thì cái này là hàng quý hiếm. Khi đi tàu, theo thói quen tôi đi dọc suốt cả đoàn tàu và ở trong một phòng thì tôi thấy Plichta đang ngồi với một bà lớn tuổi và đang kêu ca là thế giới ngày nay đang bị hư hỏng làm sao ấy.

“Này Vincek, tôi nói, mà lại hứa cưới ai đó à?

“Plichta đỏ mặt và vội xin lỗi quý bà kia, rằng có cuộc đàm phán thương mại với ông này; và khi ra đến hành lang với tôi hãn trách tôi: Ông Holub ơi, ông không phải nói như vậy với tôi trước người lạ; chỉ cần nháy mắt là tôi đến. Ông tìm tôi à? Chúng tao có hai vụ ở đây, Plichta ạ, tôi nói. Nhưng hôm nay tao bận việc khác, tao sẽ trao mà cho cảnh sát ở Pardubice.

“Nhưng ông Holub ạ, ông đừng làm thế tôi đã quen ông rồi, ông cũng đã biết tôi, tôi sẽ đi với ông thì hơn. Nào, ông Holub, chúng mình là chỗ quen biết từ trước mà.

“Không được, tôi nói, trước hết tao phải đến thăm gia đình tao, khoảng một giờ đi đường. Tao sẽ làm gì với mà cơ chứ.

“Tôi sẽ theo ông, ông Holub ạ, Plichta đề nghị. Ít ra đường đi cũng bớt điệu vợ.

“Được, thế là Plichta đi theo tôi; và khi chúng tôi đã qua thành phố hãn nói: Ông Holub ạ, ông để tôi xách cái vali cho. Ông xem này, tôi đã có

tuổi mà ông cứ mày tao với tôi trước người ngoài thì không hay.

“Thế nên tôi giới thiệu với vợ tôi và em vợ đây là ông Plichta - bạn cũ của tôi. Em vợ tôi rất xinh, cô ấy hai mươi năm tuổi còn tay Plichta thì nói chuyện hay lại nhã nhặn và chia kẹo cho bọn trẻ con. Tóm lại khi chúng tôi uống cà phê xong thì hẳn đề nghị là hẳn sẽ cùng cô em và lũ trẻ con đi dạo rồi hẳn nháy mắt cho tôi, cứ như là bọn đàn ông chúng mình hiểu nhau và tôi nên chuyện trò với vợ. Sau một giờ họ quay về thì lũ trẻ đã nắm tay chú Plichta, em vợ tôi thì sáng láng như một bông hồng và lúc chia tay cô ấy bắt tay hẳn rất lâu. Nghe này, Plichta, tôi nói với hẳn sau đó, mày còn muốn làm điên đầu Manička nhà tao hả?

“Nó là thói quen ấy mà, Plichta nói với giọng hơi buồn. Ông Holub ạ, tôi chẳng có lỗi gì đâu, tại mấy cái răng ấy. Tôi luôn luôn khổ vì cái này, đúng không? Với bọn đàn bà tôi không bao giờ nói chuyện tình yêu, nó không hợp với tuổi của tôi; và ông biết chứ, thế họ lại càng thích. Thế đấy, đôi khi tôi tự nhủ, rằng họ không yêu tôi vì tôi đâu, mà do sự ích kỷ của họ, vì tôi trông giống như người có địa vị vững vàng.

“Khi chúng tôi đến ga Pardubice tôi nói với hẳn, Plichta ạ, tao phải giao mày cho cảnh sát, vì tao phải điều tra vụ ăn trộm ở đây.

“Ông Holub ạ, Plichta cầu khẩn, thế ông cứ để tôi ngồi trong cái nhà hàng này; tôi sẽ uống trà và đọc báo, tiền tôi đưa cho ông đây, tất cả mười bốn nghìn và tiền lẻ nữa; không có tiền thì tôi không trốn được, vì tôi không có tiền để trả nhà hàng.

“Tôi bảo hẳn ngồi vào nhà hàng ở ga và đi làm việc của mình. Sau một giờ tôi nhìn qua cửa sổ; hẳn vẫn ngồi ở chỗ của mình, trên mũi là cái kính gọng vàng và đọc báo. Sau nửa giờ tôi xong việc và đi đến chỗ hẳn. Giờ thì hẳn ngồi cạnh bàn bên với một quý cô đáng chú ý, tóc vàng và béo tốt và hẳn đang chê trách anh bồi bàn một cách trang nghiêm về việc anh này mang cho cô này cà phê có cạnh. Khi thấy tôi hẳn chia tay với cái cô ấy và đến với tôi. Ông Holub ơi, hẳn nói, ông có thể bắt tôi sau một tuần được không? Tôi đang bận một việc mà.

“Cô này có giàu không? tôi hỏi hẳn.

“Plichta phẩy tay. Ông Holub ạ, hẳn nói khẽ, cô ấy có nhà máy và đang cần người có kinh nghiệm để đôi khi tư vấn cho cô ấy. Bây giờ cô ấy phải trả tiền mua máy móc mới gì đó.

“À vậy, thế thì lại đây, tao sẽ giới thiệu cho. Và tôi đi về phía cô gái. Chào Lojzička, tôi nói, mà vẫn luôn luôn đi săn mấy ông lớn tuổi à?

“Cô tóc vàng ấy đỏ mặt đến tận gáy và nói: Trời ơi, ông Holub ạ, tôi đâu biết ông này là bạn ông!

“Thế thì xéo cho mau, tôi nói với cô ta. Ông cảnh sát trưởng Dudr đang muốn nói chuyện với mày đấy; mày biết chứ, cái này gọi là lừa đảo.

“Plichta như tan nát. Ông Holub ạ, tôi không thể tin được là cái cô ấy lại là kẻ lừa đảo!

“Nó đấy, tôi nói, thêm vào đó nó là gái lừa tình; mày có biết nó moi tiền của các ông lớn tuổi bằng cách hứa sẽ lấy họ không.

“Plichta xám ngoét. Tờm lợm, hẳn nhổ bọt, thế thì làm sao tin được bọn đàn bà cơ chứ! Ông Holub ạ, cái này sẽ kết thúc tất cả!

“Đợi đây một lát nhé, tôi nói, tao sẽ mua vé đi Praha cho mày. Hạng hai hay hạng ba?

“Ông Holub ạ, Plichta cự lại, đừng phí tiền. Tôi bị bắt nên có quyền đi tàu miễn phí, đúng không. Ông hãy đưa tôi đi bằng tiền nhà nước. Mình phải tính từng cắc chứ.

“Trên suốt chặng đường về Praha, Plichta luôn chửi cái con đàn bà; đây là vụ cay đắng sâu sắc nhất về đạo đức mà tôi thấy. Khi chúng tôi xuống tàu ở Praha, Plichta nói, ông Holub ạ, tôi biết, lần này tôi sẽ ngồi bảy tháng mà các món ăn trong tù thì không tốt cho tôi. Vậy ông hãy cho tôi ăn một bữa đàn ông hoàng nhé. Cái mười bốn nghìn mà ông cầm của tôi ấy là tất cả những gì vụ cuối cùng đem lại cho tôi, thế thì tôi cũng phải được ăn một bữa chứ; bù lại tôi sẽ trả tiền cà phê cho ông. Thế là chúng tôi đi vào quán

bia hạng sang; Plichta ăn món thịt bò chần và uống hết năm cốc bia và tôi trả tiền từ túi của hắn, trước đó hắn kiểm tra hóa đơn những ba lần để bồi bàn khỏi gian lận.

“Nào, giờ thì về phòng cảnh sát, tôi nói.

“Khoan nào, ông Holub ời, Plichta nói. Vụ cuối cùng tôi chỉ hơi nhiều đấy. Bốn lần đi về với giá bốn mươi tám koruna, tổng cộng là ba trăm tám mươi tư koruna. Lúc ấy hắn đeo kính và tính trên giấy. Sau đó phải kể đến phụ cấp mỗi ngày ba mươi koruna, tôi phải sống đàng hoàng chứ, ông Holub ạ, cái này thuộc về thương mại. Tổng là một trăm hai mươi koruna. Sau đó tôi tặng cô ấy bó hoa giá ba mươi năm koruna, ông biết đấy, đó là vì lịch thiệp. Nhẫn hứa hôn giá hai trăm bốn mươi koruna, - nhẫn mạ vàng, ông Holub ạ; nếu tôi không là người thành thật thì tôi đã nói là nhẫn vàng và đã tính sáu trăm, đúng không nào. Sau đó tôi đã mua bánh kem cho cô ấy giá ba mươi koruna; sau đó là năm bức thư mỗi tuần, giá một koruna mỗi lần gửi và tiền đăng quảng cáo làm quen cô ấy mất mười tám koruna. Tổng cộng là tám trăm ba mươi hai koruna, ông Holub ạ. Tôi đề nghị ông trừ khoản này cho tôi, và tôi xin cất ở chỗ ông. Tôi thích quy củ, ông Holub ạ, ít ra là đối với các khoản chi phí tôi đã phải chi. Giờ thì đi được rồi.

“Khi chúng tôi đến hành lang của phòng cảnh sát thì Plichta bỗng nhiên nhớ thêm: Ông Holub ạ, tôi còn tặng cô ấy một lọ nước hoa; thế là tôi còn có thêm hai mươi koruna nữa đấy.

“Sau đó hắn hí mũi và yên tâm để người ta dẫn đi.”

BI HÙNG CA VỀ JURAJ ČUP

“Điều này, các ông ạ, thực sự hay xảy ra,” đại úy cảnh sát Havelka nói, “rõ ràng là đôi khi bọn tội phạm cũng có ý thức và quy củ.” Tôi có thể kể cho các ông nhiều vụ, nhưng vụ lạ nhất là vụ với tên Juraj Čup. Vụ này xảy ra khi tôi làm việc ở bên cảnh sát tại Jasina, miền Podkarpatsko*.

Miền này thuộc về Tiệp Khắc cũ cho đến năm 1938 khi Tiệp Khắc bị Đức chiếm. Sau Đại chiến Thế giới thứ hai miền này bị cắt cho Ukraina (thuộc Liên Xô cũ).

“Có một lần vào đêm tháng Một chúng tôi ngồi trong quán của ông Do Thái già; ở đó có ông huyện đội trưởng, một ông thanh tra đường sắt nào đó và một nữ danh nhân nổi tiếng, và tất nhiên là có dân Tsigan. Các ông nghe nhé, cái dân Tsigan này, tôi không biết là dân tộc gì, nhưng tôi nghĩ họ là con cháu của Kham*. Khi họ chơi nhạc vào tai người ta, càng gần thì nhạc càng nhỏ, đúng là bọn chuột cống chết tiệt, hể chúng chơi ảo thuật vào tai người ta, tu...tu...tu thì chúng lôi linh hồn người ta ra khỏi cơ thể. Tôi nói với các ông nhé, âm nhạc của chúng là một thứ tội lỗi huyền bí và khủng khiếp. Khi chúng lại gần tôi, tôi phát khóc lên, tôi rú lên như con hươu, tôi cầm lưỡi lê đâm vào bàn, tôi đập vỡ cốc, tôi hát và đập đầu vào tường, tôi muốn giết ai hoặc yêu ai đó. Trời ạ, người ta làm những việc như thế khi bọn Tsigan nó chài người ta. Và khi tôi đang hân hoan nhất thì ông chủ quán người Do Thái đến và nói rằng bên ngoài, trước quán bia có một người Rusín* nhỏ bé đến tìm tôi.

Theo Kinh Thánh - Cựu Ước: Kham là con trai thứ hai của Noe - tổ tiên của Harnit, một trong những người sống sót sau trận hồng thủy. Con trai

của ông là Canaan, người bị Noe nguyên rửa và bắt làm nô lệ cho các anh em của mình.

Dân tộc sống ở miền Zakarpaty.

“Ông bảo nó cứ đợi đấy hay ngày mai nó hãy đến, tôi quát; tôi đang khóc cho tuổi trẻ và đang chôn vùi các giấc mơ của mình; ta yêu một phu nhân, một phu nhân tuyệt đẹp và vĩ đại... hãy chơi cho ta đi, đồ Tsigan trộm cắp, hãy chơi cho ta nỗi đau từ tâm hồn... tóm lại là tôi nói những câu như thế; các ông biết đấy, nó đi với cái âm nhạc ấy, cả nỗi đau và cái việc uống say khủng khiếp. Sau khoảng một giờ chủ quán lại đến và nói rằng cái cậu người Rusín nhỏ bé ấy vẫn đợi bên ngoài trên băng tuyết giá lạnh. Nhưng tôi vẫn chưa khóc xong cái tuổi trẻ và chưa dìm chết nỗi đau của mình trong rượu Tokai Aszu*, tôi chỉ phẩy tay như Thành Cát Tư Hãn và nói rằng tôi không quan tâm gì hết, các người cứ chơi đi, lũ Tsigan kia; và sau đó có chuyện gì thì tôi cũng chẳng nhớ rõ nữa. Nhưng buổi sáng khi tôi ra khỏi quán, trời giá lạnh đến mức tuyết rơi lạo xạo và tiếng vang như chuông, nhưng trước quán rượu cái thằng Rusín nhỏ bé ấy vẫn đứng đấy, chân đi đôi giày mỏng màu trắng, mặc quần trắng và áo da cừu trắng. Khi nhìn thấy tôi nó cúi rạp mình và nói cái gì đó giọng khàn khàn.

Một loại rượu vang của Hungaria.

“Mày muốn gì hả, thằng chần chừ kia, tôi nói; nếu mày muốn làm phiền thì tao sẽ cho cái tát.

“Thưa ông lớn, thằng Rusín nhỏ bé ấy nói, ông trưởng thôn Volova Lehota bảo tôi đến đây. Maryna Matejová đã bị giết chết.

“Tôi tỉnh ra được một chút; Volova Lehota là một thôn nhỏ, đúng hơn là một xóm nhỏ trong núi với mười ba ngôi nhà, cách đây khoảng ba mươi kilômét, tóm lại là vào mùa đông thì đây là một chỗ hẻo lánh. Trời ạ, tôi hét lên, ai đã giết cô ta?

“Tôi đã giết, thưa ông lớn, thằng Rusín ấy khiêm nhường nói. Tên tôi là Juraj Čup, con trai của Dimitr Čup.

“Mày đến đây để thú tội à? tôi nói với nó.

“Trường thôn ra lệnh, Juraj Čup nói giọng chán nản. Juraj, ông ấy ra lệnh, mày phải đến báo với cảnh sát là mày đã giết Maryna Matejová.

“Tại sao mày lại giết cô ta? tôi quát lên.

“Trời phạt, Juraj nói, cứ như đó là chuyện đương nhiên. Thượng đế đã ra lệnh: người hãy giết Marina Matejová, chị ruột của người, cái đồ bị ma ám ấy.

“Trời đánh mày đi, tôi nói, nhưng mày làm thế nào đi được từ Volova Lehota đến đây?

“Trời giúp tôi, Juraj Čup ngoan đạo nói. Thượng đế đã bảo vệ tôi khỏi chết trong bão tuyết. Thượng đế vinh quang muôn năm.

“Các ông nghe nhé, nếu các ông biết thế nào là bão tuyết ở Karpaty; nếu các ông biết nó như thế nào, khi mà trên mặt đất là hai mét tuyết; nếu các ông biết cái con người nhỏ thó và yếu đuối ấy, thằng Juraj Čup ấy, đã đợi sáu giờ đồng hồ trong băng tuyết giá lạnh trước quán rượu để khai báo là nó đã giết con chiên không ngoan đạo rượu là Maryna Matejová thì tôi không biết các ông sẽ làm gì. Nhưng tôi làm dấu thánh và Juraj cũng thế, sau đó tôi bắt nó. Sau đó tôi rửa mặt bằng tuyết, chốt bàn trượt tuyết cùng với một cảnh sát, tên anh ta là Kroupa, và chúng tôi lao lên phía núi, lên Volova Lehota. Nếu có vị tướng cảnh sát nào đẩy dừng tôi lại và nói: Havelka, đồ ngốc ời, anh đừng có đi đâu cả, vì rõ ràng trong tuyết dày như thế này anh có thể mất mạng, thì tôi sẽ chào ông ấy và nói: Báo cáo tướng quân, Thượng đế đã ra lệnh và tôi sẽ đi. Kroupa cũng sẽ đi vì anh ta là người Žižkov, tôi chưa thấy người Žižkov nào không thích mua vui khi có bất cứ trò gì quá đà và nhảm nhí. Thế là chúng tôi đi.

“Tôi sẽ không kể về đường đi của chúng tôi; tôi chỉ nói là Kroupa khóc lóc như một em bé vì sợ hãi và vì mệt và chúng tôi đã hai mươi lần nói: Thế là xong đời, thế là chúng mình nằm lại chỗ này, rằng chúng tôi đã vượt qua ba mươi kilômét mất mười một giờ, từ đêm hôm trước đến đêm

hôm sau; tôi chỉ nói thế thôi, để các ông biết tình hình là thế nào. Trời ạ, người cảnh sát có thể trạng của một con ngựa, nhưng khi anh ta ngã xuống tuyết và khóc lóc rằng không thể đi được nữa thì phải thế nào chứ, cái này không thể tả được. Tôi bước đi như trong mơ và chỉ tự nhủ, con đường này do thằng Juraj Čup đã mở ra, cái thằng người nhỏ bé như con dao và còn đợi trong băng giá thêm sáu giờ đồng hồ vì trưởng thôn đã ra lệnh cho nó. Juraj Čup đi đôi giày mỏng và ướt rượt, Juraj Čup trong bão tuyết, Juraj Čup được trời giúp. Các ông nghe này, nếu hòn đá rơi ngược lên trời thay vì rơi xuống đất thì các ông sẽ nói đây là điều lạ lùng, nhưng không ai nói thế với cái chuyến đi của Juraj Čup, đũa đã đi đến đây để tự thú như vậy; đây là một hiện tượng lớn và sức mạnh khủng khiếp, hơn cả hòn đá rơi ngược lên trời. Khoan nào, để tôi nói nhé; tôi nói: nếu ai muốn nhìn thấy điều kỳ lạ, người ấy phải nhìn vào con người, đừng nhìn vào đá.

“Thế rồi khi chúng tôi đến Volova Lehota, chúng tôi lê lết như những cái bóng, gần như chết rồi. Chúng tôi đấm cửa nhà trưởng thôn, tất cả mọi người còn đang ngủ; sau đó trưởng thôn, một người to lớn cầm bành, cầm súng đi ra. Khi thấy chúng tôi, ông ấy quỳ xuống và tháo bành trượt tuyết cho chúng tôi, nhưng không nói một lời. Khi tôi nhớ lại, cứ như thể tôi nhìn thấy những bức tranh long trọng được đơn giản hóa kỳ lạ: ông trưởng thôn lặng thinh dẫn chúng tôi vào một nhà, trên ghế là hai ngọn nến đang cháy; một phụ nữ mặc đồ đen đang quỳ trước thập tự và trên giường là thi thể của Maryna Matejová trong áo sơ mi trắng, cổ bị chém đến tận xương sống cổ; nhát chém thật khủng khiếp nhưng sạch đến kỳ lạ, y như người đồ tể xẻ con lợn; mặt cô ta trắng bệch như không phải mặt người, trắng như những người đã bị mất máu đến giọt cuối cùng.

“Sau đó trưởng thôn dẫn chúng tôi về nhà, nhưng trong phòng của ông ta đã có mười một người đàn ông mặc áo lông cừu đang đợi, tôi không biết các ông có biết áo lông cừu nó hôi như thế nào không: nặng mùi và cổ lổ. Trưởng thôn mời chúng tôi ngồi, ông ta đặng hăng, nghiêng mình rồi nói: Nhân danh Thượng đế, chúng tôi xin khóc cho cái chết của con chiên của Ngài, Maryna Matejová. Xin Thượng đế xá tội cho nó!

“Amen, mười một người đàn ông nói và làm dấu thánh.

“Và trưởng thôn bắt đầu: Cách đây hai hôm ông nghe thấy có ai đó cào cái gì, cào nhẹ nhẹ từ bên ngoài vào cửa. Ông ta nghĩ đấy là con cáo; ông ta cầm súng và ra mở cửa. Trên ngưỡng cửa là một phụ nữ đang nằm. Ông nâng cô ta dậy thì đầu cô ta bị lật ra phía sau. Đấy là Maryna Matejová đã bị cắt cổ. Vì cổ họng đã bị chém đứt, cô ta không nói được.

“Trưởng thôn đem Maryna vào phòng và đặt cô ta lên giường, sau đó ông ta sai các cậu bé chặn cửa đi đánh thức và gọi tất cả đàn ông ở Volova Lehota đến nhà ông ta. Khi họ đã đông đủ thì ông ta quay sang nhìn Maryna và nói: Maryna Matejová, trước khi chết cô hãy để lại chứng cứ về người giết cô. Maryna Matejová tôi có giết cô không?

“Maryna không lắc đầu được, chỉ nhắm mắt.

“Maryna, có phải cái anh đang ở đây này, hàng xóm của cô, Vlaho, con của Vasyl?

“Maryna chỉ nhắm nghiền đôi mắt oán hận của mình.

“Maryna Matejová, có phải ông Kohout có mặt ở đây, còn gọi là Vaňka? Có phải anh này Martin Dudáš hàng xóm nhà cô? Maryna, có phải người này, Baran còn được gọi là Šandor? Maryna, có phải người đang đứng đây, Andrej Vorobec? Maryna, có phải Klimko Bezuchý đang đứng trước mặt cô? Maryna, có phải người đàn ông này, Štěpán Bobot? Maryna, có phải người giết cô là Tat’ka, thợ rừng, con của Myhal Tat’ka? Maryna...

“Lúc ấy cửa mở ra và Juraj Čup, em trai của Maryna bước vào. Maryna run lên, mắt mở trừng trừng.

“Maryna, trưởng thôn tiếp tục, ai đã giết cô? Có phải người này Fodor, tên là Terentík?

“Nhưng Maryna không trả lời nữa. Các vị hãy cầu nguyện đi, Juraj Čup nói và tất cả đàn ông quỳ xuống. Cuối cùng thì trưởng thôn đứng dậy và nói: Hãy cho đám đàn bà vào đây!

“Chưa được, ông già Dudáš nói. Hỡi con chiên đã mất của Chúa, Maryna Matejová, nhân danh Chúa, con hãy ra hiệu: có phải thằng Duro chặn cừu giết con không?”

“Im lặng.

“Maryna Matejová, có phải thằng chặn cừu Tóth Ivan, con của Ivan giết con không?”

“Không ai thờ.

“Maryna Matejová, nhân danh Chúa, như vậy em ruột con, Juraj Čup đã giết con?”

“Tôi đã giết chị ấy, Juraj Čup nói. Thượng đế đã ra lệnh cho tôi, con hãy giết Maryna, đứa bị quỷ ám.

“Vuốt mắt cô ấy lại, trưởng thôn ra lệnh. Juraj, bây giờ mày hãy đi đến Jasina và khai với cảnh sát. Mày hãy nói: tôi đã giết Maryna Matejová. Cho đến lúc đó mày không được ngồi xuống, không được ăn gì! Đi đi, Juraj! Lập tức ông ta mở cửa và cho đám đàn bà vào, để họ khóc lóc bên thi thể.

“Các ông nghe nhé, tôi không rõ do mùi những cái áo lông cừu hay do mệt mỏi, hay do những cái tôi đã nhìn và nghe thấy, ở đây có một cái đẹp hay là sự trang nghiêm kỳ lạ, nhưng tôi phải ra ngoài, ra chỗ lạnh giá, vì đầu tôi quay cuồng. Tôi thề, trong người tôi có cái gì dâng lên như muốn tôi đứng dậy và nói: Hỡi những người con của Chúa! Chúng tôi sẽ xử thằng Juraj Čup theo luật của thế tục, nhưng trong các vị là luật của trời. Và tôi muốn cúi rạp mình trước họ, nhưng điều này không hợp với cảnh sát, vì thế tôi ra ngoài lâu để tự trách mình cho đến lúc tôi tìm lại được cái hồn cảnh sát của mình. Các ông biết không, cái nghề cảnh sát nó là nghề thô ráp. Sáng dậy tôi lục lọi và tìm thấy trong nhà thằng Juraj Čup những tờ đô la, những đồng tiền mà Maryna nhận được từ chồng cô ta gửi về từ Mỹ. Tất nhiên tôi phải làm báo cáo và các luật sư chuyển vụ này thành vụ giết người cướp của, Juraj Čup bị treo cổ nhưng không ai có thể thuyết phục tôi là nó đã đi qua chặng đường ấy chỉ bằng sức của con người. Tôi biết rõ thế

nào là sức của con người. Và tôi nghĩ rằng tôi biết, dù chỉ một chút thôi, về sự phán xét của Thượng đế.”

CÁI CHÂN BỊ MẤT

“Khó mà ai tin,” ông Tymich nói, “con người đôi khi chịu đựng được đến mức nào. Khoan đã, chuyện này xảy ra vào thời Chiến tranh*, khi tôi phục vụ ở Ba mươi năm*; ở đấy chúng tôi có một người lính trẻ, tên là gì nhỉ, hình như Dynda hay Otahal hay Peterka, nhưng chúng tôi gọi cậu ấy là Pepek; nói khác đi là một người rất hiền, nhưng ngây ngô, tới mức mà các anh có thể khóc được vì thương cậu ấy. Ừ, khi họ bắt chúng tôi đi huấn luyện thì cậu ấy làm tất cả những gì có thể, cậu ấy chịu đựng như một con cừu, nhưng khi họ đưa chúng tôi ra mặt trận, lúc bấy giờ ở gần Krakov, họ chọn cho chúng tôi một vị trí không tốt, chỗ đó bị pháo binh Nga bắn trúng. Pepek không bị sao, chỉ đứng đó nhìn thôi, nhưng khi cậu ấy đến chỗ một con ngựa bị rách bụng, con ngựa vẫn còn thở và muốn đứng dậy, thì cậu ấy tái mét, ném mũ xuống đất và phạm tội làm nhục Hoàng đế*, cậu ấy để súng và ba lô xuống đất rồi chạy về phía sau.

Thời Đại Chiến Thế giới thứ nhất, Tiệp Khắc cũ bấy giờ thuộc về Đế quốc Áo (Áo-Hung).

Một đơn vị quân đội Hoàng gia Áo.

Hoàng đế Áo.

“Tôi thề là tôi không thể tưởng tượng ra bằng cách nào cậu ta đi năm trăm kilômét về đến nhà, nhưng một đêm cậu ta gõ cửa nhà mình và nói với vợ. Mẹ nó ơi, anh đây, anh đã về và sẽ không đi đâu nữa; nhưng nếu họ tìm thấy anh thì xong đời; anh trốn nghĩa vụ quân sự. Khi hai người đã khóc đủ với nhau rồi thì cô vợ nói: Pepek ạ, em không nộ anh đâu, em sẽ giấu anh trong chuồng phân, ở đấy không ai tìm ra anh. Thế là cô ta đào chuồng

phân, đập các tấm ván và Pepek ngồi ở trong cái hang ấy năm tháng trời; trời ạt, cái này thì đến cả những người tử vì đạo cũng không chịu nổi. Sau này vì chuyện con gà mái mà bà hàng xóm tố cáo cậu ta, cảnh sát đến lôi Pepek từ trong phân ra; các ông nghe nhé, họ phải mua thêm mười mét thùng để khỏi phải ngồi cậu ta khi họ giải cậu ta ra thành phố.

“Khi Pepek đã bớt mùi thì họ xử cậu ta trước tòa án binh. Lúc bấy giờ có một thẩm phán tòa án*, một ông Dillinger; có người nói ông ta là chó săn, có người bảo ông ta là tay chơi, nhưng ông này biết chửi rửa. Các ông nghe nhé, cái này thì phải giữ gìn: thời Đế quốc Áo người ta biết chửi lắm! Ở đây ta nhìn thấy truyền thống thời trước. Ngày nay không mấy ai biết chửi thành thật, nhưng làm nhục thì họ biết. Thế là thẩm phán Dillinger đặt Pepek ở giữa sân và xử cậu ta từ trên cửa sổ vì không muốn cậu ta đứng gần mình. Các ông biết đấy, vụ của Pepek rất tệ, bỏ chạy khỏi chiến trường, xứng tội tử hình bằng xử bắn và có trời cứu. Và cái ông Dillinger cũng không mất công lưỡng lự với bất kỳ ai, ông ta rõ ràng là chó săn mà. Nhưng đến lúc phải quyết định về bản án, tay Dillinger quát lớn từ cửa sổ: Này Pepek, khi anh bị chôn trong phân, có đêm nào anh chui vào nhà ngủ với vợ không?

Tòa án binh của Đế quốc Áo.

“Pepek bõn chồn cửa quây, sau đó đỏ mặt lên và buột miệng: Xin phép thưa ngài thẩm phán, đôi khi, không thì không xong.

“Lúc ấy thẩm phán đóng cửa sổ lại và nói: Trời ạt! Sau đó ông ta lắc đầu và chạy quanh phòng, lúc đã bình tĩnh lại ông ta nói: Họ có thể đuổi tôi về hưu chứ tôi không xử tử hình tên này, nhất là vì mục đàn bà ấy; tởm lợm, đây là tình yêu vợ chồng! Và sau đó ông ta thỏa thuận được việc phạt tù bị can ba năm trong căn cứ quân sự.

“Trong cái căn cứ ấy Pepek, người tù, có nhiệm vụ coi vườn của người chỉ huy. Chỉ huy lúc bấy giờ là đại tá Babka. Ông Babka sau này có nói là chưa bao giờ vườn của ông có rau đẹp và tốt như khi được Pepek vun trồng. Có quý biết, ông chỉ huy nói, rau nó tốt là do cái gì.”

“Thời chiến tranh,” ông Kral nói, “có những việc đặc biệt xảy ra; và nếu tập hợp tất cả những cái mà người ta làm để khỏi phải đi chiến đấu cho nước Áo thì còn nhiều trang viết hơn cả tuyển tập *Acta sanctorum*, tuyển tập mà các cha đạo Bollandist đã xuất bản. Tôi có đứa cháu họ, tên là Lojzík*, nó nói với tôi: Chú ạ, cháu bảo chú nhé, họ không đưa cháu ra chiến trường được đâu, cháu thà chịu chặt chân còn hơn là đi giúp bọn chuột Đức. Thằng Lojzík là một cậu bé thông minh. Khi đám lính mới tập trên thao trường thì nó rất năng nổ nên các cấp trên nhìn thấy ở nó một anh hùng trong tương lai, thậm chí một viên hạ sĩ, nhưng khi gió đã nổi lên, chỉ sau mấy ngày người ta chở chúng nó ra mặt trận thì nó bị sốt, nó ôm chặt nửa bụng bên phải và kêu ca thật đáng thương. Thế là họ mang nó vào bệnh viện và cắt ruột thừa cho nó và Lojzík đã làm cho vết thương của nó chậm lành. Nhưng sau sáu tuần thì vết mổ vẫn tạm lành dù nó có làm thế nào chẳng nữa và chiến tranh thì vẫn chưa kết thúc. Lần đó tôi đến thăm nó trong bệnh viện. Lojzík nói, chú ạ, bây giờ thì có thánh cũng không cứu nổi cháu nữa, cháu chờ họ chở mình đi bất cứ lúc nào.

Lojzík/Lojza là tên gọi thân mật của Alois.

“Lúc bấy giờ Tổng trưởng Quân y bên mình* là lão Oberhuber nổi tiếng. Sau này mới biết rằng lão này hoàn toàn bị điên, nhưng các ông biết đấy, chiến tranh là chiến tranh và nếu các ông mặc sơ mi cổ dạt vàng cho lợn rừng thì con vật ấy vẫn cứ là chỉ huy. Tất nhiên là trước mặt lão Oberhuber tất cả đều bị xáo trộn; lão này đến các bệnh viện và quát nạt tất cả mọi người: *Hành quân ra trận ngay!* Ngay cả khi người ta bị lao nặng hay bị bắn thủng tửy sống, không ai được phép cự lại lão. Lão không thèm nhìn xem người bệnh có bệnh gì được ghi trên bảng ở đầu giường bệnh, lão chỉ nhìn từ xa và quát: *Frontdiensttauglich! Sofort einrücken!** Sau đó thì các vị thánh cũng chẳng giúp gì được anh nữa. Thế rồi lão Oberhuber đến thanh tra bệnh viện, nơi Lojzík đang chờ đợi số phận của mình. Khi người ta nghe thấy tiếng ồn ào ở cửa bên dưới, tất cả mọi bệnh nhân chỉ trừ những

người đã chết, phải đứng nghiêm bên cạnh giường mình để đón chào quan lớn theo thông lệ. Vì chờ đợi hơi lâu nên để đỡ mõi Lojzík co một chân lên, tì đầu gối vào giường và đứng trên một chân. Lúc ấy lão Oberhuber xông vào, mặt đỏ tía tai vì tức giận và quát ngay khi vào cửa: Ra mặt trận! Người này được! *Tauglich**! Sau đó lão nhìn vào Lojzík đang đứng trên một chân, lão đỏ mặt hơn. *Einbeinig**, lão quát. *Sofort**, gửi ngay về nhà! Trời, tại sao các vị giữ ở đây thẳng một chân? Đây là chuồng cho bọn què à? Tổng cố nó đi ngay! Đờ láo, vì việc này tao sẽ tổng hết chúng mày ra mặt trận! Các đại diện tái mặt vì sợ hãi, họ lắp bắp rằng tất cả mọi việc sẽ được xử lý ngay, nhưng lúc đó Oberhuber đã hét bên giường bên, rằng người lính vừa mổ hôm qua phải ra ngay mặt trận.

Quân y của Đế quốc Áo.

Tiếng Đức: Đủ sức ra mặt trận, cho đi ngay!

Tiếng Đức: Phù hợp.

Tiếng Đức: Một chân.

Tiếng Đức: Ngay lập tức.

“Giờ phút đó Lojzík, với chữ ký của chính tay lão Oberhuber, được thả về như là người thương binh một chân. Vì Lojzík là một thanh niên khôn lỏi nên nó lập tức nộp đơn để nó, một thương binh nặng, năm nào cũng được gạch tên khỏi danh sách nam giới có nghĩa vụ quân sự và được hưởng phụ cấp thương binh. Nhưng làm nghề thợ bánh mì thì nó phải có cả hai chân, dù là chân cong như người ta nói về thợ bánh mì, cho nên khi ai đã có giấy chứng nhận là chỉ có một chân thì người đó không thể được làm nghề của mình. Với những thủ tục hành chính phức tạp cần thiết nó được chứng nhận là thương binh bốn mươi năm phần trăm, trên cơ sở đó nó được nhận ngàn nấy tiền trợ cấp thương binh hằng tháng. Được, thế là trang sử về cái chân bị mất bắt đầu từ đó.

“Từ khi ấy Lojzík nhận trợ cấp thương binh, nó giúp bố nó trong lò bánh mì và sau đó cưới vợ, nhưng đôi khi nó quan sát và thấy rằng cái chân

của nó mà lão Oberhuber không công nhận hơi bị khập khiễng và trông hơi lạ; nhưng nó cũng mừng, rằng trông hơi giống như đi chân giả. Chiến tranh kết thúc và nước Cộng hòa* ra đời, nhưng Lojzík nhờ sự quy củ và nhân đạo của chế độ vẫn tiếp tục được nhận trợ cấp thương binh.

Nước Cộng Hòa Tiệp Khắc cũ tách ra từ Đế quốc Áo vào năm 1918.

“Có lần nó đến gặp tôi và tôi thấy ngay là nó có điều gì lo lắng. Chú ạ, nó buột miệng sau một lát, cháu có cảm giác rằng cái chân cháu nó ngăn lại hay khô đét đi. Và nó rút chân ra khỏi ống quần cho tôi xem; cái chân đã nhỏ như cái que. Cháu sợ quá chú ạ, Lojzík nói, có khi cái chân này teo mất.

“Thì cháu đi khám bác sĩ đi, ngốc ạ, tôi khuyên nó. Chú ạ, Lojzík than thở, cháu nghĩ đây không phải là bệnh mà do cháu không được phép có chân. Rõ ràng trên giấy tờ cháu đã mất chân phải đến tận đầu gối, chú có nghĩ là do đó chân cháu teo đi không?

“Sau một thời gian nó lại đến thăm tôi, lần này nó phải chống nạng. Chú ạ, nó nói đây đau xót, cháu là thương binh thật rồi. Cháu không thể đứng với cái chân này nữa. Bác sĩ nói rằng đây là bệnh teo cơ, chắc là do thần kinh. Ông ấy gửi cháu đi suốt khoảng điều trị, nhưng cháu có cảm giác là chính ông ấy cũng không tin điều này. Chú ạ, chú sờ mà xem, chân cháu lạnh ngắt, cứ như là nó chết. Bác sĩ bảo là do máu lưu thông kém, chú có nghĩ là cái chân này sẽ thối rữa không?

“Lojza à, cháu nghe này, tôi bảo nó, chú chỉ cho cháu một lời khuyên: cháu hãy đăng ký hành chính cho cái chân này đi và yêu cầu họ gạch cái từ một chân ra khỏi tên cháu. Chú nghĩ rằng sau đó cái chân sẽ khỏi.

“Nhưng chú ạ, Lojzík cự lại, họ sẽ bảo rằng cháu nhận trợ cấp thương binh phi pháp và cháu đã gian lận của nhà nước nhiều tiền. Và rồi cháu phải trả lại tiền cho họ!

“Thế thì cháu cứ giữ tiền, đồ nướng bánh hà tiện ạ, tôi nói, nhưng cháu sẽ mất chân. Và đừng có đến kêu với chú nữa.

“Sau một tuần nó lại đến. Chú ạ, nó than thở ngay khi đến cửa, ủy ban không muốn thừa nhận cái chân này; họ bảo chân đã teo rồi và không cần nữa, cháu phải làm gì đây?”

“Các ông không thể tin nổi Lojzík phải chạy bao nhiêu lần để được công nhận về hành chính, rằng nó có hai chân. Nhưng tất nhiên là sau đó Lojzík gặp rắc rối vì gian lận tiền trợ cấp của nhà nước, thậm chí có thể bị xử vì việc trốn trách nhiệm nghĩa vụ quân sự. Tội nghiệp Lojzík, nó phải chạy hết từ phòng này đến phòng nọ, nhưng chân nó bắt đầu khỏe ra. Có thể chân nó khỏe ra là vì nó phải chạy ngằn nấy, nhưng tôi nghĩ là do người ta đã chính thức công nhận chân nó; cái giấy chứng nhận hành chính thực sự có sức mạnh to lớn. Hay là tôi nghĩ rằng chân nó bị teo là do nó có chân không hợp pháp; việc như thế không ổn và phản lại con người. Tôi xin nói với các ông rằng giữ lương tâm trong sáng là môn vệ sinh tốt nhất và nếu người ta ngay thẳng thì có lẽ người ta sẽ không phải chết.”

CĂN BỆNH CHÓNG MẶT

“Lương tâm,” ông Lacina nói, “bây giờ người ta không nói thế nữa; bây giờ ta gọi nó là những hình dung bị đè nén, nó cũng như bị đấm hay là nện ấy. Tôi không biết có ai trong các ông biết cái vụ về ông chủ nhà máy Gierke hay không. Đây là một người giàu có và sang trọng, cao lớn như cái cột; người ta nói rằng ông ấy góa vợ, nhưng ngoài ra chẳng ai biết gì về ông ấy, một người tính tình kín đáo. Hồi trên bốn mươi tuổi ông ấy yêu một cô rất xinh mười bảy tuổi và cô này đẹp tuyệt vời, đẹp tới mức mà người ta phải nín thở; cái sắc đẹp thực thụ làm cho trái tim anh thót lại với sự tiếc nuối và sự mềm lòng hay gì đó nữa. Và Gierke lấy cô gái nhỏ bé ấy vì ông ta là Gierke to lớn và giàu có. Họ đi nghỉ tuần trăng mật ở Italia và ở đó xảy ra một việc thế này. Ở Venezia họ leo lên tháp cao và khi Gierke nhìn xuống dưới - nghe nói cảnh nhìn xuống rất đẹp - thì bỗng nhiên mặt ông ta xám ngoét đi, ông ta quay lại nhìn người vợ xinh đẹp của mình và ngã xuống như bị đốn ngã. Từ đấy ông ta càng kín đáo hơn thế nào ấy, làm việc nặng nhọc hơn để trông như không có gì xảy ra, nhưng ông ta có đôi mắt bất an và tuyệt vọng. Các ông biết không, cô vợ trẻ của ông ta rất sợ hãi và đưa ông ta về nhà; họ có một ngôi nhà rất đẹp trong khu nhà vườn của thành phố, ở đây bắt đầu xảy ra những hành động kỳ quặc của Gierke: ông ta đi từ cửa sổ này đến cửa sổ khác để xem đã đóng kỹ chưa và khi chưa ngồi yên ông ta đã đứng dậy và đi đến cửa sổ để đóng nó lại. Ngay cả ban đêm ông ta cũng thức dậy và ám ảnh cả nhà. Với tất cả mọi câu hỏi ông ta chỉ lẩm bẩm rằng ông ta bị chóng mặt khủng khiếp và muốn đóng các cửa sổ để khỏi bị rơi xuống. Thế là vợ ông ta cho làm lưới bảo vệ tất cả các cửa sổ để ông ta hết sợ hãi. Việc này làm cho tình hình tốt lên được mấy ngày.

Gierke bình tĩnh lại một chút, nhưng sau đó lại chạy từ cửa sổ này đến cửa sổ kia và lắc lắc các tấm lưới xem có chắc không. Sau đó họ làm thêm khung thép cửa sổ và sống trong đó như bị đóng khung. Bằng cách này Gierke yên tâm hơn, nhưng sau đó lại thấy ông ta bị chóng mặt trên cầu thang; họ phải dắt và đỡ ông ta khi lên xuống, lúc ấy ông ta đầm mồ hôi và phải ngồi nghỉ giữa cầu thang và nấc lên nước nở, ông ta rất sợ hãi.

“Tất nhiên là họ gọi các bác sĩ mà họ có thể gọi đến cho ông ta. Và như thường lệ người thì nói là chóng mặt do làm việc quá sức, người thứ hai nói đây là một dạng rối loạn tai trong, người thứ ba nói là do bị bệnh táo bón còn người thứ tư thì nói là căn bệnh này là do thiếu máu não. Tôi đã quan sát và thấy rằng hễ ai trở thành chuyên gia tài giỏi thì trong người ấy xuất hiện quan điểm thông qua một quy trình nội tại nào đó. Một chuyên gia nói: Vâng thừa đồng nghiệp, theo quan điểm của tôi thì tất nhiên như thế và như thế. Người thứ hai thì cự lại: Vâng thừa đồng nghiệp, theo quan điểm của tôi việc này ngược lại. Tôi nghĩ rằng nên bỏ quan điểm sang một bên như mũ và gậy, khi chúng ta thả một người có quan điểm vào đâu thì ở đó người ấy sẽ gây ra hư hại nào đó hoặc ít ra anh ta cũng không đồng ý với những người khác. Nhưng tôi kể tiếp về ông Gierke ấy, thế là mỗi tháng một chuyên gia tuyệt giỏi đã hành hạ và chữa bệnh cho ông ta bằng một phương pháp hoàn toàn khác; cái ông Gierke người to lớn như quả núi và chịu đựng tốt, nhưng ông ta không thể đứng dậy từ chiếc ghế bành của mình vì bị chóng mặt mỗi khi nhìn xuống đất và vì thế ông ta chỉ nhìn thấy bóng tối, im lặng và bất động, đôi khi toàn thân ông ta bỗng nhiên run lên: cái này xảy ra lúc ông ta khóc.

“Bấy giờ có một bác sĩ mới, bác sĩ thần kinh, tên là phó giáo sư Spitz, người bắt đầu làm được những điều kỳ lạ. Bác sĩ Spitz được bố trí để chữa căn bệnh hình dung bị đè nén. Ông ta nói rằng hầu như mỗi người đều có trong vô thức những hình dung khủng khiếp hay những hồi tưởng hoặc ham muốn bị đè nén vì sợ hãi, và những hình dung bị đè nén này gây ra những nỗi đắng cay, những xáo trộn và những căn bệnh thần kinh. Và khi người bác sĩ giỏi biết xử lý và lôi những cái hình dung bị đè nén ra ánh sáng của

Thượng đế thì bệnh nhân sẽ nhẹ bệnh và sẽ khỏe trở lại. Người lương y ngành phân tâm học như vậy phải được sự tin tưởng hoàn toàn của bệnh nhân, lôi ra tất cả các thứ mà bệnh nhân nhớ từ thời còn bé và tất cả những cái như thế. Sau cùng ông ta nói: Thế đấy người yêu quý ạ, trước đây nhiều năm anh đã làm cái này cái kia, thông thường là những cái rất đáng xấu hổ và cái ấy đã đè nén vô thức của anh, cái này chúng tôi gọi là chấn thương tâm lý; bây giờ nó ra ngoài rồi, một, hai, phép màu ời, biến! Rồi bạn khỏe trở lại, phép lạ là như thế.

“Tôi nói với các ông nhé, ông bác sĩ Spitz đã thực sự làm nên các phép màu. Các ông khó có thể tin những người giàu họ có những hình dung bị đè nén như thế nào đâu. Những người nghèo thường không có căn bệnh này. Tóm lại ông Spitz có nhiều khách hàng tuyệt hảo. Khi ở chỗ ông Gierke tất cả các khả năng y tế đã được thay nhau đem ra ứng dụng và không hiệu quả nên người ta mời bác sĩ Spitz và ông này tuyên bố rằng căn bệnh chóng mặt có nguồn gốc từ thần kinh và ông ta, ông Hugo Spitz đảm bảo rằng sẽ chữa cho bệnh nhân khỏi căn bệnh này. Được. Nhưng Gierke, trời ạ, ông ta không nói nhiều, mặc cho phó giáo sư Spitz hỏi bất cứ điều gì bác sĩ muốn, ông ta chỉ trả lời nửa vờ, sau đó nín lặng và cuối cùng thì ông ta đuổi bác sĩ đi. Bác sĩ Spitz tuyệt vọng, nhưng các ông ạ, chữa cho một bệnh nhân tầm như thế là cả một vấn đề danh dự. Thêm vào đó cô Irma rất xinh đẹp và bất hạnh. Thế là bác sĩ Spitz bập sâu vào. Mình phải tìm ra cái hình dung bị đè nén của Gierke, ông ta gầm lên, hoặc là mình sẽ bỏ nghề chữa bệnh và sẽ đi bán lụa cho nhà Loble.

“Thế rồi bác sĩ dùng phương pháp phân tích tâm lý mới. Trước hết ông ta tìm các bà cô, các bà chị họ, chị em dâu và những người họ hàng cao tuổi mọi thế hệ và mọi thứ bậc mà Gierke có trên thế giới; sau đó ông ta cố gắng lấy được niềm tin của họ và ông ta phải nhẫn nại nghe họ kể. Những người họ hàng rất nhiệt tình vì bác sĩ Spitz là người rất đáng mến và chu đáo, nhưng bác sĩ Spitz thì bắt đầu rất cẩn trọng. Ông ta đã liên hệ với một văn phòng rất đáng tin cậy đã gửi hai người tin cậy lên đường đi đâu đó. Khi hai người này trở về, bác sĩ đã trả tiền cho các công việc vất vả mà họ đã

làm, sau đó ông đến gặp ngay ông Gierke. Gierke ngồi trong nửa bóng tối trên ghế bành và hầu như đã không còn đủ sức động đậy.

“Thưa ông, bác sĩ Spitz nói, tôi sẽ không làm phiền ông; ông sẽ không phải trả lời tôi bằng lời. Tôi sẽ không hỏi gì ông. Tôi chỉ muốn tiêu diệt cái nguồn gốc đã tạo ra căn bệnh chóng mặt của ông thôi. Ông đã đè nén nó vào vô thức và cái hình dung bị đè nén ấy mạnh đến mức gây ra tổn thương nặng...

“Tôi không gọi ông đến đây, bác sĩ ạ, Gierke ngắt lời ông với giọng khàn khàn và với tay về phía cái chuông.

“Tôi biết, bác sĩ Spitz nói, nhưng ông hãy khoan một lát nào. Khi lần đầu ông bị chóng mặt trên tháp ở Venezia, ông hãy nhớ, ông ạ, ông hãy cố nhớ ông cảm thấy cái gì.

“Gierke ngồi cứng đờ, ngón tay đặt lên cái chuông.

“Ông đã cảm thấy, bác sĩ Spitz tiếp tục, ông đã cảm thấy cực kỳ muốn đẩy người vợ rất xinh đẹp của ông từ trên tháp chuông xuống dưới. Nhưng ông yêu cô ấy vô cùng nên đã xảy ra tranh đấu trong con người ông và nó đã bật thành một cú choáng về tâm lý; ông đã bị ngắt xiu vì chóng mặt...

“Im lặng, chỉ có cái tay đặt trên chiếc chuông đã xệ xuống. Từ phút đó, bác sĩ Spitz nói, căn bệnh chóng mặt đã phát triển trong ông, cái nỗi sợ từ vực sâu; từ phút đó ông đóng các cửa sổ và không dám nhìn xuống chỗ sâu nữa, vì trong ông luôn luôn có hình dung là ông có thể đẩy cô Irma xuống dưới...

“Gierke gục xuống khác thường trên ghế bành.

“Vâng, bác sĩ Spitz tiếp tục, nhưng ông ạ, bây giờ là câu hỏi, cái cảm giác ấy có từ đâu? Ông Gierke ạ, ông đã có vợ cách đây mười tám năm. Ông Gierke, bà vợ đầu của ông đã chết trong một chuyến đi chơi núi Alpes. Bà ấy đã rơi xuống khi leo lên đỉnh Hohe Wand và ông đã thừa kế tài sản của bà ấy.

“Lúc ấy nghe thấy Gierke khò khè thở gấp.

“Gierke, bác sĩ gọi to lên, ông đã giết người vợ đầu của ông. Ông đã đẩy bà ấy xuống vực và do đó, ông nghe không, vì thế ông có cái hình dung là ông sẽ phải giết cả người vợ thứ hai y như thế, người mà ông yêu, cho nên ông sợ những vực sâu, vì thế ông mắc chứng chóng mặt.

“Bác sĩ ơi, người trên ghế bành hú lên, bác sĩ ơi, tôi phải làm gì với việc này?

“Phó giáo sư Spitz bỗng buồn ghê gớm. Ông ạ, bác sĩ nói, nếu tôi là người duy tâm, tôi sẽ khuyên ông: ông hãy chịu hình phạt để Thượng đế xá tội cho ông. Nhưng chúng tôi là bác sĩ, chúng tôi không tin vào Thượng đế. Cái mà ông phải làm, ông sẽ phải tự làm lấy, nhưng về mặt chữa bệnh thì ông đã được cứu thoát. Đứng dậy đi ông Gierke!

“Gierke đứng dậy, mặt trắng bệch như vôi.

“Thế nào rồi, bác sĩ Spitz nói, ông còn thấy đầu quay cuồng không?

“Gierke lắc đầu.

“Ông thấy chưa, phó giáo sư Spitz thở dài. Bây giờ thì tất cả các hậu quả còn lại sẽ hết. Cái bệnh chóng mặt là từ hình dung bị đè nén; bây giờ chúng ta đã tống khứ nó đi rồi, sẽ tốt thôi. Ông có thể nhìn ra ngoài từ cửa sổ được không? Tốt lắm! Cứ như là tất cả đã bật ra ngoài từ trong người ông, đúng không? Không còn dấu hiệu gì của chóng mặt nữa, đúng không? Ông Gierke ạ, ông là trường hợp đẹp nhất mà tôi đã trải qua! Bác sĩ Spitz vỗ tay hân hoan: Khỏe lại tuyệt hảo! Tôi được phép gọi cô Irma không? Không! À vậy, ông muốn tự mình làm cho cô ấy bất ngờ. Trời ạ, cô ấy sẽ rất vui khi nhìn thấy ông đi lại! Ông thấy không, ông ạ, khoa học đã làm được những điều lạ lùng như thế nào! Người bác sĩ sung sướng trước thành tích này và có thể huyền thiên cả hai giờ đồng hồ, nhưng ông ta thấy rằng Gierke cần được tỉnh tại, vì ông đã kê cho ông ta thuốc brom gì đó và chia tay.

“Tôi sẽ tiễn ông, bác sĩ ạ, Gierke lịch lãm nói và đưa bác sĩ đến tận cầu thang. Đặc biệt thật, không còn dấu hiệu nào của chóng mặt...”

“Tuyệt vời, phó giáo sư Spitz hô lên hân hoan; thế là ông thấy khỏe nhé, đúng không?”

“Hoàn toàn khỏe, Gierke nói nhỏ và nhìn theo bác sĩ xuống dưới. Và khi cánh cổng bên ngoài đóng lại sau lưng bác sĩ thì người ta nghe thấy tiếng rơi đánh huych một cái rất nặng. Sau một lát người ta tìm thấy thi thể của Gierke dưới chân cầu thang. Ông ta đã chết, bị mấy chỗ gãy khi đập phải thành cầu thang lúc rơi xuống.

“Khi người ta báo tin này cho bác sĩ Spitz, ông huýt sáo và nhìn rất lạ về phía trước mặt. Sau đó ông cầm lấy quyển sách, nơi ông ghi chép về các bệnh nhân của mình. Và ở chỗ có tên của Gierke ông ghi thêm ngày tháng và một từ: suicidium. Để ông biết, ông Taussig ạ, từ này có nghĩa là tự tử.”

NHỮNG LỜI XƯƠNG TỘI

“Những hình dung bị đè nén,” cha Voves, cha đạo ở Sv. Matej nói, “các ông nghe nhé, chữa các hình dung bị đè nén này là một trong những kinh nghiệm cổ nhất của con người: nhưng tín ngưỡng thánh thần của chúng tôi gọi phương pháp chữa bệnh ấy là *sacramentum sanctae confessionis**. Khi có cái gì đó đè nén tâm hồn mi và khi mi xấu hổ vì nó thì đừng hèn ỏi mi hãy đi, hãy đi xưng tội và hãy thú nhận tội lỗi mà mi mang trong mình! Nhưng chúng tôi không gọi nó là chữa bệnh thần kinh; chúng tôi gọi nó là sự hối hận, ăn năn và tha thứ.

Tiếng Latin, có nghĩa là xưng tội.

“Khoan nhé, việc này cách đây đã nhiều năm; đây là một ngày hè nóng bỏng và tôi đi vào ngôi nhà thờ nhỏ của mình. Các ông biết không, những người theo đạo Tin Lành có thể xuất hiện ở các nước phía Bắc, nơi mà vào mùa hè người ta vẫn không bị nóng nực. Trong nhà thờ Cơ Đốc của chúng ta thì suốt ngày luôn luôn có việc: lễ thánh, cầu nguyện, tụng kinh buổi chiều hay là có những bức tranh, những pho tượng, nơi ta có thể đến chỗ nào đó để hóng mát và chiêm ngưỡng, và nó phù hợp với hoàn cảnh khi bên ngoài nóng như thiêu như đốt. Vì thế người ta nuôi cừ ở những miền lạnh giá và hoang sơ còn tín đồ Cơ Đốc thì sống ở những miền nóng hơn; cái này là nhờ bóng râm và cái mát lạnh trong nhà thờ Chúa. Lần ấy là một ngày nóng bỏng, khi tôi bước vào nhà thờ thì không khí tuyệt vời mát mẻ và dễ chịu phả vào người tôi. Rồi người coi nhà thờ đến gặp tôi và nói rằng có một người đã chờ cả giờ để xưng tội với ai đó. Được, chuyện này hay xảy ra; tôi đã mặc bộ đồ lễ lấy từ trong kho nhà thờ và ngồi vào trong phòng xưng tội. Người coi nhà thờ dẫn người xưng tội đến - một người

không còn trẻ nữa, trông như đại diện thương mại hay đại diện của văn phòng bất động sản, mặt tái xám và sưng lên thế nào ấy; hẳn ta quỳ xuống cạnh phòng xưng tội và im lặng.

“Nào, tôi hướng dẫn hẳn ta, anh hãy nói: Con, kẻ có tội khốn khổ xin xưng tội và xin thú nhận trước Thượng đế Toàn năng.

“Không, người này nói, tôi sẽ nói khác đi. Hãy để tôi nói. Tôi sẽ nói khác đi. Bỗng nhiên cảm hẳn ta bắt đầu run lên và mồ hôi vã ra trên trán hẳn; tôi có cảm giác lạ lùng và cực tẻ. Một cú choáng mà tôi đã trải qua, giống như khi tôi có mặt trong một vụ khám tử thi một người tội nghiệp, người này đã... đã thối rữa, tôi nói nhé, các ông ạ, tôi sẽ không mô tả nó như thế nào đâu.

“Trời, anh làm sao thế? tôi quát hẳn và run lên.

“Ngay đây thôi, ngay đây thôi, hẳn nghiêng răng, thở hắt ra, hỉ mũi rất to và nói: Xong rồi. Tôi xin bắt đầu, thưa ông kính mến. Đã mười hai năm...

“Tôi sẽ không kể cho các ông tôi nghe thấy những gì từ hẳn. Trước hết, tất nhiên là lời xưng tội bí mật, thứ hai là sự thực này rất khủng khiếp, ghê tởm và tàn ác và... tóm lại là không thể kể được; và con người ấy tuôn ra từ chính mình với những chi tiết kinh tởm, và không bỏ qua gì hết! Tôi nghĩ rằng tôi sẽ bỏ chạy ra ngoài từ phòng xưng tội, tôi sẽ bịt tai lại hay tôi sẽ làm gì đó chẳng biết nữa; tôi đút áo lễ vào miệng để khỏi thét lên kinh hãi.

“Thế đấy, tôi đã nói ra rồi, người ấy nói với giọng yên tâm và xìt mũi nhẹ nhõm. Xin cảm ơn ông, ông kính mến.

“Khoan đã, tôi quát lên, còn ăn năn thì sao?

“Sao ông lại nghĩ ra cái này, người ấy nói và nhìn tôi gần như tin cậy qua cửa sổ nhỏ. Cha cố ạ, thì tôi là người không tin vào cái gì; tôi chỉ đến xả hơi. Ông biết đấy, khi tôi không nói về... về cái việc ấy một thời gian...

thì tôi lại nhìn thấy nó... tất cả... trước mắt và tôi không nhắm mắt được. Và khi tôi nhớ ra tôi phải nói ra, tôi phải kể cho ai đó; và ông ở đây vì việc này, đây là nghề của ông và ông không được phép tố cáo, cái này là bí mật của việc xưng tội. Nhưng việc gây tội lỗi thì tôi sẽ bỏ đâu, việc này rất nặng khi không có tín ngưỡng. Xin cảm ơn nhiều lần thưa ông kính mến. Xin nghiêng mình. Và tôi chưa kịp hoàn hồn thì hấn đã đi với những bước chân nhịp nhàng ra khỏi nhà thờ.

“Năm sau hấn lại xuất hiện và đợi tôi trước cửa nhà thờ, mặt tái mét và ngoan ngoãn. Thưa ông kính mến, hấn lặp bặp, tôi có thể xưng tội với ông được không?”

“Người ạ, tôi nói với hấn, nếu không ăn năn thì không được và hãy quên đi nhé. Nếu anh không chịu ăn năn, chúng ta sẽ không có gì với nhau hết.

“Trời ơi, người này tan nát kêu toáng lên, điều này cha nào cũng nói với tôi! Không ai muốn tôi xưng tội, còn tôi thì cần kinh khủng. Ông xem này, thưa ông kính mến, ông có hề gì đâu nếu tôi... một lần nữa.

“Lúc ấy môi hấn lại run lên như lần trước. Không, tôi quát hấn, hay là anh hãy xưng tội trước người thế tục nào đó!

“Tôi biết, người này than vãn, nhưng người thế tục đó sẽ đi tố cáo tôi! Quý bắt các vị đi, hấn kêu lên như bị thương tổn và chạy mất; và thật lạ, ngay cả trên lưng hấn ta cũng nhìn thấy sự tuyệt vọng. Từ đấy tôi không nhìn thấy hấn ta nữa.”

“Thưa cha kính mến,” trạng sư doctor Braum nói, “chuyện của cha chưa trọn vẹn. Một lần, cũng cách đây mấy năm, có một người nhỏ thó đến văn phòng của con, mặt tái xám và sừng lên... để con nói, đứng ra là con không thích hấn; và khi con mời hấn ngồi và nói với hấn: Nào, anh bạn, sao anh lại đến đây, thì người ấy nói: Thưa ông doctor, nếu khách hàng tin tưởng và kể với ông rằng anh ta đã phạm một cái gì, thế...”

“... Thế thì tất nhiên, con nói với hă, tôi không được sử dụng để chống lại anh ta; anh ạ, tôi sẽ bị kỷ luật nặng, nếu không nói là tệ hơn. Tốt, tay đàn ông ấy nói. Ông doctor ạ, tôi phải nói với ông một việc. Cách đây mười bốn năm... và sau đó, thưa cha kính mến, con đã nghe câu chuyện như cha đã nghe lần ấy.”

“Anh đừng kể cái này nhé,” cha Voves ngắt lời ông ta.

“Ngay cả con cũng không nghĩ là mình sẽ làm như thế,” doctor Braum gầm gừ, “Cha biết đấy, việc ấy quá là kinh tởm; cái tay ấy nó tuôn ra, cứ như là ghen ngào: mồ hôi vã ra, mặt xám ngoét và mắt nhắm nghiền... Nó cứ như là hă nôn ọ về tâm lý. Sau đó hă nhẹ nhõm và lấy khăn mùi xoa lau môi. Trời, người ơi, tôi bảo hă, tôi không thể làm gì với việc này! Nhưng nếu anh cần lời khuyên chân thành của tôi... Không, tên quái vật lạ ấy buột miệng, tôi không cần lời khuyên. Tôi chỉ đến nói với ông cái mà tôi đã làm, nhưng ông hãy nhớ, hă nói như hoang dại, ông không được sử dụng để chống lại tôi! Sau đó hă đứng dậy và hoàn toàn bình tĩnh và nói: Tôi nợ ông bao nhiêu, thưa ông doctor? Năm mươi koruna, tôi nói mà trong lòng tan nát; và hă ta rút ra năm mươi koruna, xin kính chào, thưa ông doctor, và hă đi. Con cũng muốn biết bao nhiêu trạng sư ở Praha hă đã gặp, nhưng hă không đến con lần thứ hai nữa.”

“Đây vẫn chưa phải kết cục của chuyện này đâu,” bác sĩ Vitásek lên tiếng. “Cách đây mấy năm, khi tôi thực tập ở bệnh viện thì người ta dẫn đến một người mặt tái mét và sưng lên; chân lão ta bị phù như cái vại, đau đớn, khó thở và tóm lại là bị phù thận nặng, như ghi trong sách; tất nhiên là không thể cứu được lão nữa. Bỗng một lần người y tá gọi cho tôi và nói rằng bệnh nhân thận giường số bảy lại bị đau đớn. Tôi đến chỗ lão và thấy lão này khó thở, mồ hôi ướt như tắm, mắt chằm chằm kinh hãi, tình trạng sợ hãi mức ‘N’ thật kinh khủng.

“Bố già ơi, tôi nói, tôi sẽ tiêm thuốc cho bố nhé và bố sẽ dễ chịu.

“Bệnh nhân lắc đầu. Bác sĩ ạ, người này tuôn ra từ trong mình, tôi... tôi phải nói cái này với ông... Ông bảo cô y tá đi đi!

“Tôi muốn tiêm cho lão EmO, nhưng khi nhìn thấy đôi mắt của lão, tôi bảo y tá đi đi. Ông nói đi, ông bạn, tôi nói, sau đó ông sẽ ngủ.

“Bác sĩ ơi, lão than vãn, trong khi mắt lão đầy kinh hãi, bác sĩ ơi, tôi không thể... tôi luôn nhìn thấy... tôi không ngủ được, tôi phải nói với ông...

“Và lão kể câu chuyện giữa đau đớn và hen suyễn. Các ông ạ, chắc các vị chưa bao giờ nghe thấy chuyện tương tự đâu.”

“Hụ, hụ,” doctor Braum ho lên.

“Các vị đừng sợ” bác sĩ Vitásek nói, “tôi sẽ không kể đâu; cái này là bí mật của thầy thuốc. Sau đó lão nằm như cái giẻ ướt, hoàn toàn kiệt quệ. Các ông biết không, tôi không thể tha tội cho lão, thừa cha kính mến, cũng không thể cho lão một lời khuyên sáng suốt; các vị ạ, tôi tiêm cho lão hai mũi thuốc moóc phin, và khi lão tỉnh ra tôi lại tiêm và sau đó lại như thế và lão không tỉnh lại nữa. Các vị biết đấy, tôi đã giúp lão thật chu đáo.”

“Amen” cha Voves nói và suy tư một chút. “Ông thật tốt bụng,” và cha mềm mỏng nói thêm, “ít ra là lão đã hết đau khổ.”

PHIÊN TÒA CỦA ÔNG HAVLENA

“Khi ông biên tập viên bắt đầu nói về báo chí,” ông Beran nói, “thì tôi cũng xin nói gì đó với các ông: phần nhiều độc giả tìm trên báo cột tin về tòa án. Không ai biết việc họ chăm chỉ đọc là do các tội ác bí mật hay là vì sự thỏa mãn về đạo đức và pháp lý, nhưng điều chắc chắn là họ đọc say sưa. Vì vậy tin tức về tòa phải hằng ngày xuất hiện trên báo. Nhưng bây giờ các ông xem nhé, thí dụ dịp này tòa nghỉ phép; tòa sẽ đóng cửa, nhưng cột báo ‘Tủi phòng xử án’ vẫn không được phép thiếu tin tức. Hoặc là thường thì không có vụ án nào thú vị nhưng biên tập viên phải có những vụ thú vị bất kể lấy ra từ đâu. Trong các trường hợp như vậy các vị biên tập viên phải nghĩ ra một vụ án ly kỳ nào đó. Và với các vụ án được nghĩ ra như vậy họ phải mua bán, vay hoặc đổi lấy hai mươi điều thuốc lá hoặc cách nào đó tương tự như vậy. Tôi biết việc này vì ở chỗ tôi thuê nhà có một biên tập viên, anh ta là người ranh mãnh và biếng nhác, ngoài ra anh ta có tài bẩm sinh và được trả lương thấp.

“Có một lần ở một quán cà phê, nơi các biên tập viên hay tụ tập, có một người đàn ông kỳ quặc, già cỗi, bản thủ và mặt bị sưng húp xuất hiện. Ông ta tên là Havlena, một gã lêu lổng và có hiểu biết đặc biệt về tội phạm hay pháp luật. Nếu một nhà báo nào đó cho ông ta một cốc bia và một điều xì gà thì ông ta liền nhắm mắt và reo lên mấy tiếng và bắt đầu kể cho người ấy nghe về một vụ hình sự đẹp nhất và lạ lùng nhất mà ai đó có thể nghĩ ra; sau đó ông ta đưa ra các điểm chính cho việc bào chữa và bản buộc tội của công tố viên rồi sau đó ra quyết định nhân danh nước Cộng hòa về vụ án. Sau đó ông ta mở mắt ra cứ như vừa tỉnh giấc mơ và gầm lên: Cho tôi vay năm koruna. Họ đã một lần thử nghiệm ông ta: trong một buổi ông ta đã

nghĩ ra hai mươi một vụ hình sự, vụ này hay hơn vụ kia; mãi đến vụ thứ hai mươi một ông ta dừng lại và nói: Khoan đã, vụ này không phải là vụ để cho một thẩm phán xử hay hội đồng xét án xử mà vụ này phải qua đoàn bồi thẩm và tôi không là đoàn bồi thẩm đâu nhé. Về mặt nguyên tắc ông ta luôn luôn chống lại đoàn bồi thẩm. Cái này phải mặc kệ ông ta, các quyết định của ông ta rất nghiêm khắc, nhưng về mặt luật pháp thì mẫu mực; về mặt đó ông ta đặc biệt khắt khe.

“Khi đám nhà báo phát hiện ra ông Havlena và thấy các vụ án mà ông ta cung cấp không hề thông thường và nhàm chán như những vụ án thực thụ tại Karlak* thì họ lập ra một hội; Havlena được nhận cho mỗi vụ án mà ông ta nghĩ ra một khoản gọi là thuế tòa, tức là mười koruna và một điếu xì gà; ngoài ra đối với mỗi tháng tù mà ông ta kết án ông được nhận hai koruna; các ông biết đấy, vì thế án càng nặng. Các độc giả của báo chí trước đây chưa bao giờ được đọc trên cột ‘Tủi phận xử án’ những vụ hay như từ khi Havlena bắt đầu cung cấp các vụ án tưởng tượng của mình. Chưa bao giờ báo chí lại hay như thời ông ta; còn bây giờ thì toàn tin chính trị và hạp báo, tôi không biết ai mà chịu đọc báo nữa.

Karlovo náměstí, địa chỉ của tòa án Praha.

“Một lần ông Havlena nghĩ ra một vụ án, ông ta thường có những vụ án hay hơn, nhưng chưa bao giờ xảy ra, mãi đến lần ấy vụ này mới vỡ ra. Vụ này nói gọn như sau: một người đàn ông lớn tuổi chưa lập gia đình cãi nhau với một bà góa đáng kính sống trong căn nhà đối diện; ông ta mua một con vẹt và dạy nó hễ bất cứ khi nào bà này xuất hiện trên hiên nhà thì con vẹt ấy kêu to: Đồ đi! Bà góa đã đệ đơn kiện ông này vì đã xúc phạm danh dự của bà. Tòa án huyện đã xác nhận là bị can đã thóa mạ danh dự của nguyên đơn tại nơi công cộng thông qua con vẹt của mình và nhân danh nước Cộng hòa tòa đã phạt ông ta mười bốn ngày tù có điều kiện và phải trả các chi phí tòa. Tôi được nhận mười một koruna và điếu xì gà, ông Havlena nói khi kết thúc phiên tòa.

“Vụ này của ông Havlena được hầu hết các báo đăng, nhưng các bài đăng được xử lý bằng văn vẻ khác nhau. Ở một tờ báo vụ này mang tên: ‘Trong ngôi nhà yên tĩnh’. Ở tờ báo thứ hai vụ này mang tên: ‘Ông già và bà góa nghèo’. Tờ thứ ba thì đặt tên vụ này là: ‘Con vẹt bị kiện’. Vân vân. Nhưng bỗng nhiên sau đó tất cả các tờ báo này đều nhận được thư của Bộ Tư pháp với nội dung là: Bộ đề nghị được thông tin là vụ xử vụ nhạo báng danh dự đã được đăng trên quý báo xảy ra ở tòa án huyện nào; việc xử và quyết định của tòa án về tội của bị can là rối rắm và bất hợp pháp, bởi vì câu xúc phạm nêu trên không phải do bị can nói ra mà là con vẹt nói; chưa chứng minh được là câu xúc phạm do con vẹt nói ra hoàn toàn nhằm vào nguyên đơn; vì vậy câu xúc phạm không thể được coi là xúc phạm danh dự mà chỉ được coi là hành vi sai trái hay gây phiền toái công cộng, việc này có thể bị phạt bằng việc bị cảnh sát nhắc nhở, phạt vi cảnh hoặc là lệnh yêu cầu xử lý con chim đã được nhắc đến. Vì vậy Bộ Tư pháp mong muốn phát hiện tòa án nào đã xử vụ này để có thể điều tra vân vân; tóm lại đây là vụ scandal hành chính.

“Trời ạ, ông Havlena ơi, ông làm khổ chúng tôi rồi, một biên tập viên trách móc nhà cung cấp. Ông xem này, rõ ràng là quyết định của ông đối với phía con vẹt là rối rắm và bất hợp pháp! BỐ KHỈ, cái này mà Bộ dám chứng nhận hả? Với tôi, với Havlena hả? Các nhà báo chưa bao giờ thấy một người bị xúc phạm và căm phẫn như thế. Tôi sẽ xẻo tai họ, ông Havlena hét toáng lên. Tôi sẽ cho họ xem quyết định của tôi có phi pháp không! Cái này tôi không để yên. Vừa nuôi tiếc vừa bực mình ông ta uống say mèm dưới bức tranh Thượng đế và sau đó ông ta lấy giấy ra viết thư cho Bộ Tư pháp một bài phân tích luật pháp sâu rộng để bảo vệ quyết định trên đây: ông chủ đã dạy vẹt chửi bà hàng xóm và vì thế rõ ràng là muốn thóa mạ và coi thường bà ta; con vẹt không phải là đối tượng mà là công cụ của vụ việc vân vân; tóm lại đây là một phân tích pháp lý tinh tế tuyệt vời mà các nhà báo được thấy. Sau đó ông ta ký tên JUC. Václav Havlenav* và gửi cho Bộ Tư pháp. Thế đấy, ông ta nói, nếu vụ này chưa xong thì tôi sẽ không xử nữa; trước hết tôi phải nhận được sự đền bù.

JUC. (juris utriusque candidatus) nghĩa là cử nhân Luật khoa.

“Tất nhiên là Bộ Tư pháp không phản ứng đối với thư của ông Havlena, trong khi ấy ông ta đi đi lại lại bực bội, khó chịu, ông ta xấu đi và thậm chí gầy đi. Khi biết là sẽ không nhận được trả lời của Bộ Tư pháp ông ta ủ rũ, lặng lẽ nhổ bọt và nói những lời phỉ báng và cuối cùng ông ta tuyên bố: Đợi đấy, tôi sẽ cho họ biết là ai đúng!

“Hai tháng sau không ai nhìn thấy ông ta, sau đó ông ta đến, mặt mày sáng láng và vui vẻ tuyên bố: Họ đã đâm đơn kiện tôi rồi! Ôi chà, cái bà già quá tệ, tôi phải mất nhiều công để thuyết phục bà ta! Người ta không thể nghĩ là bà già lại yêu hòa bình đến thế; tôi phải ký cho bà ta giấy chứng nhận là tôi sẽ chịu mọi chi phí tòa. Thế đấy, các bạn trẻ ạ, giờ thì tòa sẽ xử.

“Xử cái gì vậy! các nhà báo hỏi.

“Thì cái vụ con vẹt ấy, ông Havlena nói. Tôi chả nói với các anh rằng tôi sẽ không để yên. Các anh biết không? Tôi đã mua con vẹt và dạy nó nói: Đồ đĩ! Đồ gái hư! Các bạn ạ, vất vả quá! Sáu tuần tôi không đi ra ngoài, không nói và không nghe bất cứ câu nào ngoài Đồ đĩ! Giờ thì con vẹt nó phát âm rất chuẩn; chỉ có một điều là con vẹt ngu xuẩn ấy hét từ sáng đến tối, chỉ có điều là không thể dạy nó thói quen chửi bà hàng xóm qua sân nhà. Bà ấy đã già, một bà giáo dạy âm nhạc từ một gia đình quý phái, một người rất tốt bụng, nhưng trong tòa nhà không có phụ nữ nào khác nên tôi phải chọn bà ấy để thóa mạ. Các anh nghe nhé, nghĩ ra vụ án thì dễ chứ tiến hành nó, khi ạ, là việc hoàn toàn khác đi. Tôi không thể dạy cho con quý ấy chỉ chửi một mình bà ta. Nó chửi tất cả mọi người. Tôi nghĩ là nó cố tình chơi xấu.

“Sau đó ông ta uống say mềm và tiếp tục: Thế là tôi nghĩ ra một cách khác; mỗi khi bà già ấy xuất hiện là tôi vội mở cửa sổ để cho con vẹt hét vào bà ấy: Đồ đĩ! Đồ gái hư! Và các anh biết không: bà già ấy mỉm cười và nói với tôi: Này ông Havlena, ông có con vẹt đáng yêu thế! Trời đánh bà ấy, ông Havlena gầm gừ. Tôi phải hò hét vào tai bà ấy hai tuần để bà ấy đâm đơn kiện, còn nhân chứng thì tôi có cả đống trong tòa nhà. Thế đấy,

giờ thì tòa đang điều tra, ông Havlena xoa tay. Chỉ có quý mới không phạt tôi về việc thóa mạ danh dự. Tôi không tha cho bọn ấy, cái bọn khệnh khạng trên Bộ ấy.

“Cho đến ngày xử, ông Havlena uống như chết khát, lo lắng và háo hức. Trước tòa ông ta xử sự rất nghiêm trang; ông đã phát biểu một bài chống lại mình với lời lẽ sắc sảo về luật pháp, ông đã nhắc đến tất cả cư dân trong tòa nhà, rằng lời thóa mạ rất xúc phạm trước công chúng và kiến nghị xử phạt nghiêm khắc nhất. Thẩm phán, một vị thành viên hội đồng lớn tuổi và vui tính, gãi râu và tuyên bố rằng ông ta muốn nghe con vẹt nói. Ông ta dừng buổi xử lại và lệnh cho bị can lần sau mang con vẹt đến như một biểu tượng hoặc một nhân chứng.

“Đến buổi xử sau ông Havlena đã mang chiếc lồng và con vẹt đến. Con vẹt tròn xoe mắt nhìn cô thư ký tòa làm cô ta giật mình và hét vào cô ta: Đồ đi! Đồ gái hư!

“Đủ rồi, ông hội đồng nói. Lời khai của con vẹt Lory đã rõ ràng là câu nói này không liên quan trực tiếp đến cá nhân nguyên đơn...

“Con vẹt nhìn ông ta và quát lên: Đồ đi!

“... Mà là, ông thẩm phán tiếp tục, rõ ràng là nó dùng câu nói này cho tất cả mọi người, không kể giới tính. Ở đây thiếu ý định thóa mạ, ông Havlena ạ.

“Havlena bật dậy như bị gai đâm. Thừa ông hội đồng, ông ta bực bội cự lại, cái ý thóa mạ ở đây là việc tôi mở cửa sổ về phía nguyên đơn với mục đích để cho con vẹt sỉ nhục bà ấy! Việc này khó, ông hội đồng nói. Việc mở cửa sổ có ý gì đó, nhưng chính nó không phải là hành động thóa mạ. Tôi không thể xử ông về việc thỉnh thoảng ông mở cửa sổ. Ông không thể chứng minh được, rằng con vẹt của ông nhằm vào nguyên đơn, ông Havlena ạ.

“Nhưng tôi có chủ tâm nhằm vào... ông Havlena phản đối.

“Về việc này chúng tôi không có chứng cứ nào, thẩm phán phản bác. Không ai nghe thấy ông nói câu trên đây. Không được, ông Havlena ạ, tôi phải quyết định tha bổng cho ông. Sau đó ông ta đội mũ và đọc quyết định của tòa về việc tha bổng.

“Tôi sẽ gửi khiếu nại về quyết định rồi rằm và sẽ kháng án đối với bản án tha bổng, ông Havlena kêu ầm lên, tay cầm lồng chim và ra khỏi tòa, mặt tái xanh và chỉ lạ là ông ta chưa phát khóc.

“Sau đó chúng tôi đôi khi nhìn thấy ông ta say khướt và tuyệt vọng. Ông hãy xem, ông ạ, ông ta nức nở, cái này mà là công lý sao? Trên thế giới này còn pháp quyền gì nữa không? Nhưng tôi không để yên! Tôi sẽ đệ lên tòa cấp trên! Ông ạ, tôi phải nhận được sự phục hồi danh dự cho cái vụ bất công này! Ngay cả khi tôi sẽ phải hầu tòa cho đến chết... Tôi không đấu tranh cho việc của mình mà cho công lý!

“Tôi không biết phiên tòa phúc thẩm kết quả sẽ như thế nào; tôi chỉ biết là tòa án xử vụ này đã bác bỏ đơn kháng án chống lại bản án tha bổng. Từ đấy ông Havlena biến mất tăm, cứ như là ông ta chui xuống đất; nghe nói có ai đó nhìn thấy ông ta đi trên phố như cái bóng, miêng lảm nhảm một mình; tôi cũng có nghe nói cho đến nay mỗi năm mấy lần Bộ nhận được thư khiếu nại với nội dung sâu rộng và cháy bỏng về việc: vụ thóa mạ do con vẹt gây ra. Nhưng ông ta đã dùng cung cấp cho các biên tập viên các vụ án; chắc là vì niềm tin vào công lý và hệ thống luật pháp của ông ta đã bị lung lay.”

CHIẾC KIM

“Tuy tôi không bao giờ có việc gì với tòa,” ông Kostelecký nói, “nhưng tôi xin nói với các ông, tôi thích cái đúng đắn tuyệt vời đối với các thủ tục và các bước mà các tòa án thường hay tiến hành, dù cho vụ việc nhỏ như sợi lông. Cái này tạo ra niềm tin vào công lý. Nếu pháp luật có trong tay cái cân, chắc đây là cái cân thuốc và khi tay cầm kiếm, chắc kiếm phải sắc như dao cạo. Cái này nhắc tôi nhớ đến một vụ xảy ra trên phố tôi.

“Có một bà quản gia, bà Mašková nào đó đã mua ở một cửa hàng tạp hóa mấy cái bánh nhân ngọt rồi khi nhai bánh bà ta bỗng bị cái gì đó đâm vào lợi, thế là bà ta móc tay vào miệng và lôi ra một chiếc kim. Sau một lát bà ta giật mình, trời ạ, rõ ràng mình đã có thể nuốt chiếc kim này và nó có thể đâm thủng dạ dày mình! Đây là tính mạng con người, mình không thể để yên! Cái này phải điều tra cho ra đũa chết tiệt nào đã cho chiếc kim vào miếng bánh. Vì thế bà ta mang chiếc kim và cái bánh chưa ăn hết đến cảnh sát.

“Cảnh sát đã hỏi cung người chủ cửa hàng tạp hóa và cả người thợ bánh đã nướng chiếc bánh, nhưng tất nhiên là không ai nhận là họ liên quan đến chiếc kim. Sau đó cảnh sát chuyển vụ này cho tòa vì ở đây, các ông biết đấy, là tội gây thương tích nhẹ đến cơ thể. Thẩm phán điều tra là một vị quan tận tâm và kỹ lưỡng, ông ta hỏi cung người chủ cửa hàng tạp hóa và cả người thợ bánh; cả hai đều khai và thề độc là chiếc kim không thể lọt vào cái bánh ở chỗ họ. Người thẩm phán điều tra đến xem cửa hàng và phát hiện là trong cửa hàng không có chiếc kim nào. Sau đó ông ta đến chỗ người thợ nướng bánh, ông ta ngồi suốt đêm ở đấy và xem người ta nhào bột như thế nào, cho bột nở ra như thế nào, đốt lò như thế nào và nặn bánh,

cho bánh vào lò và nướng bánh chín vàng như thế nào. Bằng cách này ông ta phát hiện là việc làm bánh không cần đến kim. Các ông có tin là việc nướng bánh là công việc đẹp đẽ như thế nào không, nhất là nướng bánh mì? Ông tôi, người đã quá cố, đã từng có lò bánh mì nên tôi biết. Để các ông biết, khi làm bánh mì người ta có hai hay ba bí quyết. Bí quyết thứ nhất là khi ủ men thì phải ủ trong máng bột và ở dưới cái nắp máng sẽ xảy ra một sự biến đổi huyền bí: ta phải đợi cho đến khi bột và nước chuyển biến thành men sống. Tiếp đó phải làm bột bánh và nguấy nó bằng thanh nguấy và cái việc nguấy này cũng giống như một điệu múa tôn giáo. Sau đấy phải đập lại bằng tấm vải và để cho bột nở ra, đây là sự chuyển biến - bí quyết thứ hai. Khi bột bánh đã nở và phồng lên một cách hoành tráng và ta không được phép mở tấm phủ để nhòm ngó, tôi xin nói với các ông, cái này đẹp và lạ lùng như là có bầu em bé vậy. Tôi luôn luôn có cảm giác rằng cái máng bột nó là cái gì rất nữ tính. Và bí quyết thứ ba là việc nướng bánh, cái việc xảy ra trong lò từ bột bánh mềm và xám. Trời ạ, khi ta lấy những ổ bánh vàng ươm và hồng rực ra, nó thơm đến mức mà em bé cũng không thể thơm hơn, đây là điều lạ lùng - tôi nghĩ rằng trong ba bước chuyển biến ấy người ta nên điểm chuông như trong nhà thờ người ta đánh chuông khi làm lễ dâng bánh và rượu.

Nhưng tôi muốn nói gì nhỉ, ừ cái ông thẩm phán điều tra ấy không biết phải làm thế nào nữa, nhưng ông ấy không muốn để như thế, cái này ông ta không để yên đâu. Ông ta lấy chiếc kim và gửi đến Viện Hóa học, để họ phát hiện xem cái kim đã nằm trong bánh trước khi nướng hay sau đó; cái ông thẩm phán này rất tin vào những bằng chứng khoa học. Bấy giờ trong Viện Hóa học có giáo sư Uher nào đó, rất có kiến thức và để râu rậm. Khi ông nhận được chiếc kim thì ông ta chửi mắng thậm tệ những cái mà tòa án yêu cầu ông làm; có lần họ gửi đến cho ông phần nội tạng đã phân hủy đến mức mà người bác sĩ phẫu thuật pháp y cũng không chịu nổi; bây giờ thì Viện Hóa học phải làm gì với cái kim đây? Nhưng sau đó ông đã suy nghĩ và bắt đầu quan tâm về mặt khoa học, các ông biết chứ. Thế nào nhỉ? Có thể đã có những biến đổi đối với cái kim, khi nó lọt vào bột bánh hoặc khi

nướng nó trong lò; khi ủ men trong bột bánh có thể tạo ra những a xít hay gì đó, và khi nướng bánh thì nó có thể gây vỡ hay han gỉ một chút trên cái kim; cái này có thể phát hiện dưới kính hiển vi. Thế là ông ta vào cuộc.

“Trước tiên ông ta mua mấy hộp kim, gồm cả các kim sạch hoàn toàn lẫn kim đã han gỉ và bắt đầu nướng bánh mì tròn trong Viện Hóa học. Trong thí nghiệm đầu tiên ông ta cho những cái kim vào men bánh xem quá trình này có thể tác động như thế nào. Trong thí nghiệm thứ hai ông cho kim vào bột bánh. Trong thí nghiệm thứ ba ông cho kim vào bột bánh đang nở. Trong thí nghiệm thứ tư ông cho kim vào bột bánh đã nở. Sau đó ông cho kim vào bánh trước khi nướng, sau đấy ông cho kim vào bánh trong khi nướng. Tiếp đó ông cho cắm kim vào bánh còn nóng và cuối cùng ông cho cắm kim vào bánh đã xong. Sau đấy ông ấy ôn lại toàn bộ quy trình trên một lần nữa để kiểm tra lại. Tóm lại là suốt mười bốn ngày Viện Hóa học không làm gì khác ngoài việc nướng bánh mì với những chiếc kim. Giáo sư, phó giáo sư, bốn trợ lý và người giúp việc hằng ngày chỉ có chuẩn bị bột, nặn bánh, nướng bánh nhân ngọt và sau đó họ nghiên cứu bằng kính hiển vi rồi so sánh những chiếc kim với nhau. Việc này có nghĩa là phải làm thêm cả một tuần công việc, sau đó họ phát hiện là cái kim được quan tâm ấy đã được cắm vào chiếc bánh đã nướng xong, vì dưới kính hiển vi nó hoàn toàn giống như những chiếc kim thí nghiệm đã được cắm vào những chiếc bánh đã xong.

“Trên cơ sở kết quả trên thẩm phán điều tra quyết định là chiếc kim được đưa vào bánh hoặc là tại cửa hàng, hoặc là trên đường từ lò bánh về cửa hàng. Lúc ấy người thợ làm bánh bỗng nhớ ra, chết thật, ngày hôm đó ông ta đuổi việc một đứa học nghề mà thường mang các sọt bánh đến các cửa hàng! Thế là họ gọi thằng này đến và nó nhận là nó đã cắm chiếc kim vào bánh vì nó muốn trả thù ông thầy dạy. Thằng này chưa trưởng thành, chỉ bị nhắc nhở nhưng thầy dạy nó bị tòa phạt năm mươi koruna có điều kiện vì ông ta phải bảo lãnh cho toàn bộ nhân sự của mình. Đây là một thí dụ là công lý chính xác và triệt để như thế nào.

“Nhưng việc này còn có thêm một mặt nữa. Tôi không biết, trong đàn ông chúng ta có một cái tham vọng và sự cứng đầu đặc biệt hay cái gì đó như vậy: nói gọn lại là khi ở Viện Hóa học người ta bắt đầu nướng những cái bánh thì các nhà hóa học đã lưu tâm là họ phải nướng những chiếc bánh thật tốt. Lúc đầu thì bánh đủ kiểu, nào là nở ít, nào là không đẹp..., nhưng càng làm thì bánh càng tốt lên. Sau đó họ còn rắc hạt vừng, muối và hạt cumin*, tiếp đó họ nặn bánh rất xinh, nhìn vào thật sướng mắt. Cuối cùng thì các nhà khoa học khoe rằng những cái bánh tuyệt đẹp, giòn và ưa nhìn như Viện Hóa học đã làm thì không chỗ nào ở Praha có thể làm được.”

“Ông bảo cái này là sự cứng đầu à, ông Kostelecký,” ông Lelek nói, “nhưng tôi có thể nói rằng cái này giống như thể thao: các ông biết đấy, nó là cái thiên hướng đạt kết quả một trăm phần trăm. Người đàn ông quy củ không chỉ làm vì kết quả vì có thể là kết quả này không đáng giá đối với công việc, mà vì nó như một trận đấu với những căng thẳng tự nguyện. Tôi muốn thêm vào đây một thí dụ, nhưng có thể có vị nào đấy nói rằng đây là thí dụ ngốc nghếch và không liên quan. Nói gọn lại là khi tôi hãy còn làm việc ở phòng kế toán và chúng tôi thường làm quyết toán nửa năm, nhiều khi các con số không ăn khớp với nhau: thí dụ có lần thiếu ba xu* trong quỹ. Tất nhiên là tôi có thể lấy ba xu trong túi mình bù vào đấy như không có gì xảy ra, nhưng cuộc chơi như thế không trong sáng; các ông biết không, về mặt kế toán thì như thế là không thể thao chút nào. Ta phải tìm ra nó nằm trong một mục nào đó có lỗi trong hàng nghìn mục. Và tôi nói nhé, trước khi quyết toán tôi luôn luôn mong là ở đó có một lỗi nào đó. Trong trường hợp đó chúng tôi phải ngồi lại trong phòng kế toán có khi cả đêm, tôi đặt trước mắt mình hàng chục quyển quyết toán và tôi vào cuộc. Cái này thật đặc biệt, tôi nhìn các cột số liệu không như những con số mà như các thứ. Có khi tôi tưởng tượng là tôi leo lên trên các con số, như là leo lên vách núi đá; hay là tôi thả thang xuống hố sâu. Đôi khi tôi cảm thấy mình là người đi săn và đang lục lọi trong đám số liệu để tóm con thú đang sợ hãi - nó là ba xu. Hay là tôi có cảm giác rằng tôi là thám tử đang rình bắt ở góc phố trong bóng đêm, hàng nghìn người đi qua nhưng tôi chờ đợi để tóm cổ

áo tên móc túi, kẻ tội phạm - một cái lỗi nhỏ trong bảng quyết toán. Có khi tôi có cảm giác là tôi ngồi trên bờ với cần câu và đang chờ con cá, bỗng nhiên cái cần giật giật và tao đã tóm được mày rồi thủ phạm ời! Nhưng nhiều nhất là tôi cảm thấy mình như thợ săn lúc đi lên, lúc đi xuống và chân đạp lên những bụi cây cỏ dại với sự sung sướng từ việc vận động và tôi cảm thấy sự tự do và căng thẳng như tôi đang trải qua một cuộc phiêu lưu. Tôi chịu đựng suốt đêm để tìm ba xu ấy; và khi tìm ra nó thì tôi không nghĩ nó chỉ là ba xu nhỏ bé mà là đoạt được chiếc cúp. Sau đó tôi đi ngủ như người thắng trận và nhiệt thành, chỉ lạ là tôi lên giường mà không mang giày. Tất cả là như vậy.”

Một loại hạt gia vị, còn có tên là “thì là Ai Cập”.

Nguyên văn: haler - tiền Tiệp Khắc cũ. Một koruna bằng một trăm haler.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG MẤT NGỦ

“Khi ông Deležal nói về việc giải mật mã,” ông Kavka nói, “tôi lại nhớ ra một việc mà tôi đã gây ra cho ông Musil, một đồng nghiệp. Ông Musil là người có học hơn người, người nho nhỏ, nhưng là trí thức theo kiểu mà trong bất cứ cái gì ông ta cũng nhìn thấy có vấn đề và có quan điểm của mình. Thí dụ ông ta không chung sống với vợ nhưng có quan điểm ngay cả về vợ mình mặc dù đúng hơn là quan điểm về quan hệ vợ chồng. Ngoài ra ông ấy thừa nhận vấn đề xã hội, vấn đề giới tính, vấn đề vô thức, vấn đề giáo dục, vấn đề khủng hoảng văn hóa đương đại và một loạt các vấn đề khác. Những vị kiêu này tìm thấy vấn đề ở khắp nơi và họ là những người khó chấp nhận y như những người giữ nguyên tắc. Tôi thì tôi không thích các vấn đề; với tôi trứng là trứng, nếu ai đó nói về vấn đề trứng, tôi sẽ giật mình vì chắc là trứng bị thối. Nói vậy để các ông biết cái ông Musil này là loại người thế nào.

“Một lần trước lễ Giáng sinh ông ta có kế hoạch sẽ đi núi Krkonoše trượt tuyết, và do bận mua cái này với cái kia, ông ta tuyên bố là sẽ đến chia tay với các đồng nghiệp sau. Bỗng nhiên doctor Mandel, một nhà báo quen biết, đến văn phòng và nói là cần trao đổi với ông Musil. Musil không có mặt ở đây, tôi nói, nhưng có lẽ ông ấy chạy đâu đó trước khi lên đường; ông đợi ông ấy nhé. Doctor Mandel vẻ buồn bã, nói: Tôi không đợi được, nhưng tôi sẽ viết cho anh ấy mấy chữ về việc tôi muốn anh ấy xử lý. Liên đây ông ta ngồi vào bàn và viết.

“Tôi không biết có ai trong các ông đã nhìn thấy chữ viết khó đọc như chữ của doctor Mandel chưa. Trông nó giống như bản sao địa chấn ký, chữ dài như nét ngang và gãy, một số chỗ rung lên hay nhảy lên nhọn hoắt. Tôi

biết chữ kiểu này và tôi chỉ nhìn xem tay ông chuyển động trên giấy ra sao. Lúc ấy doctor Mandel bồng cau có, vò tờ giấy, ném vào sọt rồi đứng dậy. Cái này dài quá, ông ậm ừ rồi đi mất.

“Các ông biết đấy, ngày trước lễ Giáng sinh người ta không muốn làm những việc quan trọng nữa; thế là tôi ngồi vào bàn và bắt đầu vẽ trên giấy những nét giống như địa chấn ký: những nét dài, rung rung, đôi chỗ nhảy lên rồi rơi xuống tùy theo ý mình. Tôi giải trí với nó một lát, sau đó tôi để tờ giấy nguệch ngoạc ấy sang bàn Musil. Lúc ấy Musil bước vào cửa sau khi đã trang bị đầy đủ để đi núi, bàn và gậy trượt tuyết vác trên vai. Thôi, mình đi đây, anh ta vui vẻ líu lo trong cửa.

“Có ông nào ấy đến tìm anh đấy, tôi nói cộc lốc. Ông ấy để cho anh bức thư ở đây, nghe nói là quan trọng.

“Cho xem nào, Musil vui vẻ nói. Đây, ông ta chững lại trên cái sản phẩm của tôi. Cái này là của doctor Mandel rồi, ông ấy muốn gì nhỉ?

“Tôi đâu biết, tôi cộc cằn nói, ông ấy vội lắm, nhưng anh biết không, tôi muốn giải mã chữ ông ấy viết.

“Tôi có thể giải mã những nét ngoằn ngoèo của ông ấy, Musil nhẹ dạ tuyên bố; ông ta đặt bàn và gậy trượt tuyết xuống và ngồi vào bàn. E hèm, sau một lát ông ta trở nên nghiêm trọng. Một nửa giờ im ắng như trong mộ. Hai từ đầu tiên thì mình đã có thể xong, cuối cùng ông ta nhẹ nhõm đứng dậy, nói là: ‘Bạn thân mến’. Giờ thì mình phải lên đường. Cái thư này mình mang theo, nếu không phải trò quỷ thì mình sẽ giải mã nó khi đi tàu.

“Sau Tết ông ta trở về từ chuyến đi núi. Nào, Tết vui chứ? tôi nói với ông ta. Anh Musil ạ, dịp này trên núi phải tuyệt đẹp, đúng không? Musil phẩy tay, mình chả biết nữa, ông ta nói. Suốt thời gian ấy mình ở trong phòng khách sạn, chưa hề lộ mặt ra ngoài; nhưng người ta nói là ở đây tuyệt đẹp.

“Sao vậy, tôi lơ đễnh hỏi, anh ồm à?

“Ồm thì không, Musil khiêm tốn nói, suốt thời gian ấy mình giải mã cái thư của Mandel; để anh biết, mình đã giải mã xong, ông ta tuyên bố hùng hồn. Chỉ hai hay ba từ mình không đọc được. Mình ngồi với nó suốt nhiều đêm, mình quyết tâm là mình giải được, và mình đã làm xong.

“Tôi không đủ can đảm nói với ông ta bức thư ấy chỉ là mấy nét nguệch ngoạc của tôi. Thế bức thư ấy có gì quan trọng không? tôi hỏi về quan tâm. Có đáng để xử lý như vậy không?”

“Cái ấy không quan trọng, Musil tự hào trả lời. Mình quan tâm nó như là vấn đề bút pháp. Trong thư doctor Mandel đề nghị mình trong vòng mười bốn ngày phải viết cho tạp chí của ông ấy một bài, nhưng về vấn đề gì thì mình chưa đọc được; rồi sau đó ông ấy chúc mình Giáng sinh vui vẻ và những ngày đẹp trên núi. Tóm lại là chả có gì, nhưng xử lý nó anh ạ, đây là cả một phương pháp khó khăn, người ta không có gì tốt hơn để tập tành gì cho phần hồn của mình. Việc này xứng đáng để mình hy sinh mấy ngày mấy đêm.”

“Lẽ ra ông không nên làm khổ ông ấy,” ông Paulus nhắc nhở. “Mấy ngày thì không sao chứ mấy đêm không ngủ thì thật đáng tiếc. Ngủ, ông ạ, không chỉ là việc nghỉ ngơi cho thân thể; ngủ, ông ạ, nó như là làm sạch và tha tội cho ngày hôm trước đấy. Ngủ là một đặc ân, và chỉ vài phút đầu sau khi ngủ là mọi tâm hồn đều trong sạch và vô tội như em bé. Cái này tôi biết vì có thời tôi đã từng mất ngủ. Có thể đây là hậu quả của lối sống vô tổ chức hay trong tôi có cái gì không yên. Tôi không biết, hễ cứ nằm xuống giường là tôi cảm thấy trong mắt tôi có cái gì gây rối cho sự buồn ngủ, có cái gì đó động đậy trong tôi và tôi nằm cả giờ nhìn xoáy vào bóng tối cho đến lúc sáng. Cái này kéo dài cả năm, một năm không ngủ.

“Khi người ta không thể ngủ, người ta nhắc mình là không nên nghĩ gì và người ta đếm hoặc cầu nguyện. Bỗng nhiên cái này tan biến. Trời ạ, hôm qua mình quên làm cái này và cái kia! Và mình bỗng nhớ là mình bị ồm trong quầy hàng nợ khi trả tiền. Sau đó mình bỗng nhớ, là vợ mình hay bạn

mình trả lời mình kiêu là lạ. Sau đó một cái đồ gỗ kêu cọt kẹt và mình nghĩ là có trộm và bắt đầu lo sợ và xấu hổ. Trong lúc lo sợ mình bắt đầu quan sát tình trạng thân thể mình, sợ toát mồ hôi khi nghĩ đến bệnh thận hay ung thư. Bỗng nhiên mình nhớ ra một chuyện ngu xuẩn đáng xấu hổ nào đó mà mình trót làm cách đây hai mươi năm mà đến bây giờ mình vẫn phải đổ mồ hôi vì ngượng. Từng bước một mình phải đối chứng với cái tội kỳ lạ, không thể đuổi đi hay lấy lại được; với những yếu đuối, thô bỉ, xấu xa, khinh suất, ngu xuẩn, bị khinh bỉ, nhục nhã, đau khổ và những chịu đựng đã trải qua đã lâu. Và những điều xấu hổ, đau đớn và bị hạ nhục mà mình đã trải đang trở lại; không có gì được bỏ qua đối với người mất ngủ. Toàn bộ thế giới của ta bị méo đi và những hình ảnh đau lòng thì tăng lên; những việc mà ta đã quên lâu rồi bỗng nhãn mặt nhìn ta như muốn nói: Đồ ngu ạ, lần ấy mi khu xử đẹp nhỉ; và mi nhớ không - mỗi tình đầu khi mi mới mười bốn tuổi đã không đến đúng hẹn? Và mi phải nhớ là lần ấy nó hôn nhau với người khác, với thằng Vojta, bạn mi, và cả hai đùa cười mi! Mi, đồ xuẩn ơi, đồ xuẩn ơi, đồ xuẩn ơi! Và mình trần trọc trên cái giường nóng bỏng và muốn nói: Trời ạ, mình chẳng sao hết! Cái gì đã qua thì đã qua và hết! Để các ông biết, điều này không đúng. Những cái đã qua rồi thì vẫn đấy. Cả những cái mình không biết vẫn tồn tại. Tôi khẳng định rằng trí nhớ vẫn còn sau khi chết.

“Các ông bạn ạ, các ông biết tôi một chút mà; các ông biết rằng tôi không phải là tên tồ tếch, cũng không là tên nhõng nhẽo, âu sầu, lảm mồm, bất mãn, quan trọng hóa, đau khổ, phàn nàn, khó chịu hay bi quan. Tôi yêu đời, yêu mọi người và yêu chính mình, tôi lao vào mọi việc như điên, tôi thích đấu tranh với cái gì đó, tóm lại là tôi là người bằng da thịt trần tục, như một gã đàn ông. Ngay cả lần đó tôi mất ngủ, ngày ngày tôi vẫn thúc mình, huých mình từ việc này đến việc khác; các ông biết rằng tôi có tiếng là người năng động. Và mỗi khi tôi lên giường để qua đêm không ngủ, tôi nhân đôi cuộc sống của mình. Ban ngày là cuộc đời của một người đàn ông năng nổ, thành đạt, tự mãn và khỏe mạnh, người đạt được tất cả nhờ năng lượng, nhờ trí thông minh và sự may mắn không phải xấu hổ của mình.

Còn ở đây, một người nằm như bị ám trên giường và ghi nhận những thất bại, nhục nhã, bần thiu và bị khinh bỉ suốt cuộc đời. Tôi đã sống với hai cuộc sống hầu như không động chạm đến nhau và hoàn toàn không giống nhau: cuộc sống ban ngày được xếp bằng những thành tích, những hoạt động, quan hệ, niềm tin, những khó khăn nhưng vui vẻ, những sự kiện bình thường; một cuộc sống mà trong đó theo cách của mình thì tôi hạnh phúc, yên tâm với mình. Nhưng đêm đến thì cuộc sống thứ hai mở ra, đầy đau đớn và thất vọng, cuộc sống của một người chẳng đạt được gì; một người bị phản bội, ứng xử không hay, yếu đuối và ngu ngốc; một người thiệt thòi, ngu xuẩn đến bị kích mà ai cũng thù ghét và lừa dối, một kẻ yếu đuối luôn luôn thất bại và chịu hết nỗi nhục này đến nỗi nhục khác. Mỗi cuộc sống này đều quan trọng cho chính tôi, liên tục và đầy đủ; khi tôi ở trong cuộc sống ấy tôi nghĩ rằng cuộc sống kia thuộc về ai đó khác và chỉ liên quan đến tôi qua ảo giác; rằng đó là ảo tưởng và si mê bệnh hoạn. Ban ngày tôi yêu còn ban đêm tôi nghi ngờ và căm ghét. Ban ngày tôi sống cuộc sống của con người chúng ta còn ban đêm tôi sống riêng một mình. Ai chỉ nghĩ đến mình thì sẽ mất đi cả thế giới.

“Và tôi có cảm giác rằng giấc ngủ là nguồn nước sâu và tối. Ở đó mọi thứ trôi đi, mọi thứ mà chúng ta không biết hay không nên biết. Cái buồn tủi nằm trong chúng ta nổi lên rồi chảy đi trong lúc bất tỉnh, cái mà không có bờ bến. Những cái xấu và hèn, tất cả những cái tội lỗi đáng xấu hổ thông thường, những cái ngu ngốc và thất bại đáng khinh, một giây dối trá và không ưa trong mắt của những người mà chúng ta yêu, cái mà chúng ta đã mắc phải và cái mà những người khác đã mắc phải, tất cả im lặng trôi đi trong tầm của ý thức. Giấc ngủ vô cùng tốt bụng, tha thứ cho chúng ta và cả những kẻ mắc lỗi với chúng ta.

“Và tôi nói thêm với các ông: Cái mà chúng ta gọi là cuộc sống không phải là tất cả những cái mà chúng ta đã trải qua; nó chỉ là một lựa chọn. Cái mà chúng ta đang trải qua thì quá nhiều, nhiều hơn là lý trí của chúng ta chịu nổi. Cho nên chúng ta chỉ lựa chọn cái này và cái kia mà ta thấy hợp rồi chúng ta sẽ dặt cho mình một quá trình được đơn giản đi và cái đó

chúng ta gọi là cuộc sống. Nhưng trong khi đó chúng ta để lại rác rưởi; chúng ta bỏ qua những thứ khủng khiếp và quái dị. Trời ạ, nếu mà con người nhớ lại những thứ ấy. Nhưng chúng ta chỉ có thể sống một cuộc sống đơn giản. Từng trải nhiều hơn là việc quá sức chúng ta. Chúng ta sẽ không đủ sức chịu đựng nổi cuộc sống nếu chúng ta không để rơi vãi phần lớn cuộc đời trên đường.”

BỘ SƯU TẬP TEM

“Cái này là sự thực,” ông già Karas nói. “Nếu người ta lần mò vào quá khứ của mình thì sẽ tìm ra khối thứ cho những cuộc đời khác. Có một lần... có thể là do nhầm hay do tình cảm... người ta đã chọn cho mình một trong những cuộc sống ấy và sống với nó đến cuối đời; nhưng tệ nhất là những cuộc sống thứ hai, những cuộc đời có thể ấy không hoàn toàn chết. Và đôi khi xảy ra việc mà ta cảm thấy nỗi đau như cái đau đớn trong cái chân bị cắt đứt.

“Khi tôi còn là cậu bé khoảng mười tuổi thì tôi bắt đầu sưu tầm tem; cha tôi không thích nhìn thấy việc này; ông nghĩ rằng vì cái này tôi sẽ học kém. Nhưng tôi có thằng bạn, thằng Lojzík Čepelka, đã cùng tôi vui thú niềm say mê sưu tầm tem cùng nó. Thằng Lojzík là con của một người chơi đàn *flašinet**, một cậu bé tóc bù xù, mặt đầy tàn nhang và trông giống như con chim sẻ rách rưới còn tôi yêu nó như trẻ em yêu bạn. Các ông nghe nhé, bây giờ tôi đã già, đã có vợ và con nhưng tôi nói với các ông là không có tình cảm nào của con người đẹp như tình bạn. Nhưng ta chỉ có thể như thế khi ta còn trẻ; sau đó thì ta khô đét lại và ích kỷ đi. Tình bạn như thế chảy ra sáng láng từ lòng nhiệt hành và sự ngưỡng mộ, từ sự dư thừa của cuộc sống và từ sự phong phú và đủ đầy cảm xúc; người ta có nó nhiều tới mức phải hiến tặng nó cho ai đó. Cha tôi là một công chứng viên, ông đứng đầu các nhân sĩ địa phương, là một quý ông trang trọng và nghiêm khắc, còn tôi thì mang trong tim mình thằng Lojzík, con của một ông bố say rượu, chơi *flašinet* và một bà mẹ - một người thợ giặt xác xơ. Và tôi quý mến và yêu thằng Lojzík vì nó khéo hơn tôi, vì nó tự lập và quả cảm như một con chuột cống, vì nó có tàn nhang trên mũi và vì nó biết ném đá bằng

tay trái - tôi không biết tôi đã yêu những gì của nó, nhưng chắc chắn đây là tình yêu lớn nhất của đời tôi.

Một loại phong cầm quay tay mà người ăn mày ở châu Âu thường sử dụng.

“Thế là thằng Lojzík trở thành người tin cậy của tôi khi tôi bắt đầu sưu tầm tem. Ở đây có người nói rằng chỉ có nam giới mới có cảm giác cho việc sưu tập; điều này đúng. Tôi nghĩ đây là phần còn sót lại hay bản năng từ cái thời mà mỗi người đàn ông làm bộ sưu tầm đầu lâu của các kẻ thù của mình, vũ khí bị chiếm đoạt, da gấu, sừng hươu và tất cả mọi thứ mà con người có thể chiếm đoạt được. Nhưng bộ sưu tầm tem không phải chỉ là sở hữu mà là một cuộc phiêu lưu vô tận, người ta phải rung động khi chạm vào một mảnh của một đất nước xa xôi như Bhutan, Bolivia hay mũi Hảo Vọng; đơn giản là người sưu tầm phải có một cái gì đó giống như là mối quan hệ cá nhân tin cậy đối với những đất nước xa xôi ấy. Trong cái môn sưu tầm tem có những đề tài như du lịch, vượt biển và nói chung là phiêu lưu thế giới của đàn ông. Cái này các ông thấy nó giống như trong các cuộc Thập tự chinh.

“Như tôi đã nói, cha tôi không thích nhìn thấy việc này, những người cha thông thường không muốn thấy con mình làm cái gì đó khác mình; trời ạ, tôi cũng như thế với các con trai mình. Cái việc làm cha là cảm giác lẫn lộn; trong đó là một tình yêu lớn, nhưng cũng có những thiên vị, thiếu tin tưởng, thù địch hay tôi có thể nói: người ta càng yêu con mình thì trong đó cũng càng nhiều cảm xúc thứ hai. Thế là tôi phải trốn lên tầng dưới mái nhà cùng với bộ sưu tập tem của mình để cha tôi không tóm được; trên tầng dưới mái có một cái hòm cũ, cái mà người ta gọi là thùng bột và hai đứa chúng tôi chui vào đấy như hai con chuột và cho nhau xem những con tem: Xem này, đây là Hà Lan, cái này là Ai Cập, cái kia là Sverige tức là Thụy Điển. Và chúng tôi phải trốn và giấu những tài liệu ấy. Trong việc này có một cái gì đó cực đẹp và tội lỗi. Việc tôi kiếm những con tem như thế nào lại là một cuộc phiêu lưu khác; tôi đến các gia đình thân quen và không quen và xin họ cho phép tôi bóc tem từ những bức thư cũ của họ. Đây đó

họ cất thư trên tầng dưới mái hay trong tủ giấy đầy những ngăn kéo đựng giấy cũ; đây là những giờ hạnh phúc nhất của tôi, khi tôi ngồi bệt dưới đất, tìm các tệp giấy tờ và tìm trong đó một con tem nào đó mà từ trước đến nay tôi chưa có, tôi thật ngốc; tôi không lấy những con tem tôi đã có được; và khi tìm thấy con tem Lombardie tôi cảm thấy niềm vui đến tấc thờ - mỗi cái may mắn lớn cũng đau đớn ngọt ngào. Lúc ấy thằng Lojzík đợi tôi bên ngoài, cuối cùng thì khi tôi đã ra ngoài tôi hỏi nhỏ nó: Lojzo, Lojzík ơi, ở đây có một con tem Hannover! Mà có chưa? - Tao có rồi! Và chúng tôi chạy biến với chiến lợi phẩm về nhà, về cái hòm cũ của chúng tôi.

“Ở chỗ chúng tôi có những nhà máy giấy sản xuất đủ những thứ hàng rơm, đay, vải màn, bìa các tông và những đồ dùng từ bông; những hàng hóa rơm này được sản xuất cho dân da màu trên toàn cầu. Ở đó họ cho phép tôi tìm tem trong các sọt giấy; đây là chỗ giàu có nhất mà tôi khai thác; ở đây tôi tìm thấy Xiêm La, Nam Phi, Trung Quốc, Liberia, Afganistan, Borneo, Brazil, New Zealand, Ấn Độ, Kongo - tôi không biết những cái tên ấy có gọi lên cho các ông một cái gì bí mật và như là khao khát không. Trời ạ, cái niềm vui, cái niềm vui man rợ, khi tôi tìm thấy những con tem có ảnh của các khu định cư bên Eo biển hay ở Hàn Quốc! Nepal! New Guinea! Sera Leon! Madagaskar! Các ông nghe nhé, cái niềm vui chiếm đoạt này chỉ có người đi săn hay người đi tìm kho báu hoặc nhà khảo cổ học đi khai quật mới hiểu được. Đi tìm và tìm thấy là cái căng thẳng và sự hài lòng mà cuộc sống có thể đem đến cho con người. Mỗi người có thể đi tìm cái gì đó, nếu không là tem thì đi tìm sự thật hay cây dương xỉ vàng hoặc ít ra là những mũi tên đá và những cái sọt rác.

“Đây là những năm tháng đẹp nhất đời tôi, cái tình bạn với thằng Lojzík và sưu tầm tem. Sau đó tôi bị lên sỏi và Lojzík không được phép đến gặp tôi, dù vậy nó đứng dưới hành lang và huýt sáo để tôi nghe thấy nó. Một lần những người lớn không để ý hay gì đó, tôi trốn từ giường và chạy tót lên tầng dưới mái để xem các con tem của mình. Tôi ốm mệt nên vất vả mới chui vào được cái hòm cũ. Nhưng hòm trống không; hộp tem đã biến mất.

“Tôi không thể tả xiết nỗi đau và sự hãi hùng của mình. Tôi nghĩ rằng tôi đứng đấy như bị hóa đá và tôi không khóc nổi nữa, cứ như cổ họng tôi bị bóp nghẹt. Cái khủng khiếp trước hết là hộp tem chắc hẳn là đã bị Lojzík, đứa bạn duy nhất của tôi lấy cắp khi tôi ốm. Đây là sự xấu xa, thất vọng, tuyệt vọng, hối hận - các ông nghe nhé, cái này thật là chuyện kinh hoàng nhất mà mỗi đứa trẻ có thể trải qua. Tôi đã ra khỏi cái phòng dưới mái bằng cách nào tôi cũng không biết nữa và sau đó lại nằm trong các cơn sốt cao và trong những lúc dễ chịu hơn tôi đã suy nghĩ tuyệt vọng. Tôi không thể nói với cha tôi và dì tôi - mẹ thì đã mất rồi; tôi biết rằng cha và dì không hiểu tôi chút nào và vì đó tôi trở nên xa lạ với cha và dì rồi từ đó tôi không có mối quan hệ con em gần gũi nào với họ. Sự phản bội của Lojzík gần như là đòn chết người đối với tôi; nó là sự thất vọng đầu tiên và lớn nhất trong con người. Đồ ăn mày, tôi tự nhủ, Lojzík là đồ ăn mày và vì thế nó ăn cắp và tôi phải trả giá cho việc đánh bạn với thằng ăn mày. Cái này kết sạn trong tôi; từ đó tôi bắt đầu phân biệt mọi người, tôi đã đánh mất sự trong sáng về xã hội, nhưng bây giờ tôi không biết cái này đã làm tôi bị sốc và tất cả những gì trong tôi đã sụp đổ. Khi tôi đã khỏi bệnh sốt thì tôi lại ốm bệnh từ nỗi đau của việc mất bộ sưu tập tem. Và tôi còn nhớ cả tim khi thấy Lojzík đã có bạn mới, nhưng khi nó chạy đến với tôi với một chút lạ lùng sau một thời gian dài thì tôi nói khô khan và người lớn: Cút đi, tao không nói chuyện với mày. Lojzík đỏ mặt và sau một lát nó nói: Cũng tốt thôi. Từ đấy nó thù tôi với mối hận sâu sắc của một người vô sản.

“Đây là cái biến cố có ảnh hưởng đến cuộc đời tôi và đến sự lựa chọn cuộc đời mà ông Paulus có thể nói ở đây thế nào đó. Tôi có thể nói, thế giới của tôi đã bị xúc phạm, tôi đã đánh mất niềm tin vào mọi người, tôi đã học được sự căm ghét và khinh bỉ. Không bao giờ tôi có bạn nữa và khi lớn lên thì tôi cũng bắt đầu dựa trên cái nền là tôi sống một mình, rằng tôi không cần ai và tôi sẽ không cho ai bất cứ cái gì. Sau đó tôi phát hiện là không ai quý tôi và tôi tự giải thích là tôi tự khinh ghét tình yêu và tôi thềm vào tất cả mọi tình cảm. Và thế tôi trở thành người kiêu ngạo, háo danh, tự lập, chi li và hoàn toàn sòng phẳng; tôi đã tẻ bạc và cứng rắn với cấp dưới; tôi lấy

vợ mà không yêu vợ, tôi dạy dỗ các con trong kỷ luật và sợ hãi. Và bằng sự chăm chỉ và cần trọng của mình tôi đã đạt được những thành tích không nhỏ. Đây là cuộc sống của tôi, cả cuộc đời tôi. Tôi không nhìn vào thứ gì ngoài những cái thuộc về trách nhiệm của tôi. Bao giờ tôi về với Chúa thì ngay cả trên báo sẽ viết tôi là người lao động có đóng góp xứng đáng và có tính cách mẫu mực như thế nào. Nhưng nếu mà mọi người biết trong đó là sự cô đơn, nghi kỵ và cứng rắn...

“Cách đây ba năm vợ tôi chết. Tôi không thú nhận với chính mình và mọi người, nhưng tôi buồn vô cùng và trong nỗi buồn ấy tôi đã lục tất cả các kỷ niệm của gia đình, những cái cha mẹ để lại: ảnh, thư, vở hồi tôi còn đi học - tôi ghen trong cổ họng khi nhìn thấy những thứ cha tôi đã gói lại và cất đi cẩn thận như thế nào và rõ ràng là cha tôi đã yêu tôi. Trên tầng dưới mái là cả một tủ đầy; dưới đáy một ngăn kéo có một cái hộp được niêm phong bằng dấu của cha tôi; khi tôi mở ra, tôi tìm thấy bộ sưu tập tem mà tôi đã làm cách đây năm mươi năm.

“Tôi không giấu gì các ông; những dòng nước mắt của tôi tuôn trào ra và cái hộp ấy tôi đã mang về phòng như một kho báu. Bởi thế và lần ấy là thế. Tôi hiểu rằng sáng hôm ấy khi tôi ốm có ai đó tìm ra bộ sưu tập tem của tôi và cha tôi đã tịch thu để tôi không vì nó mà bỏ bê việc học hành! Lẽ ra cha tôi không nên làm thế, nhưng ở trong hành động đó là cả sự chăm sóc nghiêm khắc và tình yêu của ông; tôi không biết, nhưng tôi bắt đầu thương cả cha tôi lẫn chính bản thân tôi. Và sau đó tôi bỗng nhớ ra: Thế là thằng Lojzík đã không ăn cắp của tôi bộ tem! Trời ạ, tôi đã bắt công với nó! Và tôi lại nhìn thấy thằng bé nghịch ngợm, lôi thôi, mặt đầy tàn nhang đứng trước mặt tôi. Có trời biết nó đã thành người như thế nào và nó còn sống không! Tôi thấy xấu hổ và thẹn thùng khi nhớ lại. Chỉ vì một sự nghi ngờ sai trái mà tôi đã mất đứa bạn duy nhất của mình và vì thế tôi mất cả tuổi thơ. Vì thế mà tôi đã khinh bỉ những người nghèo; vì thế mà tôi khu xử ngạo mạn và không gần bó với bất cứ ai. Vì thế mà suốt đời tôi đã nhìn bất cứ cái tem thư nào cũng với sự vô vị và khinh ghét. Vì thế nên tôi không bao giờ viết thư cho người yêu và vợ mình và giấu việc này đi bằng cách

cho là tôi ở đẳng cấp cao hơn những cảm xúc bột phát và làm vợ tôi đau khổ vì việc này. Vì thế mà tôi đã cứng rắn và cô đơn. Vì thế mà tôi đã làm nên sự nghiệp và hoàn thành mẫu mực các trách nhiệm của mình.

“Tôi đã nhìn thấy một lần nữa cả cuộc đời mình; tôi bỗng thấy nó trống trải và vô nghĩa. Rõ ràng là tôi có thể sống khác đi, tôi nghĩ. Nếu cái việc ấy không xảy ra, trong tôi sẽ có biết bao nhiêu hứng thú và phiêu lưu, tình yêu và lòng hiệp sĩ, mộng tưởng và sự tin cậy, bao nhiêu cái lạ lùng và vô biên. Trời ạ, tôi có thể là ai đó khác đi, du khách hay diễn viên hoặc người lính! Rõ ràng là tôi có thể yêu thương mọi người, cạnh chén với họ, hiểu họ và tôi không biết còn cả những gì nữa! Tôi thấy trong tôi tảng băng nào đó tan ra. Tôi ngắm hết con tem này đến con tem khác; ở đây có tất cả, Lombardie, Kuba, Xiêm La, Hannover, Nicaragua, Philipin, tất cả các đất nước mà thời ấy tôi muốn đến và bây giờ thì tôi sẽ không đến thăm được nữa. Trên mỗi con tem là một cái gì đó mà lẽ ra có thể xảy ra nhưng đã không xảy ra. Tôi ngồi ngắm các con tem suốt đêm và đánh giá cuộc đời mình. Tôi thấy nó lạ lùng thế nào ấy, nhân tạo và không cá nhân, và lấy làm lạ rằng cuộc đời thật của tôi đã trở thành sự thực.” Ông Karas phẩy tay. “Khi tôi nghĩ, tôi có thể thành những người như thế nào, và tôi đã bắt công với thằng Lojzík ra sao...”

Nghe xong câu chuyện, cha Voves thấy rất buồn và thương cảm; có lẽ ông đã nhớ ra chuyện gì trong đời mình.

“Ông Karas ạ,” cha cảm động nói, “ông đừng nghĩ chuyện này nữa; chẳng để làm gì và cũng chẳng làm lại được gì, không thể bắt đầu lại được nữa đâu...”

“Không thể,” ông Karas thở dài và hơi đỏ mặt. “Nhưng các ông biết không, ít ra thì tôi lại bắt đầu sưu tầm tem!”

MỘT VỤ GIẾT NGƯỜI BÌNH THƯỜNG

“Tôi thường xuyên nghĩ ngợi,” ông Hanák nói, “tại sao chúng ta có cảm giác rằng sự bất công lại là cái gì đó tệ hại hơn những cái tệ hại khác mà người ta gặp phải. Thí dụ nếu chúng ta nhìn thấy một người vô tội bị xử tù, việc này làm chúng ta không yên và nó ám ảnh chúng ta nhiều hơn là hàng nghìn người đang sống trong nghèo đói và đau đớn. Tôi đã thấy sự nghèo khổ như vậy và mọi tù tội so với cái này thì đều là sung sướng và rõ ràng là sự nghèo khổ tệ hại nhất không gây thương tổn như sự bất công. Tôi có thể nói rằng ở trong chúng ta có cái bản năng về tư pháp nào đó; có tội và vô tội, quyền và công lý là những cảm xúc đầu tiên, khủng khiếp và sâu nặng như tình yêu và đói khát.

“Tôi xin lấy một thí dụ: tôi đã sống bốn năm trong chiến tranh như nhiều người trong các ông; chúng ta sẽ không nói chúng ta đã nhìn thấy những gì, nhưng các ông chứng minh cho tôi là người mình đã quen với khối thứ: thí dụ đã quen với người chết. Tôi đã nhìn thấy hàng trăm thanh niên đã chết và nhiều khi chết thê thảm, cái này các ông có thể tin tôi; và tôi xin thú nhận rằng tôi đã thấy mình không quan tâm đến họ, cứ như họ là quần áo cũ nhưng chưa bị hôi. Tôi chỉ tự nhủ, trời ạ, nếu mi ra khỏi cái nhà thương cho súc vật mà hãy còn sống và không bị thương tật thì không có gì làm hại được mi nữa.

“Năm sau chiến tranh tôi trở về ở nhà mình tại Slatina*. Một buổi sáng có ai gõ cửa nhà tôi và gọi: Ông Hanák ơi, ông ra xem này, bà Turková bị giết! Bà Turková có một quầy hàng nhỏ bán giấy và chỉ; không ai quan tâm đến bà ấy, chỉ đôi khi có ai đó đến quầy hàng của bà ấy mua cuộn chỉ hay bưu ảnh Giáng sinh. Từ quầy hàng vào bếp có cửa kính, bà

Turková ngủ ở bếp, trên cửa có rèm nhỏ và khi có tiếng chuông ở quầy hàng thì bà Turková nhìn qua rèm từ trong bếp, có ai đến thì bà ấy lau tay vào tạp dề và bước ra quầy hàng. Ông muốn mua gì? bà ta nói về nghề vục; người ta có cảm giác là người ta bước vào quầy như khách không được mời và sẽ cố gắng ra ngoài cho sớm. Nó như thể anh đang nâng hòn đá và bây giờ trong cái hang ẩm ướt có một con ong cô đơn đang sợ hãi; anh lại phải hạ viên đá xuống để cho con ong được trấn an.

Tên một làng ở gần Brno, thành phố lớn thứ hai của Czech.

Khi nghe tin này, tôi chạy đến xem, tôi nghĩ, chủ yếu là do tính hiếu kỳ bất lịch sự. Trước quầy của bà Turková người đông như tổ ong, nhưng người cảnh sát địa phương cho tôi vào trong vì anh ta kính trọng tôi như một người có học. Chuông kêu leng keng vào trong tĩnh lặng như mọi khi, nhưng lúc đó tiếng chuông rõ ràng và vội vàng làm tôi phát ớn lạnh; tôi nghĩ rằng cái này không phù hợp. Bà Turková nằm trên ngưỡng cửa bếp, dưới đầu bà ta là một vũng máu, đám tóc trắng trên gáy bị bết máu màu đen. Và lúc ấy tôi bỗng cảm thấy cái mà tôi trải qua trong chiến tranh: nỗi khủng khiếp trên xác người chết.

“Điều lạ là tôi đã gần như quên đi chiến tranh; ngay cả nhân loại cũng dần dần quên nó, vì vậy cho nên có thể lại phải có cuộc chiến tranh mới. Nhưng tôi không thể quên cái bà già bị giết, cái con người vô dụng ở đây, cái con người mà không biết bán một tấm bưu ảnh cho ra bán hàng. Người bị giết khác người chết; ở họ có cái bí mật kinh khủng. Tôi không thể hiểu tại sao người ta lại giết một phụ nữ, một người bình thường, tóc đã hoa râm, người không được ai quan tâm; tại sao bà ta nằm thảm hại ở chỗ này còn người cảnh sát thì đang cúi xuống thi thể bà ta và bên ngoài thì biết bao nhiêu là người chen chúc để nhìn thấy một chút gì đó của bà Turková. Tôi có thể nói, cái người phụ nữ tội nghiệp ấy chưa bao giờ được chú ý khủng khiếp như bây giờ khi bà ta nằm úp mặt vào vũng máu đen. Giống như là bỗng nhiên bà ta đạt được một tầm quan trọng lạ lùng và khủng khiếp. Khi bà ta còn sống, tôi không để ý bà ta mặc gì trên mình và trông bà ta như thế

nào, nhưng bây giờ thì y như tôi nhìn bà ta qua lăng kính phóng đại méo mó. Trên một chân bà ta xỏ dép lê, chiếc dép thứ hai thì tuột ra và nhìn thấy cả tất quần được vá lại ở chỗ gót, tôi nhìn thấy cả đường khâu và tôi có cảm giác khùng khiếp như cả cái tất quần ấy cũng bị giết. Một tay bà ta bấu vào sàn, trông nó khô và bất lực như chân chim, nhưng khùng khiếp nhất là cái cặp được cặp vào mái tóc màu xám ở gáy nạn nhân vì nó đã được đan chặt chẽ và nhấp nháy như là màu thiếc cũ giữa những vệt máu đông. Tôi có cảm giác là chưa bao giờ tôi nhìn thấy cái gì tội nghiệp hơn là món tóc của phụ nữ vậy máu. Một tia máu đã khô lại sau tai, trên nó là cái khuyên tai bạc có viên đá xanh sáng lấp lánh. Tôi không chịu được nữa, hai chân tôi run lên. Trời ạ, tôi nói.

“Người cảnh sát tìm cái gì đó trong bếp đứng vụt dậy và nhìn tôi; anh ta mặt tái đi như muốn ngất xỉu.

“Này anh, tôi lắp bắp, anh đã từng đi lính chứ?”

“Có chứ, người cảnh sát nói giọng khàn khàn. Nhưng cái này... cái này là việc khác. Ông xem này, anh ta nói thêm và bỗng chỉ vào rèm cửa; rèm bị nhàu nát và nhơ bẩn, hẳn là kẻ giết người đã chùi tay. Trời ạ, tôi thở hắt ra, tôi không rõ có cái gì kinh tởm không chịu nổi ở đó - hoặc là hình dung về đôi tay dính đầy máu, hoặc là cái rèm sạch sẽ đã trở thành nạn nhân của tội ác - tôi không biết, nhưng trong lúc ấy con chim vàng anh trong bếp kêu lên chiêm chiếp rồi hót lên một điệu dài. Các ông nghe này, cái này thì tôi không chịu nổi nữa; tôi chạy khỏi quầy hàng với sự kinh hãi, tôi nghĩ rằng mặt tôi còn tái hơn mặt người cảnh sát.

“Sau đó tôi ngồi trên trục xe trong sân nhà và cố gắng suy nghĩ. Đồ ngốc ạ, tôi tự nhủ, đồ hèn, đây rõ ràng là một vụ giết người thông thường! Mi chưa bao giờ nhìn thấy máu sao? Mi không bị dính máu của chính mình như lợn dính bùn sao? Mi chẳng từng quát những người lính thuộc cấp của mình để họ đào hố chôn một trăm ba mươi người chết cho nhanh lên hay sao? Một trăm ba mươi người chết nằm cạnh nhau, đấy là một hàng dài ngay cả khi xếp lại như xếp ngói. Và mi đi dọc hàng ấy, mi hút thuốc và

quát bảo đội lính, nào, làm nhanh lên, nhanh lên cho xong sớm đi! Sao vậy, mi chưa nhìn thấy ngàn nấy người chết à, ngàn nấy người chết. Vâng, nó thế đấy, tôi tự nhủ, tôi đã nhìn thấy ngàn nấy người chết, nhưng không nhìn thấy một Người Chết duy nhất; tôi không quỳ xuống người ấy để xem mặt và động vào tóc người ấy. Người chết cực kỳ im lặng, mi phải ở một mình với người ấy... và nín thở... và để hiểu người ấy. Mỗi một người trong một trăm ba mươi người ấy phải rất vất vả để nói với mi: Thừa trung tá, chúng đã giết tôi; ông hãy nhìn tay mình, đấy không phải tay người hay sao! Nhưng tất cả chúng ta đã quay lưng lại những người chết khi chúng ta đang phải tiến hành một cuộc chiến tranh, chúng ta không thể nghe những người đã ngã xuống. Trời ạ, nhất thiết xung quanh mỗi người ngã xuống đều có một đám người chen chúc như ong bên tổ, đàn ông, đàn bà, trẻ con, run rẩy nhìn người chết ấy một chút, ít ra một cái chân trong giày hay tóc bết máu. Việc này có lẽ không phải xảy ra, việc này không nên xảy ra.

“Và tôi đã từng chôn cất mẹ tôi, mẹ tôi trông rất hoành tráng, rất yên tâm và lịch sự trong chiếc quan tài đẹp. Chỉ lạ, nhưng không kinh khủng. Nhưng cái này khác với cái chết; người bị giết không phải là người chết; người bị giết lên án, như hét lên nỗi đau đớn lớn nhất và không chịu đựng nổi. Hai chúng tôi, tôi và anh cảnh sát biết rằng có ma ám trong cái quầy ấy. Và nó đánh thức tôi. Tôi không biết, chúng ta có linh hồn hay không, nhưng trong chúng ta có những cái bất tử, giống như bản năng đòi công lý. Tôi không hơn gì bất kỳ người đàn ông nào khác, nhưng trong tôi có một cái gì đó mà chỉ thuộc về tôi, cái linh cảm về một trật tự to lớn và nghiêm ngặt. Tôi biết rằng tôi nói không chuẩn, nhưng trong giây phút ấy tôi đã biết tội ác là gì và làm nhục Thượng đế là gì. Để các ông biết, người bị giết giống như cái đèn thờ vô thần và trống không.”

“Và rồi sao,” ông Dobeš lên tiếng, “họ có tóm được tên đã giết bà ấy không?” “Họ tóm được,” ông Hanák tiếp tục. Tôi đã trực tiếp nhìn thấy hẳn khi hai ngày sau cảnh sát dẫn hẳn vào quầy hàng, nơi người ta hỏi cung hẳn tại hiện trường. Tôi chỉ nhìn thấy hẳn khoảng năm giây, nhưng nó giống

như nhìn dưới kính phóng đại méo mó. Hãn là một gã nhà quê trẻ, trên tay đeo dây vàng và hãn vội vã kỳ lạ đến mức cảnh sát khó mà theo kịp. Hãn đổ mồ hôi mũi, mắt lồi ra và chớp lên hoảng hốt. Người ta nhìn thấy rõ là hãn rất sợ hãi y như con thỏ bị đem ra giải phẫu. Tôi không thể quên cái mặt ấy. Sau lần gặp ấy tôi thấy xấu hổ và trống trải. Bây giờ họ sẽ xử hãn, tôi nghĩ, vụ xử hãn sẽ kéo dài vài tháng để có thể xử hãn tội tử hình. Cuối cùng thì tôi thấy thương hại hãn và tôi cảm thấy nhẹ đi nếu hãn thoát cái tội ấy. Không phải vì hãn có khuôn mặt ưa nhìn, ngược lại mới đúng, nhưng tôi đã nhìn thấy hãn ở quá gần, đã nhìn thấy hãn chớp mắt vì đau khổ. Tôi không có sự nhạy cảm nào đối với một tên quý, nhưng nhìn rất gần thì đây không phải kẻ giết người mà là con người. Tôi có thể nói với các ông, cái này tôi không hiểu, tôi không biết tôi có thể làm gì, nếu tôi là thẩm phán vụ của hãn, nhưng tôi thấy buồn từ việc này, cứ như chính tôi cần được chuộc tội.”

VỊ BỒI THẨM

“Có một lần tôi phải xử án,” ông Firbas húng hắng ho và nói, “vì tôi trúng thăm làm bồi thẩm. Lần ấy có vụ xử Lujza Kadaníková, kẻ giết chồng mình, được đưa đến trước đoàn bồi thẩm. Đoàn bồi thẩm chúng tôi có tám thành viên nam và bốn thành viên nữ. Thân chào, chúng tôi - tám nam thành viên - im lặng nói với nhau rằng bốn nữ thành viên sẽ để tâm vào việc xá tội cho nữ bị can! Và thế là chúng tôi sẽ cứng rắn chống lại bị can Lujza ngay từ đầu. Về tổng thể vụ này là vụ hôn nhân bất hạnh bình thường. Ông Kadaník làm nghề địa chính dân sự, cưới vợ trẻ hơn hai mươi tuổi; Lujza là cô bé, khi cưới chồng cô bé ấy có người làm nhân chứng, người này khai là ngay vào ngày cưới phu nhân trẻ đã khóc, mặt tái như phấn và rùng mình ghê sợ khi người chồng mới của cô muốn chạm vào cô. Bao nhiêu lần tôi nghĩ rằng đây là một kinh nghiệm kinh khủng mà cô gái vô tội và thiếu kinh nghiệm sẽ làm trong ngày cưới; các ông xem, chồng cô ấy có thể đã từng quen với các cô gái và khu xử theo thói quen. Ừ thì cái này không người đàn ông nào tưởng tượng ra. Nhưng công tố viên* thì lại moi ra chứng cứ là nghe nói Lujza trước ngày cưới đã có quan hệ với một cậu sinh viên và thư từ với cậu ta ngay cả sau khi cưới. Tóm lại là sau khi cưới nhau thì quan hệ vợ chồng không hòa thuận, phu nhân Lujza thể hiện sự ghê sợ về mặt vật lý đối với chồng mình, sau một năm cô ta bị sẩy thai và từ đấy cô ta luôn luôn có các bệnh phụ nữ nào đó. Ông nhân viên địa chính đã tìm được sự thay thế ở chỗ khác và ở nhà ông ta luôn luôn gáy ầm ĩ vì từng đồng xu. Vào cái ngày bất hạnh họ lại cãi nhau vì cái áo sơ mi crep hay cái gì đó, ông nhân viên địa chính bắt đầu đi giày và nói rằng ông sẽ không làm khổ mình ở nhà nữa. Giây phút ấy Lujzička* đã lại gần ông

từ phía sau và đã bắn vào gáy ông ta bằng khẩu browning. Sau đó cô ta chạy ra hành lang và đấm cửa nhà hàng xóm gọi họ đến chỗ chồng mình rồi nói là cô đã giết chồng và muốn đi khai báo, nhưng cô ta đã ngã gục xuống cầu thang trong cơn đau đớn. Đây là toàn thể vụ này.

Nguyên văn: đại diện nhà nước.

Lujza, Lujzička là cách gọi thân mật của tên Aloisie.

“Bây giờ chúng tôi, mười hai người ngồi để xử tội cô ta. Nghe nói Lujzička từng là cô bé xinh đẹp, nhưng sắc đẹp của phụ nữ không giúp gì cho việc điều tra. Bây giờ cô ta héo hon, trên khuôn mặt tái xanh chỉ có đôi mắt cháy bỏng ác độc và căm hờn. Chủ tọa phiên tòa ngồi trên ghế như trên ngai, hiện thân của công lý, rất trang nghiêm và giống như linh mục trong chiếc áo choàng màu đen. Công tố viên là luật sư tốt nhất mà tôi từng thấy: mạnh mẽ như con bò mộng, căng thẳng và sẵn sàng chiến đấu như một con hổ được nuôi dưỡng tốt và ở đây người ta thấy rõ là với sự sung sướng đầy sức lực và thẳng thắn nó sẽ lao vào con mồi đang ngồi bên dưới, con mồi cháy bỏng căm hờn với đôi mắt rực cháy. Và trạng sư của bị can luôn luôn nhảy dựng lên, bực tức và tranh luận với công tố viên để cho chúng tôi, các thành viên đoàn bồi thẩm, phải coi đó là điều đáng xấu hổ, vì luôn luôn xảy ra tình trạng y như là đây không giống một phiên tòa mà là một vụ bất hòa giữa trạng sư và công tố viên. Sau đó, chúng tôi, những bồi thẩm từ nhân dân đến xử theo lương tâm con người của mình, nhưng dù có sự quyết tâm cao nhất thì đa phần chúng tôi đã bị buồn chán tuyệt vọng trong những lúc tiến hành các thủ tục của trạng sư và tòa án. Phía sau là đông đảo khán giả và họ kéo đến xem vụ Lujza Kadaníková; có những khi cô ta lâm vào thế bí và giận dữ im lặng thì có thể nghe rõ mọi người cười khúc khích thể hiện sự hứng thú của mình.” Ông Firbas lau trán cứ như ông đổ mồ hôi. “Đôi lúc tôi có cảm giác tôi không phải là bồi thẩm rút trúng thăm mà là người bị treo lên dàn tra tấn, y như tôi muốn nhảy lên và nói, tôi xin nhận tất cả mọi tội, hãy xử lý tôi tùy ý các người.

“Sau đó chúng tôi đã nghe các nhân chứng; ai cũng khai với lời lẽ rất hệ trọng cứ như thổi phồng lên rằng họ biết cái gì đó. Và từ những lời khai ấy chúng tôi đã cảm thấy cả một thành phố nhỏ, rất nhiều hận thù, đồn đại, thiên vị, thì thầm, ghen tị, âm mưu, chính trị và chán nản. Theo các nhân chứng thì người bị giết là một người đàn ông danh dự, thẳng thắn và là một công dân bình thường, có uy tín cao; tiếp đó ông ta là một tay hám gái, hà tiện với bản chất tàn bạo, trụy lạc và thô bỉ; tóm lại là các vị có thể lựa chọn. Cô Lujza còn tệ hơn: nghe nói cô ta là người quan hệ lăng nhăng, ăn mặc lạ là, tiêu pha lãng phí, không quan tâm gia đình và mang nợ nần. Công tố viên nghiêng mình với nụ cười lạnh giá: Bị can, thời chưa có gia đình cô đã có quan hệ mật thiết với người đàn ông nào không? Bị can nín lặng, chỉ có má cô ta đang xám ngoét bỗng run run đỏ lên. Trạng sư nhảy dựng lên: Đề nghị hỏi cung cô này và cô kia đã từng bị Kadaník lợi dụng khi cô này giúp việc ông ta. Ông ta có con với cô ấy...

“Chánh án cau mày; người ta nhìn thấy ông ta suy nghĩ: Trời ạ, thế này thì buổi xử sẽ kéo dài! Bây giờ thì tất cả mọi chuyện gia đình bị bối tung lên không có hồi kết: ai trong hai người là nguồn gây ra xung đột vợ chồng, cô Lujza nhận được bao nhiêu tiền để lo việc nhà, chồng cô ta có lý do để ghen hay không. Đôi khi người ta có cảm giác rằng cả mấy giờ người ta không nói về ông Kadaník đã chết và về cuộc sống vợ chồng, mà họ lại nói về tôi hay về bất cứ ai trong các thành viên của đoàn bồi thẩm hoặc là tôi không biết họ nói về ai trong tất cả chúng tôi. Trời ạ, những gì họ nói về người đã chết thì tôi cũng đã làm, những việc như thế xảy ra ở khắp nơi, tại sao họ lại nói. Tôi có cảm giác rằng họ lột từng chiếc quần và áo của tất cả chúng ta ra, đàn ông, đàn bà, cứ như họ chọn các cuộc cãi nhau của riêng chúng ta, thổi bùng những chuyện riêng tư xấu xa của chúng ta lên, lôi những bí mật chần gởi và thói quen của chúng ta ra. Cái này giống như người ta mô tả về cuộc sống của chúng ta nhưng xấu xa và tàn bạo giống như địa ngục. Tay Kadaník không phải là tay đàn ông tệ nhất; hẳn ta hơi thô bạo, hay chê bai và nhục mạ vợ; cứng rắn và keo kiệt vì làm việc vất vả và làm ra ít tiền; hẳn là kẻ lăng nhăng, dụ dỗ người giúp việc và quan hệ

với một phụ nữ góa chồng, nhưng có thể là do danh dự đàn ông của hẳn ta bị xúc phạm, vì cô Lujza căm ghét hẳn cứ như hẳn là giống bọ ghê tởm. Các vị thấy điều đặc biệt khi nhân chứng của trạng sư đã khai chống lại người bị giết, rằng hẳn là kẻ gây gỗ, nhỏ nhặt, tàn bạo, thô bỉ trong tình dục và là một kẻ thô lỗ; trong các thành viên đoàn bồi thẩm chúng tôi sự ghét bỏ và tình đoàn kết bị kích lên: dừng lại! Chúng tôi cảm thấy cứ như chúng tôi sẽ bị xử bắn vì cái tội này. Và khi nhân chứng khác lại khai bất lợi cho cô Lujza, rằng cô ta nhẹ dạ, ăn mặc chải chuốt và gì gì đó v.v. các đấng nam nhi trên ghế của đoàn bồi thẩm chúng tôi cảm thấy một cái gì đó giống như lòng bao dung, một cái gì đó như mong muốn bảo vệ cô ta, trong khi bốn nữ thành viên của chúng tôi thì mím môi và nhìn bằng ánh mắt như không muốn tha thứ.

“Sau hàng giờ và hàng ngày cái địa ngục vợ chồng bị mở toang ra, được soi bằng mắt của những người giúp việc và bác sĩ, hàng xóm và bọn mách lẻo: những xung đột và nợ nần, bệnh tật, bất đồng trong nhà, tất cả những cái xấu xa, cuồng điên và hành hạ, cái mà hai người phải chịu đựng, y như trước mặt chúng tôi người ta thổi phồng nội tạng con người lên với tất cả sự xấu xa khốn khổ của nó. Các ông nghe nhé, tôi có vợ ngoan và hiền, nhưng đôi khi ở dưới kia tôi không nhìn thấy Lujza Kadaníková mà thấy Lida của tôi đang bị lên án về việc cô ấy bắn vào gáy chồng mình Firbas. Tôi cảm thấy sự đau đớn khủng khiếp và tiếng nổ vang của vết thương ở gáy mình. Tôi nhìn thấy Lida tái xám, cứng đầu, môi mím chặt đang lên án tôi bằng đôi mắt điên dại vì khiếp sợ, oán hận và nhục mạ. Đấy chính là Lida, bị người ta lột hết áo quần và xẻo thịt; đấy là vợ tôi, giường ngủ của tôi, những thầm kín, những cháy bỏng, những sự thô thiển của tôi. Suýt nữa thì tôi có thể khóc lên và nói: Lida, em thấy không, em đã đưa anh đến đâu! Tôi đã nhắm mắt lại để khỏi nhìn thấy ảo ảnh ấy, nhưng trong bóng tối những lời khai của các nhân chứng càng hành hạ hơn; và khi tôi nhìn chăm chăm vào đôi mắt của Lujza, trái tim tôi quặn lại. Trời ơi, Lida, em đã thay đổi đến thế nào?

“Khi tôi từ tòa về nhà, Lida đợi tôi với câu hỏi háo hức: Thế nào rồi, cô ta sẽ bị kết án chứ? Đây là một vụ giết gân chủ yếu được các phu nhân trẻ quan tâm. Em á, vợ tôi tuyên bố với sự quan tâm cháy bỏng và kích động, em có thể kết án cô ấy! Việc gì đến em nào, tôi quát vợ tôi; tôi thấy kinh khủng phải nói chuyện với vợ về vụ này. Buổi tối trước ngày tuyên án, tôi bị sự bất an siết chặt, tôi chạy trong phòng và suy tính: Có thể chúng tôi sẽ tha bổng cho Lujza, bốn vị phụ nữ kia sẽ làm được gì? Chỉ cần một phiếu biểu quyết chống lại việc buộc tội là cô ấy sẽ được tha bổng; thế nào đây ngài? Đây sẽ là biểu quyết của tôi? Tôi không tìm được câu trả lời cho câu hỏi này. Bỗng nhiên một ý nghĩ khó chịu đến với tôi: rõ ràng tôi có khẩu súng đã lên đạn trong tủ giường - đây là một thói quen từ thời chiến; thật đơn giản là có khi nó lọt vào tay Lida vợ tôi! Tôi cầm khẩu súng lên: tao có nên cất hoặc vứt mi đi không đây? Chưa đâu, tôi nhăn mặt, chờ xem vụ Lujza kết thúc ra sao đã!

“Và sau đó tôi lại dẫn vật mình: Vâng, nó sẽ có kết cục ra sao, và mình, trời ạ, mình sẽ biểu quyết thế nào đây?

“Ngày cuối cùng công tố viên đứng lên nói, ông ta nói đúng và cứng rắn. Tôi không biết ông ta có cái quyền này từ đâu ra, nhưng ông ta dùng những lời lẽ nhân danh các mối quan hệ gia đình. Tôi nghe như nghe từ xa cái cách ông ta nhấn mạnh các từ như gia đình, cuộc sống dưới mái nhà, hôn nhân, đàn ông và phụ nữ, trách nhiệm của phụ nữ; người ta nói rằng đây là một trong những lời phát biểu tuyệt vời nhất tại tòa. Sau đó đến trạng sư của Lujza nói và ông ta đã làm một việc kinh khủng: ông ta xây dựng lời bào chữa trên cơ sở phân tích về bệnh lý tình dục. Ông ta chứng minh sự kính tởm mà người phụ nữ lãnh cảm hoặc vô cảm về tình dục cảm thấy đối với người đàn ông - một con đực tàn bạo. Sự kính tởm vật lý ấy lớn dần lên thành sự căm thù; người phụ nữ như vậy phải là nạn nhân trước mong muốn và thèm khát của kẻ bạo hành tình dục tàn nhẫn. Giây phút đó ta cảm thấy cả đoàn bồi thẩm quay lưng lại và lạnh lùng đến mức đông cứng chống lại cô Lujza, trong đoàn hội thẩm đã xuất hiện sự chống lại trong vô thức đối với cái gì đó không bình thường, cái sẽ phá hoại và đe dọa trật tự

của nhân loại hay gì đó. Bốn nữ thành viên đoàn bồi thẩm mặt tái xám và trong họ dấy lên sự thù địch đối với người phụ nữ đã vi phạm trách nhiệm nào đó. Và tay trạng sư ngu xuẩn cứ nhiệt thành ôn đi ôn lại cái bài bào chữa dựa vào phân tích về tình dục của mình.

“Chánh án nhân hậu nhìn những biểu hiện phần nộ của đoàn bồi thẩm qua đôi kính và trong lời kết luận ông ta muốn làm dịu tình hình; ông không nói về gia đình và về tự do tình dục, mà nói về việc giết người. Các bồi thẩm chúng tôi thấy nhẹ nhõm; chân thành mà nói về mặt này vụ án dễ tiêu hóa hơn, đơn giản và gần như chấp nhận được.

“Đến phút cuối tôi vẫn không biết mình sẽ trả lời sao cho câu hỏi về sự phạm tội. Nhưng khi được đặt câu hỏi: Lujza Kadaníková có tội hay không có tội trong việc cố tình giết chồng, Jan Kadaník, và đã bắn ông ta? tôi là người đầu tiên không suy nghĩ đã trả lời: có. Và điều đã xảy ra là tất cả mười hai bồi thẩm đều trả lời: có.

“Sau đó là sự im lặng sững sờ; tôi nhìn bốn nữ bồi thẩm. Biểu hiện của họ cứng cõi gần như long trọng y như họ đã tiến hành cuộc chiến đấu bảo vệ gia đình của con người.

“Khi tôi trở về nhà, vợ tôi, Lida, mặt tái đi vì kích động, buột miệng vội vàng: Kết cục thế nào rồi?

“Với cô Lujza ư? tôi nói như máy. Mười hai phiếu xác nhận có tội. Cô ta bị kết án tử hình treo cổ.

“Thật khủng khiếp, Lida thờ dài cùng với sự tàn ác dã man, nhưng cô ta xứng đáng nhận án đó!

“Phút ấy có một cái gì đó đã vỡ ra trong tôi, cái sự căng thẳng hay gì đó. Vâng, tôi quát Lida do bị kích động mà tôi không hiểu do đâu, cô ta xứng đáng vì đã làm một việc ngu xuẩn. Lida ạ, em nhớ nhé, nếu cô ta bắn ông ta vào thái dương chứ không vào gáy thì cô ta có thể khẳng định là ông ta tự tử, em hiểu chứ, Lida? Và như thế cô ta sẽ được tha bổng. Em nhớ nhé, vào thái dương! Tôi đóng sập cửa lại; tôi cần tĩnh tại một mình. Và để

các ông biết, khẩu súng ngắn của tôi cho đến bây giờ vẫn nằm trong cái ngăn kéo mở. Tôi đã không cất nó đi.”

NHỮNG THỨ CUỐI CÙNG CỦA CON NGƯỜI

“Bị kết án tử hình là một kinh nghiệm khủng khiếp,” ông Kukla nói. “Tôi biết vì trước đây tôi đã trải qua giây phút cuối cùng trước khi bị hành hình. Tất nhiên đây chỉ là trong giấc mơ, nhưng giấc mơ cũng thuộc về cuộc sống như những cái khác, dù có thể chỉ là bên lề cuộc sống. Trên cái lề ấy không còn nhiều cái danh giá của mi, người ạ, không có gì ở đấy để thể hiện trong cuộc sống. Ở đó chỉ còn giới tính, nỗi sợ hãi, lòng tự mãn và vài thứ khác, những thứ mà đa phần làm cho mi phải xấu hổ. Có lẽ đấy là những thứ cuối cùng của con người.

“Có một lần tôi trở về nhà, giận dữ như một con vật. Tôi đã làm xong ngàn nấy việc, thế là tôi nằm xuống đất và ngủ như khúc gỗ. Bỗng nhiên tôi thấy cửa mở ra và một ông đứng giữa cửa, sau ông ta là hai người lính súng cầm lưỡi lê; tôi không biết tại sao những người lính ấy lại mặc quân phục kozăk*. Đứng dậy, người đàn ông lạ quát lên, anh hãy chuẩn bị để sáng ngày mai sẽ thi hành bản án tử hình anh. Anh hiểu chứ?

Đồng phục của lính Kozăk (Nga).

“Hiểu rồi, tôi nói; nhưng tôi không hiểu tại sao...

“Cái này chúng tôi không quan tâm, ông này quát tôi. Đây là lệnh xử tử. Và ông ta đóng sập cửa sau lưng mình.

“Sau đó tôi còn lại một mình và tôi suy nghĩ. Rõ ràng tôi biết: Khi ta nghĩ trong giấc mơ thì là ta lại nghĩ đây là thực hay ta mơ thấy mình nghĩ? Đây là tôi nghĩ hay là những ý nghĩ trong mơ nhỉ, cũng như ta mơ thấy những khuôn mặt? Tôi chỉ biết là tôi cố gắng suy nghĩ và đồng thời tôi ngạc

nhiên với những ý nghĩ ấy. Cái đầu tiên tôi nghĩ đến là sự hài lòng ác ý rằng đây là chuyện nhầm lẫn, rằng việc ngày mai tôi sẽ bị tử hình là do nhầm lẫn và họ sẽ phải xấu hổ. Đồng thời với cái này, sự lo lắng tăng lên trong tôi, rằng tôi sẽ bị xử tử và tôi để lại vợ và con; vợ con tôi sẽ ra sao, họ sẽ làm gì. Điều này làm ta đau đớn, như thể tim tôi chảy máu, nhưng đồng thời tôi lại thấy yên tâm vì đã lo lắng cho vợ con. Thế, tôi tự nhủ, ý nghĩ cuối cùng của người đàn ông sắp đến chỗ chết là gì! Tôi hân hạnh là ý nghĩa của tôi thuộc về nỗi đau làm cha, nó có vẻ như nâng tôi bay lên. Tôi phải kể chuyện này với vợ mới được, tôi sung sướng tự nhủ.

“Nhưng tôi bỗng giật mình: tôi nhớ ra là các cuộc hành hình tiến hành rất sớm, khi bình minh lên, vào bốn hay năm giờ sáng và thế là tôi sẽ phải dậy sớm để còn kịp tử hình. Tôi vốn không thích dậy sớm và bây giờ ý nghĩ rằng đám lính sẽ đánh thức tôi lúc rạng sáng đã làm tôi quên đi những cái khác; tim tôi rụng xuống và tôi suýt khóc thương cho số phận của mình. Chuyện này thật khủng khiếp, làm cho tôi thức dậy và thở dài nhẹ nhõm, nhưng tôi đã không kể chuyện này cho vợ tôi.”

oOo

“Những thứ cuối cùng của con người,” ông Skřivánek nói và đỏ mặt lên vì lúng túng. “Tôi có thể kể cho các ông cái gì đó, nhưng có thể các ông sẽ cho là chuyện ngốc.”

“Không đâu,” ông Taussig trấn an ông ta. “Xin ông cứ nói đi!”

“Tôi không biết,” ông Skřivánek nói với giọng thiếu tự tin. “Đã có lần tôi muốn tự sát bằng súng, và thế... nếu ông Kukla nói về cái lẽ của cuộc đời... cái này cũng là cái lẽ như vậy của cuộc đời, khi ta muốn tự sát.”

“Lại đùa rồi,” ông Karas nói, “tại sao ông lại muốn làm như vậy?”

“Vì tôi được chiều chuộng nhiều,” ông Skřivánek nói, mặt đỏ thêm lên. “Tôi, vì rằng tôi... tôi không chịu được đau đớn. Và lần ấy tôi bị đau dây thần kinh sinh ba. Các bác sĩ nói rằng đây là một trong những đau đớn khủng khiếp nhất mà người ta... Tôi không biết nữa.”

“Đúng thế,” bác sĩ Vitásek gầm gừ. “Ông ạ, tôi thấy thương hại ông. Thịnh thoảng nó có đau lại không?”

“Có,” ông Skřivánek sôi nổi hẳn lên, “nhưng giờ thì tôi không muốn... Có thể tôi phải nói...”

“Thế ông nói đi,” ông Doležal động viên.

“Cái này khó thể hiện lắm,” ông Skřivánek biện hộ. “Tất cả... cái đau đớn...”

“Người ta rú lên như con thú,” bác sĩ Vitásek nói.

“Vâng. Và khi tôi đau nhất... đêm thứ ba... tôi đặt khẩu browning lên bàn ngủ. Một giờ nữa, tôi tự nhủ, còn lâu hơn thì tôi không chịu nổi. Sao lại là tôi nhỉ, tại sao tôi lại phải chịu thử thách này? Tôi đã có cảm giác là tôi phải chịu đựng sự bất công khủng khiếp. Tại sao lại là tôi? Tại sao lại phải là tôi?”

“Ông nên uống thuốc,” bác sĩ Vitásek âm ừ. “Trigemin hoặc Veramon, adalin, algokratin, migradon...”

“Tôi đã uống những thuốc này,” ông Skřivánek phản đối. “Ông ạ, tôi đã nuốt ngần này, nên, nên không có tác dụng gì nữa. Vì rằng... những thuốc ấy đã làm cho tôi ngủ mê mết, nhưng cái đau đớn thì nó không ngủ, ông hiểu chứ? Cái đau vẫn ở lại, nhưng không phải là cái đau của tôi, vì tôi đã bị... say thuốc, rằng tôi đã mất đi chính mình. Tôi không còn biết mình nữa, nhưng vẫn biết về cái đau đớn; và thế là tôi bắt đầu tưởng rằng đây là cái đau của người khác. Tôi đã nghe thấy người khác ấy... người ấy rên nho nhỏ và than vãn; và tôi rất thương người đó... nước mắt tôi chảy ra thương xót. Tôi cảm thấy nỗi đau đớn tăng lên... Trời ạ, tôi tự nhủ, không biết người ấy chịu thế nào nổi! Có lẽ... có lẽ tôi nên bắn người ấy, để người ấy khỏi khổ! Nhưng trong giây phút đó tôi bỗng sợ... cái này không được. Tôi biết, tôi bỗng cảm thấy sự tôn trọng kỳ lạ đối với cuộc sống của người ấy, và vì rằng người ấy phải chịu đựng vô cùng...”

Ông Skřivánek bối rối lau trán. “Tôi không biết có thể tả cho các ông cái này không. Có thể nó là sự choáng váng sau khi dùng thuốc, nhưng trong khi đó nó vô cùng rõ ràng... rõ là sáng chói. Tôi đã nhìn thấy người chịu đựng và rên rỉ chính là nhân loại... là chính Con Người. Tôi chỉ là nhân chứng của sự tra tấn ấy... như người canh gác đêm bên chiếc giường đau đớn. Nếu tôi không có mặt ở đây, tôi nghĩ, thì cái đau đớn ấy sẽ vô bổ; nó chỉ là một hành động lớn lao, nhưng không ai biết về nó. Vì rằng trước đó... đến lúc đó nó chỉ là cái đau đớn của riêng tôi... tôi thấy mình khốn khổ như con dòi... nhỏ bé. Nhưng bây giờ... khi nỗi đau đã lớn lên hơn cả tôi... và với sự khủng khiếp, tôi cảm thấy cuộc sống thật lớn lao. Tôi cảm thấy, rằng...” Ông Skřivánek đờ mờ hôi lúng túng. “Các ông không được cười tôi. Tôi cảm thấy rằng cái đau đớn là... nạn nhân nào đấy. Cho nên, các ông hiểu không, cho nên mỗi tôn giáo... họ đặt nỗi đau lên bàn thờ Thượng đế. Cho nên mới có những nạn nhân đầy máu me... và những người tử vì đạo... và Chúa trên thập tự. Tôi hiểu rằng... rằng... rằng phước lành bí ẩn nào đó chảy ra từ nỗi đau của Con Người. Cho nên chúng ta phải chịu đựng, để cho cuộc sống được thần thánh hóa. Không có niềm vui nào đủ mạnh và đủ lớn... Và tôi cảm thấy là tôi đi ra từ đó, tôi mang trong mình một cái gì đó như của thánh thần.”

“Và ông mang nó thật chứ?” cha Voves hỏi với sự quan tâm.

Ông Skřivánek bỗng đỏ mặt lên. “Nhưng không.” ông nói nhanh, “về cái đó thì người ta không biết. Nhưng từ đấy... trong tôi có một sự tôn trọng; tôi thấy tất cả mọi thứ quan trọng hơn... mỗi cái nhỏ bé và cả mỗi người, các ông biết không? Tất cả đều có cái giá rất lớn. Khi tôi ngấm mặt trời lặn, tôi tự nhủ rằng cái này phải có giá của một nỗi đau khổng lồ. Và mọi người, công việc của họ, cuộc sống bình thường của họ... đều có cái giá của đau đớn. Và tôi biết rằng đó là một cái giá khủng khiếp và không thể nói hết... Và tôi tin rằng nó không phải cái ác hay sự trừng phạt, chỉ có nỗi đau và nó góp phần để... để cho cuộc sống có giá trị lớn...” Ông Skřivánek bỗng chững lại và không biết nói gì tiếp theo. “Các ông thật tốt

với tôi,” ông ta buột miệng và cảm động xịt mũi để che đi khuôn mặt ngời sáng của mình.

HẾT

Hoa Cúc Xanh

Chịu trách nhiệm xuất bản

TRẦN QUANG QUÝ

Chịu trách nhiệm bản thảo

TRẦN QUANG QUÝ

Biên tập

Tạ Viết Đăng

Thiết kế bìa

Tùng Nâm

Trình bày

Hồng Nhung

Sửa bản in

Phạm Thủy

In 1.500 cuốn, khổ 14x20.5cm tại Công ty CP in Viễn Đông (km 19+400, Giai Phạm, Yên Mỹ, Hưng Yên). Căn cứ trên số đăng ký xuất bản:

3350-2016/CXBIPH/11-107/HNV và quyết định xuất bản số 1662/QĐ-NXBHNV của Nhà xuất bản Hội Nhà Văn ngày 27.10.2016. Mã ISBN 978-604-53-7255-5. In xong và nộp lưu chiểu năm 2016.

Table of Contents

Hoa Cúc Xanh

LỜI GIỚI THIỆU

VỤ ÁN CỦA DR. MEJZLÍK

HOA CÚC XANH

MỤ THẦY BÓI

NHÀ THÔNG THÁI

BÍ MẬT CỦA CHỮ

BẰNG CHỨNG RÕ RÀNG

HỒ SƠ 139/VII, PHÒNG C BỊ LẤY TRỘM

NGƯỜI ĐÀN ÔNG KHÔNG AI ƯA

CÁC VỤ ÁN CỦA ÔNG JANÍK

KỶ LỤC

VỤ ÁN SELVIN

NHỮNG DẤU CHÂN

TỜ PHIẾU

KẾT CỤC CỦA OPLATKA

PHIÊN TÒA CUỐI CÙNG

TỘI ÁC DƯỚI MÁI NHÀ QUÊ

VỤ DIỄN VIÊN BENDA MẤT TÍCH

VỤ ÁM SÁT

NGƯỜI TÙ ĐƯỢC THẢ

TỘI ÁC Ở BƯU ĐIỆN

CÂY XƯƠNG RỒNG BỊ LẤY TRỘM

CHUYỆN CỦA MỘT TÙ NHÂN GIÀ

ÔNG HIRSCH BIẾN MẤT

CHINTAMANI* VÀ NHỮNG CON CHIM

TÊN TRỘM KẾT VÀ TÊN ĐỐT NHÀ

CÔ NÀNG ẢO TƯỢNG

CHUYỆN CỦA NHẠC TRƯỞNG KALINA
CÁI CHẾT CỦA NAM TƯỚNG GANDARA
MỘT GÃ LỪA TÌNH
BI HÙNG CA VỀ JURAJ ČUP
CÁI CHÂN BỊ MẤT
CĂN BỆNH CHÓNG MẶT
NHỮNG LỜI XUNG TỘI
PHIÊN TÒA CỦA ÔNG HAVLENA
CHIẾC KIM
NGƯỜI ĐÀN ÔNG MẤT NGỦ
BỘ SƯU TẬP TEM
MỘT VỤ GIẾT NGƯỜI BÌNH THƯỜNG
VỊ BỒI THẨM
NHỮNG THỨ CUỐI CÙNG CỦA CON NGƯỜI